



Bìa thơ HHEBOOKS (2012)



Phụ bản đặc biệt : Bìa Thơ Hoàng Hưng (Trần Thiếu Bảo vẽ năm 1982)

**THƠ HOÀNG HƯNG 1961 – 2005
& NHỮNG BÀI VIẾT VỀ THƠ HOÀNG HƯNG**

(Chọn)

THƯA BẠN ĐỌC

Bảy mươi tuổi, cái tuổi có thể tổng kết cái gọi là “sự nghiệp” một đời, cũng có thể mở ra một đoạn đời mới theo cách ở đâu đó người ta gọi bảy mươi tuổi là “bảy mươi năm đầu tiên của đời người”! Với Nàng Thơ, thì ở tuổi này bị Nàng gút-bai là cái chắc. Nhưng ai cấm mình ngoan cố, ai cấm mình tư tưởng, ai cấm mình hy vọng?

Vậy thì, việc tập hợp những bài thơ làm được trong 45 năm sung sức nhất (1961-2005) có thể mang dụng ý “sơ kết” đoạn đời đầu tiên hay “tổng kết” cả đời, còn tùy!

*“Nước mắt một đời
Đổi một dòng hư ảo thế thôi”*

Dấu sao, hư ảo này cũng rất thật một kiếp sống đầy ngang trái, nghịch lý, đại khôn, tin yêu và thất vọng, khát khao và bất lực, *phát điên vì không nói được rồi lại ước mong lắng lặng tan ra thành lời...*

Hoàng Hưng, giữa tuổi 70

THO 1961-2005

ĐẤT NẰNG

TIẾNG HÁT NGƯỜI CHĂN BÒ

Sương đã dựng hồng
Cỏ non lấp loé
Bò đi ăn nhé
Đồng xanh mênh mông.
Này chú bò vàng
Đừng đi ăn lúa
Này bê em chớ
Luồn vào vườn lang
Đôi bãi thênh thang.
Lên đồi Bản Kéo¹
Đồn thù tan tành
Xuống bãi Mùng Thanh²
Mìn thù đã gỡ
Bao nhiêu hào hổ
Cũng lấp cả rồi.
Bò ơi tung vó
Rộn rã núi đồi
Đất vui đất nhảy
Theo bò bò ơi.

Đã nguội lửa bom
Mầm non đã mọc
Ngọt ngào cỏ mật
Cỏ gianh mỡ màng
Nhựa xuân căng tràn
Bò ăn cỏ ngọt
Bò uống nắng xuân.

Ơi bò tung tăng
Hay lòng náo nức
Hay xuân rạo rục
Hay đời lâng lâng.
Ơi anh dưới đất
Có nghe rộn rập
Nhịp chân mùa xuân?

Điện Biên 1961

¹ Địa danh nổi tiếng trong chiến dịch Điện Biên

² Địa danh nổi tiếng trong chiến dịch Điện Biên

MÙA ĐỐT RÃY

Lá non, nắng mới vàng tơ
Bồn chồn *chót bốp*³ giục mùa phát nương
Kìa hoa gạo đã đỏ đường
Như ai đốt rẫy, lửa vương lưng trời

Mường La 1962

³ Loài chim ở vùng miền núi phía Bắc, tên gọi theo tiếng chim - thường nghe thấy vào mùa phát nương (khoảng tháng 3)

THƯ TỪ VÙNG KHAI HOANG

Rừng rậm hoá quê ta rồi mẹ ạ
Có ruộng có làng có trống chèo đêm.
Chỉ thiếu đâu thêm bóng cây nhãn ngả
Chúng con chờ hạt giống mẹ mang lên

Mường La 1962

GỬI ANH

Anh đi rồi em nằm giữa đêm sâu
Nghe cành nhãn quệt lá vào cửa sổ.
Buồng bên cạnh cha cũng chùng chưa ngủ
Thao thức mùi khói thuốc bay sang.

Mấy anh em xa nhà vẫn thương anh nhất
Cũng tự hào trước nhất vì anh.
Khi đất nước đang sục sôi đánh giặc
Anh ở tiền phương thay mặt cả gia đình.

Cách xa anh một tháng đường thư
Em thường dõi hướng anh đoán chừng chiến trận.

Bỗng hôm nay đột ngột anh về,
Cha gỡ kính ra lau, ngón tay già run mãi,
Anh cởi chiếc ba-lô đầy cát bụi
Mắt tìm chiếc ghế thân quen.

Em nhìn anh thương từ mỗi dáng đi
Mỗi chiếc lá mang về từ tiền tuyến.
Công tác gấp ghé thăm nhà vài tiếng

Đủ thì giờ kể ít chuyện nhà nghe.
Trong chuyện anh có bao nhiêu hình ảnh
Những pháo thủ tân binh những bà mẹ anh hùng,
Em cảm thấy đằng sau bao chuyện
Một cái gì hơn những chiến công.

Không kịp ngả lưng trên giường tuổi nhỏ
Anh lại ra đi. Đồng đội đang chờ.
Em một mình nằm nhớ những ngày xưa,
Cứ hồi lúc gần chưa biết thương nhau nhiều nữa.
Mẹ không còn để gói cho anh nắm cơm nếp đỗ,
Vụng về em già tạm cõi vừng.
Anh đi rồi, mùi thơm mãi băng khuâng...

Hà Nội 1965

GỬI CẢNG

Những dây xích dầm mình trong nước mặn,
Những chạc buồm rã rác gió khơi
Và những đoàn xà lan nối đuôi nhau xuôi ngược
Chờ mùa vui nối tiếp mùa vui

Phố Cảng ban mai gió vào mở cánh
Phố Cảng về khuya tiếng còi sâu và khỏe
Như giọng trầm từ lồng ngực chàng trai

Có thể rồi ta hy sinh tất cả

Con sông vàng dầu hoa năm sắc tuổi thơ,
Một bờ sông tiễn đưa
Mà hy vọng cứ sa bồi thêm mãi

Có thể rồi ta hy sinh tất cả

Những đường phố rào rào ong năm tháng,
Dòng sông không ngớt tiếng tàu đi
Nhịp búa vui như sấm mùa hè

Có thể rồi ta hy sinh tất cả

Ngôi nhà những sớm tinh mơ
Ta nằm nghe những tiếng từ xa tí
Những tiếng ngày mai dậy niềm khao khát
Thấy lòng mình như sắp sửa ra khơi

Có thể rồi ta hy sinh tất cả

Nhưng tất cả rồi ta xây dựng lại
Đàng hoàng và to đẹp hơn xưa.
Những cột buồm ngày mai
Vẫn nhú lên sau mỗi cơn bão biển
Những niềm vui con thuyền bình minh chờ đến
Ta không đủ sức hát nên lời.

Hải Phòng 1966

BẾN GÓT⁴

Mái ngói thâm nâu hàng dương xanh mốc
Con đường nổi muối bạc chân đi.
Bến Gót vắng người, làng buồm giờ chắc
Đang bắt khơi ăn gió bốn bề.

Bãi cát dài nghiêng chiều đón đưa
Không dấu chân đợi chờ trên ngân cát
Con gái và con trai Bến Gót
Đưa tài trên lớp lớp sóng xô.

Từ buổi con cá về thắm máu
Biển xanh càng giục giã lòng người,
Phản lực khôn ngăn bắc nôm hai vự
*Quầy*⁵ lật lên: công sự nổi ngoài khơi

Buồm buồm đi vết cá sao trời,
Khi hoàng hôn chui vào lòng dãy đảo
Để lại biển ngập trong kỳ áo
Như phản quang muôn bãi cá xa vời

Thì Xóm Gót không ở trên Bến Gót
Như gió mùa không ở ngọn hàng dương.
Một cánh buồm đẹp như biểu tượng
Đưa tôi đi tìm làng nổi kiên cường

⁴ Bến thuyền ở đảo Cát Hải, Hải Phòng

⁵ Nấp đáy khoang thuyền

CỬA SÔNG

Gió cửa sông
Mây cửa sông
Con tàu đi qua chân trời
Cô gái cửa sông – đảo hoa dẻ
Mùa hải âu, mùa én khơi

Con tàu đi như không đi
Đảo cát lặng yên chuyển chỗ
Không nói đau thương – nén lòng bão tố
Ở mãi cùng ta những ai không về

Có gì mệnh mang như cửa sông?
- Nỗi buồn
Có gì cuộn cuộn như cửa sông?
- Hòn cãm
Có gì vời vợi như cửa sông?
- Nỗi nhớ
Có gì thăm thẳm như cửa sông?
- Niềm tin

Gió cửa sông
Mây cửa sông...

Cát Hải 1967

ĐÊM TRÊN TRẬN ĐỊA PHÁO

Gió thổi qua chân rạ,
Trận địa giữa đồng.
Tiếng cô gái hát trong đài bán dẫn,
Lửa bập bùng mặt người chiến sĩ phòng không.

Lửa từ xác chiếc máy bay đang cháy,
Tiếng hát ai hát tự một vùng quê.
Cầm tựa trên nòng pháo
Người lính trẻ say mê.

Khuôn mặt anh lúc chìm sâu trong tối,
Lúc nhô ra qua vệt lửa sáng bùng.
Đâu dấu vết trận giao tranh dữ dội?
Đâu dấu vết chiến công?
Chỉ một niềm xúc động mênh mông
Hòa tan về mặt
Trong ánh lửa hồng.

Mà tiếng hát sao rung động quá,
Dường như đang ca ngợi chính anh.
Dường như chính khuôn mặt kia đã dấy lên cảm hứng
Cho bài ca xa xăm.

Còn ngọn lửa cứ vô tư nhảy nhót
Không hiểu hết mình,
Không biết mình thấp lên chiến công thứ bao nhiêu nữa,
Chỉ muốn nâng cao tiếng hát, mặt người cho đến bình minh

An Dương 1967

MÙA MƯA

Bùng hoa gạo như niềm vui đột ngột
Tiếng sấm xa cơn mưa chạy trên đầu,
Cây rung mình lật lá trắng phau.
Mùa mưa mùa mưaà nghe lòng mát lạnh.

Những đoàn người ra đi đầu mùa tạnh
Gặp mưa rùng ở giữa Trường Sơn
Chắc đang reo cười, ngửa mặt uống từng tia nước lạnh
Nước mưa tràn trên da thịt: Quê hương!

Em ở giữa đoàn người sung sướng ấy
Có nhớ chẳng mùa hoa gạo sau lưng
Tháng ba ven đường hoa gạo nở
Báo mưa rồi hoa rụng xuống đồng.

ĐI TÀU ĐÊM

Sống lại con đường sắt
Tuồng bị lãng quên trong cỏ dại mùa hè
Đầy bom từ trường, bom nổ chậm, bom bi,
Xa nghe tiếng còi có người ngơ ngác.

Lại được thở mùi ruộng đồng tiếp nối,
Mùi không gian siết vội trong đêm,
Lại những mặt người lạ lạ quen quen
Phút gần bó như cùng chung vận mệnh.

Ghế bên
Bà mẹ ngả mình
Cho con bú
Trật hai bầu vú.
Tiếng tóp tép ngon lành,
Tiếng con tàu lao nhanh.

Cả toa tàu hướng về phía ấy
Nơi bầu sữa căng đầy và gương mặt trẻ thơ
Sáng lên giữa bóng đêm mờ
Và tôi hình dung những nụ cười
Xóa đi bao vết hằn nhọc mệt.

Khi con tàu bình yên tới đích
Không ai tưởng
Chính mình
Đã vượt
Những quãng bom rình
Những cung đường nát.

Trên ngực mẹ, bé em tỉnh giấc
Nhoèn cười giữa con tàu vừa đi qua đêm.

Hải Phòng - Hà Nội 1968

NGHE ĐÀN BẦU TRONG XE XÍCH

Xe xích nằm trong bóng tre
Như con trâu lớn buổi trưa hè.
Phút ngưng trệ xe nằm thở khói,
Những miếng bùn se trên xích xe.

Anh bộ đội cổ quần khăn dù,
Đặt chiếc đàn bầu trên sạp sắt,
Chân giữ đế đàn, tay cần buông bắt
Lựa một cung quen.

Từ thẳm sâu một âm thanh rất căng
Vọt lên, thắt ngang bầu nắng.
Không gian mở hết mọi chiều.

Tiếng đàn bầu
Một xóm nhỏ mái nghèo,
Một cánh đồng vất vả cuộc bầm cày sâu
Từ đó anh bước vào cuộc chiến tranh hiện đại
Móng chân còn sậm sắc bùn.

Tiếng đàn bầu
Những buổi trưa ngọt vàng trái chín,
Hiền lành bóng mát lưng trâu,
Rung rinh niềm vui thắm trong lá.

Tiếng đàn bầu
Một nỗi đau như lửa
Cháy mãi lên từ túp rạ trúng bom.

Tất cả dồn theo nhịp nhún.
Trưa bỗng vỡ thành thác trắng
Vừa rung lên vừa cuộn đổ dạt dào.

Anh chiến sĩ ngừng đàn,
Sạp sắt vẫn ngân vang.
Lát nữa đây, tên lửa anh lên xé trời đuổi giặc
Đường đạn thẳng căng
Như một âm thanh mới
Của cây đàn bầu diu dặt ngàn năm.

Đồng Dục 1968

TIẾNG MƯA

Sau báo động bỗng ồ cơn mưa lạ
Trời hồn nhiên như con trẻ reo đùa.
Cây trước ngõ nhà em vừa xém ngọn
Bỗng rào rào dường nảy lá trong mưa.

Mưa vang giòn như bạc chảy trời xanh,
Mưa rung rinh trên mặt sông sóng dấy.
Em rửa gót bên chiến hào nước đầy
Em là hoa của đất mẹ yên lành.

Ôi mặt đất đầm đìa cơn mưa trẻ,
Ôi vẻ đẹp của em luôn mới mẻ.
Kháng chiến ngày đầu đem áo nhuộm rêu,
Bó sách lại gọn gàng lên bộ pháo.
Mấy năm qua kẻ thù càng hung bạo
Áo trắng em lại nở trong chiều,
Sách lại mở giữa giờ trực chiến,
Lòng em giàu thêm biết mấy tình yêu.

Tiếng súng quen nghe chẳng còn náo động,
Đã bình thường đánh Mỹ việc đời ta.
Này tiếng mưa cuộc sống thật bao la,
Ôi cuộc sống trong ta không gián đoạn.
Cây lại mọc ở nơi cây sả đạn,
Cầu ở nơi hằng nhịp lại vượn dài,
Đèn lại sáng phòng em mất điện
Ấm ngọn dầu soi những hạt mưa rơi.

Mưa mưa mưa, mở cửa đón mưa vào,
Mưa mưa mưa, phòng ta thành bát ngát.
Anh nắm bàn tay ngón dài dịu mát,
Anh nhìn đôi mắt in mọi buồn vui,
Ta nói chuyện đi xa lòng rạo rức
Nhìn bụi mưa phủ mượt tóc em rồi.

Tiếng ai cười khúc khích dưới vòm cây,
Xe kéo pháo trong mưa đi hút nỏ.
Mưa đã im, mặt đất còn lạnh lạnh
Lạch trước nhà nao nức muốn thành sông

Hải Phòng 1968

MỘT QUẢNG ĐƯỜNG THANH HÓA

Khói bom đã tan trong đêm ẩm ướt,
Chỉ còn tàn lửa rùng thông.

Vó ngựa rập rình men những hố sâu,
Đã cảm thấy cầu Hàm Rồng trước mặt.

Ngồi bên tôi những bóng xù xì:
Anh bộ đội đã chia tôi chiếc hầm cá nhân giữa giờ bom đạn,
Bà mẹ già tôi đã dắt chạy qua pháo sáng,
Tôi chưa biết mặt cô gái vừa lên.

Bởi xe xóc mà chúng tôi dồn lại
Hay bởi mùi nhựa thông bị đốt
Hay bởi đêm cao vợi lớn lao
Ôm trùm chúng tôi trên quảng đường kháng chiến.

Cô gái thì thào một điệu hát vui
Đã cảm thấy cầu Hàm Rồng trước mặt.

Bỗng nao lòng trước lúc chia tay
Những người cùng tôi mới vài giờ quen biết:
Anh bộ đội, bà mẹ già, em gái,
Và bác đánh xe – với bác tôi đâu chỉ khách hang,
Cả con ngựa đang rùng mình chậm bước.

Mai đây có ai sẽ hóa anh hùng?
Ai ngã xuống mà trong nhau vẫn sống?
Những người cùng nhau đêm nay
Đi giữa một vùng tên nghe vang động.

Bài hát vui cô gái hát thành lời
Hàm Rồng đây – đêm dậy mùi sắt thép.

1965-69

RẠNG ĐÔNG

Một tiếng vỗ cánh trong đêm tan,
Lá thoáng rợn, lật qua chiều gió mới.

Rạng đông xoè quạt
Rung rinh nghìn sắc trên tường vôi cũ xưa.
Không nghe nữa tiếng bom
Đào giữa thời gian những hố thẳm khôn cùng.
Rạng đông tin yêu
Dem giấc mơ đêm nôi vào ngày mới.

Lại về cùng ta ban mai tinh khiết,
Chân trời thức dậy,
Bông huệ mở vòm hương,
Làn cỏ ướt sương và hơi tà áo mát.
Ban mai êm ả của ngày thường
Tiếng trẻ u oa, tiếng kẹt cửa gió vào, tiếng guốc đầu tiên.

Lại những phút sang ngày rạo rục
Nghe cuốc xẻng lạnh canh trên đồ nát
Chọn gạch hồng mà đón nắng lên.
Tóc ai xanh tươi mát quãng đường liền,
Chân ríu rít nôi thời gian vội vã.

Nhưng sau những nghìn đêm rực lửa
Ngôi sao mai hôm nay rung động khác xưa nhiều,
Sắc ngói đậm hơn,
Con tàu nặng đằm sâu trong biển lớn,
Trời xanh hơn trong những chuyến đi.
Vẫn lòng ta yêu cuộc sống say mê
Nhưng tha thiết bao nhiêu
Giọt nắng mới long lanh ô kính vỡ,

Giục giã bao nhiêu những đoàn tàu ra trận
Khói đập giữa bờ cây,
Những cô gái tiễn người thân trở về bên nhau trò chuyện
Đi qua ánh phượng hồng da tay.

Có rặng đông nào thao thức như sớm nay
Tim ta đập trước tầm trời rộng quá,
Hồn ta như cánh cửa
Không sao yên khi gió đến chân trời.

Hải Phòng 1969

NĂM NAY MÙA HẠ

Em ơi về đây quả bứa đã vàng,
Cành lá xanh như khói vờn trong nắng,
Gió thổi suốt đêm trên đường phố nóng
Thành phố mùa hè, tháng năm, tháng năm.

Cây phượng trước nhà nở hết mình hoa
Hoa đỏ giữa tầng bay khói trắng,
Hoa đỏ giữa tiếng ve kim loại
Mới vào mùa hè đã thiết tha.

Ta bóc gỡ mảng bê-tông rách nát
Cho máy ta lại gập đêm nay.
Trăm ánh lửa cười trong ánh mắt
Mũi chạm hơi dầu trên ngực áo bàn tay.

Gió đã nồm rồi em ơi về đây
Đêm nghe cá đặc cả lòng biển thẳm,
Thuyền đến thuyền đi, lướt êm như mộng,
Những cột buồm sao đậu, sao bay.

Khi em đi thành phố còn trẻ lắm
Ngực con tàu vừa chạm cửa sông.
Bao dự kiến, ước mơ, hy vọng
Lửa điện hàn vệt rọi đến mệnh mông.

Mùa hạ đầu tiên rung trời sủng nỏ
Kháng chiến mùa hè thành phố như nung.
Nắng chảy trên nóc nhà công sự,
Nắng chảy trên mũ sắt phòng không.

Cháy trong lòng bao nỗi nhớ niềm căm
Nhớ cả bụi bay tiếng còi tâm ủ,
Nhớ lũ trẻ, tiếng ve làm khó ngủ,
Nhớ em, lồng lộng gió nồm nam.

Năm nay hạ về, đời tựa trái cam
Sau lớp vỏ rám khô giữ nguyên lòng mát ngọt.
Đời lại dựng xây, ngút trời khói trắng
Khói như còn bay cao hơn xưa.

Cây phượng già nứt nẻ nắng mưa
Cứ xanh mướt như mùa đầu biết trẻ,
Nỗi khao khát cứ vẹn nguyên như thế
Nực cả trời, cháy rục ước mơ.

Hải Phòng 1969

NGỰA BIÊN

Một màu xanh không nói được nên lời,
Chùm hoa phượng nở muện màng tháng chín
Như dư âm buồn của những ngày vui.
Một bóng dáng đi về trên phố cảng
Qua tháng ngày sông Lấp nước không trôi.
Một năm, năm năm hay mười mười lăm năm nữa
Sắc đỏ vẫn vô tình
Và trời xanh hải cảng
Một màu xanh không nói được nên lời

Hải Phòng 1966

NGƯỜI YÊU MIỆT BIÊN

Đồng cối đầy trăng em ơi

đồng cối

Nhưng em đã bay đi như cánh vạc
Để rợn vàng đồng cối trăng rơi.

Bãi dài ngập nắng em ơi

bãi nắng

Nhưng thịt da em rắng chiều vụt tắt
Cát không màu khép dưới bàn chân.

Triều dâng sóng trắng em ơi

sóng nở

Nhưng đến trước ngực ta sóng vỡ
Bọt tan sôi réo lòng chiều.

Lưới thu đóng bạc mình thu em ơi
Mắt em nhìn ta qua lưới thưa
Xa lạ như là con mắt cá
Sắp quẫy vào lòng biển sâu

Đồ Sơn 1969



Phụ bản 1: Hoàng Ngọc Biên

Em bỗng chín đỏ như trái cây chạm mặt trời mùa hạ
Trái cây hoang dã
Vùng biển nâu

Em chín đỏ
Mà không sao hái được

Rồi em sẽ rụng nằm trong cát
Bóng rầy mặt trời hoang

Bảo Ninh 1972

NGỰA BIÊN

Ba năm rồi từ phút gặp em,
Phút rùng mình khi chạm phải tiếng cười em trắng muốt,
Đêm về chập chờn dáng em nhảy nhót

Em là một thân cây căng thẳng
Tự lên hương trong buổi đêm canh
Sức cây uốn rào rào lá gió,
Em là con ngựa non thon vó
Giữa rừng người hoang vu

Em là gió biển đổi thay
Thay đổi mà luôn nồng mặn
Em thông minh em đại ngậy.

Nhưng anh ôm mặt quay đi
Anh đê chặt những cơn lòng thức dậy.
Em đến và anh sợ hãi.

Có một ngày hoa lựu trắng
Có một đêm lưa thưa đôi giọt rượu trời vắng.
Gió biển gặp vai em
Khói bụi thành đuôi tóc.
Bật tiếng cười phút hoang mang nhất.

Vải mát mềm đêm anh,
Em bay nhảy bên anh lặng lặng.
Anh trao em rồi rắm
Vào ngón tay em
Em không gỡ
Em bật thành ngân nga

Đừng mong chờ ai hiểu,
Giải bày làm chi.
Em ơi cười đi.

Những hành lang sẫm tối sờ tay,
Những con đường cỏ may ống quần,
Những giọt nước trầm trầm chân vệt,
Những trời Mèo lá hát đêm yêu

Em khắc khoải toàn thân lửa múa,
Em êm êm tỉnh nhỏ mắt thâm,
Em cuộn cuộn còi ca nắng biển,
Em thềm yêu ngực gày mi thâm

Ai bảo em tô môi trước tuổi,
Ai bảo em mặt trời hoàng hôn,
Ai bảo em da trắng nhẽ nhạt
Ngực em bày chật một ô buồn.

Em ơi đừng mặc áo vàng.
Em mặc áo vàng
Biển động, sóng trào dữ dội.

Em ơi đừng mặc áo trắng.
Em mặc áo trắng
Sóng quật mình tung đá ghèn.

Em ơi đừng mặc áo đỏ tươi.
Em mặc áo đỏ tươi
Sóng đỏ nhào, biển động mãi không thôi.



Phụ bản 2: Hoàng Ngọc Biên

MƯỜI BÀI THƠ NHỎ TẶNG MƯỜI

1

Đêm nay mưa tầm tã em ơi
Anh đi đón em mà chẳng gặp.
Có phải em muốn tránh mặt anh không?

Nếu em biết em mang đến cho anh những gì
Tuổi ba mươi buồn như bồ rác cũ,
Những ngày mưa trong ngôi nhà tàn tạ
Anh như con thú lồng lộn trong nỗi cô đơn.

Nếu em biết em mang đến cho anh những gì
Khi anh đi trong đêm và thấy mình trẻ lại
Với những vui buồn bấp bênh hồ nghi xao xuyến,
Cả đêm mưa chợt đổ xuống đầu anh nhưng anh không cô độc
Vì anh đã có một nơi để mà thiết tha
Để mà trách móc
Để mà thâm hện hò.
Mưa mưa giăng đầy dự cảm không gian đôi ta

Nếu em biết em mang đến cho anh những gì
Khi em chỉ mới lướt nhìn anh
Cái nhìn khó hiểu
Cái nhìn treo anh lơ lửng
Ngây ngất đi tìm đi đón đường em,
Đi đón đường em mưa rơi tầm tã.

Đừng trách anh em hỡi
Vì anh bỗng tin vào số mệnh,
Anh sợ những rủi ro ngẫu nhiên chia lồi hai ta.

Nếu em biết em mang đến cho anh những gì
Em sẽ nghe tiếng mưa thâm thì lời anh
Nếu em biết

Đêm tháng 9 năm 1974

2

Anh vụng về lắm phải không em?
Em cứ cười anh đi, cười anh đi
Vì anh cũng tự thấy buồn cười
Cái anh chàng ba mươi
Biết bao nhiêu điều mà vẫn ngốc.
Em từng có một tuổi thơ hạnh phúc
Có cảm thông chẳng những cuộc đời không có tuổi thơ
Mất mát tự thủa xưa không thể nào bù đắp.

Anh vụng về lắm phải không em?
Em cứ giận anh đi, giận anh đi
Nhưng đừng ghét anh mà tội nghiệp
Vì đứng trước em anh chẳng biết nói gì.
Anh chỉ có một tấm lòng và chẳng biết giấu che
Anh có một trí khôn, em đến và em lấy mất!

8/9/74

3

Rồi một ngày anh gặp em
Vàng rực bờ biển nắng

Em mới hiểu rằng em là biển
Bao nhiêu năm sóng thầm réo trong mình

Anh mới hiểu chính em là biển
Bao nhiêu năm anh tìm

Những bắp thịt săn của sóng
Đánh vào ta nồng nàn,
Muối mặn ngấm vào rục máu
Trái tim bắt đầu hoang mang

Rồi giấc mơ anh ngập biển
Vụt kinh hoàng bóng em tan biến,

Và giấc mơ em ngập biển
Ngượng ngùng để anh nắm tay.

Nắm tay nhau nhảy tung ngọn song,
Nắm tay nhau ngụp lặn thủy triều,
Em sặc nước rồi anh sặc nước.
Tỉnh dậy một mình đầm nước mắt
Thôi chúng mình đã yêu!

21/9/74

4

Đôi ta trước tình yêu như vực thẳm
Ôm ghì nhau kéo chóng mặt em ơi!
Những giây phút thiêng liêng em nhớ lấy
Anh và em làm một với nhau rồi!

Em nhắm mắt. Anh biết em sợ hãi
Không gian yêu thăm thẳm ngợp vô cùng.
Em có thấy toàn thân Anh run rẩy
Khi đỡ em bay vào không trung?

Đêm 21/9/74

5

Tại sao em không nói?
Tại sao em kêu khe khẽ như trong mơ?
Tại sao em rên như con thú bị thương?
Tại sao ngực em dòn dập thế?

Anh muốn đi ngược hơi thở em nóng bỏng
Vào tận hồn em vào tận hồn em.
Ôi có điều gì làm em sợ hãi
Khi em ngồi bên anh
Khi em trong vòng tay anh ghì chặt?

Còn có điều gì em phải tiếc thương
Khi trao thân cho tình yêu
Nộp mình cho số mệnh?

Khóc đi em cứ khóc
Nước mắt em anh sẽ uống cạn khô.
Cái gì chờ đợi chúng mình
Dù đen tối
Em ơi
Đừng sợ nhé!
Trước Tình Yêu vực thẳm
Đôi ta
Ôm chặt nhau.

4/10/74

6

Đêm qua anh ngồi bên tóc em
Nói nói những lời không có nghĩa

Đêm qua anh ngồi bên tóc em
Hát hát những bài không đầu đề

Và tóc em xao xác như cả mùa thu

*

Đêm qua đôi môi em cho anh rượu và hoa
Đêm qua đôi môi em cho anh trái cây và muối
Đêm qua đôi môi em cho anh mật ong và lửa
Đêm qua trên môi em anh đây
Đêm qua trên môi em anh chín

4/10/74

7

Ước gì anh tả được
Mặt em trong lúc yêu

Trận gió nào cuốn mặt em lên cao thế
Và tóc rối bời khiến anh điên dại
Miệng em mím, hé, cửa lâu đài trắng muốt
Mắt, mắt vụt đầy đêm trong thâu thăm xui người tự tử mê man

Em như cánh đồng cỏ dại cuộn cuộn trong đêm lửa chạy,
Em như bê non tội nghiệp nép mình rên,
Em như biển vật vã đòi yêu,
Như bãi phẳng im lìm hút từng sóng mặ.

Tình yêu ơi, sao người làm biến dạng em ta
Làm trào hết vẻ đẹp của em lên hồn hèn
Như viên ngọc được lửa nung đỏ rực
Vừa nguội dần vừa chiếu ra những ánh sắc lạ kỳ
Không thể tìm thấy vào phút khác.

4/10/74

8

Chia tay em rồi
Anh trở lại căn phòng lạnh lẽo.
Anh rất nhẹ để không ai thức dậy phá vỡ lằng lằng người anh.
Anh trùm chăn giấu kỹ hạnh phúc
Gói vào mơ

Mùa thu năm nay đêm nào cũng đẹp.
Với em anh qua phố phường thân thuộc, ngạc nhiên bao xúc động ban đầu
Tất cả đều dấu hiệu Tình yêu.
Một hương bay một sương cây một tắm cá một rụng lá
Và cỏ mềm đất ẩm và đôi khe rừng tưởng tượng chúng mình như trẻ nhỏ dung
dăng
Đi vào kỳ diệu thấy tất cả mặt cười.

Em ơi đừng nhớ mưa dầu nắng gắt,

Đừng trữu lòng đừng day dứt em ơi.
Mùa thu năm nay đẹp lắm
Những góc cây long lanh vô
Giây phút đầu anh được thấy em.

7/11/74

9

Chiều nay anh thấy một người mù
Từ ngõ tối bước ra
Mặt nghênh nghênh như muốn tìm chỗ dựa
Bên trên những huyền não thị thành

Người hàng xóm hôm qua còn hai mắt sáng
Anh vẫn gặp, người chào anh bằng mắt.
Tai họa nào bỗng giáng xuống cho người
Chỉ một đêm số phận liền quay ngoắt?

Em có biết lòng anh khi ấy tối xảm
Những giây phút huy hoàng biết lúc nào chợt tắt?
Trong hoang mang còn lại một niềm tin:
Trên đời này chỉ đôi mắt em là sáng trong mãi mãi

10

Đêm qua anh thấy mặt trăng đầy
Bụi trăng rơi đầy những tầng cao,
Mặt đường đầy như mặt biển
Và má em áp chặt lưng anh.
Anh không quay lại
Nhưng biết trăng đầy đôi mắt ấy,
Hàm răng ấy,
Tiếng cười ấy.

Sáng nay chúng mình mặc áo mới

Anh viết dòng này khi nắng đang lên

Và anh còn ngỡ ngàng:

Đêm qua trăng gần như thể

Thịt da em

2/12/74

Mất rồi
Mất rồi
Con đường bụi đỏ,
Chuyến xe đông người,
Nắng dần chạy vào đôi vòm lá thẫm.

Mất rồi
Mất rồi
Em ở đâu
Con đường ngong ngóng,
Đứa trẻ hươ tay.
Anh giữa chợ
Nghe mà không hiểu.
Tìm một trái cây lạ
Có em trong đó

Xa xa
Có lẽ một dòng sông,
Một đình nhà thờ,
Gió.
Xa lắm rồi
Cầu mong đừng gặp lại.
Anh về bụi đỏ tìm em

Giữa những loài hoa không biết tên,
Giữa những con đường không biết về đâu,
Giữa ba dốc gió
Em hiện ra.
Anh bỗng thấy lòng run theo từng lá
Và chậm chậm chìm vào giấc ngủ ngày
Của con đường đất đỏ hai bờ cây
Vườn xanh sương khói.

Muốn nhắm mắt thật lâu
Để đọng phút dịu dàng trên da tay,
Sợ nó biến đi như tình yêu
Của em.

Chẳng bao giờ
Vườn trái
Lái Thiêu
Tình yêu
Mộng dĩ

Xin một ngày thôi,
Xin một đêm
Đừng xin thêm một giờ.

Mùa trái cây tàn rồi
Đất trời mừng mừng nước.
Mênh mang vườn mưa
Bao giờ đến được.

Lung linh trái mặt trời
Tiếng cười trong khóm lá

Có bao giờ
Dù chẳng bao giờ
Xâm xập mưa
Vĩnh biệt

MƯA RÀO VÀ TRẺ NHỎ

Tặng anh Văn Cao

Phút chốc mặt đường rửa sạch
Và bị trẻ con chiếm lĩnh.
Từ các nhà, các ngõ ùa ra
Trận mưa thứ hai
Mát tươi đường phố

Trần truồng, đen nhãy
Các em chạy nhảy lăn bò.

Không còn bóng người lớn,
Không còn vết bánh xe bụi bặm bước chân chen chúc.
Chỉ các em với trận mưa to.

Hứng thẳng nước tự trời cao mà gọi những mái đầu hoang dại
Tiếng các em la hét và tiếng mưa như trống như chuông.

Mưa lạng bất ngờ như mưa sa
Các em cũng biến đi tất cả
Trả lại mặt đường cho những người hồi hải đua chen.
Và bây giờ thân mình nhỏ nhắn của các em
Đang lạng lẽ bốc hơi từ những góc nào kín đáo.

Hải Phòng 1969

TỈNH GIÁC Ở HÒN GAI

Thốt tỉnh. Bây giờ là mấy giờ đêm?
Oi ả quá. Sóng không buồn vỗ.
Sà sà mảng núi ngang đầu
Trắng bệch màu mây mệt mỏi.
Vụt đứng dậy. Bồn chồn kinh hãi.
- Sáng mau đi! Đá sập đến nơi rồi!

1969

Đường phố hôm nay mùa đông
Sao áo em mùa hạ?

Những sọc áo xanh cuộn sóng
Em mang trên ngực biển đầy

Biển những ngày hè đẹp lắm
Ngày nào tìm biển ta say

Nhưng mùa hạ đã ra đi
Chân trời xa không ngân nắng

Sao em còn mang áo mỏng
Có còn mùa hạ nữa đâu

Sao em làm lòng ta đau
Nhớ ngọn lửa hè đã tắt

Chắc biển ngoài kia cũng xám
Lạnh co những sóng rộng dài

Ngực em cao làm tức ngực
Hãy chôn dưới lớp áo dày

Đường phố hôm nay mùa đông
Hãy để mùa hè yên nghỉ

NGÔI NHÀ HỌA SĨ

Tặng Thọ Vân

I

Túi ngỗ sâu
Nắng và tiếng động.

Người họa sĩ cười trần.
Màu sắc trong tranh như chùm bóng
Kéo anh bay lên

Nhưng nặng quá, vì anh tốt bụng
Và tôi thấy anh bơi
Giữa những bờ tường gấp khúc.

Qua chiều dày thành phố
Anh cảm thấy biển khơi

Qua chiều dày đời người

II

Hoa cúc vàng xù ướt
Như gà mái ngủ trong mưa

Gà trống trên tường đánh nhau
Lông máu bay lòe chạng vạng.

Cây vông chưa kịp cao
Đã theo mùa rụng lá.

Bạn tôi nặng nề, chậm chạp
Tóc rũ triền miên một giấc mơ ngày

Bàn tay dày nghe lá giò lan
Bao giờ lan nảy nụ?

Trên trang giấy, đứa con trai nhỏ
Thò lò mũi, bôi màu nguệch ngoạc
Bỗng nở sắc hoa không đợi chờ

Tặng Vân Long

Những bậc thang đưa ta lên đâu?
Hoa bìm tím, mảng tường tro thịt gạch.
Những bậc thang đưa ta lên đâu
Khói cà phê quán rách.

Nhà đổ lâu rồi
Những bậc thang còn lại
Như còn tiếc những bước chân lên cao
Lên cao mãi.

Lên cao bắt làn khói trắng,
Lên cao bắt đàn chim trời,
Bắt ngợ ngẩn bắt cơn chóng mặt,
Bắt tiếng rầm rào phố phường lên hơi...

Nhà đổ lâu rồi
Những bậc thang còn lại

Những bậc thang đưa ta lên đâu?
Trời mù không cánh bay
Những bậc thang sững lại.

Lòng phố đưa trẻ buồn ngược mắt.

CHỜ ĐỢI GIÓ THU

Đã kéo dài những ngày hè oi bức
Bao người chờ đợi gió thu.

Chờ đợi gió thu cho con nước dâng tàu lên mặt phố
Người qua đò trong sóng vỗ về nhà nhớ nhau.
Chờ đợi gió thu cho cái lá nó reo tha hồ xao xác
Trẻ con đi quét lá chạy đùa vui trong gió chiều
Cho cô gái giở áo ra đan và mong nhớ
Cho cụ già dậy sớm băng khuâng chuyện cũ
Cho anh con trai thất vọng lại thấy lòng ước mơ.

Chắc gió từ biển vào
Nên gió mênh mang thế,
Một trăm con tàu theo gió vào
Nên gió âm vang sâu lắng thế,
Chân trời theo gió vào
Nên gió đập lòng người xôn xang thế.

Chờ đợi gió thu,
Gió thu sao chẳng đến?

Chiều nay ráng đỏ
Chừng mai trở gió cho chẳng?

Đêm nay trong nhà muỗi quá
Có người ra ngủ ngoài sân ngắm trời.

Và gió thu đến.

Gió đến bất ngờ khi mọi người đã ngủ quên trong đợi chờ mệt mỏi
Chỉ có ông lão gác cầu và cô bé bán nước chè tươi chong đèn hạt đậu
bắt được con gió đến,
Ho xù xụ và xuýt xoa áo mỏng.

Gió tràn vào thành phố đêm khuya
Gió tràn vào thành phố bỏ ngõ

Sớm mai tỉnh giấc
Ngập phòng heo may.
Ồ! Gió thu đã đến!

Tặng Nhật Tuấn

Có hai con ngựa vào thành phố
Gặp quảng trường đá, hí lồng đêm.
Đêm của bờm của vó,
Đêm của núi rừng.
Người phố chập chờn nghe hí
Xa xăm đỉnh mơ.
Vụt dậy, hí tất
Ngựa lạc quanh co phố dựng
Ngủ chìm đáy mộng, bọt mồ hôi

1973

Tặng Trần Hoài Dương

Có những người tìm ra biển ngày giông
Mưa chợt đến chợt đi, biển sầm biển sáng

Dáng người nhảy sóng, nhảy sóng

Thèm khát sóng một ngày

Giông tan từ ngoài tận xa lắm.

Chân sóng có nỗi buồn

Nỗi buồn mọc và đổ

Gió dài không muốn về

1973

GỐC GIÓ

Ngoài thẳm biển
Có cây nghìn lá
Nghìn lá reo nghìn xanh
Nghìn lá reo gốc gió

Ngoài thẳm biển
Gió làm đứt chân trời

Ừ bão sóng

TƯỢNG KIỀU

Tặng Nguyễn Hải

Muốn thu mình
Sợ nặng chết tâm can
Muốn vụn vấy cho tan nghìn mảnh
Không thoát nổi hình hài ngưng kết

Đau khoét ngực

Thôi đừng ôm mặt nữa em

Đàn ơi cung trắng, cung đen
Trầm như đá đặc, bay lên như chim.
Những ngón tay dài - bó gió
E tơ đàn mảnh quá chằng em

Ôm trong lòng bao nhiêu bóng tối
Quặn thắt những vòng thạch cao

Trắng

Hà Nội 1974

QUANG I

Xô-lếch dài
Đêm tóc
Môi lang thang

Chúng ta đi tìm vui
Cái buồn tự đến
Chúng ta đi tìm Cái Đẹp
Vươn ngực gầy, xe sắt tả tơi

Ồ những đốm hồng mặt
Ồ những rung rẩy môi
Giật giạt rượu, không buồn không vui.
Có ai biết vì sao mắt úa?
Có ai biết vì sao áo vét dạ sờn?
Có ai biết vì sao màu lên tranh?
Có ai biết vì sao câu thơ buồn như đùa giữa hai dải tóc?

Bạn ơi
Ai biết có anh trên đời?
Anh tự biết mình
Quang.
Cỡ thế giới cỡ một con người
Thế đủ rồi
Cỡ Quang

Xô-lếch dài
Đêm tóc
Môi lang thang

QUANG 2

Anh có yêu một cô bé tí teo
Một cô bé tình yêu chưa mọc tóc

Tình yêu mưa chơi chơi
Biết đâu là lá nẩy
Mưa thì mưa chỉ biết mưa rơi

Mưa bay hay đậu mưa ơi
Lang thang trên những bờ môi u sầu
Bạn ơi giao hợp nơi đâu
Về nằm gác cũ sắc màu đung đưa

Tặng anh Hoàng Cầm

Mưa trông mơ
Bồn giờ.

Tôi bỏ đi đây
Gió ơi là gió.

Tường vắng

Khe

Lông

Tôi ở giữa những người xa lạ
Họ ồn ào cười nói quanh tôi

Đằng sau cửa kính những chiếc xe trôi
Như cá vàng di chuyển

Lát nữa mọi người bỏ đi hết cả
Để mình tôi ở lại nơi này

Như đứa trẻ trên sân gạch rộng
Một mình cùng quả bóng trong chiều

Tự tử cũng chẳng có gì thú vị
Biết làm sao bây giờ?

Có khi nao anh thèm khát mơ hồ
Những khát thèm vô lý?

Trên yên một chiếc xe không đạp
Thả mình trôi đêm nhạt trăng xuống

Một phút chợ nhóm trên bờ biển đại
Những giống người riu rít như chim
Những con khỉ vàng, vẹt màu lông sặc sỡ

Một buổi chiều đất nung
Ban công chơi voi như sắp rụng

Thị trấn trắng trong đêm
Anh đi trong tiếng lạ

Cô gái vụt nhìn anh
Ngỏy đuôi tóc biến vào ngõ tối
Để lòng anh nhói một ánh răng cười

Lim dim đi giữa cuộc đời
Như giấc ngủ lắc lư tàu hoả

Có khi nao anh thèm khát mơ hồ
Những khát thèm vô lý
Da diết đến đau lòng?

THANH MINH

Thanh minh trong tiết tháng ba
(Kiều)

Thanh minh hoa xoan
Thanh minh u sầm
Con gái cầm hoa cười, chơi phố

Thanh minh trái tiết
Mưa dầm dờ mưa rào.
Gội mưa thăm mộ mẹ
Khum che lòng hương

Thanh minh ai
Những cô gái cậu trai không chịu ở với đời

Thanh minh đâu
Cỏ đói không buồn mọc

Thanh minh tôi
Mùa xuân đã hết mùa hè chưa sang

Những sớm mai ra đi còn lưu sắc biếc
Những tiếng dài, rộng, gió. Em lướt một khung trời
Và cây, nhà, khối tượng, đá, hoa, sương
Đi đi trên một tối trầm phun ánh...

VỤT HIỆN (I)

1. Biển hà hát. Tóc mượt. Vòng cong. Riu riu cánh bàng bàng. Châm châm nở. Phan phan bay. Núm núm
2. Dương tràn sức đặc động sấm nổ. Bầu cần kiệt. Háp háp. Sấp tan sấp tan sấp tan. Cồn xa mờ lóng lánh chân mây. Chốt giật tung, xóa tóc
3. Chập chững thái dương, bật thành linh năm dây đầy hốc mắt. Đi trong nước đổ, lá đá, vũng bập bùng, gió máy, trán trăn trăn dây chằng mồng toi thất cổ. Hát trong vắn vũ. Mưa chim
4. Đi sấp đi. Tươi sấp tươi. Phất gió lá sáng. Màn mô kết đủ mười hai giọng bè trầm rói rói đá trắng. Rằm tươi rằm tốt rằm một rằm mai. Con thuyền chật chội
5. Tay vo giấy. Sáng ù xe cộ. Săn tiếng. Trôi dạt. Oc im trơ. Dù giăng gọng xé. Thét còi. Hồn tiêu tán chỡ vàng lang thang góc ghé. Xòe tóc nhăm nhe vút tưởng lục. Du du
6. Đi điên tóc bùng bùng bốc tỏa, đen nhánh vẩy vũng, chiều sấm giông giữa phố, rừng rục rảng trời chuyên. Đi mười ngón vắn mở đêm, mắt rượu, quần văng gót gỗ đảo, lỗ tai bay khói. Cười không ai đáp
7. Nghe, nghe và đắm mộng. Buồn dứt thuốc lá. Ngón tay, tóc, mắt, đáy cốc, kim đồng hồ, đêm, bão biển, hải tặc, nốt ruồi. Ai hát ở bên kia thế giới. Đàn ông hay đàn bà. Đô thành treo ngược. Đen. Đá. Đen. Đá. Đen. Đá. Phóng thích. Chết chìm
8. Chữ chết long lanh tình anh không bắt được. Tình áp đặt, lẩn trốn. Tình nén. Tình giết. Tình xanh đông tạnh gió điên đầu

9. Điềm xôn xang phấp phồng kín nhem bịt bùng tôi run mở tỉnh tại. Óc gió khao khao lỗ vọng. Dặt dặt. Tênh tênh
10. Ai đi sương, tóc, dạ, lông chim, để lại một trời thức tối. Để cây mây vướng, để đỉnh sao sáng, song loan tiết liệt, bao giờ và chẳng bao giờ, cóc cần bụi bản trợ vợ. Gió đánh hải hùng góc bít, không đầu, không cuối, ở giữa trăng rằm. Chận non xa, chận hút nẻo, tôi một mình vỗ cánh
11. Xác thịt chết từng đêm để hồi sinh trong vọng tưởng. Em cầm diên nám mặt. Em trợ vợ cầu cong. Em hối hả không lời. Còn anh, anh chập chờn giữa mê diên và ân hận, thềm yêu một nghìn tình yêu một lượt giữa một miền lơ lửng gió mưa rền vang mái tôn có tiếng gọi nhau đêm nước chảy lá vườn chạy trốn đầy xột xoạt thâm thì để rồi quên đi mãi mãi.

Saigon 1980



Phụ bản 3: Hoàng Ngọc Biên

NGƯỜI ĐI TÌM MẶT

NGƯỜI ĐIÊN 1
(*Người điên hiền lành*)

Anh cứ đi chăm chăm giữa đường
Cái mặt không tuổi,
Tám thân không thời tiết,
Hai mắt để ngỏ một căn phòng trống không.

Anh cứ đi nghìn bước như nhau
Quên ngay từng bước vừa đi,
Không biết chỗ bàn chân đặt tới.

Anh cứ vừa đi vừa bầm đốt
Và chỉ đếm đến một.

Thuở nhỏ chúng tôi cười chạy sau lưng anh.
Lớn lên
Bóng anh tắt những cơn vui
Và an ủi những giờ thất vọng.

Rồi anh trở thành quen thuộc.
Một hôm tôi bắt gặp tôi
Lắm bầm giữa đông người.

Hải Phòng những năm 60

NGƯỜI ĐIÊN 2

(Người điên gạch ngói/ Người đàn bà điên)

Đội một viên gạch vỡ
Chị vừa đi vừa ca
Chiều tắt dần cuối phố.

Chị vừa đi vừa ca
Những mảnh vụn của bài ca thanh bình
Lạc xạo tim tôi.

Ôi nỗi điên gạch ngói
Cứ hát lên hát lên
Có bao nhiêu nát tan
Đội lên đầu mà hát!

H.P. những ngày chiến tranh

KHÔNG ĐỀ

Chiếc phi cơ ra đi trong đêm
Nổi đơn độc rung lên

Tràn ngập cả không gian
Tiếng buồn như biển mêh mang

Rời lịm dần trong đêm mất ngủ
Như ánh sao tụt nhạt cuối trời

Sứ mệnh âm thầm ai rõ
Biết về đâu mà rơi?

Phố Rế 1971 (72?)

NGƯỜI ĐI TÌM MẶT

Đêm xuống rồi
Ta lên
Đi tìm mặt mình
Đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình

Em mặt trẻ thơ như mình thiếu phụ
Em cử động giữa tiếng va cốc thìa
Cà phê và sữa.
Công viên chiều đẹp quá và lịch sự đến thành xa lạ
Tường vi nở mưa trên gạch đỏ
Mặt họ no đủ quá
Ho vui dễ thế kia
Cả một mùa hoa tím nhợt đi
Trong nắng hạ
Người ơi người đời ta biết có
Mấy ngày vui?
Đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình

Mặt ga đêm
Miệng mở ngủ
Giật thức
Mắt kính hoang
Người bốn phương chạy đổi chỗ.
Em đi về đâu em có đi cùng anh
Em có một cái mặt không?
Ta soi nhau mà tìm.
Đêm bốn bề người chen đêm chật
Em lén hưởng nồng nàn
Anh biết ngày mai mặt em trở về điếc đặc
Nhẫn nhục ăn làm.
Tàu rúc còi tàu đi tìm chi
Tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi

Mặt tôi trong gió cuốn
Mặt tôi trong nắng đốt
Mặt tôi trong lá ngón
Mặt tôi còi vọng cô liêu
Mặt tôi bàn tay ôm ấp
Mặt tôi đá núi im lìm
Mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm

Đốt đuốc lên
Cho ta đi tìm!
Đốt đuốc lang thang
Bàn chân bụi đất
Đốt đuốc tốc độ
Cháy vòng bánh xe
Đốt đuốc ái tình từng chiếc hôn đắm say hờ hững
Đốt đuốc nhịp điệu
Đất trời loảng xoảng nghịch âm
Đốt đuốc sắc màu
Cuộn quặt mặt trời Van Gogh
Đốt đuốc từ ngữ
Thơ tìm giúp mặt thơ ơi!
Mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt

Ta đói mặt người ta khát mặt ta
Ta vọng mặt em mặt em ở đâu?

Tất cả chỉ còn hoang vắng
Tất cả chỉ còn mệt mề
Tất cả qua đi
Trên mặt kính tàu
Đi thôi
Tàu ơi
Gió, cát đuổi theo để vẽ mặt ta
Đi thôi đi thôi
Đi tạc mặt vào đêm
Hút hút

Hà Nội 1973

ĐƯỜNG PHỐ (VỤT HIỆN 2)

Đường phố 1

Bão loạn. Lốc dù. Xanh mí. Cốc ré. Váy hè. Tiện nghi lạc-xon. Chát chồng tro
trố. Môi ngang. Vô hồn. Khoảnh khoắc. Mi-ni mông lông. Cởi quần, chửi thề.
Con gà quay con gà quay.

Bão loạn. Múa vàng. Te tua. Nhừ giắc.

Bão loạn. Rùng rùng. Sặc nước. Giạt tóc. Liên tục địa sâm. Tìm, chết, đi.

Bão loạn. Dứt tung tay. Óc lói. Lơ láo tù về lạc thế kỷ. Sương đầm đầm vóc
miên mai.

Đường phố 2

Dường như ra khỏi nhà bằng một khung ngực rỗng. Hai bàn tay đỡ mắt mờ.
Chợt thấy chiều trên phố say. Đỉnh vú đi lưng lững. Đèn đuốc cháy lưng trời.
Cười ngớ ngẩn sứt răng sâu thẳm. Hội quỷ ma nhảy múa thét gào. Tan biến ta
đi chiều mọc cánh. Một phút thang mây lẳng lẳng ánh chớp loè đá sóng trập
trùng. Xuyên như tên bắn rưng một chùm tín hiệu đỏ xanh. Trở về chân nhiễm
độc.

Đường phố 3

Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thành phố nô búng đêm người đi như biển. Tiếng còi, lửa cháy. Anh dắt tay em chạy trên cỏ dại. Giấc mơ vô lý bàng hoàng. Đường phố mùi da thịt. Gió rùng mình hư vô thổi đến. Trăng sáng không tin được. Gái trai mới lớn đội mũ lông chim. Thiếu nữ mắt đờ cà phê quán chật khói thuốc im lìm. Bụi sáng. Xe điên.

Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thành phố lồng trăm ngã. Ngã bảy ngã năm giành giật. Và chiều tràn ngập gió đê mê phân phát quần bay. Cánh nhọn khua rối mù cao ốc. Đèn lên đèn lên mời gọi hoang đường.

Em gọi thơ về. Từng thớ thịt rung lên âm điệu trở về. Thơ thoát ra từ đốt xương căng thẳng. Vũ trụ hồi sinh rực rỡ. Gân chùng mỗi một hân hoan.

SG 1977-1981

NHẬP MÔN (VỤT HIỆN 3)

Nghiệp

Cõi ám toán vài ba vôn mộng áp sát chiều về, vô cương tỏa. Dong dỏng thoát y mắt bụi núng nảy nòng nảy chạng rạng ra rạng còn tấy còn nướu tanh bành bò quanh thít chặt. Oi ong đầu óc cục cựa cùng mình choang choang ngực. Tan thân.

Duyên

Đờm, dãi, thịt, da, tinh khí phì phào, thu hút mãi không thôi, cọ xát. Chìm đắm dạt trôi, trời đêm đánh bắt, ngũ nhạc lừ lừ, lửa càn rần rật, thần thức nương gió đọa, nước sinh ròng rã, trùng trùng giao kết căn duyên.

Vô sở

Hồn vô sở đất
Lòng không vầng vát
Vân mây toán loạn
Ba áp bà
Xa lạc thôn xa

Phi tướng

Hồn thi bá thả lỏng trên trang giấy ngoằn ngoèo úng cúng chánh biến tri, đặng giác. Cõi thượng thừa cười cồ xe thù thắng một mặt-na kiếp sát sang bên bờ bát-nhã linh tinh. Ai sơ thiền lên tam lên tứ đã xuất mộng đầu tinh lại phóng về vọng tướng ảo thân ảo giác ảo giang hồ còn dai dẳng phi phi tướng xứ, u uyên tịch tịch, ngát ba thang.

TAM CA BUỒN

Đám cưới ngày mưa dưới cánh B 52
Bản tam ca bồn chồn dự cảm

Ba giọng ca ngày ấy
Giọng tắt giữa thanh xuân
Giọng biệt xứ
Giọng chìm áo cơm

Ba giọng ca buồn
Giọng nào buồn hơn

CÂY CẦU - VÙNG CỎ MAY

Qua hết ngồn ngang nháo nhào bụi bặm
Gặp lại vùng cỏ may,
Khúc sông mù mịt hai đầu
Cây cầu đứng như từ một kiếp nào,
Vết bánh xe xuống bãi,
Mỏm đất màu sô-cô-la,
Nước suối bọt hòn đá ném thăm dò định mệnh

Em ơi mười lăm năm có đủ để nhàm chán một tình yêu
Có thừa để sụp đổ một bên sông?
Nhưng phải chẵng mười lăm năm mới đi hết xa lộ cảm dỗ để gặp lại cỏ may
Cỏ may bãi heo may
Hơi thở xa vắng lặng.
Ngày ấy mắt em xanh
Yêu anh mắt em bạc vì nước mắt
Có cây cầu làm chứng

Vết bánh xe hằn trên cát
Một chiếc xe ở lại một chiếc ra đi.
Anh đã mất những tháng năm đẹp nhất
Đi tìm cái quái quỷ gì
Để gặp lại khúc sông mù mịt,
Đất đai bãi bờ sóng nước,
Cây cầu đứng như chôn vào vĩnh cửu

Anh thăm kêu
Có tiếng nước dâng từ sâu thăm:
Nếu ngày mai anh không chết
Là anh bắt đầu trẻ lại
Đến ngày mắt em chưa bạc vì nước mắt
Anh sẽ tìm lại em ở vùng cỏ may này
Có cây cầu làm chứng

Hà Nội - Sài Gòn Đông Xuân 91-92

CHÓ ĐEN VÀ ĐÊM

1

Con chó
Con chó đen
Con chó đen chạy vào đêm
Đêm gù gù, âm âm

2

Chó đen sủa bông sứ máu

3

Chó đen ngửa mặt nhìn trăng

4

Chó đen rìn rít những điều khó hiểu
Hồn ai đang lang thang trong đêm?

5

Buồn quá chó ơi
Ai cũng bỏ ta rồi
Phì phì mày ghéch mõm vào môi

6

Chó đen sùng sục suốt đêm
Nổi ngứa ngáy tiền kiếp
Phát điên vì không nói được

MƯA ĐÊM

Gửi Thanh Thảo

Lâu quá mới có một đêm mưa không đâu rơi vào đầu vào cổ
Nhớ những đêm lang thang chợ Bắc Qua ga Hàng Cỏ
Một trăm bạc rượu tới Thiên đường.
Lần đầu lên lút bán tem gạo
Mua cái sầu giữa phố
Tuổi ba mươi như con trẻ
Mất tâm vì cô điếm ế

Kiếp tha hương nửa đời vật lộn
Sống chỉ còn như một thói quen.
Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc
Cho ta thêm một ly đen.
Rủ rê ta những giọt mưa đêm
Nhưng xe máy lang thang thì thua xe đạp
Ta năm mươi rồi đâu thể cùng em

Dạo ấy ba mươi ta là thi sĩ
Bây giờ thèm khát một câu thơ
Khi đời sống làm mình hóa đá
Bỗng rùng mình vì một hạt mưa

SG đêm 6.6.93

ĐÊM DU LỊCH 1

Em đưa anh đi đâu
Biển đêm lòng lộn trắng
Vách đá dựng im lìm
Gió từng hồi nôn nao mặt đất

Em đưa anh đi đâu
Trăng hồn nhiên đợi giờ sa ngã
Cây lá đưa hương tiếp cứu
Những vết thương không trung

Anh phát cuồng vì giọng hát cô tình uể oải
Phát cuồng vì đêm không chỗ đến
Vì em chỉ là một bóng ma
Và anh kẻ biết mình vô tích sự
Giữa những tiện nghi hưởng lạc trái mùa

ĐÊM DU LỊCH 2

Cái mùi mồ hôi nước hoa
Đêm nhiều hang ổ mà ta một mình
Phóng xe đi gặp mặt trăng
Giữa đường có trận mưa nắng nhật đêm

ĐÊM DU LỊCH 3

Khăn trải giường nhạt nhẽo buồn nôn
Người đàn bà hồi xuân trong căn phòng yếm khí

Muốn nhảy xuống
Lòng đêm thăm thẳm quá

Đêm thành phố không trăng
Màn xướng ca play-back

CHÓ ĐÁ

Về đầu làng gặp người
Chó đá

Chó đá ngồi sông nước cuộn dưới chân
Bao giờ chó đá sang sông?

Chó đá mòn mắt mắt
Chó đá buồn mắt mắt

Trở về kiếp đá
Dựng non giữa đồng

Có thằng bé chìa tay xin chó đá
Chó đá cười tan vôi nung

ĐỊNH MỆNH

Nó sẽ đến lúc không ai chờ đợi
Vô lý như câu chuyện tầm phào
Em linh cảm suốt một đời dẫn dọc
Em bận tâm giải nghiệm những chiêm bao

Anh biết anh có kẻ thù giấu mặt
Cứ rình chờ những cú bất ngờ
Anh biết sinh ra mình đã mang hội chúng
Rùng mình khắc khoải trước hư vô

Em bảo có vong đè nặng hai vai
Khiến một ngày đổi ba sắc mặt
Vong ấy là anh chứ ai
Ám đời em tâm hồn bệnh tật

Không còn Chúa cho người xưng tội
Chỉ chờ xem trừng phạt lúc nào
Em bi phẫn ở hiền sao gặp ác
Ác ở trong hiền chứ ác ở đâu

Hay kiếp trước mình đã từng ăn lận
Hay kiếp sau mình sẽ được đền bù
Sao biết được hơi đâu mà lẩn quẩn
Cứ xếp bằng như Đức Phật ngồi tù

SỐT

Tôi bỗng bênh tôi nở chật không gian
Tôi nhìn tôi bay khỏi đất.
Con sốt nào đây cơ thể rùng rùng ù tai chóng mặt

Bàn tay em suối mát
Lòng anh còn bất an

Tiếng em đều đều lời kinh xa xăm
Có một kiếp mình tu chưa trọn kiếp.
Mắt em trên ngọn cây
Dõi đoàn tàu oan nghiệt
Kiếp này anh lại vụng
Có còn kiếp khác không em?

Giật mình gôi ướt
Tay quờ sang em.
Ngày buồn ăn cả vào đêm
Em ngồi như núi lặng im mà buồn.
Anh còn chao đảo vô thường
Những cơn động đất điên cuồng dưới da.
Bao giờ cơn sốt lùi xa
Để anh lẳng lặng tan ra thành lời

SƠN DẦU

Tặng Đặng Xuân Hòa

1

Con bò mắt đỏ dắt thừng đi đâu
Để cá hoá rồng vách mộng
Chiều hạ em hồng

Con diên lên mắt
Bàn tay đắm màu
Giữa khung ngày trắng toé chòm đêm

Anh khám phá em tức khắc
Và tỉ mẩn từng xăng-ti-mét

2

Bò mắt đỏ
Chở em chơi
Những cô tiên cánh gõ
Bay mãi không về trời

Anh chòm ra
Nửa mặt dạ xoa nửa mặt người

THUỐC NƯỚC

Tặng Trần Lương

Mắt sen mắt rắn
Em có em không

Mắt mở mắt nhắm
Em mông mông

Sen tốt sen tàn
Bây liu diu ngông cổ
Rủ nhau đi

Mắt dẹt

TRƯA CHÀM

Em vào trong đá
Nụ cười bí mật
Từ đá em ra vòng ngực

Tôi không dám lên đèn
Sợ nhìn đồ nát vòm thiêng

Ngựa đỏ triền núi đỏ
Có gì sau những lượn đồi nằm mơ

Biển xanh
Muối trắng

Em vào cong đá một ngón tay

Một nghìn năm tôi chờ em xuất hiện

CHIỀU

Công hoàng hôn
Vang rền gạch cũ

ÁC MỘNG

(Nhật ký - Thơ 1982-1992)

Ta nung nấu nghìn đêm ác mộng
Đánh chìa vàng mở lối về em

VÀO

Vào

Cánh cửa sắt đen kịt
Đóng sầm sau lưng tôi
Bỗng ào ào náo loạn
Như một bể dầu sôi.
Những cái đầu trọc lóc
Vươn theo từng bước đi
Những bộ xương đen đúa
Bốc lên mùi tử thi.
A! Địa ngục là đây
Ta bắt đầu kiếp quỉ
Sao dễ dàng quá nhỉ
Chỉ một bước một giây
Bước qua cánh cửa này
Kiếp người đã xa lác.

Giật mình nghe tiếng quát:

- Cởi hết áo quần ra!

17/8/1982

YẾU LÒNG

Bữa cơm đầu tiên

Nhai miếng cơm khô giữa nắng
Trệu trạo trong mồm nuốt khó trôi
Bạn giục ăn nhanh không người mắng
Bỗng nghẹn lưng chừng nước mắt rơi

Thôi thế từ nay đoạ kiếp rồi
Tin dữ bây giờ chắc tới nơi
Nhà ta đau đớn chừng nào nhỉ
Tối sầm trước mặt bát cơm rơi

Chiều

Một dãy tường cao bóng đổ dài
Chú chim ngơ ngác gọi tìm ai
Chiều tù như muốn dài vô tận
Vòi nước ngoài kia cứ chảy hoài

Mơ lạc mất con

Nửa đêm mơ lạc mất con
Tiếng kêu thảng thốt lệ tuôn áo tù
Bàng hoàng biết thực hay mơ
Bừng con mắt dậy nát như ruột gan.
Nửa đời sự nghiệp tan hoang
Con là còn lại với ngàn năm sau.
Trời ơi xin chớ hại nhau
Cha xin gánh hết thương đau kiếp này
Xin trời đừng cướp trên tay
Cho tôi sống nốt những ngày chờ trông

Bao giờ

Thạch thùng tặc lưới trên cao
Phòng giam lạnh lẽo chìm vào cõi đêm
Nhà ta giờ đã lên đèn
Bữa cơm giờ chắc đã quen thiếu người
Ta nghe tiếng mắng tiếng cười
Thằng cu nghịch xối cả nồi cơm tung.
Trời ơi sao nhớ quá chừng
Bao giờ tới bữa ngồi trông con đũa
Ngồi đây biết đến bao giờ
Trùm chăn ta đợi cơn mơ đưa về

Sáng mùng Một Tết

Đang vui tít tít hàn huyên
Tỉnh ra lơ lửng giữa nền xi măng
Trời mùng Một đã vào song
Đã ho hắng cả mấy phòng gần xa.
Cách tường có cậu cười qua:
Được một bữa thịt đêm ra đây quân!
Tiếng cười cả xóm rân rân
Như quên hết cả một năm đoạ đầy

Gần đất xa trời

Đêm em về trắng toát thời thơ ấu
Đêm mẹ về chẳng nói lại đi

Ở đây gần đất xa trời
Ngủ là sum họp với người cõi âm
Tỉnh ra là chết âm thầm
Xi măng lạnh, mấy chứng nhân thạch thùng

Giã biệt

Tôi lại quay trở lại
Thế giới bốn thước vuông
Có ăn ngủ ỉa đái
Có giận hờn ghen tuông.
Xa lạ quá mất rồi
Phố xá như trong mộng
Người trên đường như nộm
Cứ trân trân nhìn tôi.
Cả em nữa em ơi
Như thuộc về cõi khác
Hụt hẫng phút hàn huyên
Anh ôm em ngỡ ngác.
Và xin em chớ giận
Khi nhìn thấy gói quà
Anh muốn ngay lập tức
Quay lại chỗ vừa ra
Để run run mở gói
Hau háu mắt bạn tù
Đêm nay là đêm hội
Cơm muối trắng như mơ.
Thôi em về đi nhé
May em không khóc oà
Quay lưng con bống thét
Giờ mới nhận ra cha.
Anh cúi đầu bước vội
Thầm nói em đừng chờ

Tôi lại quay trở lại
Thế giới của tôi đây
Em chỉ là giấc mộng
Bên trên khối mộ dày

PHẢN THẾ GIỚI

Đêm trắng

Đứa giết người mắt trắng dã
Ca một khúc vọng cổ nã nề
Lão làm thuốc tây giả
Run run nhặt từng hạt cơm thiu
Thằng nhóc “cắt bom”⁶ ga Hàng Cỏ
Sảng sặc bóp cổ tên hiệp trẻ con
Ba thằng buôn cơm đen
Ngồi nhìn ông cụ bí thư nhảy múa

Vào mà xem
Trong nhà “mét”⁷
Đám cưới thằng khoèo lấy thằng thọt.
Lại mà xem
Hai thằng ăn cướp
Bắt chày cho nhau

Đêm hãi hùng
Ta ở đâu đây
Đêm không chớp mắt chờ sáng

Sàn xi măng vảy ghẻ rụng đầy

⁶ Tiếng lóng dân bụi đời Hà Nội, chỉ động tác cắt các bao hàng chở sau xe đạp để lấy cắp.

⁷ Tiếng lóng của tù Hỏa Lò Hà Nội thời đó, chỉ nhà vệ sinh nằm ngay trong buồng giam chung.

Gọi (Vật hiện 4)

Tôi gọi giữa đêm. Gọi tiếng xe ngoài đường gọi gió gọi mùi hương gọi ba la
bông lông sải cánh con chim dài hai thước gió đánh nhặng nhịt tái tê bầu trời
lụn bại. Tôi gọi giữa đêm. Xác xơ chân tóc căng ần đường tôi gọi. A ha! Nhảy
nhót, nghiêng răng, xóc lọ. Thổi tắt phụt ngọn đèn trăm nến. Nhắm mắt và mơ
đi. Mảnh sân hẹp, tiếng đàn bà xối nước, một củ hành tươi. Có thể thôi.
Không không không tôi chán lắm rồi. Chán “điểm”⁸, chán bắt rận, chán đọc rõ
số giam. Nửa đêm tôi gọi mộ huyết âm vang. Tự do! Mi ở đâu?

⁸ Tiếng lóng Hỏa Lò, chỉ “nghỉ thức” điểm danh mỗi sáng.

Những mảnh mộng (Vụt hiện 5)

1. Chạy cuồng chân đồng đất đỏ ngầu, lửa sắt toé tung, mưa máu. Thằng bé xoè tay xin chó đá. Mài đầu rên xiết. Hòn kính. 2
2. Chim đen bậu kín mặt nhà thờ. Pháp sư rán bánh. Róc rách suối hoa vàng nở. Mắt cá trùng trùng trong lưới mộng mênh.
3. Em ơi mộng mị trần trường góc tối. Vút dài cao ngăn ngắt trắng xa. Bãi biển oằn oài vũ nữ quay tít. Em không nói khoá trái nhà hoang dất tay nhau về vô tận. Ngày nhật thực bầy mặt trời vằn vụn. Gió dậy đồng không nơi ẩn náu.

Vụ̣t hiện 6

1. Thần trí vụ̀ng lên đ̣áy huyết rùng rùng. Tắt lịm, u mơ, nhoà toả. Lấp loá vàng son vổ nhịp. Đìu hiu.

2. Thân thể nát như tương. Kiệt quệ lời ca khật khùng râu tóc. Co quắp nằm chịu trận. Sắt xâm, ngực nghẹn, u âm.

3. Xóm xà lim mìn mịt mặt người, ú ó gọi kêu cào vách đ̣êm thăm thẳm. Thông thông vào lòng nhân loại tối đ̣en. Quì khóc mắt ráo hoảnh.

Buổi trưa

Sau một cơn động đất xa

Chói chang ngực rộng mây bay về khát khát
Cây đá đổ vách trần xiêu lao đao bốn mặt
Ai gọi rất xa

Chờ ta!
Chờ ta bùng nổ!

Chiếc lá bàng

Những đôi mắt âm thầm
Rõi qua khe cửa
Bao giờ rụng chiếc lá bàng cuối cùng?

Sẽ rụng đêm nay
Khi gió bắc nổi
Không. Nó sẽ còn đeo đẳng mãi trên cây
Dai như kiếp sống đọa đày

Trong giấc ngủ màu máu
Chiếc lá bàng mênh mông
Thức dậy không còn lá
Bầu trời tím thâm

Bỗng rùng mình kiệt quệ
Như vừa ra đi giọt máu cuối cùng

Cái chết

Những con rận đã bỏ anh đi hết

Anh chết

Trong đêm

Miệng trắng thuốc đánh răng

Đã bảo mãi anh rằng

Đói đến mấy cũng đừng ăn thuốc đánh răng

Tám thân thước bẩy

Còn tám giẻ hôi

Cũng là xong nhỉ

Ân oán một đời

Những con ruồi bay đến

Chán nản

Như chỉ còn một âm ỨC
Phân tích mùi hành lang mốc meo thăm thẳm

Như chỉ còn một mạo hiểm
Nhìn vói qua mái nhà chằng chịt thép gai

Như chỉ còn một thú vui
Ôn lại những giấc mơ dị kỳ chấp vá

Như chỉ còn một ao ước
Thấy mặt người cách tường trò chuyện

Như chỉ còn một lời nguyện
Kiếp sau đừng biết cuộc đời tự do

Chiều cuối năm (Vụt hiện 7)

Chạng vạng hồn ta u âm mộ huyết răng thép răng đá ngả ngả xiêu xiêu. A!
Trần nặng tường dày. Còn gì nữa? Con rệp đốt con muỗi bay con tắc kè thè
lưỡi, lưới thép gai chim trời không xuống đậu để mình ta vọi vọi dơi tầng
không. Đập đầu cửa sắt chân lún xi măng ăn đái ỉa nằm ngời hàng thế kỷ, ăng
ặc chiều đông cắt tiết bầu trời. A! Nát như số mệnh bàn tay!

Thạch thùng (Vật hiện 8)

Đôi thạch thùng trên trần xà lim, trắng hồng, trong trong, bên ngọn đèn ấm áp. Chúng làm sao biết chốn này tù ngục. Chúng đâu thềm quan tâm một người suốt ngày đêm nằm ngửa nhìn chúng khoả thân yêu nhau. Chúng đâu biết đêm nay đêm đông cắt da cắt thịt. Trắng hồng, trong trong, chúng lặng lẽ yêu nhau bên ngọn đèn toả hơi xuân. Ngọn đèn tù ngục. Nếu con người khoả thân không hổ thẹn. Nếu con người yêu nhau hồn nhiên dưới mặt trời. Như thạch thùng. Thì có lẽ không có tù ngục. Phải không nhỉ thạch thùng

- *Thạch. Thùng.*

Cách bảy lần tường

Cách bảy lần tường
Có con mương nhỏ
Mùi bùn chiều mưa
Có con đường làng
Ngây ngây xoan tím

Cách bảy lần tường
Tiếng cười vụt qua
Một trưa rất ròn

Sau bảy lần tường
Có người đêm đêm
Mắt mở trừng
Nghe sấm chạy

Một hôm
Có cánh hoa xoan
Vào thăm người ấy
Bàng hoàng người ấy
Nhặt cánh hoa xoan

Chuyện chỉ có vậy
Sau bảy lần tường

Nửa đêm

Cứ nửa đêm choàng dậy
Vì giọng hát ô ô
Bao giờ cũng một câu thôi:
Trời hãy cứu giúp tôi!

Lòng đất vọt ra?
Lung trời rớt xuống?
Xuyên bảy lần tường
Cõi nào vọng lại?

Tất cả choàng dậy nghe
Rồi lục tục nằm lại
Người ngáy tiếp
Người trần trọc
Người râm rứt

Ta cứ ngồi bó gối
Câu hát dội từ ngực xuống chân
Từ chân lên đầu
Âm âm trong tóc.
Chỉ một câu thôi:
Trời hãy cứu giúp tôi!

Chỉ một câu thôi
Vào lúc nửa đêm
Trái đất trở mình giữa bầu trời tối đen

Một ngày

Nhớ đôi bạn tù trẻ tuổi ở T. L.⁹

Buổi sáng lạnh canh
Em ca cốc rộn ràng
Lại bắt đầu một ngày bên nhau
Chào em cô hàng xóm vô hình

Rồi mở cửa
Thay xô
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Đi cung
Giữa hỏi đáp
Ú tím
Mèo chuột
Vẫn lớn vờn một bóng dáng vô hình.
Rồi về phòng
Mở cửa
Đóng cửa.
Rồi mở cửa
Cơm
Đóng cửa
Mời nhau bằng lạnh canh bát đũa
Ta cùng ăn qua vách bữa cơm tù

⁹ Trung tâm thăm vấn bộ Nội vụ ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, thường gọi là “xà lim Bộ”

Sau tiếng nước rửa bát phút im lặng thiêng liêng trước giờ em tắm.
Rồi róc rách dè dặt em kỳ cọ cố nhẹ nhàng như xấu hổ anh hết nóng bừng lại
lạnh toát trong ngừng thờ
Em phơi áo vù con chim bay lên

Rồi mở cửa
Tự khai
Sa mạc giấy
Lạc đà chữ
Chỉ vẫn vợ một bóng dáng vô hình.
Rồi về phòng
Mở cửa
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Cơm
Đóng cửa
Mời nhau bằng lạnh canh bát đũa
Ta lại cùng ăn qua vách bữa cơm tù

Rồi nôn nao chờ bóng tối

Giờ của thông linh giờ của chúng mình.

Anh gõ trước nhé cạch cạch cạch em cạch cạch cạch anh cạch cạch/ cạch cạch
cạch em cạch cạch/ cạch cạch cạch rồi anh xoa xạt xạt em xạt xạt anh xạt xạt
xạt em xạt xạt xạt những tín hiệu không lời riu rít đồn dập xoắn xuýt cuồng
quít.

Bức tường bốc cháy

Đêm bốc cháy

Những mảnh đêm rơi

Lả tả

Rã rời

Tiếng khóc nửa đêm

Là nhận dạng của em

Cô em mới đến

Em ở đâu vào?

Em từ dãy nào qua?

Em tội gì?

Em ở đây đã bao lâu?

Không có tiếng trả lời

Lát sau em hát

Bài hát tiếng Tàu

Tiếng Tàu ta đã quên từ lâu

Có cô quản giáo

Chuyện trò với em

Bảo hạt đậu của em đã mọc thành giá

Dặn em chải chấy

Mỗi ngày

Lát sau em bắt đầu

Hỏi gió lên trời những câu vớ vẩn

Rồi tự trả lời

Rồi em lại nghêu ngao

Bài hát tiếng Tàu

Nhà ta xa xôi lắm
Nhà em còn xa hơn
Đường về hai đứa cùng mù mịt
Thôi thì cùng hát lên

Tiếng Tàu ta quên
Nhưng bài hát Tàu ta nhớ

Hát đến mệt nhoài thì đi ngủ

Nửa đêm chợt tỉnh
Nghe tiếng khóc tí tê

Ta ngồi như chết
Tường cao bốn bề

Chạy

Chạy một mình
Trong bóng tối
Chạy co đầu gối
Chạy vĩa cô đơn
Chạy quên sợ hãi
Mồ hôi mặn
Rít qua kẽ răng.
Chạy một mình
Ảo tưởng sống
Nghe tiếng chân mình
Âm âm xi măng.
Chạy một mình
Run đầu gối
Chạy từ đói
Đến hết muối.
Chạy một mình
Lê không nổi
Chạy đỉnh núi
Toạc bàn chân
Chạy trong bùn
Chân bị trói

Chạy một mình
Trong bóng tối
Bỏ quên tôi
Cả thế giới.
Trái đất ngủ
Một mình tôi
Chạy tại chỗ
Thình thình thình
Tim tôi gõ
Ai nghe ai nghe
Ai vào căn cỏ
Ai đá lăn chiêng
Mắt nhắm nghiền
Tôi cứ co
Đầu gối

GIẢI MỘNG

Cầu vồng

1.

Sững sờ lặng ngắt
Anh nắm chặt tay em.
Không anh không chui qua đâu
Sợ bước chân đi
Cấm kỳ trở lại

2.

Cầu vồng chắn cơn mưa
Cầu vồng chắn cơn mơ
Cầu vồng mở
Vùng trời mù mờ

3.

Cầu vồng mỏng cụt
Anh trèo chơi vơi
Đến lưng chừng trời
Thì ngã

4.

*“Muốn giữ đầu lên cầu mà đứng
Đi đến gần thì bung lấy đầu”¹⁰*
E đến khi mình chết
Chưa giải được lời mơ

¹⁰ Ghi lại nguyên văn lời một ni cô khuyến tác giả trong một giấc mộng đêm ở “Xà lim Bộ”

Hỏi toà nhà đá

Nuốt bao nhiêu tiếng khóc tiếng rên la
Sao mà lạnh căm thế?

Hút bao nhiêu hơi thở hỗn hển
Sao mà lạnh lẽo thế?

Giam hãm biết bao nhiêu cuộc đời
Sao mà cứng rắn thế?

Ủ bao nhiêu hy vọng
Sao mà u tối thế?

Con nhân sư thế kỷ hai mươi
Không bao giờ trả lời



Thăm lại phòng giam Hỏa Lò nhân 1000 năm Thăng Long (2008)

Chớp mắt

Một vuông tường một thế giới
Một giấc ngủ một đời người

Đêm vượt đèo

Nhắm mắt cho đầy bóng tối
Tiếng xe gằn giọng vượt đèo
Tiếng mõ kinh mùi nhang khói
Chiếc quan tài đi cheo leo.
Trời ơi sương mù mất lối
Chẳng biết hồn lạc về đâu
Chỉ còn ánh đèn vôi vọi
Đêm đêm em thấp nguyện cầu

Những ác mộng của em

Con đường này em đã đi
Bên vực thẳm bên tường cao chất ngất

Mỏm núi này em đã đứng
Bó tay nhìn ngựa trắng cùng đường

Em đã bay kiệt sức
Không kịp lấy bùa cứu anh

Sợ quá những giấc mơ cứ thành sự thật
Đêm không dám ngủ mắt như đèn
Bất hạnh cần gì biết trước
Hay Trời cho đau khổ dần quen?

Bao giờ thì em hết ác mộng?
Bao giờ ác mộng sẽ tan theo bóng đêm?
Bao giờ ác mộng chỉ là ác mộng
Của anh và của em?

Người về

Người về từ cõi ấy
Vợ khóc một đêm con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy
Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy
Giữa phố đông nhồn nhột sau gáy

Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối

Một hôm có kẻ nhìn trần trời
Một đêm có tiếng bâng quơ hỏi

Giật mình

một cái vỗ vai

Mùi mưa hay bài thơ của M.

Tất cả nước mắt loài người bao vây nhà ta
Nằm bên anh em kể câu chuyện buồn
Chôn sâu trong lòng giờ mới nói ra
Gợi ý của trận mưa chưa từng thấy

Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm
Điên cuồng nhớ mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác
Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm

Em còn yêu anh không yêu đến đâu giận ghét đến đâu
Mười lăm năm lòng mình chưa hiểu hết

Mưa mưa ngập tầng trệt
Đưa nhau lên gác xép nằm nghe mưa sập mái tôn

Ước nằm nghe mưa rồi chết

Đêm 25/6/1992

HÀNH TRÌNH

NGÀY LẠ

CỬA SÔNG

Con đò nhỏ đưa ta ra cửa sông
Anh với em ngồi giữa những bạn chài
Mắt cười hiền
Họ không hỏi chúng mình đi đâu

Ra cửa sông họ sẽ lên những con thuyền thúng
Buông câu chờ bữa ăn hôm nay
Còn chúng mình đi đâu, đâu những con cá lạ?
Những ngày sắp tới có gì mới hơn?

Ta bước lên một chợ cá sắp tàn
Cồn cát trắng lửng lơ giữa biển.
Đến hết cồn này mình sẽ thành con trẻ
Cởi ba lô vứt lại giữa những mảnh ván thuyền,
Đến hết cồn này mình sẽ sang kiếp khác...

Em ngậm ngừng một giọt lệ trên mi
Đời sông này buồn mà đẹp quá.
Em ngậm ngừng giữa phiên chợ nắng
Đò nhỏ neo, nô máy gọi về

Ta cứ đứng phân vân trên cồn cát
Các bạn chài đã đi hết rồi
Những chiếc thúng rập rờn ngoài cửa biển
Còn hai chúng mình
Đi thôi
Về thôi

Phước Hải 18/3/1995

NGÀY LẠ

Tặng Trần Trung Chính

Điều thuốc đầu tiên trong ngày
Sang thu Hà Nội

Trời không đứng không đi
Chén vàng Lệ Mật¹¹

Người về đóm râu
Chùm si nỡn

Lợn thờ bình yên quán rượu
Ta hát như điên bài hát rẻ tiền

Bạn cũ mất rồi
Tìm đâu bạn mới

Cong tàn nhang miếu đồ
Cha đi Hà Nội ngàn năm

Phố mất vỉa hè dài chân em
Ngày hết lạ

1995

¹¹ Chén rượu pha mật rấn của làng Lệ Mật (Gia Lâm, Hà Nội)

BIÊN, HAI CÂU MỘT

Bèo dậu dạt kín chân trời
Biển không người tắm

Vịnh xanh co lại
Vòng vây gạch đá vươn dài

Qua Bái Tử Long tàu kéo không đèn
Kéo đêm buồn mãi không tới sáng

Sóng cứ đập bờ chẳng vọng còi đêm
Con tàu trắng bỏ cảng này
vĩnh viễn

Nửa đêm dậy nồn nao lấc sóng
Đàn cá khơi đã vào chật lưới đèn

Sáng mù sương
Trắng đồng
Cò dạt bão

Tháng ba Đồ Sơn biển không người tắm
Xe đạp Tàu con cón lưng ong

LORCA

Những đôi ô liu chạy trong trăng bạc
Góc tối toa tàu con tim tôi đập

Lorca

Đồng mệnh mộng rực cháy và nứt toác
Đâu rồi kị sĩ Cordoba?¹²
Chỉ một bóng cao bồi Far West
Giữa phim trường bao la¹³

Lorca

Nhịp chân dồn dập di-gan
Trên sàn diễn giả trang hang đá
Trán nàng giọt giọt mồ hôi

Biển thán chín mình tôi
Địa Trung Hải sóng chạy về tím tấp

Lorca

Đêm bập bùng ghi ta Granada¹⁴
Bom nổ sớm mai quảng trường tan tác

¹² Một thành phố của vùng Andalusia quê hương Lorca. Thơ Lorca: “Cordoba/ xa thăm/ Cô liêu...”

¹³ Một phim trường đã được dựng lên ở vùng này để quay phim cao bồi Viễn Tây

¹⁴ Thủ phủ vùng Andalusia

NGOẠI Ô PARIS

Tặng anh Đặng Văn Long¹⁵

Sáng mai có người về
Ông già trần trọc nổi nhớ sáu mươi năm.

Đêm sao dày đặc mặt đất
Lặng lẽ trăm nghìn số phận

Montreuil, Bagnolet
Những giấc mơ đọng thành tên phố¹⁶

Sáng mai vàng đen chen trắng
Hồi hải bus, metro
Nhấn nại xếp hàng hy vọng loto¹⁷

Đêm sao dày đặc mặt đất
Chiều qua có người tầng mười tám
Thành triệu phú¹⁸
Ngày mai ông sẽ rời khu phố nghèo
Đi bất cứ đâu
Trừ trở lại quê nhà

Mai em về
Gặp lại đêm sao Hà Nội
Sáu mươi năm sao anh không về?

Đêm sao dày đặc mặt đất

Montreuil 14/10/2000

¹⁵ Anh Đặng Văn Long đã cho rất nhiều người từ Việt Nam sang công tác và học hành ở nhờ nhà mình, trong số đó có tôi. Anh là lính thợ, sang pháp từ lúc 20 tuổi, đã tự học để viết sách về lịch sử người Việt tại Pháp cũng như sáng tác văn, thơ, họa. Anh qua đời năm 2002 vì bệnh tim trước khi đạt được tâm nguyện về thăm quê sau 60 năm xa cách.

¹⁶ Những thị trấn ven Paris này nhiều dân lao động chịu ảnh hưởng Đảng Công sản Pháp nên có những phố mang tên Lenine, Maurice Thorez...

¹⁷ Trò chơi xổ số

¹⁸ Ngày hôm trước, nhà văn Cao Hành Kiện sống ở khu này được tin trúng giải Nobel Văn Chương 2000. Tôi là một trong số nhà báo đầu tiên đến phỏng vấn ông tại căn hộ ông ở chỉ một giờ sau khi ông nhận tin vui từ Viện hàn lâm Thụy Điển.

Tại sao Paris lại có mưa dầm
Tại sao metro nhiều người đàn rong
Làm tôi nao lòng
Nhớ Hà Nội của tôi những ngày mưa nhão chiếu chần nhão tâm can chỉ có lửa
ghi ta và rượu.

Báu máu¹⁹
Báu uống rượu và hát
Báu hát đồng xanh trời nào
Báu bệt sàn đất hát
“Quốc lủi” lạc rang và hát
Chúng tôi nghe thờ dài và mơ mộng
Trời nào đồng xanh mây trắng.

Báu chết thổ máu
Hà Nội lên nhà cao bia ôm rần ôm Hồ Tây Hồ Ly Ut
Vẫn xám mưa đông

Paris trở rét
Người ta bảo Paris rét nhưng không có vì không có mưa dầm
Nhưng Paris cũng mưa dầm
Người đàn bà di - gan hát khàn họng bên con chó ngúc ngắc đầu
Anh chàng Đông Âu ấc - coóc chiều Matxcova
Làm tôi đau
Muốn khóc cho tuổi trẻ mình

Những bài ca những cung đàn như nắng mùa đông Paris

Tắt tiếng hát là mưa dầm
Lạnh buốt

Metro Sèvres-Babylone 16/11/2000

¹⁹ Một “ca sĩ bụi” quen thuộc trong giới giang hồ ở Hà Nội những năm 1970



Phụ bản 4: Đặng Xuân Hòa

TRƯỚC MỘ APOLLINAIRE

Anh có nghe
Đập trên ngực đá
Những quả tim nhỏ nhỏ
Những bông hải đường trong vườn nhà tôi
Từ nửa vòng trái đất
Tới nằm trên ngực anh

Trên những dấu chân bờ sông Seine
Tôi nhảm từng câu thơ anh
Trên từng dấu chân anh
Xác lá ngô đồng lẫn cùng
Phân chó

Từ đỉnh tháp Eiffel tôi phát hiện thơ anh
Nàng chẵn cừ Eiffel với bày cầu be be dưới chân²⁰
Cả Paris là cánh đồng nho²¹
Chi chít sáng

Một nhà thơ Pháp hỏi:
“Mộ Apollinaire ở đâu?”

²⁰ Thơ Apollinaire : «*Ôi tháp Eiffel nàng chẵn cừ bày cầu be be sáng nay*»

²¹ Thơ Apollinaire : «*Paris cuối tháng chín đẹp sao/ Mỗi đêm hoá một ruộng nho...* »

BÀI THƠ TRÊN NÚI

Gửi Ngô Mai Phong

Bao lần qua đây
Chưa từng muốn xem bài thơ trên núi
Hôm nay xế chiều mưa bụi
Bỗng hăm hở leo lên.

Nhưng trời ả sao đôi chân run rẩy
Có phải tuổi trẻ đã vĩnh viễn rời bỏ ta?
Có phải vì chén rượu Mao Đài bạn ép
Mà tim ta nghẹn thắt?

Ta không lên được đỉnh Bài Thơ
Dù bậc xi măng đã xây đến đỉnh
Hay chính vì bậc xi măng đã xây?

Ta không lên được đỉnh Bài Thơ nữa rồi
Ta sẽ chẳng bao giờ lên được Bài Thơ trên núi

Hai năm sau
Đọc thơ ta bạn nói:
Thực ra Bài Thơ không ở trên ngọn núi
Mà ở dưới chân, phía lưng núi quay ra biển

1/1/2003- 1/1/2005

TIẾNG ĐẬP CỦA KHÔNG GIAN

Có những buổi đứng
ngồi không yên
như mắc
nợ việc gì đó
mà không sao nhớ được.

Gió hướng tây
lùa vào phòng
hướng nam
mở hết cửa vẫn
bí bức

Nổi mạng xem thế giới
nghìn dặm ai
nghĩ đến ta

Hôm nay modem thút
thít
lạ
Không gian oan trái
chuyện gì

Ta có thằng em chết
trận
ba mươi năm không
tìm thấy mộ
Ta có
thằng bạn phần chí
tìm đường thay đổi bé
tắc
trốn cô đơn giữa quê
hương bằng cô đơn biệt xứ!

Inbox hiện
những dòng chữ Việt
không dấu
như một thân thể khuyết
tật
như thông điệp
biến dạng qua giấc mơ

Như lời dối
dăng
bên kia mô:

“hay tap lam nguoi binh thuong”

MADE IN USA

MADE IN USA

Tìm mua cho em một món quà
made in USA

Made in USA
Quần jean Levi's chính hiệu USA
Quần Levi's bây giờ made in Guatemala
Ví đầm Claiborne chính hiệu USA
Ví đầm Clairborne bây giờ made in China
Giày Fila chính hiệu USA
Giày Fila bây giờ made in India

Chính công làm tại USA
Có máy bay tàng hình...
Có bom xuyên hầm ngầm...
Có tàu con thoi...
Có...
Có...
Có đủ thứ sẵn sàng giáng đòn phủ đầu đòn trừng phạt

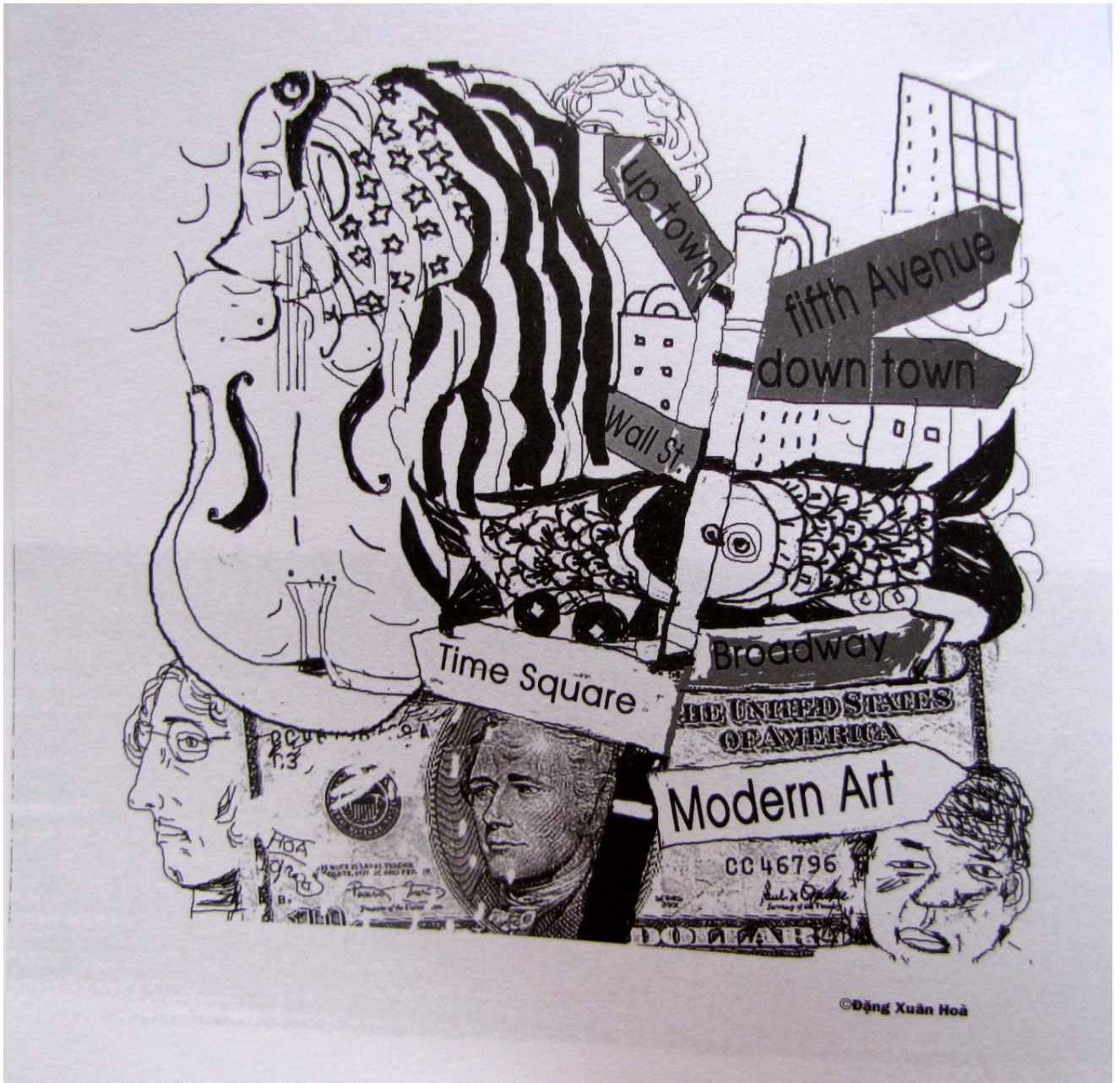
Những người làm ra đủ thứ ấy
Đến từ India, China, Guatemala

XA LỘ THÔNG TIN

Vào xa lộ
tìm ai
vùn vụt sắc màu bay
chóng mặt
người rẽ lối nào
lạc nhau
mấy vòng trái đất

Vào xa lộ
ta tìm ta
rừng chữ
Ta thấy ta rồi
Sảng sặc cười
Nước mắt một đời
đổi một dòng hư ảo
thế thôi?

Xa lộ thông tin
Vun vút gigabite
Lỡ một giây
Đành làm kẻ bên lề
Mãi mãi



Phụ bản 5: Đặng Xuân Hòa

AMERICA

I

Gửi Paul Hoover

Ga bay LAX²² xám xịt
Gã an ninh không cao lớn như tôi tưởng
Hành lý tôi không bị mở vì anh hải quan da đen thích tìm hiểu sử Việt Nam.
Toát mồ hôi tìm lối chuyển đường bay
Bỗng sững sờ hoa đào bùng mặt phố

Cầu Cổng Vàng ngang trời đỏ chót²³
Nhà thơ hiền và cao như cây xích tùng

Tĩnh dậy một mình giữa căn phòng kính
Nằm xem chim mổ hạt trong vườn
Đàn vịt trời bơi tung tăng hồ nhà
Sao nhớ quá tuổi thơ không trở lại

Đêm lẠc lối quanh co chân núi tối
Chợt rằm trắng trên vịnh San Fran

Đâu nhà chọc trời đâu quay cuồng đèn màu đâu bê tông sắt thép
Chỉ thiên nhiên bí mật vĩnh hằng
Bóng nai ngẩn sau cành lá
Rừng tùng ngàn năm đỏ, mọc im lìm.

²² Tên viết tắt của sân bay quốc tế Los Angeles

²³ Cầu Golden Gate ở San Francisco tên có nghĩa là “Cổng Vàng” nhưng lại sơn màu cam đỏ

II

Tưởng nhớ Lorca và Ginsberg

Những hành lang siêu thực dài vô tận dẫn đến những con số hiểm hóc giữ vận
mệnh thế giới
Những uy quyền ngạo nghệ chín tầng mây phút chốc thành hộc huyết thăm
thăm
Cao ốc chịu tang cột nhà mồ đen dựng nổi đau thấu trời
Những toán da màu chiu chít rừng building sáng trắng
Những hoạ sĩ nghèo thấp ngọn đèn cày bôi máu súc vật lên tấm toan rách
giữa ngôi nhà hoang cách Phố 5²⁴ phồn hoa mười lăm phút đường ngầm
Ly rượu tequila²⁵ bốc nhịp rumba ấm lòng khách lạ đêm Brooklyn²⁶ lạnh ngắt
Giữa náo loạn cuộc vui người Đen trên bến tàu Hudson²⁷ tầm tã
Nhớ tiếng thét Lorca đêm ác mộng ma đê

Và Allen Ginsberg! Tôi đi tìm ông đây!
Times Square²⁸ của ông là những ngã tư đường chen chúc khách thập phương
Tôi cản ngang cái *hot dog* một *đô* lạnh ngắm người Mẽ da chì người Hoa da
nghệ lao nhao trên khắp lề đường
Căn hộ của ông ở East Village đã bị cho thuê một nửa làm câu lạc bộ vớ vẩn
gì đó
Trong khi bảy sắc cầu vồng tung bay giữa khu phố *gay* và chân dung bạn ông
Jack Kerouac²⁹
Nhoẻn cười trên đường phố Frisco³⁰

²⁴Fifth Avenue, một con đường trung tâm của New York

²⁵Loại rượu “quốc túy” của người Mexico

²⁶Một quận ngoại vi TP New York

²⁷Một trong hai con sông bao quanh bán đảo Manhattan - địa bàn chính của TP New York

²⁸Khu trung tâm quảng cáo và giải trí lớn nhất New York, Ginsberg có bài thơ rất hay “Trở lại Times Square mơ về Times Square”

²⁹Nhà văn thuộc thế hệ Beat, tác giả cuốn tiểu thuyết “On The Road” (Trên đường), sinh thời bị giới bảo thủ phê phán, nay được coi như danh nhân của thành phố San Francisco

³⁰Tên tắt của San Francisco

Manhattan³¹ trong mưa
Dặng cao ốc nhấp nhô
nhập nhoà
nhấp nháy
Như đảo kỳ bí như núi ma trôi
Chờ đón những hồn tàu đắm
Giữa phố Wall vắng ngắt như họng con quái vật khổng lồ
Nghe tiếng chân mình bước
Ngoài cửa sông Hudson nàng Tự Do³² đứng cô đơn le lói đuốc giữa sương mù
Trăm con tàu lượn đến chào nàng nhưng không đến gần nàng được
Tự Do! Tự Do! Một đời khao khát phút này nàng vẫn cách xa

America America
Những xa lộ dọc ngang vun vút 18 bánh xe của người cả mặt đất chịu
Những đèn đuốc sáng trưng ngày đêm của người cả bầu trời chịu
Những đại học mênh mông của người cả tuổi thanh xuân được
Những bãi cỏ xanh rười rượi có thể nằm lăn bất cứ chỗ nào của người cả thế
giới được
Bệnh béo phì của người cả giống người chịu
Bạo lực tivi của người cả tương lai chịu
Người thiên đường hay địa ngục ác quỷ hay thiên thần
Những câu hỏi nghìn năm đang tìm lời giải đáp trong hàng trăm mê cung trí
tuệ
Trong khi Hollywood chế tác giấc mộng ngày với tốc độ mỗi ngày một giấc
Vẫn không làm chùn chân kẻ đứng trên cầu nhìn dòng nước cuốn
Những gian hàng dăng dăng thế giới ảo hay là đời thực
Cho lạc đường những kẻ không may

³¹ Bán đảo tạo nên địa bàn chính, sầm uất nhất của TP New York

³² Sau vụ 9/11/2001 đảo Thần Tự Do tạm thời không cho du khách tới.

III

“Ta là ai trên xứ sở này?
Vì sao ta tới đây? Ta tìm gì? Ta muốn gì?”

Hương nếp mới nghẹn ngào người xa xứ
Trưa Cali thơ Nguyễn Trãi lặng người
“Đất hứa” phục những đòn bâm tím
Chết không xong thì phải sống thôi

Những câu thơ
Một mình đọc một mình tan nát

Nhưng bốn quả cam Vinh thoát hải quan về nằm lay lắt xó buồng
Tự lúc nào anh đã quen vị ngọt cam Mỹ không hạt

Như anh phải làm quen giọng Mỹ
Tập phân biệt âm “*of*” với âm “*off*”

“Để dịch thơ Việt ra tiếng Mỹ”
Hình dung ngày trở lại
Vênh mặt với làng thơ ao tù

Nhưng trước khi ngày ấy tới
Thì anh sẽ quên và sẽ quen
Rồi anh sẽ tập làm thơ tiếng Mỹ
Để thêm một mối hận không được thừa nhận

Rồi con anh sẽ làm thơ tiếng Mỹ
Thành nhà thơ Mỹ gốc Việt
Còn anh một lần nữa dở hơi
Ngay trong nhà mình

Thế đấy Đỗ ơi
Chạy đâu cho thoát

ĐƯỜNG ĐỔI NGÀY

Nơi phía đông thành phía tây
Nơi ngày thụt lại một ngày
Nơi phía tây thành phía đông
Nơi ngày nhồi lên một ngày
Cả hai lần pháp phòng chờ đợi
Phút vượt qua ranh giới
Hiếm có trong đời
Cả hai lần tôi đều ngủ quên
Chỉ vì chiếc ghế máy bay êm!

NÚI BĂNG

Vượt ngàn dặm bay vượt mấy múi giờ
Vẫn xa tít núi băng lấp loá
Ân hiện lưng trời tiếng gọi
Kiếp này biết đến được hay không?

BÊN DƯỚI TÔI

Tuyết trắng

Đất nâu

Núi xám

Cát đỏ

Đồng xanh

Những ô nhà chuồng trại

Một con đường vạch thẳng đến vô cùng

Ước máy bay chẳng bao giờ đỗ xuống

BẠN THƠ

Bốn năm tuyệt tích
Phút gặp lại ngỡ chuyện viễn tưởng
Thằng bên lê thằng chạy trốn quê hương
Gặp nhau ở “thiên đường”
Ha hả cười trong chiếc xe phi 100 dặm giờ xa lộ

Chuyện viễn tưởng thành sự thật
Nhờ Thơ.

Lại nghe mày nói khoác
 Ngược ngạo
 Cưỡng bức
Trong bàn nhậu
Và ân cần
 Tha thiết
Lúc riêng tư

“Bốn năm đi *Kinh tế mới* Hoa Kỳ
-mày chìa bàn tay sứt sẹo-
“không nề bất cứ việc gì một thằng nhập cư từng làm”

Thê thảm và quyết liệt
Ta biết chỉ có Thơ giúp mày sống sót

Ba ngày sau
Trên chiếc xe phi 100 dặm giờ xa lộ
Hai thằng đỏ mặt tía tai cãi lộn về một bài thơ
Sẵn sàng chia tay lập tức.

Thơ ôi là Thơ
Mày là cái gì thế hả Thơ?

CÂU CÁ TRÊN VỊNH MEXICO

Gửi hai em Tân-Quang

Thuyền máy rồ sóng
Rada hiện luồng cá
Nghiêng ngửa sóng đập mặt
Bờ Clearwater³³ lùì tí tấp

Buông câu hồi hả
Quýu tay quay
Cong cần

Ồ con mú bông to chần rần
Cá
Cá
Cá
Tới tấp
Cuồng quít
Rã rời

Đầy một khoang rồi
Vứt trả lại biển
Chỉ mang về một mú bông thôi

³³ Thành phố bên bờ vịnh Mexico, bang Florida.

Mới đây mà như đã rất xa
Con mưa rào Đại lộ 5 ta nép vào cửa kính
Thư viện New York dậy mùi sách mới
Cờ vẫn bay trên phố và nắng trắng trên cao

Như đã rất xa
Con chóng mặt trên sân trời Empire State Building³⁴
Thăm thẳm vực sâu giữa rừng cao ốc

Nhạc Dvorak³⁵ vang trên thảm cỏ ta nằm
Ngược nhìn những vệt máy bay bay qua bầu trời Central Park³⁶
Em bảo em nhớ tiếng kinh cầu giữa rừng Lumbini³⁷

Nhìn về Manhattan lấp loé ngàn đèn
Cửa ngõ Thiên Đường của người vượt biển
Em thở dài thương những ai không cập bến

Mới đó mà xa như giấc mơ đêm trước
Đẹp như những gì đã thành kỷ niệm
Trong ta

³⁴ Toà nhà cao ở New York, mở cửa cho khách du lịch lên sân thượng để ngắm toàn cảnh thành phố từ trên cao.

³⁵ Nhạc sĩ người Mỹ gốc Tiệp, tác giả bản giao hưởng «Thế giới mới» viết ở Mỹ ít lâu sau khi ông nhập cư.

³⁶ Công viên Trung tâm New York, mỗi mùa hè ở đây có những đêm nhạc cổ điển chơi cho hàng vạn người nghe miễn phí.

³⁷ Thánh địa Phật giáo nơi Phật Thích Ca ra đời, hiện ở Nepal.

HIMALAYA & MANHATTAN

Những núi tuyết vàng kim rực rỡ
Những lâu đài huyền hoặc trong mây
Những ẩn tu hang lạnh nghìn năm
Ta ngửa mặt và ngừng thở

Xây chân là vực thăm

Những cao ốc ngát trời lộn nước
Triệu vì sao đáy biển lưng mây
Giữa căn phòng tít tắp trên kia
Một nhà phát kiến thay đổi văn minh nhân loại

Hay một tên khủng bố?

SÓNG & CHẾT



Phụ bản 6: Trần Lương

CÁI CHẾT

Gửi Mươi

Không sợ chết mà sợ phút giây tổng kết cuộc đời
Đã bao lần ta thử hình dung phút ấy

Mẹ tôi cứ thế ngủ quên
Sau trận cười ròn rã buổi trưa
Nhẹ tênh kết thúc
Bảy mươi năm không bận tâm hai chữ lỗi lầm

Cha tôi không dậy nữa
Tối hôm trước người còn nằm nghe
Con cháu bàn ngày mừng thọ.
Chín mươi năm trầm ngâm trải nghiệm
Huy hoàng và thất chí, gắng sức và buông xuôi
Bắc cân lên đời buồn hơn vui

Anh tôi vật vã ra đi
Con hôn mê nhân tạo không át nổi tiếng đau
Bốn năm kiên cường sống cái chết được báo trước
Một năm da bọc xương
Còn quày quật khi thay áo liệm
Không cam chịu cái chết vô lý
Miệng còn giữ khuôn hình tiếng kêu
Dương vật không nằm xuống

Còn tôi sẽ chết cách nào đây?
Chết mòn chết mỏi
Trước màn hình tivi?
Chết dần mỗi sáng trong bài múa tham sinh tập thể?
Chết nghìn lần trong mắt em?

Không. Cái chết ấy tôi không chịu nổi

Tôi ước mình chết trong một chuyến đi

Máy bay rớt

Biển cả là mồ

Không tang ma rườm rà

Không bán khoán ai khóc ai tiễn ai cười ai vờ che mặt

Dưới đáy biển sâu

Tôi chờ một nhánh hoa nước mắt

Của riêng mình em thôi

3/9/2003

MÁY MẮT

Máy mắt tay trái
Em một đời chớp đong

Xin cho em một đêm yên giấc
Sáng mai vàng trán phẳng phiu
Đón rui ro như khách

04/7/2004

CHẬU CÂY TRONG NHÀ

Vươn ra nắng
Mọc những đôi cánh lá
Trong veo

NHÀ SẮP XONG

Mùi sơn tường còn nồng
Những bức tranh nằm một đống
Dây điện thông những điếm sẽ lên đèn chưa thể hình dung kiểu

Sắp chằm dứt những ngày đánh vật
Với đám thợ tặc trách
Điên đầu sửa đi chữa lại
Những bữa cơm bụi quệt miệng
Những tối mệt nhoài cọ cọ lau lau
Dọn cho hai đứa một khoảng ngủ co

Mệt mỏi quá rồi nhà nhà cửa cửa
Sợ vãi linh hồn

Bình an sắp tới
Trong ngôi nhà mới sắp xong
Bồn bê cửa sổ
Sàn gỗ
Bồn tắm nóng
Máy lạnh
Bếp ga xịn
Máy hút mùi
Máy giặt sấy tự động
Có thể yên hưởng đến lúc xuống mồ

Nhưng kìa, linh cảm nổi chán chường
Đang rình rập đâu đó
Để nhen lên
Ngay ngày đầu tiên trong ngôi nhà mới bắt đầu

Cũ

SINH NHẬT

Lên một chuyến xe bus bất kỳ
Bước xuống một nơi chưa từng đặt chân
Giữa lòng thành phố

Vườn thú xác xơ thu
Trong tiếng nhạc “cân đo sức khoẻ”

Dan tay đi qua những dãy chuồng hiu quạnh
Những gia đình khỉ bắt rận cho nhau
Con kên kên tròng mắt trong lồng
Sư tử châu Phi - chó vàng dài ngoẵng
Nằm ngủ trên đất bần
Voi gày đứng đu đưa như kẻ dở người

Em mua tặng anh con tò he ngũ sắc
Giữa trái tim màu đỏ
Có dòng chữ “I love you”
Anh mê mãi nhìn ngón tay chú thỏ nặn
Vắt thêm hàng số hôm nay mình bạc thêm một tuổi
24112004

Bắp ngô non ăn mừng sinh nhật
Quạt thơm via hè
Hai đứa cười như hai trẻ nhà quê
Được ngày ra phố

ĐƯỜNG LÊN NÚI TUYẾT

MƯA BANGKOK

Mưa Bangkok nồm nớp
Mùi sầu riêng
Áp lực màng tang một cái chợ vỉa hè

Thèm trận mưa Sài Gòn trắng trời trắng đất.

Chiều nay Hoàng Cung đóng cửa
Cô “gai”³⁸ gốc Hoa đổ tôi vào trung tâm mỹ nghệ cắt cỏ
Anh tuk – tuk mặt đen toét cười chìa tờ rơi đây hình gái mat-xa béo núc
Pát poong Pát poong³⁹
Nghe như tiếng rao bánh bao ngon

Tôi không hiểu nổi
Làm sao trên cái đồng bầy hầy hai chân tôi đang dính
Lại mọc lên những cao ốc trắng lẹ kia
Lại phóng đi xa lộ trên không vút tới cổng trời
Tôi làm sao hiểu nổi
Thành-phố-thiên-thần⁴⁰ toàn những người bán lẻ niềm vui trần thế

Thailand-mỉm-cười⁴¹
Thigh Land-đùi-dài⁴²
Lớp lớp thiếp vàng trên mình Phật nằm Phật đứng
Một trăm lẻ tám quả chuông rộn rã lối vào chùa

Tôi ngần ngơ theo gót chân trần dưới lớp y vàng rực
Đi trong bùn đi trong mưa.
Mình hành khát gì đây hành khát một niềm tin bên trên lý lẽ?
Hành khát nụ cười phi-du-lịch của em?

Chỉ còn hơn một giờ bay là về đến Sài Gòn
Vẫn không hiểu mình tìm gì ở Bangkok?

³⁸ Guide: hướng dẫn viên du lịch.

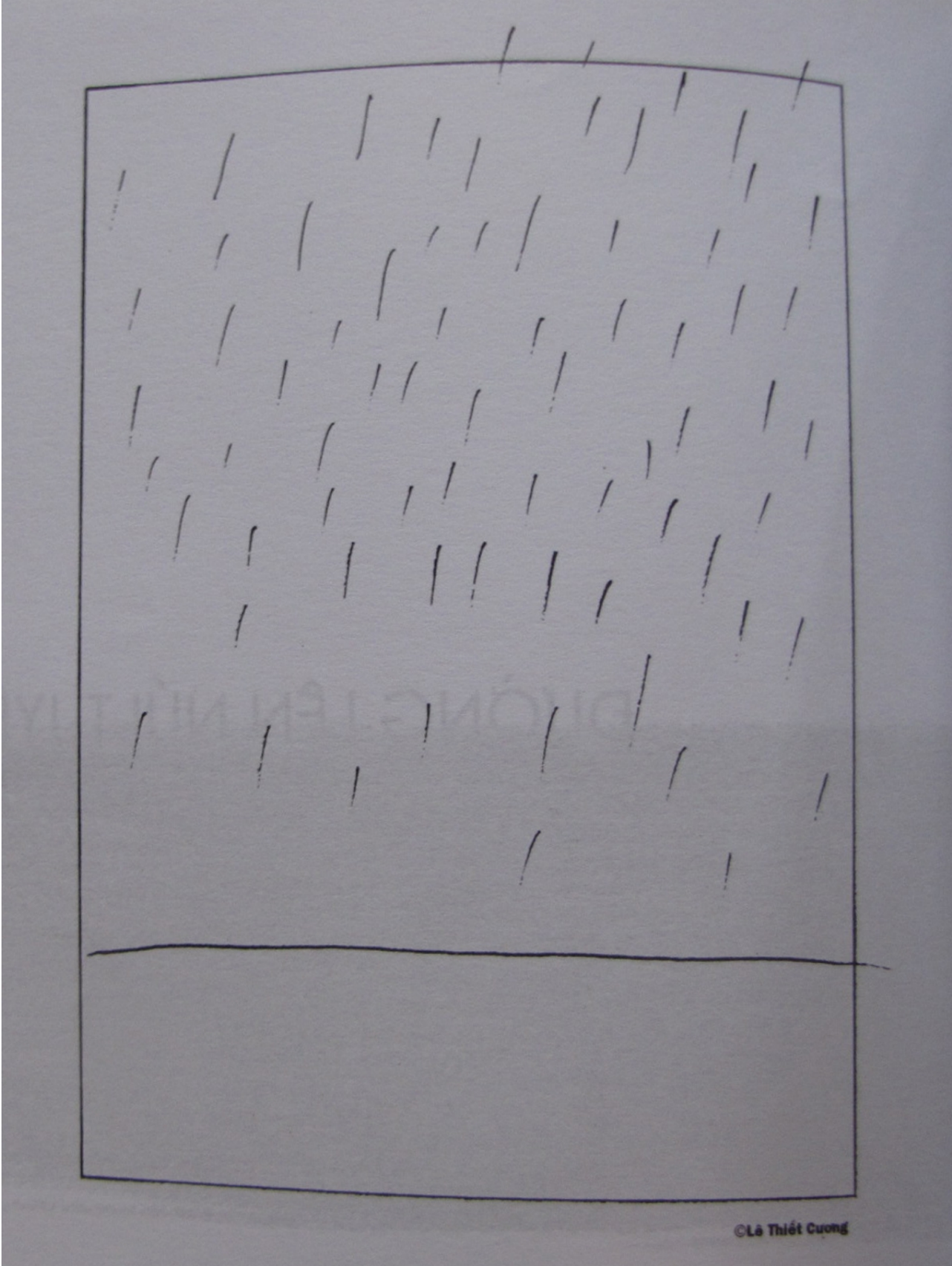
³⁹ Tên khu ăn chơi nổi tiếng nhất Bangkok

⁴⁰ Bangkok tên tiếng Thái là Krongthep, nghĩa là “Thành phố của các thiên thần”

⁴¹ Khẩu hiệu của ngành du lịch Thái Lan (Smiling Thailand)

⁴² Những người công kích công nghiệp du lịch tính dục của Thái Lan sử dụng cách chơi chữ đồng âm khác nghĩa: Thigh Land, có nghĩa là “Xứ sở của bắp đùi”, phát âm giống Thailand (Xứ sở của người Thái)

Phụ bản 8: Lê Thiết Cương



NGHE QUẠ KÊU Ở CALCUTTA

Người phu xe ngồi khâu áo
Chiếc áo rách từ thuở chưa có cội bồ đề
Giữa tiếng quạ kêu
Người phu xe chăm chú đường kim mũi chỉ
Quên mất mình đang đợi khách

Quạ kêu quạ kêu lẫn dần kèn xe buýt inh ỏi
Hai viên Xá Lợi lấp lánh trong nhà bảo tàng
Thần Tara⁴³ vận mình theo nhịp vũ trụ

Quạ kêu quạ kêu ở Calcutta
Người bán trà sữa mang họ Barua vốn dòng Thích Ca
Dòng Thích Ca bị người đời truy sát
Người bán trà sữa ngồi xếp bằng rót một vòng trà cho bọn du khách hiếu kỳ
Món trà sữa từ thời Đức Phật

Quạ kêu quạ kêu lẫn tiếng rùng rùng những toa xe điện vừa chạy vừa long ra
Hai bên hè phố
Người chờ việc ngồi bẻ ngón tay trong nắng
Lòng đường mấp mô đen bóng những viên gạch trăm năm

Quạ kêu quạ kêu trưa nắng
Chạy túa ra
Bầy taxi – bọ cánh cứng màu vàng
Cả thành phố người xe lúc nhúc
Hăng nồng hương liệu nghìn năm

Xa lắc rồi
Cõi buồn vui hờn giận của chúng mình
Cõi lo toan vất vả của chúng mình
Anh cầm tay em
Buông mình vào cõi khác
Giữa tiếng quạ kêu ở Calcutta

⁴³ Một nữ thần hộ mệnh của người Tây Tạng

SÔNG HẰNG

Mặt trời lên sông Hằg
Còn lại bóng đêm xác con trâu mộng
Những đàn thiêu nôi lửa ven bờ
Ánh bình minh trên vòm đá cổ

Trần xuống sông bày người ngũ sắc
Xin nước sông rửa sạch tội tình
Lão du-già sát đây mình tro tử thi vừa nguội
Uớp xác phàm bằng hương liệu sắc-không

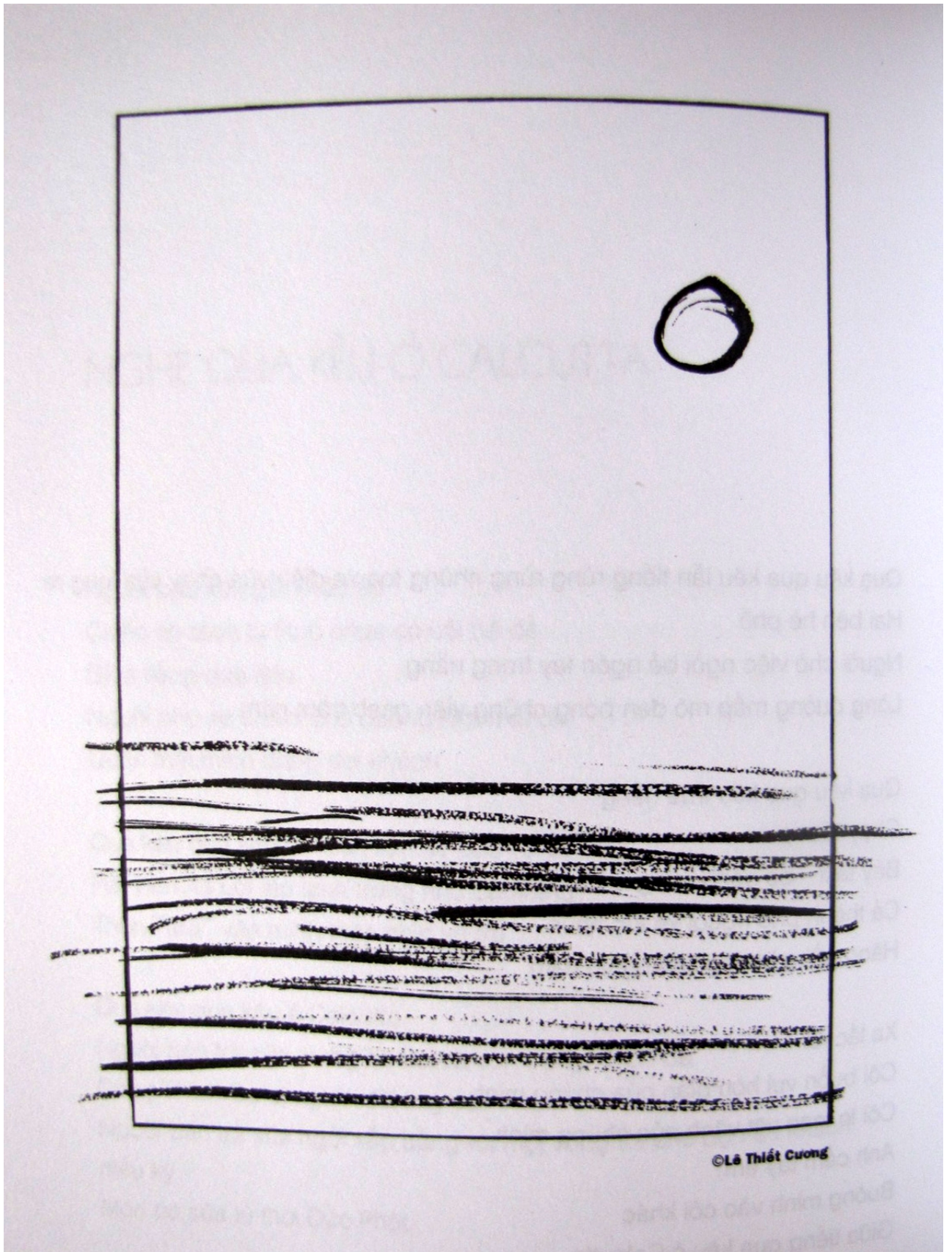
Sông Hằg sông Hằg cho tôi một giọt nước thiêng
Một giọt nước thôi
Giọt nước nào tẩy hết ưu phiền
Sông Hằg sông Hằg cho tôi chết giữa dòng để tái sinh làm nhà thơ hay
thiền sư lang bạt

Mặt trời lên
Loé cười hàm răng anh bán cá
Suốt buổi sáng anh nhẫn nại đeo bám du thuyền
Để bán cho bằng được một giỏ cá tươi

Nụ cười sông Hằg
Trên mình con cá em phóng sinh
Trên chiếc nhẫn ngón tay em đuổi theo làn cá

Nụ cười sông Hằg
Triệu triệu năm sông nhẫn nại chở Hi Mã Lạp Sơn về xuôi
Nước sông đỏ tươi
Bao giờ mòn hết núi...

Phụ bản 9 : Lê Thiết Cương



CHÓ RỪNG

Suốt đêm nghe chó rừng hú quanh đồng cỏ
Chúng vừa hú vừa chạy nhanh như gió

Có khi rồn đùa như trẻ chạy chơi
Bọn trẻ Tây Tạng không biết mình sinh ra trên đất khách quê người
Có khi than khóc như trẻ đói ăn
Những đứa trẻ trong làng Nepal mắt đen viền sâu hoắm

Có khi tiếng tù và tiếng niệm chú rền rĩ trong Đại Tháp Hoa Sen
Làm bè trầm cho hợp ca chó rừng lạnh lạnh

Suốt đêm thao thức hồ nghi
Tiếng chó rừng có thật không có thật?
Tiếng vô minh
Hú lên lừa mị trên đường ta đi tìm sự thật?

Gần sáng khoác áo ra rừng
Bắt chước tiếng hú gọi chó về
Bỗng mắt mắt mắt mắt
Chi chít mắt xanh
Nhìn ta trong bóng đêm

Im lìm

LỰA CHỌN

Gửi Ngô Mai Phong

Những con chó nằm say ngủ trên lối vào Bồ Đề Đạo Tràng⁴⁴
Cho ngon mộng chó, khách hành hương nhể nhại
Đi vòng sang bên
Vừa đi vừa tụng *bồ đề dạ bồ đề dạ*⁴⁵
Vừa khi chiếc lá trên cây ngàn năm
Rụng xuống
Vừa khi đám hành khất ùa đến
Lời than van lẳng nhặng gáy anh

Phút giây ấy
Anh móc túi tìm đồng bạc lẻ
Hay giờ tay đón chiếc lá
Hay chụp bắt sự an lạc của bầy chó
Vào camera con mắt thứ ba?

⁴⁴ Thánh địa Phật giáo, nơi Đức Thích Ca thành đạo dưới cây bồ đề

⁴⁵ Lời trong Chú Đại Bi của Phật giáo

MÙA KHÔ

Mênh mông lòng Ni- Liên- Kiên⁴⁶ gió chạy cát bay
Bầy chó đói chạy nhông theo chân người đi bãi
Bìa làng bóng xari⁴⁷ cúi xuống bãi phân bò bốc khói
Năm xưa Người già từ hang núi xuống làng này
Và thành đạo dưới cội cây

⁴⁶ Con sông mà Thái tử Tất Đạt Đa đã lội qua để đến ngôi thiên và giác ngộ dưới cây bồ đề.

⁴⁷ Trang phục truyền thống của phụ nữ Ấn

BÊN MÁI CHÙA

Trống không giữa xanh um
Cây tùng năm xưa sét đánh bật gốc

Phụ bản 10: Lê Thiết Cương



TUYẾT SƠN

Cố đợi ngày trời trong
Có thể ngắm rặng tuyết sơn
Xa ngoài trăm cây số

Chờ hết một mùa
Trời mờ mịt sương

Đường lên núi sừng nổ
Xe cháy

Sáng nay đôi chim hạc bay về
Mang trên cánh
Tuyết núi xa



©Lê Thiết Cương

NGHE

Lặng mà nghe
Tuyết tan đỉnh núi
Nghe trẻ hát đường non
Ngõ lối về nhà

Nghe hạc gọi
Trong sương dày
Lội sương đi tìm
Thấy sừng tháp trắng

Nghe nắng trưa
Vỡ trên cành
Nghe nhịp mõ
Từ lòng đất

Nghe rừng xê-xan⁴⁸ nở
Trên đầu sừng nilgai⁴⁹

⁴⁸ Loài cây rất phổ biến ở vùng Bengal Ấn Độ và Nepal.

⁴⁹ Loài thú rừng phổ biến ở Lumbini, đầu giống hươu, có bờm như ngựa.

TRONG RỪNG XÊXAN

Giữa cánh rừng xêxan
Tôi bắt gặp lũ trẻ trong làng
Đùa vui trên đồng rác thải du lịch
Những tràng hoa phơi bào trên tóc
Trên mình gấm vóc giấy màu
Chúng nhảy nhót hò reo
Như chưa từng đói khát

Các em hãy tới bên ta
Nhảy múa trên những ưu phiền của ta
Trên mình ta rác rưởi phù hoa
Hãy rửa sạch ta bằng tiếng cười
Trong vắt

THỨC DẬY TRÊN LƯNG HIMALAYA

Mở mắt. Núi tuyết ngoài cửa sổ
Giấc mơ có thực trong đời
Mở cửa. Nhìn ra tí tắp chân trời
Một chóp đen huyền hoặc
Lóng lánh trên đỉnh vương quốc trắng

Tuyết không bám được
Ngọn Sagarmantha⁵⁰
phơi gió

⁵⁰ Ngọn Everest theo tên gọi của người Nepal.

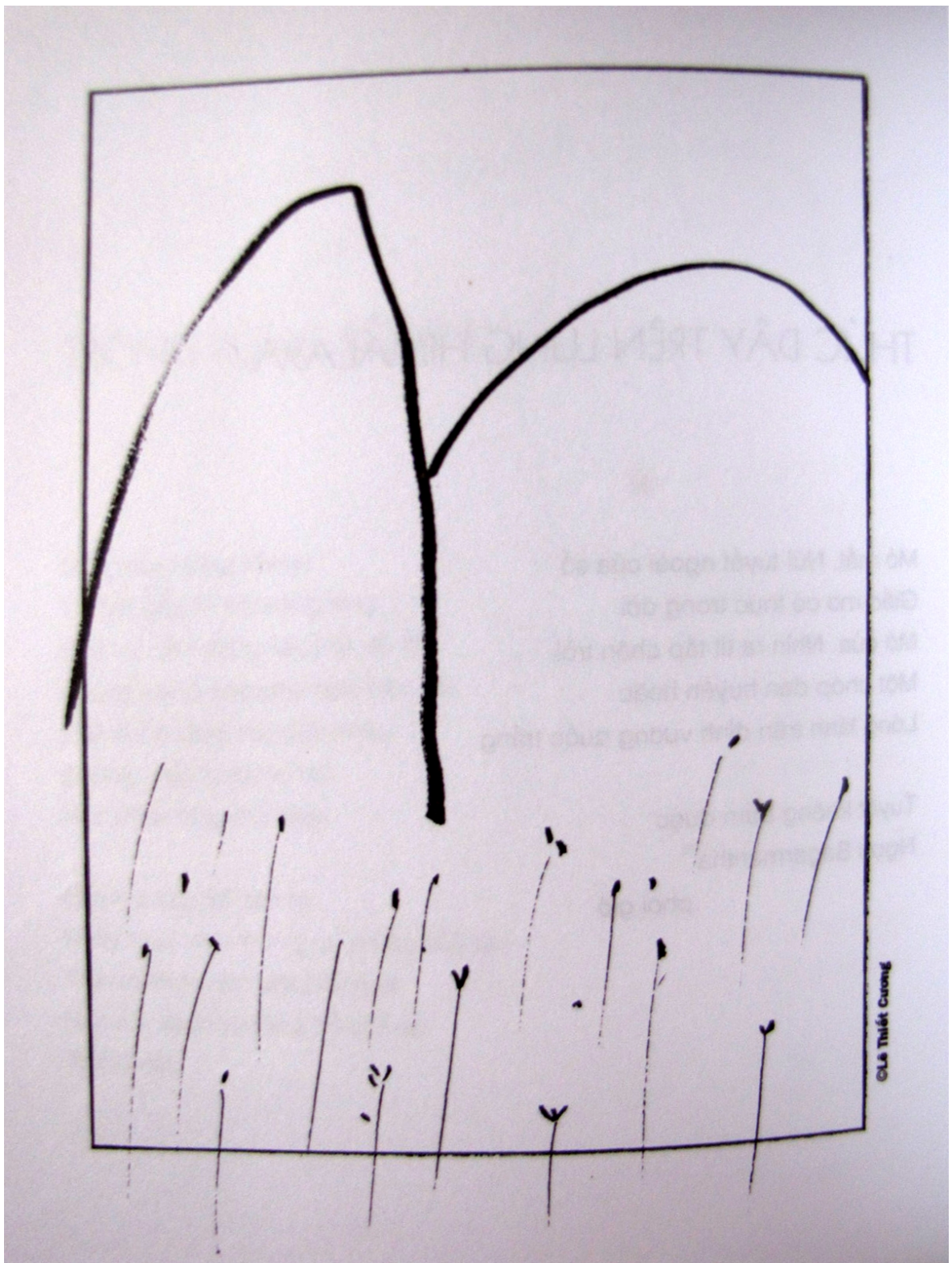
HOA ĐẠI

Triền hoa xanh mong manh
Chân núi tuyết
Thì thầm rủ ta nằm xuống

Nằm xuống và nhắm mắt
Quên hết chuyện thế gian

Không bao giờ trở dậy

Phụ bản 12: Lê Thiết Cương



©Lê Thịát Cường

BẬC THẦY

Kính gửi Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Thầy vào như hơi gió
Tặng đoàn rạng rỡ tuệ quang

An tịnh - mỉm cười
Đã về - đã tới
Bây giờ – ở đây

Tự do ngay phút này - hoặc không bao giờ nữa

Ở PHƯƠNG BẮC

Sân bay Berlin anh gọi em
Trước giờ bay lên Phương Bắc

Một đời mồ hôi một đời bụi bặm
Phương Bắc tuyết trắng giấc mơ đôi ta

Và tuyết đã rơi chào đón anh ở Oulu⁵¹
Lông tuyết bay là là
Những hạt đầu mùa tinh khôi
Đậu đầy tóc
Chiếc găng tay của em bỗng nằm trong túi áo
Anh nắm chiếc găng ấm như bàn tay em

Và anh đã đắm trên tuyết non ở Vành đai Bắc Cực
Những mũi tên chỉ về khắp hướng không chỉ hướng quê mình
Tuyết dưới chân ken kết

Và anh đã thức suốt đêm trong nhà trọ Rovaniemi⁵²
Chờ Bắc Cực Quang hiện
Người ta bảo ánh sáng thiêng liêng rửa sạch tâm hồn
Bắc Cực Quang chỉ hiện ra cho những người tốt số

Nhưng đời anh rui lắm hơn mây
Bắc Cực Quang chờ suốt đêm không gặp

Anh đã ngủ thiếp đi
Và giấc mơ anh tràn ánh sáng

⁵¹ Thành phố ở miền trung Phần Lan.

⁵² Thành phố nhỏ của Phần Lan sát Vành đai Bắc Cực.

VIẾT VỀ THƠ HOÀNG HÙNG

NGỰA BIỂN

Thụy Khuê

Hôm nay chúng ta đọc *Ngựa Biển* của Hoàng Hưng - một nghệ phẩm tình yêu. Thoạt trông tưởng chừng *Ngựa Biển* đã thoát khỏi những sạn cát của thời sự, nhưng không đâu, những đón đau đã len lỏi vào tâm cơ huyết quản tác giả, nó phân tán vụn nát, đã trở thành cát bụi. *Ngựa Biển* là cát bụi cất tiếng reo vui, là cát vàng rục bờ biển nắng, và những cát bụi ấy tìm nhau trong *Ngựa Biển* của Hoàng Hưng. Hoàng Hưng chọn thể thơ tự do, một thể thơ khó viết, khó đọc và khó thành công. Tôi không nghĩ đây là một tuyệt phẩm nhưng thơ anh có tính chất sáng tạo, thoát ra ngoài những ước lệ thường tình của những quy luật, niêm luật trong thơ và lễ luật trong đời.

Hoàng Hưng sinh năm 1942 tại Hưng Yên. Năm 1965 đoạt giải cuộc thi thơ của báo Văn Nghệ. Năm 1970 xuất bản tập thơ *Đất nắng*. Tập *Ngựa Biển* do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 1988 dường như đã gây khó khăn cho tác giả. Tuyển tập chia làm hai phần: phần đầu là thơ Tình, vốn vẹn 2 bài thơ, một bài không có tên, đề tặng M và một bài khá dài mang tên Người yêu miệt biển. Theo tôi cả hai bài có thể ghép làm một thành một bài thơ Tình dài. Phần thứ nhì là thơ cho bạn bè 11 bài có dài có ngắn và phần sau cùng là Thơ vụn hiện chỉ có một bài gọi là thơ thì không đúng mà văn thì cũng sai. Bây giờ chúng ta đi lại từ những hàng đầu bài thơ Tình không tên "Rồi một ngày... đã yêu". Tình dậy một mình đầm nước mắt, thôi chúng mình đã yêu. Kinh nghiệm nào chứa chan hạnh phúc và tràn đầy đau thương như kinh nghiệm tình yêu. Nhưng sao lại Ngựa và tại sao lại Biển, ngựa xưa nay biểu hiện nhiều điều, ngựa có thể là cái khí phách vùng vẫy đầy nam tính và ngựa còn là cái bản năng cuồng nhiệt của thể xác vùng vẫy trong nhục cảm yêu đương. Còn biển, biển là gì? Biển là biển đời, biển là đời, biển là người, như Hoàng Hưng viết: "Qua chiều dầy thành phố/Anh cảm thấy biển khơi/Qua chiều dầy đời người". Biển cũng là vũ trụ bao la tràn ngập sóng tình, biển là thiên đường của trần gian, một trần gian ngập ngựa, hoang mang và cạm bẫy: "Bãi dài ngập nắng em ơi/bãi nắng/ Nhưng thịt da em – ráng chiều vụt tắt/ Cát không màu khấp dưới bàn chân...". Biển còn là địa ngục, là màn lưới chôn vùi giam hãm những hoài vọng và dục vọng của con người: "Lưới thu đóng bạc mình thu em ơi/ Mắt em nhìn ta qua lưới thưa/ Xa lạ như là con mắt cá/ Sắp quẫy vào lòng biển sâu". Biển vô cùng vô tận phi lý và vô phương giải lý, "đừng mong chờ ai hiểu/ giải bày làm gì". Vì biển là em nên biển còn là hạnh phúc, hạnh phúc không dễ có, muốn có hạnh phúc phải tra vấn mình và phải tìm kiếm rồi mới hiểu và hưởng được hạnh phúc: "Anh mới hiểu rằng em là biển em/Bao nhiêu năm anh tìm". Hạnh phúc thường là ảo ảnh chợt đến chợt đi, tan vỡ rồi tan

biển, cho nên trong hạnh phúc có hoài nghi và bi quan, bởi vì khi con người nhận thức thấy mình có hạnh phúc thì hạnh phúc đã và đang trôi qua: "Em chín đỏ mà không sao hái được"... "Nhong mùa hạ đã ra đi/ Chân trời xa không ngân nắng... Chắc biển ngoài kia cũng xám/ Lạnh co những sóng rộng dài". Em là thứ người đi chercher midi à quatorz heure tìm trưa trong chiều, em tìm ảo ảnh và em là ảo ảnh.

Đọc thơ của Hoàng Hưng, chúng ta không đọc một bài thơ, một câu chuyện tình, mà chúng ta ngắm những bức tranh được họa từ tiềm thức vô trật tự theo logic cổ điển, nhưng có trật tự của tâm cảm, một thứ trật tự mà không logic nào của lý trí có thể giải lý được. Anh muốn "lên cao bắt làn khói trắng", "bắt đàn chim trời" và anh muốn nhiều thứ nữa. Trong những cái muốn phi phạm ấy, có một cái muốn lạ kỳ, đam mê và đê mê tuyệt diệu: "Anh muốn ngược hơi thở em nóng bỏng/Vào tận hồn em".

Biển là em, biển là hạnh phúc cho nên biển còn là hy vọng. Biển hay em như ngọn gió thu, ngọn gió thu mà anh đợi mà mọi người chờ đợi từ nhiều thập kỷ. Bài "Chờ đợi gió thu" là sự chờ đợi của một người hay của muôn người. "Chiều nay ráng đỏ/ Chừng mai trở gió cho chăng?". Rồi gió thu cũng đến, đến một cách muộn màng, đến kịp trước khi tất cả đổ xiêu tan vỡ. Hoàng Hưng bi quan nhưng không tuyệt vọng và như muôn vạn tâm hồn trong chúng ta không mấy ai tuyệt vọng: "Sớm mai tỉnh giấc/ Ngập phòng heo may/ ô gió thu đã đến".

Sau cùng Hoàng Hưng đi vào thế sự hôm nay, biển còn là thảm cảnh của cuộc đời và biển đối với dân tộc ta, lúc này, trở thành một biểu tượng khó phai, khó nói, khó diễn tả bằng lời, nhưng Hoàng Hưng tìm được cách nói trong thơ: "Có những người tìm ra biển ngày giông/ Mưa chợt đến chợt đi biển xâm biển sáng...Chân sóng có nổi buồn/Nổi buồn mọc và đỏ/Gió dài không muốn về"; và đôi khi Hoàng Hưng không nói bằng thơ, không nói bằng văn mà nói bằng thần chú: "Đi sắp đi, tươi sắp tươi, phất gió lá sáng. Rầm tươi rầm tốt rầm một rầm mai, con thuyền chạt chội"... "Nghe, nghe và đắm mộng, buồn dứt thuốc lá... Đen. Đá. Đen. Đá. Đen. Đá. Phóng thích. Chết chìm". Những lời chú ấy gọi hồn, gọi biển của những người đi, đi tìm một lối thoát, biển ở đây là cứu cánh và cũng là tuyệt lộ, là cõi chết và cõi phục sinh, biển là mệnh số của bạn, của tôi, của Hoàng Hưng và của dân tộc mình. Biển là Ngựa, là bản năng vẫy vùng tìm sống, khao khát sống.

(Bài phát trên đài phát thanh Pháp *RFI* 1988)

NGƯỜI CHỈ ĐẾM ĐẾN MỘT

Thanh Thảo

Người chỉ đếm đến một là một người điên hiền lành. Điên nên "anh quên ngay từng bước vừa đi". Điên, nên "không biết chỗ bàn chân đặt tới". Và điên, nên anh "chỉ đếm đến một". Bao giờ anh cũng ở vạch xuất phát, và sau mỗi cú rướn người, anh lại quay về vạch xuất phát, không cần biết những nhà "vô địch" đã bút chạy tới quãng nào rồi. Hoàng Hưng, với thơ, cũng giống người điên hiền lành ấy. Và tôi, có chút nguệch ngoạc mấy dòng, cũng thấy mình gần giống như vậy. Cả đời cứ lẩn lẩn ở vạch xuất phát, tìm. Tìm cái gì? Tìm cái mặt. Mặt gì? Không biết. Cứ thế...

Tôi quá phục những nhà thơ thuộc vanh vách thơ của họ, từ những bài thơ "rung động đầu bờ" trở đi. Tôi nghĩ, chắc Hoàng Hưng ít thuộc thơ mình. Thượng Đế đã ban cho chúng ta thứ của cải quý báu vô ngần, là ngôn ngữ, thì tội gì ta không tiêu xài nó cho đã. Ngôn ngữ trong tay người làm thơ cũng giống như những cây que chiếc vòng... trong tay trẻ nhỏ, chúng có thể biến hoá nên bao nhiêu trò chơi, mà trò chơi nào rồi cũng chóng chán, cũng đòi người chơi phải bày ra trò chơi mới, khác đi. Cho nó khoái. "Có bao nhiêu nát tan - Đội lên đầu mà hát", đó là một trò chơi bật máu. Câu thơ đọc thấy sướng, mà lại sợ. "Sống chỉ còn một thói quen", câu thơ đọc lại thấy sợ, nhưng lại sướng. Hình như, giữa cái sướng và cái sợ có mối liên hệ bí mật nào đó, nó cứ dặt dứu nhau. Vì thế, tự sâu thẳm, thơ là nguy hiểm. Hoàng Hưng đã từng can răn chịu đựng sự nguy hiểm của thơ, sự nguy hiểm còn hiện thật hơn cả chủ nghĩa hiện thật nữa:

"Người về từ cõi ấy
Giữa phố đông nhồn nhột sau gáy"

Và:

"Một hôm có kẻ nhìn trần trời
Một đêm có tiếng băng quơ hỏi"

Lại nữa:

"Giật mình
một cái vỗ vai"

(Người về)

Hỡi quá! Tôi cầu mong cho mình đừng bao giờ phải trải qua sự "thử nghiệm" này, dù chỉ để làm thơ cho hay.

"Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối"

(Người về)

Thì ra, thơ Hoàng Hưng cũng "hiện thật" quá đi chứ, vậy mà nhiều nhà phê bình còn chưa chịu!

Cao Bá Quát, trong bài thơ hình như là bài "Trường giang thiên" đã mơ ước biến cái gông dài đang chịt cổ mình thành chiếc thang mây để mình cưỡi nó như cưỡi rồng (con rồng Châu Á) bay vút lên. Cao Bá Quát liều thật! Mà dường như phải hơi liều một chút, thì mới có thơ hay. Thơ đúng là một trò chơi khá nguy hiểm, mà chẳng có công ty Bảo hiểm nào chịu bảo hiểm cho thơ (công ty Bảo Việt chẳng? Một gợi ý).

"Đêm em về trắng toát thời thơ ấu
Đêm mẹ về chẳng nói lại đi"

(Mộng)

Hoàng Hưng hơn cả muốn, anh khát:

"Chó đen sùng sục suốt đêm
Nổi ngứa ngứa tiền kiếp
Phát điên vì không nói được"

(Chó đen và đêm)

Con khát ấy có lúc thấy đi lừng lững ngoài phố:

"Đỉnh vú đi lừng lững"

(Đường phố 2)

Câu thơ này gợi cho tôi đến tranh Salvador Dali. Bảo Ninh thấy sau chiến tranh còn lại một nỗi buồn. Hoàng Hưng lại thấy nỗi buồn chính là một cuộc chiến tranh dai dẳng khốc liệt từ tiền kiếp, nó vây bủa người làm thơ, không cách gì thoát ra được. Và khi đã rơi vào cuộc - chiến - tranh - buồn đó rồi, thì dẫu "mua vui cũng được một vài trống canh" như Nguyễn Du, cũng chỉ là vui gượng. Trong một đêm mưa Hoàng Hưng thấy "tất cả nước mắt loài người bao vây căn nhà ta", với người vợ khổ khi chồng lâm vào nghịch cảnh:

"Nhớ điên cuồng mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác"

(Mùi mưa hay bài thơ của M.)

"Em bảo có vong đè nặng hai vai
Khiến một ngày đổi ba sắc mặt
Vong ấy là anh chứ ai
Ám đời em tâm hồn bệnh tật"

(Định mệnh)

Nghĩa là cuộc-chiến-tranh-buồn ấy không có cơ chấm dứt, nếu anh còn dang dật với thơ.

"Đạo ấy ba mươi ta là thi sĩ
Bây giờ thèm khát một câu thơ"

(Mưa đêm)

Còn thềm thơ, thế là xong rồi, vô phương rồi! Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa chi cho mất công. Bài thơ "Mưa đêm" Hoàng Hưng tặng tôi, là một bài thơ hay (tất nhiên, không thể tặng tôi thơ dở được):

"Lâu quá mới có một đêm mưa không đâu rơi vào đầu vào cổ
Nhớ những đêm lang thang chợ Bắc Qua ga Hàng Cỏ
Một trăm bạc rượu tới Thiên Đường
Lần đầu lên lút bán tem gạo
Mua cái sầu giữa phố"

(Mưa đêm)

Và

"Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc
Cho ta thềm một ly đen"

Lại thấy một Hoàng Hưng ở vạch xuất phát: bài thơ không một chút tân kỳ, nó kể lể, thở than, bộc bạch:

"Khi đời sống làm mình hoá đá
Bỗng rùng mình vì một hạt mưa"

Tôi cũng bỗng rùng mình, nhưng rùng mình vì một câu thơ. Người chỉ đếm đến một, người luôn ở vạch xuất phát, người dám quên ngay từng bước vừa đi, người khao khát những nẻo đường mới, những bụi gai mới, những cạm bẫy mới, người tự nguyện chìm vào cuộc – chiến – tranh buồn dai dẳng, người chấp nhận những rủi ro thua thiệt, vì cái gì, nếu không phải là vì thơ. Vì thơ, tức cũng không vì một cái gì cả. Và không có con đường nào dễ dàng, rộng mở dành cho anh đâu. Số phận một nhà thơ cách tân là luôn phải ở vạch xuất phát. Và luôn phải biết quên.

Quảng Ngãi ngày rét Bắc 1993
(*Người đi tìm mặt* – NXB Văn Hoá Thông Tin, 1994)

HOÀNG HUNG ĐI TÌM MẶT

*Anh gan se ruột thắt
Sao ai nữ dày vò
Đến nhàu nát hồn thơ?*

Hoàng Cầm

Nhớ dạo ấy Hoàng Hưng ỳ ạch thúc con *Ngựa biển*⁵³ vào đời ngõ như mặt mình. Được một lúc thì anh ngớ ra, thấy như không phải – Thế là anh trốn biệt. Đến sáu năm, anh lại tự giới thiệu, Hoàng Hưng đây *Người đi tìm mặt*⁵⁴. Vì cái tên cuốn sách như một lời mời gọi, vẻ như e lệ, ngõ ngang và trần trở, ngỡ ngác, tôi bỗng hoá người đi tìm – theo anh và cùng anh. Có lẽ anh vẫn ngỡ ngỡ, chẳng biết cái mặt mình nó nấp ở chỗ nào trong cuộc sống vô cùng rắc rối và lăm lăm này, nhưng có lẽ tôi, khi đọc đi đọc lại năm bảy lần cuốn sách vuông mỏng mảnh y hệt cái mỏng mảnh của mỗi kiếp lụy, nặng nợ – càng nặng nợ hơn so với người bình thường khác vì chót đa mang cái nghiệp thơ vốn dĩ chẳng mấy khi xuôn xẻ – thì, chợt tôi thấy hoá ra mình với anh ta là đồng bệnh. Xưa, người ta nói đồng bệnh tương liên, bây giờ trước những trang thơ quằn quại này, tôi xin nói: “đồng bệnh tương... tầm!” Không phải “tầm chương trích cú” mà đúng là tầm... tìm dung nhan, hay tìm chân dung thì phải. Vì lẽ đó, trong nội dung bài viết này, tôi không đụng đến những bài gọi là “thể nghiệm” của một nhà thơ đang bán khoán nhiều về thi pháp. Tôi chỉ nói về “nỗi niềm thơ” của Hoàng Hưng mà thôi.

Khổ! Con người ấy rời ghế nhà trường, bước vào đời đã tự nguyện chấp nhận sống gió cơ mà, ừ, thì đây, cứ tung lên quật xuống đi! Chấp nhận rồi mà nào được yên thân làm một chiếc lá rách! Thà làm một anh kí phán “sớm vác ô đi tối vác về” có tí đồng lương nuôi vợ nuôi con! Nếu thế thì đã đi một nhẽ. Khốn khổ! Lại đeo đẳng cái nghiệp thơ quái ác, anh ta cứ phải tìm đến những bậc cha anh từ bao nhiêu thế kỉ, từ tám chín phương trời. Chịu khó học, để rồi trần trở với châu ngọc bọc trong chất lọc tinh hoa cười khóc, niềm yêu thương đùm bọc từ ngàn hương hoa ngát đến chân tơ kẽ tóc của thi ca mới ân cần quuyến rũ làm sao! Không thể, sau mỗi lần vấp ngã, mỗi trận đòn đau mà dứt được nghiệp dĩ! Phải viết để phơi gan, giải óc trước cuộc đời mà anh yêu, lăm phen yêu đến cuồng nộ khi chẳng may cái mình yêu lại trở mặt phũ phàng với mình.

⁵³ Tập thơ của Hoàng Hưng, NXB Trẻ, 1988

⁵⁴ Tập thơ của HH, NXB Văn hoá Thông tin, 1993

Quá yêu nên mới mãi mê tìm – tìm một hình thù giải đáp. Trước cái vô cùng của vũ trụ, cái cực nhọc của mỗi kiếp người, anh cứ hỏi, hỏi từ quá vãng đến mai sau, từ sợi cỏ may đến cái nền đá trắng lạnh, nào, mình là ai đây, là thế nào đây ? Cuộc sống trong muôn mặt của nó đến từ đâu, sẽ đi đến đâu ?

Chẳng có một lời giải đáp. Cả đến Chúa trời cũng im như không có Chúa
*Không có Chúa cho người xưng tội
Chỉ chờ xem trừng phạt lúc nào?*

Gần anh nhất, thương anh nhất chỉ có vợ, là Em. Đọc thật chuẩn là Em Mờ, đầu thương anh, Em cũng mịt mờ trước số phận:
*Em linh cảm suốt một đời dẫn dọc
Em bận tâm giải nghiệm những chiêm bao*

Thế thì còn ai nữa ? Có khi Hưng đành thôi, phó mặc trời đất, hơi đâu mà luân quần – Thà cứ xếp bằng như Đức Phật ngồi tù.

Nói thế chứ, làm sao thoát được những cơn đau quái ác vì còn phải sống, còn phải, lúc cần, quăng hết bản thân mình, để nuôi dưỡng những bản thể khác mà anh yêu lắm. Nhưng:
*Kiếp này anh lại vụng
Có còn kiếp khác không em*

Hưng thương người Em Mờ ấy quá, lắm lúc không biết đến thân mình nữa:
*Tay quờ sang Em
Ngày buồn ăn cả vào đêm
Em ngồi như núi lặng im mà buồn*

Cái kiếp Hưng nó nặng nghiệp oan gia. Chỉ mong nói ra được. Như con chó đen trong đêm gù gù, âm âm sùng sục cái
*Nỗi ngứa ngứa tiền kiếp
Phát điên vì không nói được*

Có một thời, không biết Hưng ở cõi nào về với gia đình, mà đến nỗi... *vợ khóc một đêm, con lạ một ngày, đến nỗi... bước vào cửa người quen tái mặt, thậm chí giạt mình... một cái vỗ vai.*

Xa nữa, có một thời... Đạo ấy, Hưng còn trẻ lắm mà: *Một trăm bạc rượu tới Thiên đường – Tới thiên đường mà sao dễ thế, và rẻ thế! Anh mới tuổi ba mươi bỗng có một đêm, trên thiên đường ấy, anh đã “mất tâm vì cô điểm ế”.*

Đời sống đã làm anh hoá đá, nhưng vì anh còn là một đấng người, lại thêm: đấng-người-thơ, nên dù hoá đá thì vẫn biết rung mình vì một hạt mưa.

Anh đã sống một thời gì mà:

...gần đất xa trời

Ngủ là xum họp với người cõi âm

Tỉnh ra là chết âm thầm

Cái kiếp hoàn toàn bất hạnh. Chẳng biết từ đâu, bất hạnh cứ dội xuống như mưa đá. Nhưng, tôi biết nếu không có phương tiện nói ra – nói ra được là nguôi được – thì sao đây ? Điên ư ? Hay phá phách đời mình ư ? May cho Hưng là còn có Thơ để giải oan khiên ư uất của mình lên trang giấy ấm áp tình Người. Người viết hoa, mà anh tin và gửi gắm nhiều hi vọng.

Thế thì tại sao có đôi ba người nào đẩy cứ tỏ ra bực bội khó chịu khi Hưng tự bộc bạch? Phải thiết tha với cuộc sống lắm, tôi nhấn mạnh: cuộc sống của dân tộc, của nước Việt Nam yêu quý – mới biết kêu lên để tồn tại, để làm việc gì đấy hữu ích cho đất nước. Nếu không thì tự cho mình một viên đạn vào đầu lại dễ. Sống được, thật khó. Hưng đã can đảm chấp nhận và kêu lên nỗi đau của chính mình – có thể là của vợ con mình, kêu giùm người khác nữa. Thiết nghĩ đó cũng là cái quyền sống sơ đẳng của một con người. Dầu ghét anh ta đến mấy, ta cũng nên thừa nhận cho anh Hoàng Hưng cái quyền nhỏ nhoi và đau đớn ấy chứ ?

Phải nói, từ *Ngựa biển* đến giờ, tôi cũng được đọc ít nhiều tập thơ của các bạn ít tuổi hơn, cách mình một hoặc hai ba thế hệ - đến *Người đi tìm mặt* thì, với số lượng quá ít ỏi nước mắt, (tuổi già giọt lệ như sương ấy mà) tôi đã khóc được đôi lần. Khóc được thì nhẹ người. Vì cũng đã lâu, đến tập thơ này, tôi bắt gặp nhiều câu thật hay, thật hiện đại mà vẫn bình dị trong truyền thống cảm nghĩ Việt Nam. Hình tượng: *Chiếc phi cơ ra đi trong đêm rồi người thơ hỏi vào không trung:*

Biết về đâu mà rơi

cứ làm tôi se lòng thất ruột. Khô! Ấy vậy đây! Số phận một con người trước vô cùng trời đất và sâu thẳm lòng người.

Ngày ấy mắt em xanh

Yêu anh mắt em bạc vì nước mắt

Những câu thơ đơn côi, không ra khỏi lòng tôi được nữa

Cái mùi mồ hôi nước hoa

Đêm nhiều hang ổ mà ta một mình

Tôi đã ứa nước mắt, do một câu thơ Hoàng Hưng hay đến sững sờ, đến ngỡ ngác:

*Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm*

Chẳng biết cái gì đã thúc đẩy anh vào một cái rãnh chật, cạn nước chỉ còn bùn. Anh quẫy cựa. Anh sã cánh, toi tả hết lông cánh như bị nhốt trong cái lồng bê tông vài mét khối. Anh thắm thía nông nổi ấy đến

*Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngôi một mình trong tối*

Một tập thơ căng mọng sự thật. Mỗi chữ mỗi dòng đều từ sự thật mà ứa ra, bật ra, bung ra. Những con chữ vỡ, nổ. Để, thật ra, qua tập thơ này, Hoàng Hưng đã tìm thấy mặt mình tuy anh không dám nhận, không phải vì khiêm tốn, mà anh rất thật lòng, cảm thấy mình chưa vẽ được trọn vẹn chân dung mình, anh thú nhận:

*Quên ngay từng bước vừa đi
Không biết chỗ bàn chân đặt tới*

Vì Hưng này không đếm sang đến B. Từ A anh đi quanh quẩn mãi chỉ tìm thấy A rồi lại trở về A. Như toán học thì người ta viết A, A' rồi A". Hoàng Hưng là thi sĩ tìm nỗi Đau, ta viết tắt là Đ; anh chỉ tìm thấy Đ và anh lại luẩn quẩn phát hiện ra nỗi đau tiền kiếp. Như Đ, Đ' rồi lại đến Đ".

Đó là nỗi trần trọc, bần khoản, day dứt vào nửa cuối thế kỷ XX mà sau hai cuộc tổng chiến khủng khiếp, tưởng là sau những Postdam, những Nuremberg, Paris, những Genève... sẽ yên ổn cả hoá ra... Chao ôi !

*Thơ đi tìm mặt Thơ đây
Khiếp thay mặt đất! Khổ thay mặt mình!*

Một cuộc tìm kiếm cũng bất tận. Kết thúc sẽ là hư vô. Anh biết trước như vậy, nhưng anh vẫn muốn xông vào hư vô nữa mà tìm. Có nhà thơ đã nói:

Tôi bắt đầu đi, nghĩa là tôi đã đến

Nhưng "đến" để rồi làm gì? Có lẽ rất ít thi sĩ nào trên quả đất này lại "dừng" để hưởng thụ cái thành đạt - dấu răng lớn lao - của một tập thơ, kể cả một đời thơ. Ngay từ lúc sống, có lúc anh ta đã muốn đi vào cái chết để tìm xem phía sau cái chết là gì nữa cơ!

Tôi mong các bạn, trước những trang viết bằng máu và nước mắt, hãy mở tâm lòng độ lượng vị tha.

"La douleur fait les grands poètes"
(Nỗi đau làm nên những thi sĩ lớn)

Alfred de Musset

Không thông cảm mà cứ đọc, trước hết là thấy thơ quái gì mà khó hiểu thế. Đã không chịu hiểu thì liền kết tội nó là "đánh đố" thậm chí là xấu nữa, (tuy mấy năm gần đây quả thật cũng xuất hiện lác đác một số bài thơ vô cảm, vô nghĩa, viết bằng lối làm xiếc chữ nhưng độc giả vẫn cần bình tĩnh xem xét và phân biệt thực hư) trong khi nó đang ngửa mặt chờ những tia mắt yêu thương đây. Đôi khi cũng có vài ba nhà thơ sống ung dung, xe ngựa, lầu đài sênh sang, gặp toàn may mắn. Nhưng cũng chính vì thế mà mất Thơ. Còn phần lớn đều phải chịu những nỗi đời đau khổ, thậm chí oan khiên. Nếu có phải nói lên một cái gì đó thì người thi sĩ chỉ chống đỡ với nỗi đau đang cắn xé mình và chống trả cái ác đang còn làm khổ mình và khổ cả thiên hạ. Còn thì người thơ, anh ta (hay chị ta) toàn là người lành, người hiền nhất dưới gầm trời này. Nếu có nổi lên một hình bóng nào của anh (hay chị) ta thì cũng bất quá là:

Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm

(Nguyễn Gia Thiều)

Tôi mong - và điều này, từ khi văn nghệ bước vào cuộc Đổi Mới đất nước, tôi mong ngày càng có nhiều bạn cảm thông được với mỗi chữ tâm huyết của người thơ, chia sẻ với anh ấy (hoặc chị ấy) những lo toan, ưu phiền, những quần quai trong cơn đau sáng tạo, cơn đau của người mẹ sinh nở và cùng ghé vai gánh đỡ người thơ cái nghiệp quá nặng nề rồi có thể cùng anh ấy hay chị ấy đi tìm mặt mình, bộ mặt ấy là cái gì đây, là thế nào đây, sẽ ra sao đây trong cõi nhân gian còn đầy rắc rối, đầy hiểm hóc và đầy bí ẩn ?

Hoàng Hưng đã đi tới một tính cách rõ rệt trong thơ. Nỗi quần quai của đời anh, ngòi bút anh đang nói với chúng ta đôi điều mới lạ về số phận con người. Anh còn phải tiếp tục đi nữa, hoàn chỉnh nhân cách thi sĩ, nhìn thẳng vào số phận nghiệt ngã của mình và có thể của nhiều người khác nữa. Anh còn đi kể cả có lúc:

...Quên ngay từng bước vừa đi
Không biết chỗ bàn chân đặt tới.

Hà Nội, cuối tháng 4/1994

(Báo Văn Nghệ 1994; Văn xuôi Hoàng Cầm, NX B Văn Học, 1999)

NGƯỜI ĐI TÌM MẶT

Thụy Khuê

... Rành rành và mờ ảo, trông vậy mà không phải vậy. Bản diện thơ anh hiện lên trên cái mặt không tuổi của nó, linh hồn thơ anh nằm trong hai mắt để ngó một căn phòng trống không. Một cách nói rất trừu tượng, rất siêu hình và vô cùng thực. Thơ anh phản ánh nào trạng hoang loạn của loài người chỉ biết đếm đến một rồi ngừng. Loại người ấy là ai? là tôi - kẻ đang đọc thơ anh và là anh - người sáng tác, là tôi - kẻ chót đại giam anh, và là anh- người tự do trong bất cứ vòng vây tù hãm nào; là chúng ta - loại người có bao nhiêu tan nát đội lên đầu mà hát hoặc loại: "Một hôm tôi bắt gặp tôi/ lảm bảm giữa đông người". Loại nạn nhân hay loại thủ phạm, cả hai đều đáng thương và đều điên cả. Hoàng Hưng ở *Ngựa Biển* đã buồn, Hoàng Hưng ở đây, ở cái Người đang đi tìm mặt mình này đây còn buồn hơn nữa, xã xượi mất mát, tan nát và thê lương hơn. Tập thơ chia làm 6 đoạn khúc có thể xem như là 6 khúc ca diên của người thành phố mang những tên lạ: Trang xót - tìm về, Nhập môn, Đường phố, Người về - Đêm - Mộng, Ấn tượng và Người đi tìm mặt. Thoáng lướt qua, nghe có vẻ rời rạc, nhưng nhận diện kỹ thì đây là tổng hợp một bố cục chặt chẽ có đầu, có đuôi. Đoạn khúc đầu của bài ca diên mở ra cái nhìn toàn diện, giới thiệu một lãnh thổ vùng đất diên; hỏi rằng nó ở đâu? màu gì? nhà thơ trả lời: mòm đất ấy màu sô cô la. Mảnh đất có..." giọng tắt giữa thanh xuân/giọng biệt xứ/giọng chìm áo com", và mảnh đất đang còn có "ngày buồn ăn cả vào đêm" và có những kẻ "cứ đi...quên ngay từng bước vừa đi/không biết chỗ bàn chân đặt tới". Diện mạo vùng đất này như vậy là quen lắm, tôi đã nhìn thấy ở đâu, anh cũng đã nhìn thấy nó ở đâu, phải rồi, chính hẳn, đất nước chúng ta chứ còn đâu nữa. Nhận diện nhau rồi biết lẽ chúng ta đều điên cả, nhà thơ bèn rủ ta nhập thiền để tìm một lối thoát. Bốn bài thơ trong đoạn khúc Nhập môn, kế tiếp, tưởng để tịnh tâm, để tìm đến Niết Bàn, ngờ đâu thơ lại nhập đồng thành thơ xiên linh, thơ hóa đại: "Đờm dãi thịt da tinh khí phì phào, thu hút mãi không thôi, cọ xát. Chìm đắm dạt trôi trôi đâm đánh bắt, ngũ nhạc lừ lừ lửa càn rần rật, thần thức nương gió đọa, nước sinh rờn rã, trùng trùng giao kết căn duyên". Cõi Thiên của Hoàng Hưng khiếp thế, tu không được, nhà thơ bèn rủ ta trở lại cõi trần, lặn về thành phố. Đây đây là đường phố của Hoàng Hưng: "Em gọi thơ về... hân hoan". Chúng ta lạc trong thành phố hải hùng và ngộp thở của Hoàng Hưng, thành phố không có chỗ đứng cho thơ, thành phố đang lên cơn sốt, đang động kinh. Thành phố không có chỗ trọ cho những kẻ mắc bệnh tâm thần, những kẻ không có quyền công dân vừa được thả về từ cõi ấy. Cõi ấy là đâu, xin thưa là cõi có một mảng tường, là cõi xi măng lạnh mấy chứng nhân thạch sùng. Cuối cùng kẻ bất hạnh đành hiện nguyên hình trở lại phận mình, một kẻ suốt đời chỉ "Đi tìm mặt mình, đi tìm mặt mình, đi tìm mặt mình" và cứ thế cứ thế cho đến hết một kiếp một cõi

nhân sinh. Người đọc tinh tường sẽ nhận ngay rằng, từ cái kẻ chỉ biết đếm đến một trong bài thơ đầu, đến cái kẻ đi tìm mặt mình trong bài thơ cuối là một. Hấn là Hoàng Hưng, là tôi, là anh, là nạn nhân và cũng là thủ phạm. Là ai chẳng nữa, tay này cao thủ, tay này nghề, vừa hoạ vừa hát vừa làm thơ. Tay này đã từng phóng xe lên mặt trăng và đã có thời "Đạo ấy ba mươi ta là thi sĩ, bây giờ thèm khát một câu thơ". Tay ấy nhớ dai: "Ba năm còn nhớ một con thạch sùng, mười năm còn quen ngồi một mình trong tối" và tay ấy không quên cái cối rùng mình, cối phát văng nhốt thơ: "Ồ đây gần đất xa trời/ Ngủ là xum họp với người cối âm/ Tỉnh ra là chết âm thâm/ Xi măng lạnh mấy chứng nhân thạch sùng". Tay ấy không vừa, tay ấy chơi với chữ, phù phép với hình ảnh, cọt với bột màu, múa với bút lông và khinh chúng ta, khinh loài chó đá lên làm người, tay ấy pha chế những câu thơ lập thể đã sành và làm lục bát cũng tuyệt. Tay ấy viết những câu thơ có thính giác, thị giác và khứu giác, có chất lượng và có linh hồn, đại loại như thế này: "Đường phố mùi da thịt", "Thành phố lòng trăm ngả", "Giữa phố đông nhòn nhốt sau gáy", "Hai năm còn mộng toát mồ hôi", "Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ"... Cối thơ ấy ghê gớm, cái gì cũng thấu cũng triệt, biết cả, biết cái ác ở trong hiền chứ ác ở đâu, thì giam chi nổi, hãm làm gì, rửa óc sao được; 10 năm, 15 năm, 20 năm cũng vậy thôi, không có bức tường nào, nhà thương điên nào tẩy não được một cối thơ như thế. Hoàng Hưng làm tôi nhớ tới Đặng Đình Hưng trong *Bến Lạ*: "Hấn cứ đi, đến chữ I hấn lại lộn về". Những hồn thơ khai quang cho một giai đoạn mới, những cái mốc như thế không có nhiều trong văn học. Thế Lữ mở đường cho thơ mới. Xuân Thu nhã tập xé rào cho thơ tự do. Thanh Tâm Tuyền đem thơ tự do vào vùng nội tâm, thả thơ tự do đi tìm bản thể của mình và đến bây giờ Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng đem thơ ra ngoài biên giới những trại giam vô hình vô ảnh. Thơ này thì không nhốt được, bởi hấn có cần gì đâu, với nhà thơ chỉ "100 bạc rượu tới thiên đàng". Với Hoàng Hưng không chỉ có thơ, mà còn có âm thanh đường phố, có sấm chớp, có hình hài, có sự sống, cối chết, có tưởng tượng hoài nghi, có đón đau ám ảnh. Tất cả thoát ra từ những hình tượng mới và hiếm, "khung ngực rỗng", "phố say", "đỉnh vú đi lừng lững", "cười sứt răng", "chiều mọc cánh", "ánh chớp loè đá sóng chập chùng", và còn có cả "cổng hoàng hôn vang rền gạch cũ". Cối thơ âm u huyền mộng này đang chôn vùi thơ cách mạng để làm cách mạng thơ. Cuộc cách mạng hiền lành không xương máu này sẽ nghiền nát những thơ xung phong, thơ tạc đạn thành những mảnh vụn của bài thơ thanh bình, thành độc thoại của người điên, mặc niệm những người đã chết và đang sống. Đang sống bỗng rùng mình vì một hạt mưa. Đang sống bỗng giật mình vì một cái vồ vai, và như thế thì biết rằng mình còn sống.

(Bài phát trên đài phát thanh Pháp *RFI* 1994)

THƠ ĐẾN VỚI NGƯỜI VÀ THƠ ĐI TÌM MÌNH

Phong Lê

Bạn đọc, chắc cũng như tôi, hẳn khó tránh bản khoăn, và có lẽ còn là bực bội với không ít bài thơ hôm nay, đọc lên rất khó hiểu. Có lẽ không chỉ bạn đọc hoặc người làm văn, mà ngay cả những nhà chuyên môn như ngôn ngữ học, văn bản học, ký hiệu học e cũng khó mà "giải mã" nổi... Chẳng hạn bài sau đây, có tên *Đường phố 1* trong một tập thơ vừa ra mắt.

"Bão loạn. Lốc dù. Xanh mí. Cốc ré. Váy hè. Tiện nghi lạc-xon. Chất chông trô trố. Môi ngang. Vô hồn. Khoảnh khắc. Mi-ni mông lông. Cởi quần, chửi thề. Con gà quay con gà quay".

Tưởng chừng loại thơ khó hiểu hoặc bí hiểm này là loại thơ ai cũng làm được. Bởi lẽ có cần gì nội dung, hình thức; cứ việc sắp xếp lộn xộn các từ theo một logich nào đó, hoặc không cần bất cứ logich gì cũng có thể ra "thơ".

Nhưng vấn đề có lẽ không còn hoàn toàn đơn giản như vậy. Bởi chính những tác giả làm thơ loại này lại là người có không hiếm những bài thơ bình thường, dễ hiểu; trong đó có những bài rất hay. Rõ ràng họ không phải là những người không có khả năng làm loại thơ bình thường, như mọi nhà thơ khác.

Tôi chú ý sự xuất hiện khá đều, có lúc khá dồn hiện tượng thơ, với các tứ: Tôi đi tìm tôi, người đi tìm mặt mình, sự trở về mình... Trước đây, chủ yếu ta đi tìm cái ngoài tôi (vì cuộc sống được xem là rộng lớn là một hiện thực "dâng sẵn" "đón chờ"; vì "cái tôi là đáng ghét", cái tôi thường bị mang tiếng là tiêu tư sản, là cá nhân chủ nghĩa...). Không kể sự "đi tìm hình của nước"; cả một thời dài, văn thơ nói chung thường nghiêng về hướng ngoại, về phía khách quan, đi tìm những gì làm gương cho mình. Bây giờ thì dường như là trái lại, thơ thường ưu tiên cho hướng nội, cho cái tôi cái riêng. Cái tôi bây giờ không những đã hết hẳn sự e dè, xấu hổ như trước đây, mà còn hồn nhiên, ngang nhiên, bạo dạn, sần sỏ tự tin. Quả là cái tôi riêng, tôi dùng chữ "tôi riêng", để phân biệt với cái tôi như một phần của cộng đồng, có lúc như là đại diện cho cộng đồng - cái tôi riêng đó cũng xứng đáng được nói đến lắm chứ! Trở về với cái tôi, cái riêng mình, sự trở về như vậy có xa cách với đồng loại không, hoặc vẫn gắn với đồng loại - đó còn là vấn đề cần suy nghĩ; nhưng ít nhất nó cũng là cách thực hiện sự tự do của người làm thơ. Victor Hugo từng nói to lên vai trò của cái tôi, một cái Tôi rất ngang nhiên, rất là to; và đặt một câu hỏi gay gắt: đừng tưởng cái tôi đó không liên quan gì đến anh, để trở thành tuyên ngôn của chủ nghĩa lãng mạn. Còn chủ nghĩa hiện thực thì tuyên bố đi tìm sự thật ở đời. "Sự thật, sự thật đắng cay!" - như lời đề từ đặt trên trang đầu một tác phẩm lớn thế kỷ XIX của Stendahl. Nhưng phải chăng trong lối cốt sâu xa,

trong mục tiêu xa, cả hai thứ chủ nghĩa tương như ngược nhau này vẫn là sự hướng về một đối tượng lớn và bao quát là cuộc đời - trong đó có cái tôi, một cuộc đời bao trùm lên cái tôi, đâu là cái tôi thù lù trong một kích cỡ lớn hoặc chỉ là một hạt cát thân phận...

Sự đi tìm mình, trở về với mình, độc thoại với riêng mình, một mình mình biết, một mình mình hay cũng là quyền tự do của mỗi người. Cứ gì phải nói to lên, và cho số đông; hoặc nói thay cho số đông. Cứ gì phải có thật đông người đọc! Bây giờ những cách trả lời đại loại như vậy không còn gây khó chịu lắm, càng không là tội lỗi, như trước đây. Viết rồi để đấy, trong hàng chục năm, như một "hòn thơ tự lãng quên", như một sự tự trang trải của riêng mình, như thơ Phùng Khắc Bắc, rồi ra lại được người đời khen ngợi. Một đại thi hào hai thế kỷ trước lại lo nghĩ về một lớp người đọc thuộc hậu thế ba trăm năm sau... Xem ra loại viết như vậy thường nhận được sự tự do cao nhất, không bị bất cứ sự câu thúc nào khác của ngoại giới, không sợ phạm huý đã đành, mà cũng không sợ ai đó hiểu nhầm hoặc không hiểu; bởi lẽ họ đâu có ý định viết cho công chúng; ít nhất là công chúng đương thời. Chỉ viết cho mình, hoặc cho một số người nào đó thực hiểu mình, xem ra cũng là một lối thoát, một kiểu "đầu ra" của thơ hôm nay. Trong các sản phẩm loại trên, tôi thường nghĩ đến hai khái niệm, hai khả năng: thăng hoa và giải thoát...

Viết cho mình, chỉ riêng mình thôi, dường như đó cũng là câu chuyện của tác phẩm lớn *Nhật ký trong tù*. Tác giả thật ra không hoàn toàn quên tập thơ mình đã viết, như trước đây ta vẫn nghĩ, nhưng quả là ít quan tâm đến nó. Sau một chữ hoàn chấm dứt bài số 134, là bài *Mới ra tù tập leo núi*. Bài thơ đánh dấu dứt khoát sự chuyển đoạn cuộc đời Bác; từ đây là ra tù, là thôi cả nhật ký và thơ, để bước vào trường hoạt động cách mạng.

Ngâm thơ ta vốn không ham

Quả là vậy. Hành động thơ ở đây quả như một chuyện bất đắc dĩ. Nhưng rồi chính những ngẫu nhiên của cuộc sống đã dồn thúc cho sự ra đời cả một tập thơ, với những bài thơ, những câu:

Hoà lệ thành thơ tả nỗi này

...

Đáng khóc mà ta cứ hát tràn

Hồ Chí Minh lớn ở nhiều bài thơ khác, như cách ta từng phân tích lâu nay. Nhưng tôi nghĩ tác giả vẫn lớn, và càng lớn ở chính những câu này. Cái thật thường đi với cái đẹp. Cái nội tâm thâm kín, sâu xa thường khiến ta rung động và xúc động.

Hoàng Hưng là "Người đi tìm mặt" mình - như tên tập thơ mới đây nhất của anh. Là người đã viết đoạn thơ tôi vừa dẫn. Tôi cố rút ra khỏi tâm thế bần khổn khi đọc đoạn thơ trên, nhiều lần, bởi sự ám ảnh về một cái gì còn trong phía tối của cả nội tâm và ngoại giới. Nhưng Hoàng Hưng trong tập thơ này, cũng là người có nhiều bài thơ sáng sủa, sáng suốt, dễ hiểu, và tôi tin đó là thơ đến được với nhiều người. Những bài *Người về*, *Mộng*, *Đêm vượt đèo* trong tập *Người đi tìm mặt* là những bài thơ hay, không chỉ vì sự dễ hiểu. Bài thơ như sự chung cất toàn bộ kinh nghiệm, ấn tượng, cảm xúc của cả một phần đời trong thời gian và không gian của chính tác giả, và hẳn không chỉ riêng tác giả. Cuộc đời dẫu bất cứ lúc nào, quả chẳng bao giờ hết được những chuyện bất an, và bất an đâu phải chỉ là ngã cầu thang, đâm xe máy, đâm dò, bị xin đều, hoặc trấn lột... mà còn biết bao ám ảnh khác trong đời sống tinh thần. Tôi hiểu vì sao Chủ nghĩa hiện đại, cái "modernisme" mà ta kinh sợ và phê phán gay gắt non nửa thế kỷ, vẫn cứ là một hiện tượng thế giới; và những người không tên trong *Mé cung* của Alain Robbe Grillet, *Người xa lạ* của Albert Camus, hoặc nhân vật chỉ có tên K. trong *Vụ án* của Franz Kafka sống trong những âu lo, thảng thốt, không biết thân phận của mình sẽ ra sao trong bao hiểm họa vô hình, lại nói được bao vấn đề lớn lao và nghiêm chỉnh của thế kỷ.

(*Văn học trong hành trình tinh thần của con người*, NXB Lao Động, 1994)

“NGƯỜI ĐI TÌM MẶT”, NGƯỜI ĐI TÌM... THƠ

Nguyễn Thị Minh Thái

Hai chục năm trước, lang thang Cát Bà, Hoàng Hưng đã có cái nhìn rất *biểu trưng* (symbolique) về biển:

“ngoài thăm biển
có cây nghìn lá
nghìn lá reo nghìn xanh
nghìn lá reo góc gió”

Chàng *lãng tử* ngao du thiên hạ không chỉ nhằm để chơi xem, mà còn dấn thân vào những *thử nghiệm chữ nghĩa* nào *án tượng, biểu trưng, biểu hiện, siêu thực...* những thứ nhiều người cho rằng phương Tây đã chơi từ đời... nào đời nào. Vậy nhưng họa sĩ Lưu Công Nhân cũng đã từng vẽ rất thực, rồi ảo, rồi không hình và bây giờ trở lại *rất thực* trong những tranh phong cảnh toàn thuộc nước đó sao? Nghệ sĩ nào mà không *hành trình*, miễn thành thực, không cố ý, không *trồng cây chuối* trong nghệ thuật để lòn thiên hạ.

Vậy xin hãy lắng nghe đây một chút siêu thực trong một bức tranh dường như vẽ một không gian khác, không gian nhiều chiều:

Có hai con ngựa vào thành phố
Gặp quảng trường đá, hí lồng đêm
Đêm của bờm của vó
Đêm của núi rừng
Người phố chập chờn nghe hí
Xa xăm đỉnh mơ
Vút dậy hí tắt
Ngựa lạc quanh co phố dựng
Ngủ chìm đáy mộng bọt mồ hôi

Xin đừng vội đi tìm ý của bài thơ, dấu rằng nó vẫn có nghĩa đấy, nhưng cái tạo nên *khoái cảm nghệ thuật* dường như không phải là nghĩa, ở đây, nó chính là *âm điệu* của thơ. Xin hãy lắng nghe:

Ngựa lạc quanh co phố dựng

và:

Ngủ chìm đáy mộng bọt mồ hôi

Hai câu thơ thật hay, và từ *bọt* thật đặc địa, khó cắt nghĩa, dường như bằng âm điệu-hình-ảnh-ngữ nghĩa, bằng cái toàn bộ của câu thơ, chúng đưa ta vào một không gian khác, cấp cho ta một cái nhìn khác, khác cái quen thuộc, cái thường ngày, cái không gian ba chiều mà ta hằng sống trong đó.

Trong những tranh cãi om xòm về thơ, có người đòi chôn *thơ mới*, có người cho rằng thơ bây giờ vẫn còn là *thơ mới*... nói dài. Công bằng mà nói, những tìm tòi nghệ thuật trong một vài bài, đã đưa Hoàng Hưng lọt khỏi *thơ mới*. Đương nhiên, không ai chối cãi rằng thơ Hàn Mặc Tử cũng rất có chất *siêu thực*, thơ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập cũng rất *bí hiểm*, vậy nhưng cái khác *thơ mới* của Hoàng Hưng ở một số bài chính là *âm điệu mới*:

*Gió thu đến bất ngờ khi mọi người đã ngủ quên
trong đợi chờ mệt mỏi
Chỉ có ông lão gác cầu và cô bé bán nước chè
tươi chong đèn hạt đậu là bắt được cơn gió đến
Ho sù sụ và xuyt xoa áo mỏng*

(Chờ đợi gió thu)

Âm điệu đó ta cũng thấy phảng phất trong bài *Tượng Kiều*:

*Đàn ơi cung trắng cung đen
Trầm như đá đặc, bay lên như chim
Những ngón tay dài – bó gió
E tơ đàn mảnh quá chẳng em*

(Tượng Kiều)

Sự tìm tòi thể nghiệm tất yếu sẽ đẩy Hoàng Hưng tới những nấc thang cao hơn: thơ *vụt hiện*! Quả thực cái thứ kỹ thuật *chữ nghĩa tự động* (écriture automatique) này đã có từ thời... Apollinaire. Tuy nhiên, thơ *vụt hiện* của Hoàng Hưng xác định cho mình những tiêu chí khiêm tốn hơn. Trước hết, nó không phải là thơ *không nghĩa* (non sens) tương tự thứ hội họa không hình (non figuratif), nó cũng không hẳn là thơ bí hiểm, tác tị như nhiều người lên án nó, thơ *vụt hiện* chính là những “từ ngữ” chọt đến trong đầu nhà thơ khi *cái tôi-ngày thường* đã bị đánh bật ra khỏi cái *ngã* và lúc đó, nhà thơ rơi vào một tâm thế căng thẳng, phấn khích giống như một điện trường có điện thế mỗi lúc một lớn và tới lúc nào đó, những tia lửa điện sẽ bật ra: những lời *vụt hiện* đã đến:

Óc gió khao khao lỗ vọng...

hoặc:

Ai đi sương, tóc, da, lông chím, để lại một trời thức tối. Để cây mây vương, để đỉnh sao sáng, song loan tiết liệt, bao giờ và chẳng bao giờ, cóc cần bụi bán trơ vợ...

Tuy nhiên, điện thể trong tâm chẳng mấy khi đủ mạnh tới độ lúc nào cũng bật ra tia lửa điện, lúc đó nhà thơ vẫn cố ý *vụt hiện* thì chỉ là thứ *vụt hiện* nhân tạo, cưỡng ép, giả tạo:

Đờm, dãi, thịt, da, tinh khí phì phào, thu hút mãi không thôi, cọ xát. Chìm đắm dạt trôi, trời đêm đánh bắt, ngũ nhạc lừ lừ, lửa càn rần rật...

Lối chùng 10 năm trôi lại đây, bước vào tuổi *nhi bất hoặc*, vì sinh kế, vì việc nhà, việc cơ quan hoặc vì đã *sinh khôn* ra, chàng *lãng tử* đã thôi không còn làm thơ thể nghiệm. Với tinh thần đầy trách nhiệm của một ông *chủ gia đình*, Hoàng Hưng trở lại cội nguồn làm thơ theo hình thức truyền thống. Trong tập “*Người đi tìm mặt*” mới ra gần đây, phần lớn những bài có tính cách *vụt hiện, thể nghiệm* đều là những *trang sót-tìm* về từ những năm nào năm nào, bây giờ là những bài thơ hình thức cổ điển diễn tả tâm tình cổ điển:

Người về từ cõi ấy

Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy

Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy

Giữa phố đông nhòn nhột sau gáy

(*Người về*)

Đó là một bài thơ đầy xúc động vì một tâm trạng buồn tủi, sợ sệt:

Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui

Hai năm còn mộng toát mồ hôi

.....

Giật mình

một cái vỗ vai

(*Người về*)

Mới đây, trên báo *Văn Nghệ*, nhà thơ Hoàng Cầm có nhắc tới một câu của Alfred de Musset: “*Nỗi đau làm nên những thi sĩ lớn*” (*La douleur fait les grands*

poètes). Đúng như thế, nhưng ở Hoàng Hưng, *nỗi đau* mới chỉ làm nên... vài bài thơ buồn:

Tất cả nước mắt loài người bao vây căn nhà ta

Nằm bên anh em kể câu chuyện buồn

Chôn sâu trong lòng giờ mới nói ra

Gợi ý của trận mưa chưa từng thấy

(Mùi mưa hay bài thơ của M.)

Hoặc:

Ngày buồn ăn cả vào đêm

Em ngồi như núi lặng im mà buồn

(Sốt)

Tuy nhiên, đó là nỗi buồn... tủi tủi, là nước mắt sụt sùi chứ chưa phải là thứ *nước mắt chảy vào trong* gây nên nỗi buồn da diết, thấm thía, day dứt của kẻ mạnh. Và chẳng nỗi buồn được *nói quá lên* kiểu *tất cả nước mắt loài người*, sợ rằng nó chỉ gây nên sự *mủi lòng*, e sợ (giống như Thanh Thảo viết trong lời cuốn sách: “*Hỡi quá. Tôi cầu mong cho mình đừng bao giờ phải trải qua sự thể nghiệm này*”), trong khi đó lẽ ra nỗi buồn trong thơ, trong nghệ thuật nên làm sức đẩy cho tâm hồn bay lên. Hoàng Hưng thuộc những người *vụng* làm thơ tình, tuy thế, bài (*Mùi mưa hay bài thơ của M.*), có lẽ là bài thơ tình hay nhất của anh. Tiếc thay, năm tháng trôi qua, chàng lãng tử trong con người nhà thơ cũng đã ra đi, Hoàng Hưng đã phải thốt lên:

Dạo ấy ba mươi ta là thi sĩ

Bây giờ thêm khát một câu thơ

Khi đời sống làm mình hóa đá

(Mưa đêm)

Đúng là “*Khi đời sống làm mình hóa đá*”, thơ Hoàng Hưng thiên về “nghĩ” hơn là “cảm”. “*Người đi tìm mặt*” khai triển từ một ý tưởng đã cũ, người khác đã nói, lại hơi điệu đà, pha một chút làm dáng nên cũng chỉ là loại “thường thường bậc trung” của Hoàng Hưng. Cũng rơi vào trường hợp đó, ta thấy các bài *Chó đen và đêm*, *Chó đá*, *Sơn dầu*... Giở đi giở lại tập thơ, quả thực *Người đi tìm mặt* không vượt qua được *Ngựa biển* ở chỗ ít bài hay hơn, ở chỗ cái chất lãng tử, cái chất “con người chịu chơi” đã rời Hoàng Hưng mà đi. Và thật tiếc cho Hưng, Anh đã đánh mất cái âm điệu mới “trời cho” trong một số bài trong

Ngựa biển. Phải chăng đó là cái giá phải trả của một “*kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi*”?

Tuy nhiên, đó là đòi hỏi khắt khe của những kẻ *tri âm*, còn như Hưng bây giờ, cũng đáng xếp vào một trong những nhà tiên phong *dãy khởi thơ mới* và một thời tiền chiến xa lắm rồi...

Tháng 6/1995

(*Đổi thoại mới với văn chương*, NXB Hội Nhà văn 1996)

NGƯỜI LÀM THƠ KHÓ TÍNH

Ngô Văn Phú

Hoàng Hưng là lứa làm thơ xuất hiện ở thời kỳ chống Mỹ. Đạo ấy, anh gửi thơ từ Hải Phòng về. Thơ Hoàng Hưng có một nét riêng, có ý thức tìm tòi một lối viết khác người:

Thơ viết về bò nông trường:

*Mìn thù đã gỡ
Bao nhiêu hào hổ
Cũng lấp cả rồi
Bò ơi tung vó
Rộn rã đất trời
Đất vui đất nhảy
Theo bò, bò ơi*

(Tiếng hát người chăn bò, 1961)

Về Phố Cảng Hải Phòng:

*Phố cảng ban mai gió vào mở cánh
Phố cảng về khuya tiếng còi sâu và khỏe
Như giọng trầm từ lòng ngực chàng trai...*
(Gửi Cảng)

Về tiếng đàn bầu trong xe xích:

*Tiếng đàn bầu
Một nỗi đau như lửa
Cháy mãi lên từ túp rạ trúng bom.
Tất cả... dòn theo nhịp nhún
Trưa bỗng vỡ thành thác trắng
Vừa rung lên vừa cuộn đổ dạt dào...*

Lối cảm, lối viết, nhịp điệu, ngôn từ, trong không khí chung của thơ những năm sáu mươi, Hoàng Hưng đã hé lộ ra những tìm tòi lạ, mới... Và anh đăng ít, viết ít, có lẽ thấy mình không thật hoà nhập với dòng thơ hùng hực khí thế xung quanh. Thơ Hoàng Hưng thời điểm này, thường hoà đồng với lớp thơ trẻ lúc ấy, đôi lúc tạt ngang để có một góc riêng tư, cái góc riêng tư thường hiếm thấy trong thơ thời ấy:

*Bãi dài ngập nắng em ơi
bãi nắng
Nhưng thịt da em - rắng chiều vụt tắt
Cát không màu khấp dưới bàn chân*

*Triều dâng sóng trắng em ơi
sóng nở
Nhưng đến trước ngực ta sóng vỡ
Bọt tan sôi réo lòng chiều*

Có lúc, giữa cuộc chiến tranh, cần phải có những bài thơ cho tất cả, những suy cảm riêng tư của Hoàng Hưng vẫn khác người. Anh nghĩ về những người lập công đười giặc Mỹ trên bầu trời:
*Chiếc phi cơ ra đi trong đêm
Nổi đơn độc rung lên*

*Tràn ngập cả không gian
Tiếng buồn như biển mênh mang*

*Rồi lịm dần trong đêm mất ngủ
Như ánh sao tự nhạt cuối trời*

*Sứ mệnh âm thầm ai rõ
Biết về đâu mà rơi...*

(Không đề)

Thơ viết như thế trong thời chiến tranh, nghe như có dư âm của Remarque trong “Một thời để yêu một thời để chết...” Và bài thơ ấy chắc rằng Hưng chỉ giữ trong sổ tay và sau này mới in sách được...

*

Bẵng đi ít lâu, Hoàng Hưng ít đăng thơ. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, anh chuyển gia đình vào Sài Gòn... Hoàng Hưng làm báo. Hoàng Hưng muốn bước hẳn sang một chặng đường mới và với sự nhạy cảm, hình như anh nhận ra ở phương Nam, bè bạn văn chương, báo chí hợp với tạng mình hơn... Sau đó ít lâu, anh bật tâm hình... Hình như anh dính vào một vụ việc về định làm người liên lạc cho một án phẩm nào đó, mà hồi ấy, tác giả còn chưa được rộng đường trở về với thơ như sau này... Có người nói Hoàng Hưng cũng đã nếm mùi ngòi nhà đá... Tôi cũng không tin, không ngờ lại đến như thế...

Nhưng, sau này, được đọc những bài thơ trong tù của Hoàng Hưng, tôi mới hiểu Hưng hơn, và mới thấy sức chịu đựng, sự gắng vượt của một con người thơ, một trí thức...

Chắc thời gian ấy, Hoàng Hưng nhiều tâm trạng lắm. Cái uất ức nén lại, đau xót nén lại, những sinh hoạt trong tù chiếm lĩnh hầu hết ngày tháng... Những phút người tù có được cho mình, cũng là một thứ vụng lén. Cái đồng cảm của đôi tù nam, nữ cũng vừa tinh tế và tội nghiệp:

*Sau tiếng nước rửa bát phút im lặng thiêng liêng trước giờ em tắm
Rồi róc rách dề dặt em kỳ cọ nhẹ nhàng như xấu hổ anh hết nóng bừng lại
lạnh toát trong ngừng thở
Em phơi áo vù con chim bay lên.*

*Rồi mở cửa
Tự khai
Sa mạc giấy
Lạc đà chữ
Chỉ vẫn vợ một bóng dáng vô hình*

*Rồi về phòng
Mở cửa
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Cơm
Đóng cửa
Mời nhau bằng canh canh bát đũa
Ta lại cùng ăn qua vách bữa cơm tù*

(Một ngày)

Chỉ trong tù mới biết đến tình yêu của người vợ chí cốt của mình:
*Ngày ấy mắt em xanh
Yêu anh mắt em bạc vì nước mắt.*

mà cái ngày ra tù cũng thật như từ một cõi nào trở lại:
*Người về từ cõi ấy
Vợ khóc một đêm con lạ một ngày*

*Người về từ cõi ấy
Bước vào cửa người quen tái mặt*

*Người về từ cõi ấy
Giữa phố đông rộn nhột sau gáy*

*Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối...*
(Người về)

Tôi đọc thơ tù của Hoàng Hưng không nhiều. Bởi tôi và Hoàng Hưng biết nhau, quý nhau, nhưng ít cởi mở, lúc nào giữa tôi và Hoàng Hưng cũng có một khoảng cách. Có lẽ đó cũng là một cái tật của dân Bắc Hà... Nhưng thú thật, đọc thơ tù của Hưng, tôi ngồi lặng đi, thương bạn, xót bạn. Đời người có những bước thăng, bước vấp. Phải ngồi tù, nhưng có được những bài thơ tù hay, đâu có dễ gì!

*

* *

Hoàng Hưng là người say đắm cái mới! Và đón nhận cái mới cũng khá bạo dạn.

Do đó, tôi không lạ khi đọc những bài thơ vụn hiện của anh.

*Biển hà hát. Tóc vuốt. Vòng cong. Riu riu cánh bàng bàng. Chấm chấm nở.
Phanh phanh bay. Núm núm...*

*Dương trần sức đặc động sấm nổ. Bấu cắn kiệt. Háp háp. Sắp tan sắp tan sắp tan.
Cồn xa mờ lảng vảng chân mây. Chốt giật tung, xóa tóc*

...

*Chữ chết long lanh tình anh không bắt được. Tình áp đặt, lẩn trốn. Tình nén.
Tình giết. Tình xanh đông tạnh gió điên đầu.*

Điểm xón xang pháp phỏng kín nhem bịt bùng tôi run mở tỉnh tại. Ốc gió khao khao lỗ vọng. Dặt dặt. Tênh tênh...

Thơ có đủ nhạc, lời lạ, cảm xúc lạ, có thực có ảo, có cảnh có tình, có tiết tấu hay hay... cũng gây được sự chú ý. Nhưng thú thật, đọc bài thơ, yêu bạn, quý bạn, nhưng tôi chỉ hiểu được chút ít, loáng thoáng, mơ hồ...

Hưng có cô con gái Ly Hoàng Ly, vừa làm thơ vừa làm họa sĩ... Lúc này trong hội họa cũng đang có trào lưu "Installation" (Sắp đặt) và Performance (Trình diễn)... Hưng cũng hết sức cố vũ mỗi khi gặp bạn bè đôi mới.

Có lần gặp Hoàng Hưng, tôi nói về thơ vụn hiện của anh và cũng thú nhận là cũng có thể gọi là, tôi chẳng hiểu gì cả...

Hung chỉ mỉm cười. Tôi hiểu cái cười ấy. Vì ở phương Tây cũng có người chủ trương: "Anh không hiểu gì cả tức là anh đã hiểu..."
Quả thật, tôi không hiểu thật, dù rất quý sự tìm tòi của Hoàng Hưng...

*

* *

Nhưng rồi thơ Hoàng Hưng cũng điềm tĩnh lại với *Chiều*, thơ hai câu:
Cổng hoàng hôn
Vang rền gạch cũ...

Với *Trưa Chàm*, ta lại bắt gặp một Hoàng Hưng thời trẻ:
Em vào trong đá
Nụ cười bí mật
Từ đá em ra vòng ngực

Tôi không dám lên đèn
Sợ nhìn đồ nát vòm thiêng

Ngựa đỏ trên núi đỏ
Có gì sau những lượn đồi nằm mơ

Biển xanh
Muối trắng

Em vào cong đá một ngón tay
Một nghìn năm tôi chờ em xuất hiện

Rồi đây, thơ Hoàng Hưng sẽ thế nào đây, ai mà biết được, khi người thơ luôn luôn hăm hở, luôn luôn khó tính với chính mình...
Tìm kiếm đến tận cùng. Đó cũng là điều không phải người làm thơ nào cũng có được...

(*Duyên nợ văn chương* - NXB Hội Nhà văn, 2002)

HÀNH TRÌNH THƠ HOÀNG HƯNG

Nguyễn Thụy Kha

So với bạn đồng môn Đại học Sư phạm Hà Nội khoa Văn khóa ấy như Nguyễn Khoa Điềm, Phạm Tiến Duật, Nghiêm Đa văn... Hoàng Hưng đăng quang sớm hơn cả. Năm 1965 anh đã đoạt giải thưởng báo Văn Nghệ. Cũng năm ấy ra trường, anh được phân công về dạy văn cấp 3 ở Hải Phòng. Nếu hồi lớp 10 đạo đó, tôi không sang học cấp 3 Thủy Sơn mà sang học cấp 3 An Dương thì thầy dạy văn của tôi sẽ không phải là nhà thơ Thúc Hà mà là nhà thơ Hoàng Hưng. Số phận đó khiến cho mãi tới năm 1982, anh và tôi mới gặp nhau trong một thời điểm nhạy cảm đặc biệt. Song ấn tượng về anh thì tôi đã có từ lâu. Điều lạ đầu tiên về Hoàng Hưng là khi biết anh là tác giả bài thơ "Tiếng hát người chăn bò" mà nhạc sĩ Thanh Phúc phổ nhạc rất hay. Bài thơ viết về bộ đội nông trường Điện Biên. Có lẽ đây là dịp anh lên Tây Bắc làm lính nghĩa vụ. Ấn tượng sâu đậm hơn khi biết anh là một trong những nhà thơ có tiếng của nhóm thơ Hải Phòng thời chống Mỹ. Những bờ đá, những sợi dây xích bên cảng, dòng sông Dê ngoại thành trong thơ Hoàng Hưng đã gọi lên trong tôi một Hải Phòng gan góc và u trầm. Mặc áo lính vào Trường Sơn, thơ Hoàng Hưng vẫn đồng hành với tôi qua tiếng đàn bầu "thất ngang bầu nắng/ Trưa bỗng vỡ thành thác trắng..."

Lúc ấy hình như Hoàng Hưng bắt đầu rời Hải Phòng trở về Hà Nội làm báo "Người Giáo viên Nhân dân." Sau thống nhất, anh đưa gia đình vào Sài Gòn thì tôi lại ra Hà Nội. Mùa hè 1982, Nguyễn Duy đưa Hoàng Hưng tới căn gác 60 Hàng Bông của tôi. Anh đưa tôi xem một tập bản thảo dịch thơ G. Lorca và một tập bản thảo thơ anh. Tôi đọc và thích thú cả hai tập nên đã chép kín cả một quyển sổ tay. Năm đó nhân dịp giải thưởng Thơ báo Văn Nghệ sẽ công bố vào dịp tháng 8, anh Nguyễn Văn Bổng (Tổng biên tập) có ý định làm một số thơ đặc biệt giới thiệu thơ của các nhà thơ đã được giải thưởng báo Văn Nghệ từ khi có giải thưởng lần đầu. Tôi đã chuyển cho Bé Kiến Quốc bài "Mưa rào và trẻ nhỏ" của Hoàng Hưng tặng Văn Cao. Bài thơ đó được duyệt và lên khuôn chờ in thì có tin Hoàng Hưng có chuyện rày rà với nhà chức trách. Không hiểu ai đó đã "nhanh mồm nhanh miệng" xui bản báo nên bóc bài thơ của Hoàng Hưng ra khỏi số báo đặc biệt cho khỏi phiền. Sau thời điểm ấy, mấy năm sau tôi mới gặp lại Hoàng Hưng. Còn bài "Mưa rào và trẻ nhỏ" thì mãi tới năm 1988 mới được in trong tập "Ngựa biển" cùng với nhiều bài thơ, trong đó có cả "thơ vụn hiện" mà tôi đã từng chép vào sổ tay. Những cảm xúc mà anh có được trong khoảng thời gian từ 1982 đến 1985 thì sau này được anh chọn in trong tập "Người đi tìm mặt" năm 1994. Cả hai tập thơ đều

bị giới phê bình văn học "làm um lên" vì sự mới mẻ đến không chịu nổi. Đọc những bài phê đó, cả Hoàng Hưng và chúng tôi đều cười phá lên vì biết trước là mọi việc sẽ xảy ra như thế. Nổi tiếng và tai tiếng riêng với Hoàng Hưng thì chẳng có gì khác mấy. Anh đã quá quen và đã "li đòn". Nhưng với tất cả những gì tôi biết ở Hoàng Hưng từ năm 1982 thì trong cảm nhận của riêng tôi, hành trình thơ Hoàng Hưng là một hành trình thơ đích thực, không vụ lợi và quyết liệt đến cùng trong đổi mới, cách tân. Cho đến bây giờ, tập thơ "Hành trình" ấn hành, thì cảm nhận ấy ở tôi hoàn toàn được chứng nghiệm.

Cũng là nhà thơ thuộc thế hệ chống Mỹ, song cái khác của Hoàng Hưng là bằng hiểu biết văn hoá và bằng tiếp cận với những nhà thơ "từng chìm trong im lặng" như Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần... Hoàng Hưng sớm tỉnh ngộ trước hiện thực rất đổi phong phú và phức điệu của đất nước. Bài "Tỉnh giấc ở Hòn Gai" là bài thơ tự chuyển từ giọng thơ ca ngợi một chiều sang giọng thơ hiện thực, chiêm nghiệm:

*Thốt tỉnh. Bây giờ là mấy giờ đêm?
Oi ả quá. Sóng không buồn vỗ
Sà sà mảng núi ngang đầu
Trắng bệch màu mây mệt mỏi
Vụt đứng dậy, bốn chỏn kinh hãi
- Sáng mau đi, đá sập đến nơi rồi!*

Chính nhờ hiểu biết văn hoá, mà nhờ căn bản là có ngoại ngữ, Hoàng Hưng đã đọc và nhận biết được tiến trình phát triển của thơ thế giới để tự hoạch định một lối đi riêng bằng "nước mắt một đời/ đổi một dòng hư ảo/ thế thôi."

Có lẽ ông trời nhận ra được lòng lạnh của Hoàng Hưng nên vào thời kỳ đổi mới của đất nước, Hoàng Hưng cũng được và cũng tự cho phép đổi mới mình bằng những chuyến đi "thực tế" trên nhiều miền đất của hành tinh này. Đến "Hành trình", thơ Hoàng Hưng vừa mang chứa được bề rộng thế giới và cả bề sâu của tâm linh. Tập thơ vấp vấp và sức vóc khiến nhiều "thi nhân" trong "làng thơ ao tù" nước nhà phải giật mình và phải nhận ra rằng "Thơ ơi là Thơ/ Mà là cái gì thế hả Thơ?"

Nhờ có một cuộc sống thăng trầm từng trải đáng nể, đến "Hành trình" thơ Hoàng Hưng đó đạt tới độ "như không" để thông báo nhiều ẩn chứa trong tâm tưởng qua nhiều tầng nghĩa của câu thơ, của chữ thơ mà nếu như chưa đạt tới độ giải thoát cao, tuyệt đối không thể "xuất chiêu" điềm tĩnh đến mức như thế được. Phải sống đến độ nào đấy mới nhận ra "Đời sống này buồn mà đẹp quá"

để mà thanh thân "Đi thôi/ Về thôi" ở cửa sông chảy ra đại dương vô cùng. Câu thơ sau khi được ngâm ngợi, nhào luyện đến độ chín thì viết ra cứ nhẹ tênh, giản dị và lay động. Bàn về thời gian qua "Ngày lạ", về hữu hạn qua "Sống chết", về thế giới qua "Made in USA" và tâm linh qua "Đường lên núi tuyết" đều là những ý niệm lớn lao và rộng rinh mà thấy giọng thơ Hoàng Hưng thật dịu dàng ngỡ như đã "ngộ" ra tất cả. Thế giới này vừa lạ lùng vừa dễ hiểu qua những nhịp thơ trầm tịch và biến hiện không ngờ. Cái nỗi đời và nỗi người tha hương khắp xứ và ngay cả ở chính quê hương mình với nhiều chuyện éo le cứ chảy róc rách qua từng câu thơ thấm thía. Nào là:

Vịnh xanh co lại

Vòng vây gạch đá vươn dài

Nào là:

Ông già trần trọc nỗi nhớ sáu mươi năm

...

Đi bất cứ đâu

Trì trở lại quê nhà

Nào là ca sĩ "Báu bệ sần đất hát" ở Hà Nội, đến "Người đàn bà di-gan hát khàn họng bên con chó ngúc ngắc đầu/ Anh chàng Đông Âu ác-cooc chiều Matxcova" và "Ta hát như điên bài hát rẻ tiền," "Làm tôi đau/ Muốn khóc cho tuổi trẻ mình". Nào là các nhà thơ "Thằng bên lề thằng chạy trốn quê hương" để đón nhận "Đất hứa phục những đòn bằm tím/ Chết không xong thì phải sống thôi", để có những giây phút "Những câu thơ/ Một mình đọc một mình tan nát", "Thê thảm và quyết liệt/ Ta biết chỉ có Thơ giúp mày sống sót." Tất cả đều ước mong một điều gì đó tốt đẹp hơn, nhưng "Tự do! Tự do! Một đời khao khát/ Phút này nàng vẫn cách xa."

Tôi rất tâm đắc với cách nhìn bình tĩnh và khách quan của Hoàng Hưng về nước Mỹ. Bài "Made in USA" tuy dùng thi pháp cũ nhưng vẫn phát ngôn một thực tế mới, còn bài "America" thì cho ta nhìn thấu bản chất không đơn giản của một đất nước khổng lồ:

America America

Những xa lộ dọc ngang vun vút 18 bánh xe của người cả mặt đất chịu

Những đèn đuốc sáng trưng ngày đêm của người cả bầu trời chịu

Những đại học mênh mông của người cả tuổi thanh xuân được

Những bãi cỏ xanh rười rượi có thể nằm lăn ra bất cứ chỗ nào của người cả thế giới được

Bệnh béo phì của người cả giống người chịu

Bạo lực tivi của người cả tương lai chịu

Mấy ai, mấy nhà thơ đi Mỹ về ngoài chuyện khoe khoang, huênh hoang, điệu đà, đã nhận ra nước Mỹ như Hoàng Hưng?

Hoàng Hưng "không sợ chết mà sợ phút giây tổng kết cuộc đời" nên đến "Hành trình", cách bàn về "sống và chết" ở một người đã qua tuổi lục tuần như anh là lẽ thường tình. Và cả cái quý nhất mà anh nhận ra như lời dối đáng là "Hãy tập làm người bình thường" để ngày sinh nhật nào đó ở quê người nhận ra niềm sung sướng:

*Bắp ngô non ăn mừng sinh nhật
Quạt thơm vĩa hè
Hai đĩa cười như hai trẻ nhà quê
Được ngày ra phố*

Phần mới và lạ nhất trong "Hành trình" là "Đường lên núi Tuyết". Mùi thiền lặng lẽ ngấm vào Hoàng Hưng qua tuổi tác và đã cho anh một góc nhìn, "một niềm tin bên trên lý lẽ". Đường như anh đã tự nhiên như nhiên thoát khỏi hiện thực để bồng bênh thật nhẹ vào hư không:

*Xa lắc rồi
Cõi vui buồn hờn giận của chúng mình
Cõi lo toan vất vả vĩnh của chúng mình
Anh cầm tay em
Buông mình vào thế giới khác
Giữa tiếng quạ kêu ở Calcutta*

và để thốt lên:

*Sông Hằng sông Hằng cho tôi một giọt nước thiêng
Một giọt thôi
Giọt nào tẩy hết ưu phiền
Sông Hằng sông Hằng cho tôi chết giữa dòng để tái sinh làm thiền sư hay nhà
thơ lang bạt*

Một cảm giác hư thực không dễ có khi nghe tiếng chó rùng ở Nepal:

*Suốt đêm thao thức hồ nghi
Tiếng chó rùng có thật không có thật?
Tiếng vô minh*

Hú lên lừa mị trên đường ta đi tìm sự thật?

Và để nhận ra giữa cõi đời "bãi phân bò bốc khói", con người đã tìm ra cõi đạo của mình. Cõi đạo như lũ trẻ "Trong rừng xê xan":

*Các em hãy tới bên ta
Nhảy múa trên những ưu phiền của ta
Trên mình ta rác rưởi phù hoa
Hãy rửa sạch ta bằng tiếng cười
Trong vắt*

Hoàng Hưng đã cực thiền khi nhận ra:

*Thày vào như gió thoảng
Tăng đoàn rạng rỡ tuệ quang
An tịnh - mỉm cười
Đã về - đã tới
Bây giờ - ở đây
Tự do ngay phút này hoặc không bao giờ nữa.*

Hành trình thơ Hoàng Hưng là hành trình bền bỉ và kiên định suốt hơn 40 năm qua. Mừng là anh đã tới được cõi riêng của mình mà không phải nhà thơ nào cũng có được. Anh sẽ còn tới hơn bởi những dự liệu khoẻ khoắn còn chất chứa đầy trong "hành trình" mà đến một lúc nào đó sẽ lại phát xạ lấp lánh trước chúng ta.

(Tập chí *Sông Trà*, số 14/ 2006)

HÀNH TRÌNH HOÀNG HƯNG

Vân Long

Hành trình chủ yếu của mỗi nhà thơ tất nhiên chỉ là sáng tạo Thơ. Hoàng Hưng mở đầu cuộc hành trình này và được bạn đọc chú ý ở bài *Gửi anh*, bài thơ được giải Ba báo Văn Nghệ, viết năm 1965, mở đầu giai đoạn bùng nổ cuộc chiến chống Mỹ trên toàn quốc. Từ đề tài đến cách phô diễn đều rất điển hình cho giai đoạn ấy. Bài thơ trong sáng và chân tình của đấng em đón anh từ tuyến lửa trở về: *Anh đi rồi em nằm giữa đờm sâu/ Nghe cành nhãn quệt lá vào cửa sổ*. Ở cao trào của giai đoạn cái-ta-công-dân lẫn cái-tôi-cá-thể trong thơ thì một chi tiết cảm thụ riêng nghe cành nhãn quệt lá vào cửa sổ đó xao động lắm. Nghệ thuật chủ yếu của giai đoạn ấy là sự dung dị đời thường mà vẫn mang tầm khái quát, bởi đúng lúc ấy, có hàng triệu cuộc tiễn đưa cũng đang diễn ra trên đất nước: *Mẹ không còn để gói cho anh nắm cơm nếp dẻo/ Vụng về em già tạm cõi vừng/ Anh đi rồi mùi thơm mãi băng khuâng...*

Tập thơ trình làng của anh là *Đất nắng* (in chung với Trang Nghị - Văn Học 1970). Khoảng cách 18 năm sau mới có tập thơ thứ hai (*Ngựa biển* - Trẻ 1988) đã nói hộ anh, đó là giai đoạn nhiều nổi truan chuyên nhất trong cuộc đời: bị mất tự do...chỉ vì Thơ. Khi được trở lại đời sống bình thường, anh chọn thành phố Hồ Chí Minh, nơi người ta bận kiếm sống, không quan tâm lắm đến những ấn tượng, những thành kiến chính trị. Anh làm báo và lẫn lộn cả trên thương trường để tồn tại. 18 năm im lặng (không công bố sáng tác) này lại nuôi dưỡng một hành trình khác, một mạch ngầm của Thơ, để cuối cùng phát lộ: Anh nghiên cứu thơ nước ngoài, dịch một số nhà thơ anh thích. Từ cái vốn tiếng Pháp ở trường và gia đình, những năm dạy học ở Hải Phòng tôi vẫn thấy anh dịch thơ Apollinaire, dần hoàn thiện một ngoại ngữ. Thời gian 18 năm có nhiều khoảng trống (trống rỗng cả thời gian và tâm hồn) anh khai mở, rèn giũa thêm một ngoại ngữ mới, chiếc cầu nối anh với thế giới thời gian sau này.

Cho nên chỉ trong khoảng hai năm, ngoài *Ngựa biển* sáng tác, anh in liền ba tập thơ dịch: *100 bài thơ tình thế giới* (chủ biên) Vũng Tàu Côn Đảo 1987, *Thơ Federico Garcia Lorca* Lâm Đồng 1988, *Thơ Pasternak* (cùng Nguyễn Đức Dương) TP HCM 1988, rồi đến đợt sau: *Thơ Apollinaire*, Hội nhà văn 1997, *Các nhà thơ Pháp cuối thế kỷ XX*, Hội nhà văn 2002, *15 nhà thơ Mỹ thế kỷ XX* (chủ biên) Hội nhà văn 2004. Anh trở thành dịch giả thơ có uy tín, không chỉ do trình độ ngoại ngữ, mà qua những câu thơ dịch, cũng thấy thiên năng một nhà thơ.

Trông người để ngắm đến ta, vừa nghiên cứu thơ người, vừa ghi lại cảm xúc thơ mình, tất nhiên cộng với tâm trạng riêng, thơ anh đã trải những ba động dữ dội. Ở phần cuối tập *Ngựa biển*, anh dành chỉ hai trang ghi lại những câu thơ thể nghiệm, rời vụn, không thành bài, đặt tên chung là *Thơ vụn hiện*, nhưng ngay trước phần này, vẫn là những dòng thơ trữ tình trong sáng, không bí hiểm, vẫn gây được ấn tượng nghệ thuật. Theo “thói quen” ngày đó, hẳn có bài phê bình tập thơ nào, dù chỉ một vài câu khó hiểu, dung tục là đủ để xóa sổ những cố gắng còn lại của tập thơ. Vì hai trang thể nghiệm thơ *Vụn hiện*, và một số câu phi hoang trong *Ngựa biển*, những tìm tòi, cảm thụ tinh tế chống lại sự tầm thường phổ quát trong tập đó bị chôn theo (thí dụ: *Ngoài thăm biển/ có cây nghìn lá/ Nghìn lá reo nghìn xanh/ Nghìn lá reo góc gió/ Ngoài thăm biển/ Gió làm đứt chân trời/ Ùa bão sóng. (Góc gió)...*)...

Rồi *Người đi tìm mặt* (NXB Văn hoá Thông tin 1994). Cả tập thơ như nỗi buồn day dứt, nỗi hoang mang khi cần xác định một chỗ đứng, một gương mặt cho hiện tại, cho tương lai, sau những bầm dập anh phải chịu đựng. Đó là một cơn sốt kéo dài: *Ngày buồn ăn cả vào đêm/ Em ngồi như núi lặng im mà buồn/ Anh còn chao đảo vô thường/ Những cơn động đất điên cuồng dưới da/ Bao giờ cơn sốt lùi xa/ Để anh lẳng lẳng tan ra thành lời (Sốt)...* Tập thơ này cũng bị một số bài báo phê phán, nhưng một số nhà thơ biên tập có con mắt xanh, vẫn lấy ra những viên ngọc để hạn chế nỗi oan, nếu cả tập thơ bị quên lãng. Trong *Tuyển tập Thơ Việt Nam 1975-2000* (nhóm làm tuyển: Vũ Quần Phương - Trần Đăng Khoa - Quang Huy - Lê Thành Nghị - Nguyễn Phan Hách) đã chọn tới 3 bài của Hoàng Hưng, trong đó có hai bài có thể là hay nhất của anh, nằm trong tập *Người đi tìm mặt (Người về, Mùa mưa hay bài thơ của M.)* Số lượng được chọn ba bốn bài trở lên trong tuyển tập ấy, mặc nhiên được coi như nhà thơ chủ lực của giai đoạn, mặc dầu thơ anh xuất hiện rất thưa trên mặt báo.

Hành trình (1995-2005) thực ra là khúc cuối của ba cuộc hành trình song song, bên cạnh việc sáng tạo thơ và nghiên cứu (qua dịch thuật) các trường phái, thi pháp thơ thế giới, anh mở một cuộc hành trình theo nghĩa đen tới những phương trời đã quen với nhiều người như phương Tây (Pháp, Mỹ...), đến những phương trời cũng xa lạ với nhiều người: leo lên lưng Himalaya hướng về ngọn Everest, chờ đón Bắc cực quang ở vành đai Bắc cực, thăm các di tích thánh địa Phật giáo vùng Bengal Ấn Độ, Nepal...

Dường như trong chuyến đi này, anh cũng đồng thời thể nghiệm lại cả hai hành trình tròn. Chân lý của đời sống, chân lý của nghệ thuật dần dà được mở ra, đã chín dần trên mỗi bước đi...Dường như càng đi ra ngoài không gian

rộng lớn, anh càng dễ tìm thấy “mặt mình”, thấy con người đích thực của mình.

Giống như người muốn đi xa, hành trang cần gọn nhẹ, anh đã tước bỏ những điểm trang, những phụ kiện không cần thiết, làm phiền bạn đôi vai, làm phiền bạn tâm hồn.

Trước tiên là những câu thơ, được giản lược mà gợi cảm: *Trời không đứng không đi/ Chén vàng Lệ Mật . Người về đóm râu/ Chùm si nỡ...(Ngày lạ)*. Về thân phận con người, cũng chỉ vẽ phác vài nét: *Tháng ba Đồ Sơn biển không người tắm / Xe đạp Tàu con cón lưng ong* (Biển, hai câu một). Chỉ một hình dung từ con cón, mượn của ca dao *thắt lưng con cón* đã thấy sự tội tội, vất vả của một cô gái vùng biển, tồn tại ở đây không phải để thư giãn, ăn chơi... Sang Paris hoa lệ, anh thấy *Đêm sao dày đặc mặt đất/ Lặng lẽ trăm nghìn số phận*. Trong những phận người ấy, có một người lính thợ Việt Nam: *Sông mai có người về/ ông già trần trọc nổi nhớ 60 năm*. Rồi sau đó ông chết về bệnh tim khi chưa thực hiện được giấc mơ thăm lại quê hương. Trong khi đó, cũng ở khu phố nghèo này, lại có người “trúng xổ số” (thực ra người đó chính là nhà văn Cao Hành Kiện vừa đoạt giải Nobel văn chương năm 2000 mà Hoàng Hưng đã kịp có mặt trong số mấy nhà báo đầu tiên của thế giới đến phỏng vấn): *Đêm sao dày đặc mặt đất/ Chiều qua có người tặng mười tám/ Thành triệu phú/ Ngày mai ông sẽ rời khu phố nghèo /Đi bất cứ đâu/ Trừ trở lại quê nhà!* Thuở nhỏ, ta tin mỗi vì sao trên trời ứng với một số phận, thì nay trên mặt đất đầy sao, mỗi con người cũng một số phận như vậy. “Trừ trở lại quê nhà!” như một câu chõm biếm nhẹ nhàng những người trốn bỏ cõi nghèo quê cũ (hay một lời cảm thương cho tình cảnh những người “bị quê hương ruồng bỏ”). Nhưng chẳng phải cứ ở xứ sở văn minh, con người thành “tiên” cả! Anh sang Mỹ cũng thấy vậy, gặp người bạn thơ Nguyễn Đỗ, càng chia sẻ với bạn nỗi bơ vơ không dễ nói thành lời: *Ta là ai trên xứ sở này?/ Vì sao ta tới đây? Ta tìm gì? Ta muốn gì? Hương nếp mới ghen ngào người xa xứ/ Trưa Cali thơ Nguyễn Trãi lặng người/ “Đất hứa” phục những đòn bằm tím/ Chết không xong thì phải sống thôi!* Đến lượt người đọc lại chia sẻ với Hoàng Hưng, thông cảm với người làm thơ xa xứ: *Những câu thơ/ Một mình đọc một mình tan nát!*

Anh khoá chủ đề xa xứ này bằng một nhận thức, mà nếu thể hiện bằng giọng điệu khác cách viết hiện đại này, chắc không gây được hiệu quả như vậy: *Inbox hiện/ những dòng chữ Việt/ không dấu/ như một thân thể khuyết/ tật/ như thông điệp/ biến dạng qua giấc mơ/Như lời dối /dăng/ bên kia mờ: “hay tap lam nguoi binh thuong”*

Cuối cuộc hành trình thứ ba, cũng là những câu thơ cuối tập, anh viết: *Bắc cực quang chỉ hiện ra cho những người tốt số/ Nhưng đời anh lắm rủi hơn may/ Bắc cực quang chờ suốt đêm không gặp/ Anh đã ngủ thiếp đi/ Và giấc mơ anh tràn ánh sang* (Ở phương Bắc). Nói không gặp, thực ra anh đã gặp!

Đi nửa vòng trái đất, đi qua ba phần tư trái đất, chỉ để tìm ra một điều dễ hiểu. Nghe có vẻ nực cười, nhưng cái biết cũng ba bảy cấp độ, dùng cả cuộc đời để thể nghiệm một chân lý khác với em bé cấp II học câu cách ngôn trong lớp. Chân lý khi được tìm ra, bao giờ chẳng giản đơn! Vấn đề là tìm ra nó bằng cách nào!

Bài thơ *Made USA*, là một nhận chân về nước Mỹ. Anh tìm mua cho vợ một món quà có nhãn hiệu USA, nhưng đụng đến thứ USA “chính hiệu” nào cũng đều do một nước khác sản xuất. Có lẽ chính công làm tại USA chỉ có máy bay tàng hình, có bom xuyên hầm ngầm, có tàu con thoi... có, có đủ thứ để sẵn sàng giáng đòn phủ đầu, đòn trừng phạt! Nhưng thật bất ngờ: Những người làm ra đủ thứ ấy/ Cũng đến từ India, China, Guatemala... Bất ngờ với nhà thơ thôi, còn hiện trạng ấy không xa lạ gì với những nhà làm chính trị, kinh tế. Nhưng đóng góp của nhà thơ là thái độ nhận thức sức mạnh của nước Mỹ một cách khách quan, như nó vốn có, không phê phán, không bị huỷ hoại. Nước Mỹ phát triển và tồn tại như một tất yếu, một quy luật của văn minh nhân loại.

Mơ ước này xuất hiện cuối tập thơ, cũng là lần đầu xuất hiện ở thơ anh: *Triền hoa xanh mong manh/ Chân núi tuyết/ Thì thầm rủ ta nằm xuống/ Nằm xuống và nhắm mắt/ Quên hết chuyện thế gian/ Không bao giờ trở dậy* (Hoa dại). Hoặc: *Các em hãy tới bên ta/ Nhảy múa trên những ưu phiền của ta/ Trên mình ta rác rưởi phù hoa/ Hãy rửa sạch ta bằng tiếng cười/ trong vắt* (Trong rừng Xêxan). Đúng là có những điều u ẩn, muộn phiền, chỉ có thiên nhiên trong vắt và tuổi thơ nhân loại mới rửa sạch được, là thứ “nước thánh” với người biết sử dụng chúng! Hoàng Hưng đi sâu vào lẽ sắc không của Phật học đến đâu, tôi không rõ. Chỉ thấy cái tinh thần ấy cô đúc một cách sinh động qua bài thơ hai câu “Bên mái chùa”: *Trống không giữa xanh um/ Cây tùng năm xưa sét đánh bật gốc...* Cũng như ở bài “Tuyết Sơn”, nhà thơ chờ mãi, chờ mãi đợi một ngày trời trong để được ngắm rặng Tuyết Sơn. Khi ngày ấy đến thì *Đường lên núi sừng nổ/Xe cháy*. Nhưng sự cố không còn là tuyệt vọng, khi *Sáng nay đôi chim hạc bay về/ Mang trên cánh/ Tuyết núi xa*.

Trải nghiệm về nghệ thuật, có phải “Bài thơ trên núi” đã nói hộ anh. Đây là núi Bài thơ ở Quảng Ninh, suốt bao năm anh cứ tưởng bài thơ được khắc trên

đỉnh núi. Khi có ý định leo lên thì đôi chân đã yếu: *Nhưng trời ả sao đôi chân run rẩy/ Có phải tuổi trẻ đó vĩnh viễn rời bỏ ta ?* Anh than: *Ta sẽ chẳng bao giờ lên được Bài thơ trên núi!* Sau nhờ bạn nói, anh mới biết: *Thực ra Bài Thơ không cú trên ngọn núi / Mà ở dưới chân, phía lưng núi quay ra biển.* Chân lý này cũng thật đơn giản: Sau cuộc kiếm tìm các hình thức, mọi thi pháp trên đời, cái thi pháp thích hợp nhất với ta có khi lại là “nhuần nhuyễn mọi điều tìm tòi, cho lặn sâu vào nội dung điều ta định nói” là cách nói gần gũi nhất, sẵn có trong lòng ta! Nhưng cái trong sáng cô điển này ở một cấp độ cao hơn hẳn giai đoạn *Đất nắng*, vì nó là sự tích tụ những trải nghiệm nghệ thuật của người, của ta, lượng đổi thành chất, là chuyện học vẽ rồng trong chuyện cõ, từ con rồng như thực đến con rồng như thực, như hư...(Nhớ đến *Lời cuối sách* của Thanh Thảo (Người đi tìm mặt) : Người chỉ đếm đến một là một người điên hiền lành (quên ngay từng bước vừa đi)... Bao giờ anh cũng ở vạch xuất phát, và sau mỗi cú rướn người, anh lại quay về vạch xuất phát không cần biết những nhà “vô địch” đó bút chạy tới quãng nào rồi.) Cách viết chấm phá đơn giản của anh mà câu chữ vẫn ám, vẫn gợi, tạo những tầng nghĩa không đơn giản, tạm gọi là cách viết dung dị hiện đại, phải chăng đã phủ sóng lên cả tập thơ này?

Điều còn cảm thấy thiếu hụt của tập thơ, phải chăng anh đã chú tâm cho toàn bài, cho những vấn đề cần chia sẻ mà chưa làm sáng lên hơn nữa những câu thơ hay, như trong giai đoạn anh đang bị “những đòn bằm tím”... Đó cũng là cái giá phải trả: không còn những câu thơ ẩn ức đầy tâm trạng để đổi lấy tâm thế an nhiên, thản lặng như người chưa từng thọ nạn nghề nghiệp. Nỗi buồn khi không còn là nỗi buồn cá nhân thì cũng không khó giải tỏa, khi sự vật quanh ta đang sáng dần lên... trong khi một thử thách mới lại mở ra trước mặt Hoàng Hưng: tìm những câu thơ hay với tâm thế khác!

Trung thu 2006
(*Báo Tiền Phong Chủ Nhật* 2006)

“HÀNH TRÌNH” ĐẾN NHỮNG GIÁC MƠ TRẦN ÁNH SÁNG

Nhật Lệ

Có một hành trình nội tâm trong tương tác ngoại cảnh, qua những trải nghiệm ở hai cực văn minh nhân loại để đến được với cái tôi buông bỏ. Thoát ra khỏi cuộc truy tìm bản ngã trong “Người đi tìm mặt” nhiều đột biến, nhà thơ Hoàng Hưng gần như truy tìm sự giải thoát bản ngã, để có được tự do nội tại, theo con đường có vẻ gì đó như một thứ thơ thiên hiện đại.

Nhưng buông bỏ bản ngã cực khó, ngay cả khi người thiên định đã đạt được một cảnh giới nào đó. Bản chất thơ thiên hiện đại dường như không bao giờ đạt đến sự buông bỏ tuyệt đối hay trọn vẹn. Đó có thể chỉ là một vài phút giây loé sáng, rồi tắt. Con người chẳng thể thoát ra khỏi giới hạn của một kiếp, nhưng chỉ cần một giây phút đó thôi đã tự do. Bởi: “Tự do ngay phút này, hoặc không bao giờ nữa”. Sự buông bỏ đi từ ngôn ngữ cô đọng, những ý nghĩ thực đến mức sờ được, những câu chuyện tiết chế xúc cảm. Nhưng vụt hiện những bất ngờ. “Mộ Apollinaire ở đâu” khi cả thế giới tâm trạng này ngập đầy hương vị ông? Quạ kêu ở Calcutta là tiếng kêu thật, hay ảo, với một không gian lùi lại phía sau để “buông mình sang cõi khác”? “Nỗi ngứa ngáy tiền kiếp” đã được nhìn ra là “tiếng vô minh/hú lên lừa mị trên đường ta đi tìm sự thật?” (“Chó rùng”). Hay phút sững sờ: “Tuyệt không bám được/Ngon Sagarmantha phơi gió” ở “Thức dậy trên lưng Himalaya”.

Một sự thay đổi về chất trong không gian thơ của Hoàng Hưng. Thiên nhiên dường như lặng lẽ hơn mà lại to lớn, kỳ vĩ hơn; cuộc sống mở rộng biên độ hơn; tình yêu nhục thể cũng biến mất, thay vào đó là sự trong trẻo của những cảm nhận trẻ thơ: “Hãy rửa sạch ta bằng tiếng cười/Trong vắt”. Từ góc độ người đi đường, thơ Hoàng Hưng thể hiện những trải nghiệm bằng những câu chuyện tự kể cho mình nghe và nhân thể kể cho độc giả vô hình nghe với những chiêm ngẫm mà trước đây hình như chưa có. Đi từ những vần thơ vô thức mãnh liệt sang những vần thơ mộc, chỉ còn cái xương sườn ý, cũng là sang ý thức tự chủ trong thơ.

Nhà thơ nhìn sự vật bằng một sự ngạc nhiên ngày càng tăng, đã truyền được sự ngạc nhiên ấy sang người khác, thay vì lẳng lặng “ngồi một mình trong tối”, lằm bằm một mình. Thơ Hoàng Hưng cũng vì thế mà đã nói to, nói vang hơn trước thiên nhiên và trước đám đông, với một day dứt còn sót lại từ tập trước: “Ân hiện lưng trời tiếng gọi/Kiếp này biết có đến được hay không”. Và một chút băng khuâng của thời “Ngựa biển”: “Đến hết còn này mình sẽ thành

con trẻ/Cởi ba lô vút lại giữa những ván thuyền/Đến hết cồn này mình sẽ sang kiếp khác”, bởi “Đời sống này buồn mà đẹp quá”. Điều này trước đây chưa chắc đã được cảm nhận đầy đủ như thế, ít nhất là với con người đau khổ đang mãi mê tìm bản ngã của mình qua những ác mộng.

Về sau, giọng điệu và cái nhìn chuyển từ phóng chiếu bản ngã sang sự vật trở nên hào sảng và vui thú khi ông lần theo dấu chân của nhà thơ thế hệ beat Allen Ginsberg mà mình yêu mến, pha một chút ngậm ngùi: “Nghe tiếng chân mình bước/Ngoài cửa sông Hudson nàng Tự Do đứng cô đơn le lói đuốc giữa sương mù/ Trăm con tàu lượn tới chào nàng nhưng không đến gần nàng được/Tự do! Tự do! Một đời khao khát phút này nàng vẫn cách xa” (“America”).

Giữa hai đỉnh cao văn minh nhân loại, ông nhận ra nghịch lý “một nhà phát kiến thay đổi văn minh nhân loại/Hay một tên khủng bố?” Ở Bangkok giữa thế giới Phật nằm Phật đứng ông giạt mình: “Mình hành khát gì đây hành khát một niềm tin bên trên lý lẽ /Hành khát nụ cười phi-du-lich của em?” Bút pháp tối giản, nhìn sự vật thu vào trong cái tôi chứ không theo cách vô thức, sự xô lệch giữa giọng thơ cổ điển và hiện đại, một “Hành trình” có thể đã đến hoặc chưa đến, có thể không qua mặt được “Người đi tìm mặt”, nhưng mang sắc trắng im lặng ngời sáng của núi tuyết, của sự sống và chết, của hư vô.

Nhà thơ thú nhận “thơ thiên hiện đại không thể đơn giản tiêu diệt cá tính để đạt đến vô ngã”, nhưng ít ra đã có được sự giải phóng. Và khi khép lại tập thơ này, chỉ có thể nói rằng, điều còn lại giống như một giấc mơ “tràn ánh sáng”.
(Báo *Lao Động* 2006)

NGƯỜI ĐI MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH

*Đó là Hoàng Hưng. Cuộc hành trình đời và thơ trong mười năm 1995 - 2005 đã được thể hiện trong tập thơ mới của anh (NXB Hội Nhà văn, 2005). Hành trình thoát cõi vô minh, tìm đến cái tâm vô sở cầu. Nhà văn Châu Diên và dịch giả Ngân Xuyên có cuộc trò chuyện về **Hành trình** của Hoàng Hưng.*

Châu Diên. Vào giữa những năm 80 thế kỷ trước, tôi có lần phải trả lời những câu hỏi dồn dập... “Vì sao anh quen Hoàng Hưng?” “Giời xui”. “Tại sao anh thích Hoàng Hưng?”. “Tại thơ.” “Thơ anh ta ra sao?” “Thơ anh ấy bồi rồi”. “Cái gì?... Sao kia?” ... “Bồi rồi...”. “Bồi rồi?” “Vâng, bồi rồi.” Quả tình tôi cũng chẳng hiểu vì sao mình lại thấy thơ Hoàng Hưng những năm 60 thế kỷ trước đúng là bồi rồi. Bồi rồi như một tư chất. Lần đầu tiên trong đời thấy mình hình như không sai. Sau những bồi rồi trong trèo ban đầu, Hoàng Hưng trình ra cả loạt thơ *đi tìm mặt* của Đời của Ta của Mệnh. Gần đây, Hoàng Hưng nhìn lại một *hành trình*.

Ngân Xuyên. Tôi nhớ nhà thơ Thanh Thảo có lần đã gọi Hoàng Hưng là “người chỉ đếm đến một”. Anh trung thành với bản thân anh. Anh ra đi từ *đất nấng* nhưng rồi lại phải *đi tìm mặt mình*. Cuộc hành trình bây giờ của Hoàng Hưng là sự trở về với cái chân nguyên, là đi ra thế giới để đi trở vào mình, là đi tới cõi không để thăm cõi thực. Mười năm hành trình thơ Hoàng Hưng ở tập này thăm lắm, buồn nhiều nhưng an tịnh cũng nhiều hơn.

Châu Diên. Cuộc hành trình bắt đầu từ một *cửa sông*. “Cửa sông” như tên một bài thơ mở đầu cuộc phác họa một hành trình, hay cửa sông như một ngập ngừng mới? *Con đò nhỏ đưa ta ra cửa sông ... Những bạn chài... mắt cười hiền ... Họ không hỏi chúng mình đi đâu ... Những ngày sắp tới có gì mới hơn? ... Những chiếc thúng rập rờn ngoài cửa biển. Còn lại chúng mình. Đi thôi. Về thôi.*

Thấy ngay một cuộc hành trình không phải của người trong cuộc. Vẫn là hành trình một cậu trai con nhà chăn êm đềm ấm và được ăn học tử tế. Cậu trai đó khi hai mươi tuổi rưng rưng gọi người dân nghèo đi khai hoang là Mẹ và gọi chốn mới của họ là Quê và cũng rưng rưng thấy những mố cầu mới làm xong như là những hình ảnh hóa đá của những người thợ câu không để lại dấu vết gương mặt *riêng rẽ* của họ. Những người dân chài ở chốn cửa sông vừa rồi cũng thế, không có dấu vết gì *riêng rẽ*. Chỉ có dấu vết nhà thơ băng khuâng cô đơn, *đi thôi, về thôi*. Nhưng đi đâu nốt cuộc hành trình?

Ngân Xuyên. Hành trình là bước chân đi, cái đi mới là quan trọng, con đường mới là mục đích. Hoàng Hưng đã đi được con đường của mình. May hay không may, đối với một đời người, một đời thơ, thế là được. *Trong khi Hollywood chế tác giấc mộng ngày với tốc độ mỗi ngày một giấc / Vẫn không làm chùn chân kẻ đứng trên cầu nhìn dòng nước cuốn / Những gian hàng dằng dặc thế giới ảo hay là đời thực / Cho lạc đường những kẻ không may.*

Châu Diên. Điều quan trọng không phải là bản thân cuộc hành trình. Điều quan trọng là những lời tự căn vặn trong cuộc hành trình. Thơ trong *Hành trình* của Hoàng Hưng luôn luôn trung thành với ý tưởng mang tính lý thuyết của anh: vụn hiện. Và những vụn hiện lại thường giản dị khiến cho mỗi bài như thể một trang nhật ký. Và giản dị như “văn xuôi” nữa. Vì lúc này, cái vụn hiện chính là cái tứ thơ, và bài thơ là sự nảy sinh từ hạt giống đó, chứ không hẳn là những vắn vè. Quan trọng hơn nữa còn ở chỗ những “vụn hiện” đó không vụn vặt, mà chứa đựng những suy ngẫm đặc sắc.

Đây, chúng ta cùng ngẫm nghĩ với Hoàng Hưng khi cái vụn hiện được viết hoa Bài Thơ cứ ám ảnh nhà thơ một vài năm và hóa ra là ám ảnh anh suốt một đời. *“Bao lần qua đây / chưa từng muốn xem bài thơ trên núi / Hôm nay xế chiều mưa bụi / bỗng hăm hở leo lên / ... / Ta không lên được đỉnh Bài Thơ / ... / Ta không lên được đỉnh Bài Thơ nữa rồi / Ta sẽ chẳng bao giờ lên được Bài Thơ trên núi/ ... /* Hóa ra Hoàng Hưng cần bám lấy cái vụn hiện Bài Thơ để ngậm ngùi về cả hành trình làm thơ của đời mình! May sao, con người đó cũng có lúc được an ủi: *Hai năm sau / Đọc thơ ta bạn nói / Thực ra Bài Thơ không ở trên ngọn núi / Mà ở dưới chân, phía lưng núi quay ra biển.* Thế nhưng cái âm hưởng ngậm ngùi cho một hành trình thơ thì làm sao xóa nổi?

Ngân Xuyên. Ngậm ngùi thì cố nhiên rồi, đường trần đã qua ai chẳng ngậm ngùi, nhưng cái khác là Hoàng Hưng nhận biết và chấp nhận ngậm ngùi, chứ chẳng phải như lắm người cứ vui hơn hớn mà rốt cuộc thơ làm nhiều có đọng được bao nhiêu. Hoàn cảnh cuộc sống xô đẩy, có, nhưng tôi muốn nói đến ở đây tâm thế nhà thơ nhiều hơn. Từ cảnh ngộ cá nhân, Hoàng Hưng đến được với những cảnh giới khác, hay nói theo ngôn ngữ Phật giáo mà tính chất rất đậm trong tập thơ này, anh đã “ngộ” được cái lẽ vô thường. Hành trình của anh là đi trong tâm niệm *Uớp xác phàm bằng hương liệu sắc-không.* Điều này đòi hỏi người thơ phải tự tin và thanh thản. Hoàng Hưng là người câu cá trên vịnh Mexico ấy, *đầy một khoang rồi / vớt trả lại biển / chỉ mang về một mú bông thôi.*

Châu Diên. Hoàng Hưng luôn luôn ham muốn gắn hành trình thơ của mình với những nỗi niềm không chỉ mang tính cá nhân. Đây, tại sao cái Đẹp lại vẫn còn song hành với cái U tối, ấy là lời tự căn vặn mình khi đến với Lorca, nhà thơ đã được Hoàng Hưng nâng niu dịch nặng cả một tập gửi bạn đọc Việt Nam: *Đêm bập bùng ghi-ta Granada, bom nổ sớm mai quảng trường tan tác*. Đây nữa, tại sao cái Mộng mơ lại vẫn còn song hành với cái Nghèo đói, *Tại sao Paris lại có mưa dầm, tại sao metro nhiều người đàn rong, và tại sao tắt tiếng hát là mưa dầm lạnh buốt...?* Có lúc hình như nhà thơ đã nản chí khi đứng trước *triển hoa xanh mong manh / Chân núi tuyết / Thì thâm rủ ta nằm xuống / Nằm xuống và nhắm mắt / Quên hết chuyện thế gian / Không bao giờ trở dậy...* May mà trong tâm trạng ủ ê đó nhà thơ vẫn còn được một người đàn bà nâng dậy. Còn một người đề Hoàng Hưng nhớ khi *Sân bay Berlin anh gọi em / Trước giờ bay lên phương Bắc / Một đời mồ hôi một đời bụi bặm / Phương Bắc tuyết trắng giắc mơ đôi ta*.

Ngân Xuyên. Phải, đó là người đàn bà trong cuộc đời Hoàng Hưng, trong cuộc đời nhà thơ. Hạnh phúc cho anh có được người đàn bà đó trong đời, trong thơ. *Đề anh cầm tay em / buông mình vào cõi khác / giữa tiếng quạ kêu ở Calcutta. Đề dưới đáy biển sâu / tôi chờ một nhánh hoa nước mắt / của riêng mình em thôi.* Hành trình của anh cô độc, vì đó là hành trình của bản thân anh mà, nhưng anh không cô đơn. Thơ Hoàng Hưng viết về người đàn bà của anh rất hay vì rất đau đớn và thâm thía cho anh và cho người ấy. Anh còn nhớ câu này ở tập trước của Hoàng Hưng không: *Ngày buồn ăn cả vào đêm / Em ngồi như núi lặng im mà buồn?*

Châu Diên. Tôi mong rằng một cách nhìn khác sẽ gặp ở thơ Hoàng Hưng trong cuộc hành trình của anh những điều vui. Tôi chỉ thấy ở thơ anh những điều buồn. Cái bối rối xưa tôi cảm nhận ở thơ anh vẫn không hề được giải tỏa. Vì vẫn không được giải đáp.

Ngân Xuyên. Còn lâu mới được giải đáp, anh ạ. Bối rối hôm qua và bối rối hôm nay. *Nước mắt một đời / đổi một dòng hư ảo / thế thôi?* Câu hỏi lửng lơ khi nhà thơ bước vào xa lộ thông tin, nơi mà *lỡ một giây / đành làm kẻ bên lề / mãi mãi*. Nhưng thơ Hoàng Hưng ở hành trình này đã được lợi nhờ đó. Anh nghe qua mạch đập không gian thời Internet vẫn lời dối dăng, nhẩn vơ này: “hay tap lam nguoi binh thuong”.

Châu Diên. Hoàng Hưng mới gửi “meo” cho tôi nói anh lại đang đi sang đất Phật. Còn tôi thì chờ anh về với đất này. Đừng hành trình một mình Hưng ơi.

Ngân Xuyên. Hành trình nào mà chẳng một mình, phải không anh Hưng?

Linh Lê (ghi lại)
(*Báo Thể Thao Văn Hóa* 2006)

VỤT HIỆN CỦA CON THẠCH SÙNG

Tam Lệ

...

Có thể, nếu tiếp tục sống ở Hà Nội, Hoàng Hưng sẽ không có cuộc bút phá thực sự trong thơ, và không thể hoàn thành sứ mệnh của mình.

Nhưng ông đã vào Sài Gòn, thành phố sau chiến tranh, với biến động lớn, khác hẳn cuộc sống tuần tự ở Hà Nội.

Đi chụp ảnh dạo để kiếm sống. Cuộc đời diễn ra trước mắt ông, trước máy ảnh của ông. Cũng nhờ vào Nam ông tiếp xúc thêm với tác phẩm của một số tác giả hiện đại nước ngoài mà trước ông chưa biết tới. Có thể ông còn gặp được những tác giả trong nước khác nữa.

Cuộc sống hằng ngày vắt kiệt sức lực của người sáng tác. Nhưng thơ chẳng thể sống ở chỗ nào khác, ngoài cõi trần gian còn đầy tham sân si.

Số lớn các tác phẩm của Hoàng Hưng xuất phát từ tình huống cụ thể, những câu chuyện, những khoảnh khắc đời thường.

Đặng Đình Hưng, Trần Dần hay Lê Đạt thì khác, các tác phẩm của các ông nhanh chóng trở thành một thể giới chữ mang tính học thuật, hàn lâm, duy lý với một chiều sâu của cảm nhận và phân tích.

Cuộc sống Sài Gòn lúc đó đã không cho Hoàng Hưng kịp ngồi trầm ngâm với các luận đề hay biểu tượng. Cuộc sống vụt trôi qua rất nhanh với khối lượng cảm xúc và sự kiện chóng mặt.

Thơ hoặc sẽ là một đồng tạp phí lù, một bãi rác của các sự kiện và cảm xúc, hoặc sẽ chỉ là một cái đuôi đã đứt của con thằn lằn.

Hoàng Hưng chọn cách thả mình theo dòng xoáy của cuộc sống, và ghi lại, có khi ghi bằng trí nhớ, bằng cái bút tưởng tượng, những từ, những câu vọng vang, đầu đó. Thậm chí từ giấc mơ trong giấc ngủ mệt mỏi sau những ngày nhàn nhó với đám khách hàng không bao giờ công nhận kẻ đứng thần thờ trong ảnh là mình.

Ông đã để chính cuộc đời mình thành tấm lọc lớn. Như một thứ phim đặc biệt, chỉ ghi lại những gì từ một “bước sóng” riêng.

Tập *Người đi tìm mặt* giờ đây không chỉ là tập thơ mang dấu ấn lịch sử đặc biệt một thời, khó thay thế, mà nó còn là cột mốc trên con đường cách tân thơ. Ông đã mở “cửa trập” cho thơ hiện đại ghi hình và hiện hình.

Thơ Hoàng Hưng có cái chắc chắn, chân phương, nghiêm ngặt, khoa học... từ thơ của các bậc tiền bối. Nhưng ở ông bắt đầu xuất hiện yếu tố bản năng mạnh mẽ, sự chi phối của tiềm thức và tinh thần dân chủ giữa người sáng tác với tác phẩm của mình. Điều đó, ông gần với Bùi Giáng.

Ở thơ Đặng Đình Hưng và thơ Trần Dần, chúng ta có thể dự đoán được các phần, các câu, thậm chí đôi khi là các từ, sự xuất hiện và tần xuất sử dụng chúng. Trong nhiều bài thơ của Hoàng Hưng, sự bất ngờ mới là vẻ đẹp chính.

Có những câu thơ, ghi lại từ trong giấc mơ, như ông đang nói trong đêm thơ, tác giả cả đời chưa chắc đã lý giải được. Những bài thơ thách đố cả tác giả.

Thơ thách thức, thơ có quyền được bí ẩn, có quyền vụt hiện lên và có quyền biến mất hết sức ngọt ngào. Cũng tựa như một nhiếp ảnh gia thực sự lớn đã để vuột mất những khoảnh khắc bấm máy quan trọng nhất của đời mình.

Tác giả luôn làm chủ tình hình. Thơ Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương là như thế. Đến Hàn Mặc Tử thì ông bắt đầu thấy thơ là con ngựa bất kham, là nàng tiên và có khi là ma. Giữa ông và thơ xuất hiện những rạn nứt đầu tiên.

Hoàng Hưng nhiều năm nghiên cứu đạo Phật, biết thiền. Ông có căn duyên với cuộc sống tự trước, đáng tiếc ông không phải là một Phật tử nguyên nghĩa. Nhưng dù sao, thay vì kiểm soát thơ, ông đã cố tình để thơ kiểm soát mình.

Thơ với ông không còn chỉ là một cách biểu lộ tình yêu, bộc lộ tư tưởng, chí khí, hay chủ kiến.

Và dĩ nhiên nó càng không phải vũ khí đa nòng để săn các giải thưởng, các giám đốc, người đẹp, và chức tước.

Ông cứ để thơ trôi dạt. Và cuộc đời ông trôi dạt, cứ thế, cứ tự nhiên như thế. Ông giống chàng Trương Chi.

Hãy để nỗi đau đến, và đi.

Không phải tất cả các vết sẹo đều là thơ, và thơ không chỉ toàn là sẹo.

Hãy để các chính trị gia đến, và đi, họ có những niềm vui và khó khăn của họ.

Hãy để chúng ta đến và đi, bởi vì chúng ta còn phải luân chuyển vô bờ.

Vậy cái gì đã neo câu thơ ở lại ?

Nhà thơ, lấy cuộc đời mình làm nơi neo đậu của thơ, không lấy thơ làm nơi neo đậu của mình.

Nhà thơ là nơi neo đậu của tất cả, chứ không phải là nơi trú ngụ của công danh và sự phô diễn tài ba.

Nhà thơ là một “que cút khô”.

Tôi ngồi nghe Hoàng Hưng đọc thơ và trả lời các câu hỏi.

Tôi là người gặp may. Ông đã mất mát không ít, làm ra dăm bảy bài thơ cho thế hệ chúng tôi đọc.

Chúng tôi đều cười với nhau chua chát.

Đặng Thân có nghiên cứu về kinh Dịch, mới bảo, văn mà phát thì khổ quá. Hại lắm. Ví dụ như Hoàng Hưng, Bùi Ngọc Tấn, những người hiền lành, ngây thơ nhất, thì lại đi tù. Đây là vì văn nó phát, nó hành đấy.

Người như Hoàng Hưng, là con một gia đình trí thức Hà Nội, cậu ấm, ngờ ngác suốt đời. Khôn của mình không bằng dại của thiên hạ. Bảo: “Đây là lần đầu tiên trong đời mình, tôi được đọc thơ trên tổ quốc của tôi.” (Thực ra viện Gót thuộc đại sứ quán Đức, cũng không hẳn là tổ quốc của ông đâu). Trang trọng và ý nghĩa quá chừng, nhưng mà tác giả toàn quên thơ, phải nhắc thơ, nhắc rồi cũng lại quên.

Làm thì chẳng bao nhiêu bài, tự nhớ được có mấy bài.

Đọc thơ chẳng có gì là hay. Xúc động quá thành ra đọc bài nào cũng như bài nào. Bao nhiêu người thầy của mình, trong nước và quốc tế, không khảo mà xưng, cứ sợ người ta cho là giỏi về “thuông”. Thật ra, có ai làm thơ được một mình. Đều có sự phù trợ cả. Từ cả nghìn năm trước đến bây giờ.

Một cái ông nhà thơ như thế, thì có đảng phái chính trị nào dung nạp, có chế độ nào cần.

Làm thơ, mười người đọc, chín người ghét, phẩm chất nhà chính trị ở chỗ nào. Người chống đối mạnh nhất chẳng phải ai khác mà chính là các bạn bè trong giới! Và bạn đọc!

Thế mà lại vào ngồi tù. Cái nhảm lẫn của tạo hóa với giới văn chương, đôi khi cả giới khoa học nữa, tự cổ xưa đến nay vẫn không đổi. Người ta bảo trong số những người bị tù thì Hoàng Hưng là người oan nhất, vì ông chẳng có bè phái gì, lơ ngơ láo ngáo, vào tù chỉ vì yêu thơ, chẳng biết sự đời.

Không thể bảo một kẻ vào nhà đá là khôn được. Cái người làm chính trị, vào tù đôi khi còn được tổ chức cứu ra, chứ cái anh nhà thơ, vào đây thì “đồng chí” có mỗi một con thạch sùng.

Rõ ràng là có một sự nhảm, của các nhà tù.

01/06/2006

(Tiền Vệ. org)



HOÀNG HƯNG – TỪ NGỰA BIỂN ĐẾN HÀNH TRÌNH TÌM VỀ PHƯƠNG ĐÔNG BÍ ẨN

Nguyễn Việt Chiến

Nhà thơ Hoàng Hưng, sinh năm 1942 ở Hưng Yên, năm 1965 đoạt giải cuộc thi thơ của Báo Văn nghệ, Hội Nhà văn VN. Từ những năm đầu của thập niên 80 của thế kỷ trước, ông đã bước đầu có những tìm tòi khác thường và mới lạ về mặt hình thức nghệ thuật thơ. Trong 35 năm, ông đã in 4 tập thơ: Đất nắng (in chung 1970 NXB Văn học), Ngựa biển (1988 NXB Trẻ), Người đi tìm mặt (1994 NXB Văn hoá Thông tin), Hành trình (2005 NXB Hội Nhà văn).

Hai tập thơ *Ngựa biển* và *Người đi tìm mặt* của Hoàng Hưng khi trình làng đã có nhiều dư luận trái chiều nhau và trở thành đề tài bút chiến của một số cây bút phê bình với những bình luận khen - chê khá gay gắt. Trước cuộc đòn “hội chợ” này, Hoàng Hưng tỏ ra bản lĩnh và khá bình thản trước “búa rìu” của phê bình đã có đôi lúc muốn “truy chụp” ông. Vì thật ra, cuộc đời thơ ca của Hoàng Hưng đã khiến ông phải nếm trải những bước thăng trầm nghiệt ngã hơn nhiều cái thứ búa rìu chữ nghĩa kia. Hai tập thơ nói trên của Hoàng Hưng in ra ở thời điểm đất nước vừa bước vào đổi mới như tín hiệu đầu tiên dự báo cho các dòng thơ tìm tòi, cách tân nghệ thuật sắp nối tiếp nhau trình hiện.

Hình như, trong mỗi con người thơ cách tân đều ẩn chứa một trạng thái làm việc ngôn ngữ không bình thường và khác người theo kiểu bị “ngộ chữ”, bị “bùng nổ”, bị “tẩu hoả nhập ma” nên các bài thơ cách tân thường có một vẻ “điên điên” nào đấy về mặt phát hiện những dị âm, dị hình khiến người đọc không sao theo kịp được những liên tưởng thơ trong một bức tranh kiểu trường phái siêu thực của họ. Nhưng một nhà cách tân như Hoàng Hưng, khi viết về những người điên, thơ ông lại tỉnh táo lạ thường và nhân ái hết mực. Tôi đặc biệt ấn tượng về 2 bài thơ: *Người điên 1* (người điên hiền lành) và *Người điên 2* (người điên gạch ngói) của Hoàng Hưng trong tập thơ *Người đi tìm mặt*. Trong bài thơ đầu, hình ảnh của một người điên hiền lành thật tội nghiệp và dễ thương khi đi qua thành phố, đi qua tuổi thơ của tác giả: “*Anh cứ đi chăm chăm giữa đường/ Cái mặt không tuổi/Tám thân không thời tiết/Hai mắt để ngỏ một căn phòng trống không/Anh cứ đi nghìn bước như nhau/Quên ngay từng bước vừa đi/Không biết chỗ bàn chân đặt tới/Anh cứ vừa đi vừa bầm đốt/Và chỉ đếm đến một/Thửa nhỏ chúng tôi cười chạy sau lưng anh/Lớn*

lên/ Bóng anh tắt những cơn vui/Và an ủi những giờ thất vọng/Rồi anh trở thành người quen thuộc/Một hôm tôi bắt gặp tôi/lắm bầm giữa đông người”

Sự bất ngờ đến trong khổ thơ cuối, khi chợt một hôm, nhà thơ thấy mình có cử chỉ khác thường giống như một người điên, nhưng may sao, đây là một người điên hiền lành thích đùa rỡ với bọn trẻ con và chỉ quen đếm đến một. Nhưng bài thơ không dừng lại ở câu kết, khi cái lần ranh mỏng manh giữa một người điên và một người bình thường đã khiến ta liên hệ đến một bi kịch đời sống đã bao trùm toàn bộ không khí bài thơ khiến người điên và nhà thơ trở thành người quen thuộc, họ giống nhau ở chỗ hay lắm bầm những nơi đông người. Đến khi ấy, ta mới lắng nghe được, cảm thông được, hiểu thấu được cái thứ ngôn ngữ lắm bầm của một người điên chính là sự mong muốn được chuyện trò, được đối thoại với cái đám đông bình thường đang cố tình hắt hủi và xa lánh họ, điều mà chỉ có nhà thơ mới đồng cảm được. Còn trong bài thơ *Người điên gạch ngói*, chính nhà thơ lại là người được vỗ về bởi khúc ca thanh bình của một người điên đang hát lên khi đi qua cái thành phố điêu tàn vì chiến tranh:”*Đội một viên gạch vỡ/Chị vừa đi vừa ca/Chiều tắt dần cuối phố/Chị vừa đi vừa ca/Những mảnh vụn của bài ca thanh bình/ Lao xao tìm tôi/ Ôi nỗi điên gạch ngói/ Cứ hát lên hát lên/Có bao nhiêu nát tan/Đội lên đầu mà hát”*.

Và có một điều khá kỳ lạ, sau 2 tập thơ *Ngựa biển* và *Người đi tìm mặt* với những phát hiện, tìm tòi chữ nghĩa theo kiểu “huống ngoại” gây xôn xao dư luận thì chỉ ít năm sau, cùng với các chuyến “xuất ngoại” đến với các nền thi ca hiện đại khác trên thế giới như: Pháp, Đức, Mỹ, Ấn Độ...ta lại gặp một Hoàng Hưng “huống nội” tìm về với bản lĩnh Phương Đông vững chãi mà độc đáo theo cách bài thơ “*Nghe quạ kêu ở Calcutta*” như một bức tranh về thời hiện đại, khi quá khứ và tương lai như hai đối cực đang dần hiện lên trong hình ảnh người phu xe ngồi khâu áo bên đường kiên trì, nhẫn nại như người bán món trà sữa từ thời Đức Phật cho những du khách hiếu kỳ trong cái thành phố Calcutta lúc nhúc người xe và hăng nồng hương liệu nghìn năm. Xuyên suốt bức tranh này là tiếng quạ kêu đến oi ả, đến bức bối làm chúng ta rối bời vì một cảm giác bất an đang thao thức đâu đó trong đời sống con người hiện đại khi cảnh lam lũ, khó nhọc trên mặt đất này vẫn luôn thường trực ở khắp mọi nơi. Hoàng Hưng đã vẽ bởi cảm xúc thơ thường trực trong con người ông chính là cái tổ chất nhân văn luôn tràn đầy, luôn hướng tới và phải trình hiện bằng ngôn ngữ thơ này.

Hoàng Hưng cũng đã vẽ và chấm phá chỉ bằng đôi nét thẳm lạng ở bức tranh sau: “*Cố đợi ngày trời trong/ Có thể ngắm rặng tuyết sơn/ Xa ngoài trăm cây*

số/ Chờ hết một mùa/ Trời mờ mịn sương/Đường lên núi sừng nõ/ Xe cháy/ Sáng nay đôi chim hạc bay về/ Mang trên cánh/ Tuyết núi xa”. Hình ảnh Tuyết Sơn trong bài thơ trên lặng mà động, yên mà bất yên, tưởng chừng không thấy mà lại thấy, tưởng như không chảy mà lại chảy, ngỡ như hư ảo giá lạnh mà lại hiện thực nóng bức. Cái hình ảnh đột ngột sớm nay, đôi chim hạc bay về từ núi xa, hình như không phải chúng mang tuyết trên núi về mà trên đôi cánh hạc ấy còn có cả dấu vết của máu nữa bởi trước đó, đường lên núi, sừng đã nõ và xe đã cháy. Cách chấm phá của Hoàng Hưng trong bức tranh này đã vượt qua được cái không khí của tranh thủy mặc xưa, nó gần với đời sống đương đại nhưng cũng rất gần với Phương Đông. Phải chăng đây là một hướng đi mới của thơ hiện đại, khi Hoàng Hưng sau gần 40 năm trăn trở cùng thi ca với các khuynh hướng tìm tòi khác nhau đang hành trình tìm về miền cội nguồn của thi ca phương Đông?

Sự hoá thân của thơ vào sắc thái ngôn ngữ và hình ảnh riêng của mỗi nền văn hoá đã nhiều lần được Hoàng Hưng coi trọng đặt lên hàng đầu, khi ông tới viếng thăm những miền đất khác hoặc khi ông viết về con người và đất nước ấy. Hoàng Hưng đã tìm được nhịp điệu đặc trưng của thơ Lorca trong bài thơ sau:”*Những đôi ô liu chạy trong trắng bạc/Góc tối toa tàu con tim tôi đập/ Lorca/ Đông mênh mông rực cháy và nứt toác/ Đâu rồi kỵ sĩ Cordoba?/ Chỉ một bóng cao bồi Far West/ Giữa phim trường bao la/ Lorca/ Nhịp chân dồn dập di-gan/ Trên sàn diễn giả trang hang đá/ Trán nàng giọt giọt mồ hôi/ Biển thẳm chín mình tôi/ Địa Trung Hải sóng chạy về tím tấp/ Lorca/ Đêm bập bùng ghi ta Granada/ Bom nổ sớm mai quảng trường tan tác”*. Có cảm tưởng những hình ảnh huyền ảo, rung động của thi pháp Lorca đã làm nên sự hấp dẫn của bài thơ trên, Hoàng Hưng đã nắm bắt được nhịp điệu ấy và ông nhập cuộc vào một “bản nháp” theo kiểu của Lorca với dấu ấn sáng tạo của riêng mình. Riêng hành trình cách tân của Hoàng Hưng với những thể nghiệm thơ gây khá nhiều tranh cãi dường như đã lắng xuống sau khi tập thơ *Hành trình* của anh được Hội Nhà văn Hà Nội trao giải thưởng thơ năm 2006. Sau một chặng dài tìm tòi, thơ Hoàng Hưng như lắng lại với vẻ tự nhiên tĩnh tại của một “*Bạc thầy: Đã về-đã tới/ Bây giờ-ở đây/Tự do ngay phút này/ Hoặc không bao giờ nữa”*.

(*Thơ Việt Nam tìm tòi và cách tân 1975-2005*, NXB Hội Nhà Văn, 2007)

HÀNH TRÌNH TINH THẦN CỦA MỘT NHÀ THƠ

Lê Tâm

1. “Người thơ phong vận như thơ ấy” - hành trình thơ và đời Hoàng Hưng
Ròng rã suốt một năm đi dọc sông Dương Tử để quên đi bệnh tật và lo âu, Cao Hành Kiện đã hoàn tất *Linh Sơn*, kiệt tác đưa ông đến giải thưởng Nobel danh giá. Trước đó gần ba trăm năm, lang thang trên con đường sâu thẳm tìm kiếm vẻ đẹp tinh thần Nhật Bản, Basho trở thành *hành giả - thi nhân*, người mà đến nay vẫn được xem là biểu tượng cho sức sống kỳ diệu của thơ Haiku, của hồn thiên Nhật Bản.

Hành trình của mỗi nhà thơ đều ghi dấu những suy tư dần thân và được đúc lại trong mỗi con chữ, trang thơ. Tôi hình dung Hoàng Hưng cũng là một trường hợp như thế; nhất là khi đọc *Hành trình* của ông, tác phẩm ra đời vào năm 2005 và được giải thưởng thơ của Hội Nhà văn Hà Nội năm 2006.

Hành trình mang trong nó một tư chất Thiên rõ rệt. Vì thế, tập thơ gọi cho tôi cảm giác an lạc mà vẫn “chưa xong”, hài hòa mà “vẫn đang” ...; tập thơ quá nhiều nỗi niềm, nhiều thành tựu đậm đặc và cũng có những suy tư dang dở, những thể nghiệm sẽ phải dẫn đo thêm, thậm chí cả những ý thơ như còn trong kén, chưa hiện rõ vóc dáng và cấu tứ ám ảnh vốn là thể mạnh của Hoàng Hưng. Chất “hành hương” trong tập thơ mới nhất của Hoàng Hưng tạo ra một mạch ngầm cảm thụ cho độc giả. Vì thế, có người thấy tập thơ *Hành trình* là “khúc cuối của ba cuộc hành trình song song”: làm thơ, dịch thơ và đọc thơ vòng quanh thế giới. Nguyễn Thụy Kha thì nghĩ: “Hành trình thơ Hoàng Hưng là hành trình bền bỉ và kiên định suốt hơn 40 năm qua”. Có người lại đọc thấy trong thơ Hoàng Hưng một “hành trình tâm linh” tìm đến với giấc mơ “tràn ánh sáng”... Tôi cho rằng riêng với nhà thơ Hoàng Hưng, *Hành trình* là cách gọi

tên sự sống – sự sống muôn màu bên ngoài và sự sống thắm sâu trong cõi tinh thần.

Những gì có trong *Hành trình*, theo tôi, cũng có trong những tập thơ trước của Hoàng Hưng. Tập thơ này không phải là lời tổng kết một giai đoạn sáng tác, không phải mở ra một cái gì khác cho riêng nhà thơ, không phải chuyển từ trạng thái “ngựa biển” ào ạt sang cái thì thắm sâu lắng nơi cửa Thiền, không phải đi từ hướng ngoại tới hướng nội,... Tất cả chỉ đơn giản là lời trò chuyện về những chuyến đi. Có những chuyến đi đầy hào hứng và đợi chờ. Có những chuyến đi chỉ toàn là ác mộng và mất mát. Có những chuyến đi mơ màng và đau đớn của tình yêu. Cũng có những chuyến đi rất nhiều dấu hỏi...

Thơ Hoàng Hưng, khởi từ *Đất nắng* (1970) đến *Ngựa biển* (1988), *Người đi tìm mặt* (1994) và mới đây là *Hành trình*, chỉ có một phẩm chất: đó là khả năng “đi cùng” với thơ ca một cách chân thành, sâu sắc. Cái “đi cùng” ấy, tôi thích hình dung nó giống như sự “dấn thân”, “thấm thía”, “đầy ứ”. Những người bạn trong thơ ông, nói cho cùng, là bạn đời, bạn tình, bạn thơ; những câu chuyện của ông, nói cho cùng, là chuyện thơ, chuyện tình, chuyện đời. Có gì khác nữa đâu. Ông dành cả đời cho thơ, và đời người cũng lẫn vào đời thơ. Và những gì ông kể lại, thì thảo với người đọc, *chính là những ám ảnh thơ ca trên mọi nẻo đường đời*.

Một bài thơ không đề của ông trong tập *Ngựa biển* có những câu thơ tình điệu rất sâu:

Đường phố hôm nay mùa đông

Sao áo em mùa hạ?

Những sọc áo xanh cuộn sóng

Em mang trên ngực biển đây.

Biển những ngày hè đẹp lắm

Ngày nào tìm biển ta say.

Nhưng mùa hạ đã ra đi

Chân trời xa không ngăn nắng

Sao em còn mang áo mỏng

Có còn mùa hạ nữa đâu.

Sao em làm lòng ta đau

Nhớ ngọn lửa hè đã tắt.

Những câu thơ ngắn giàu ám ảnh như thế vẫn đeo bám đời thơ Hoàng Hưng. Số phận những câu thơ giàu cách tân đó tiếp tục nối dài những tranh cãi và hứa hẹn cho những chân trời thơ khác. Sau này, đến tập *Hành trình*, chất ám ảnh ấy càng dày dặn hơn. Có thể xem nhiều bài thơ trong *Hành trình* là “thơ thiền hiện đại” được chững; nghĩa là trong ý thức sâu xa, thơ ông đã tương đắc một cách đặc biệt với những sáng tác của các thiền sư cách chúng ta cả ngàn năm. Thơ thiền hiện đại không phải là mảnh đất dễ gieo trồng tâm linh, bởi nó còn chịu sự xô đẩy của cảm thức hiện đại. Phải chăng vì thế, vẫn còn đôi chỗ trong tập thơ *Hành trình* này một chút “thu xếp” chưa thật nhuần nhuyễn giữa sự ồn ào và tĩnh lặng, giữa phá cách trầm trọng và kinh điển khắt khe.

Ám ảnh của các tu sĩ năm xưa là lời nhắc nhở chứng ngộ, là cách con người tham dự vào sự giải thoát cho chính mình. Trong thế giới thơ Hoàng Hưng, một đôi bài chỉ đơn giản là sự chất lọc ám ảnh đời mình thành sợi tơ vàng sáng tạo. Con kén quặn quại trong tinh thần ông là những câu hỏi không có điểm dừng với đời sống, với thân phận. Một trong những bài thơ được yêu mến nhất của Hoàng Hưng trong tập *Người đi tìm mặt* cũng nằm trong dòng chảy ám ảnh kỳ lạ đó:

Người về từ cõi ấy

Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy

Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy

Giữa phố đông nhòn nhột sau gáy

Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui

Hai năm còn mộng toát mồ hôi

Ba năm còn nhớ một con thạch sùng

Mười năm còn quen ngòi một mình trong tối.

Một hôm có kẻ nhìn trần trời

Một đêm có tiếng bâng quơ hỏi.

Giật mình

một cái vỗ vai.

(Người về)

Bài thơ đã lấy đi nhiều giấy mực của văn giới. Nhà thơ cũng tâm sự: bạn đọc trong và ngoài nước chia sẻ với ông rằng, bài thơ có thân phận của nhiều con người ở nhiều xứ sở khác nhau, bài thơ là nỗi bất an của thời đại. Dày đặc hơn nỗi cô đơn, cao rộng hơn nỗi tủi buồn, bài thơ không dừng lại ở tâm tình số phận. Nó là cái gì sâu hơn cảm xúc; cái tứ thơ này, nói như Hoài Thanh bàn về thơ Hàn Mặc Tử, khen hay chê cũng đều nhận tâm. Bởi đó chính là những nỗi niềm sống trải của nhà thơ đột ngột lên tiếng từ một chuyến đi kỳ lạ đau đớn của cuộc đời. Tủi đày, hay hơn thế nữa, cũng neo đậu lại nơi tâm hồn con người vết thương của tồn tại, vết thương ở *xứ loài người*.

Đúng như lời bộc bạch của nhà thơ, *hành trình* thơ ông chỉ chăm chú kiếm tìm, gọi tên những bất an ở tầng sâu của tâm hồn. Một tiếng ac-cooc chiều Matxcova cũng lay động tiếng khóc một thời tuổi trẻ. Một tiếng quạ kêu ở Calcutta đủ kéo quá khứ thiêng liêng vào trong cõi đời chật hẹp náo động. Những ngày mưa Bangkok gợi lên cảm tưởng về những chuyến đi vô nghĩa lý... Nỗi niềm bất an ấy còn hiện diện trong những câu thơ về sự sống, cái chết. Đó là một ngày sinh nhật giữa “vườn thú xác xơ thu”, giản dị và buồn bã. Đó là dự cảm miên man về cái chết, từ cái chết tinh thần đến sự kết thúc thân xác:

Còn tôi sẽ chết cách nào đây

Chết mòn chết mỏi

Trước màn hình tivi?

Chết dần mỗi sáng trong bài múa tham sinh tập thể?

Chết nghìn lần trong mắt em?

Không. Cái chết ấy tôi không chịu nói.

Tôi ước mình chết trong một chuyến đi...

(Cái chết)

Chết trên hành trình, điều ấy có khác gì tâm niệm “đi cùng thơ cho đến chết”. Nhiều tác gia lớn đã chết trên hành trình. Đó là Basho, là Tolstoi, là Nguyễn Bính..., những tâm hồn đi cùng mưa gió của đời, chết trong rét mướt bất ngờ và sống sót mãi với văn chương của họ. Vậy nên, chết trên hành trình cũng là một ẩn dụ đẹp. Đó là tư tưởng của thơ, chí khí của thơ.

Những ám ảnh mới trong thơ Hoàng Hưng lại tiếp tục xô đẩy nhau trong tập thơ dày đặc những chuyến đi của ông: chỉ một cái “máy mắt” cũng trở thành “một đời chớp đong”, những đỉnh cao đối nghịch nhau đầy ẩn dụ: dây

Himalaya tuyết vàng kim – nơi ẩn tu nghìn năm bên cạnh những cao ốc chọc trời đảo Manhattan, New York chứa đầy hy vọng và hiểm nguy; sông Hằng linh thiêng hắt lên bóng xác con trâu mộng trong dàn thiêu quá khứ rồi đột ngột xuất hiện trong cảnh tình chen chúc mới:

Tràn xuống sông bày người ngũ sắc

Xin nước sông rửa sạch tội tình

Lão du-già sát đầy mình tro tử thi vừa nguội

Ướp xác phàm bằng hương liệu sắc – không.

Tôi nghĩ rằng đây là những câu thơ hay nhất trong bài *Sông Hằng*. Chuyến đi đầy tính chất hành hương về cõi Phật của nhà thơ Hoàng Hưng hẳn đã kịp ghi tạc nhiều biến chuyển tinh thần và làm “vứt hiện” nhiều ý tưởng tài hoa, sâu sắc của ông. Hình ảnh những tu sĩ thời hiện đại “ướp xác phàm” bằng thứ tro sinh tử vô thường khiến tôi cảm nhận khả năng “ký sự”, “tốc ký” của nhà thơ về các bí ẩn văn hóa từ góc nhìn đời thường, nóng bỏng. Khi ấy, thơ ca có được tiếng nói hồn nhiên sâu thẳm của nó trước thực tại - điều mà người đọc nhiều thế hệ đã bắt gặp và ngỡ ngàng khi đối diện với những trang viết quá sức đau đớn và chân thành của Boris Pasternak, của Apollinaire, hay Emily Dickinson...

Viết bằng ám ảnh, tin vào cảm giác, sẵn sàng mở rộng, học hỏi không ngừng, người thầy giáo dạy văn Hoàng Hưng năm xưa, anh lính hồn nhiên năm xưa, kẻ bị lưu đày hay “thọ nạn nghề nghiệp” vào một buổi chiều, nhà thơ “lang thang” trên những lục địa nhiều màu da... , tôi hy vọng, vẫn tiếp tục nhẫn nại mang đến cho người yêu thơ những tâm tình mới, suy tư mới và cả những thể nghiệm ngang tàng, bạo liệt chỉ có ở những nhà thơ tin sâu thân phận thơ ca của mình.

2- Sức sống tinh thần trong hành trình sáng tạo của một nhà thơ – trí thức

Tôi đọc thấy những cụm từ như thế này trong các bài bình luận thơ Hoàng Hưng: “giác quan chính trị”, “kiến giải”, “thời sự lớn”, ... Nhà thơ Hoàng Hưng còn được biết đến với vai trò một dịch giả tài hoa, có uy tín. Vốn liếng chừng ấy: những quan sát tinh tường, những dự cảm thiên phú, khả năng ngôn ngữ, ngoại ngữ vững vàng, tất cả tạo nên một Hoàng Hưng nhà thơ, dịch giả, nhà báo. Và sâu sắc hơn, tôi nghĩ, ông là một nhà thơ – trí thức.

Ít nhất trong thơ ông, tôi đọc thấy nhiều thao thức chỉ có ở những kẻ “ăn phải bả thiêng liêng”, quen cật vấn mình, quen hỏi trời hỏi đời, quen không khí đối thoại da diết với những tâm hồn lồi lạc, quen thấy mình bất lực trước chân trời xa, trước biển cả, quen với không gian lý tưởng và tuyệt vọng não nề, quen với đòn chí mạng của cuộc đời đánh vào những kiếm tìm “xa xỉ” của tinh thần. Phẩm chất trí thức trong thơ Hoàng Hưng tạo nên đẳng cấp một nhà thơ hiện đại, đúng hơn là nhà thơ đương đại. Ông chẳng ngần ngại tưởng nhớ Lorca và Ginsberg trên phố phường Times Square, âm thầm gọi hồn Apollinaire giữa nước Pháp, và mai mĩa cả Nữ thần Tự do nơi biển trời New York:

Trăm con tàu lượn đến chào nàng nhưng không đến gần nàng được

Tự Do! Tự Do! Một đời khao khát phút này nàng vẫn cách xa.

Ông kể về chuyến đi ở nhà trọ Rovaniemi để chờ ánh sáng Bắc cực. Bài thơ gọn gàng đơn sơ nhưng cái kết cục chẳng hề bình thường, nếu không nói là lạ lùng.

Người ta bảo ánh sáng thiêng rửa sạch tâm hồn

Bắc Cực Quang chỉ hiện ra cho những người tốt số

Nhưng đời anh rủi lắm hơn may

Bắc Cực Quang chờ suốt đêm không gặp.

Anh đã ngủ thiếp đi

Và giấc mơ anh tràn ánh sáng.

Những câu thơ cuối cùng có cái gì đó rất gần gũi với câu chuyện *Nhà giả kim* của Paulo Coelho. Chàng trai trẻ Santiago theo đuổi giấc mơ tìm kho báu của mình trong một chuyến đi mộng ảo. Ngòi bút ma thuật của Paulo Coelho đột ngột đưa chàng trai trở lại miền đất cũ ban đầu – nơi kho báu đã nằm ở đây từ rất lâu. Thật đâu có khác gì người đàn ông trong bài thơ tìm ánh sáng thiêng. Giấc mơ ấy của nhà thơ là điểm kết nối thực tại lỏng lẻo với không gian tinh thần. Cái giấc mơ tràn ánh sáng là quá đủ cho một Bắc Cực Quang, hay chẳng thể nào là Bắc Cực Quang?... Tôi thích cái phần khởi đầu bi kịch này.

Thơ Hoàng Hưng là mối giao hòa đặc biệt giữa thời sự và tâm linh, mơ mộng và thực tại, nóng bỏng và chán chường... Tôi hiểu thơ đi giữa nhiều đối cực, không riêng gì thơ Hoàng Hưng. Nhưng tôi tâm đắc cách giao hòa của thơ ông. Nói theo cách của Tam Lê: “Ông đã để chính cuộc đời mình thành tấm lọc lớn. Như một thứ phim đặc biệt, chỉ ghi lại những gì từ một “bước sóng” riêng”:

Giữa cánh rừng xéxan

Tôi bắt gặp lũ trẻ trong làng

Đùa vui trên đồng rác thải du lịch

Những tràng hoa phôi bào trên tóc

Trên mình gấm vóc giấy màu

Chúng nhảy nhót hò reo

Như chưa từng đói khát.

Các em hãy tới bên ta

Nhảy múa trên những ưu phiền của ta

Trên mình ta rác rưởi phù hoa (...)

Trò chơi con trẻ ở một xứ sở nghèo túng trên đồng rác thải được chụp lại qua ống kính Hoàng Hưng. Và rồi tiếng nhảy nhót hò reo ấy lại trong sáng hơn biết dường nào khi ông hạ bút “mình ta rác rưởi phù hoa”. Một phóng sự bé tí nhưng chất chứa...

Bất nhịp với đời sống đang sống, du nhập cho được cái khoảnh khắc có thật của cõi người, dọn ra đủ món đời thường, triết lý và phản biện, hồn thơ Hoàng Hưng không chỉ đồng vọng nỗi niềm “sâu sát đấng chu nhân” (buồn đến chết lòng người đi thuyền) của Lý Bạch mà còn cất cánh lên những chân trời gai góc hơn.

Chó đen rìn rít những điều khó hiểu

Hồn ai đang lang thang trong đêm?

(...)

Chó đen sùng sục suốt đêm

Nỗi ngứa ngứa tiền kiếp

Phát điên vì không nói được

Sau này đến tập *Hành trình*, con chó đen tội nghiệp ngứa ngứa hóa thành đàn chó rừng đầy hăm dọa và bí hiểm:

Suốt đêm thao thức hồ nghi

Tiếng chó rừng có thật, không có thật?

Tiếng vô minh

Hú lên lừa mị trên đường ta đi tìm sự thật?

(...)

Bỗng mắt mắt mắt mắt

Chi chít mắt xanh

Nhìn ta trong bóng đêm

Im lìm.

(Chó rùng)

Từ hình ảnh con chó ngựa ngáy tièn kiếp đến đàn chó hóa thành “mắt mắt mắt mắt”, tôi nghĩ thơ Hoàng Hưng đã gặp gỡ với thơ ca thể giới ở khả năng biểu tượng hóa mạnh mẽ, rất thời sự mà vẫn quyến rũ ẩn dụ. Không biết ông có chia sẻ với tôi rằng, đó là một thành tựu, là “thuật giả kim” mà ông học được từ các bậc thầy thơ ca, hay từ chính cuộc đời mà ông đã trải nghiệm một cách tan nát và nhọc nhằn.

“Thơ hiện đại mà súc tích như cổ thi”, “trong sáng cổ điển”, “tả bóng ra hình”, “công lực công phu”...tôi rất muốn mượn những lời bình này của Vũ Quần Phương, Vân Long, và những bạn thơ khác viết về Hoàng Hưng để nói thêm phẩm chất Đông – Tây kết hợp trong hành trình sáng tạo của nhà thơ. Rõ ràng có hai khuynh hướng được phát triển khá tinh tế trong dòng mạch sáng tác thơ Hoàng Hưng. Một là chịu sự tác động của tinh hoa văn học nước ngoài như Pháp, Mỹ, hay châu Âu nói chung (phần này quá nhiều người bàn đến), khuynh hướng thứ hai thể hiện rất rõ chất thơ phương Đông, đặc biệt của Nhật Bản (phần này có vẻ mới). Tôi cảm nhận chất Haiku trong thơ Hoàng Hưng qua những bài thơ dài ngắn khác nhau, trong những tứ thơ đột ngột và gợi cảm, trong những ý tình và cách chắt lọc ý tưởng:

Vươn ra nắng

Mọc những đôi cánh lá

Trong veo

Hoàn toàn mang phẩm chất một bài Haiku: đẹp, đơn sơ, cụ thể, và cũng tràn trề không gian...

Một bài khác tôi đặc biệt yêu thích:

Thầy vào như hơi gió

Tăng đoàn rạng rỡ tuệ quang.

An tịnh – mỉm cười

Đã về - đã tới

Bây giờ - ở đây

Tự do ngay phút này – hoặc không bao giờ nữa.

(Bậc Thầy)

Nếu thơ “vụt hiện” trước đây trong tập *Ngựa biển* vẫn mang nhiều dáng dấp “thí nghiệm”, “phác thảo” (theo tôi là vậy) thì chất “vụt hiện” ở một số bài thơ trong tập *Hành trình*, tôi nghĩ, đã tìm thấy “căn cơ” trưởng thành, nhất là trong bài thơ vừa nêu. Bản thân tôi có quá trình tìm hiểu thơ thiền nên cũng cảm nhận hương hoa đôi chút về thể loại thơ ca đặc biệt này. Với bài *Bậc thầy*, tôi chỉ có thể nói: ở một góc độ nào đó, bản thân nhà thơ cũng có tư chất “bậc thầy”, ít nhất là ở khả năng cảm hiểu sâu sắc và mãnh liệt cốt lõi vẻ đẹp tôn giáo trong thơ. Hồn bài thơ là hồn thiền. Đó là bài thơ về khoảnh khắc, “chơi” khoảnh khắc: khoảnh khắc bậc Thầy xuất hiện, khoảnh khắc an tịnh, khoảnh khắc chứng ngộ, và khoảnh khắc hiểm nguy chết người (không bao giờ nữa).

Con đường tìm kiếm đầy đam mê và quyết liệt của nhà thơ Hoàng Hưng cũng đến hồi sáng tỏ. Thơ ông cho thấy lối đi mới rất riêng, chạm được phong cách sáng tác *hiện đại châu Á*. Tôi nói điều này vì nghiệm thấy cảm nhận của tôi có thể chia sẻ được với Paul Hoover, nhà thơ Mỹ đương đại – người đã làm một phép so sánh con người tinh thần trong thơ Hoàng Hưng giống với người đàn ông trong tiểu thuyết nổi tiếng *Người đàn bà trong cồn cát* của nhà văn Nhật Bản Abe Kobo. Có lẽ khi phát hiện phẩm chất *hiện đại châu Á* của thơ Hoàng Hưng, ông Paul Hoover cũng chưa hình dung thơ Hoàng Hưng còn có những khía cạnh khác tương đặc kỳ lạ với Abe Kobo. Trong khi nhiều người phỏng vấn nhà thơ Hoàng Hưng đã đặt vấn đề “người đi tìm mặt” ra sao, thì trong văn học thế giới, mô hình “tìm mặt” đã là một chủ đề lớn. *Người cười* của Victor Hugo là một ví dụ. Trở lại Abe Kobo, tôi thích so sánh khái niệm “tìm mặt” của Hoàng Hưng với khái niệm “Khuôn mặt người khác”, cũng là tên tác phẩm của Abe Kobo, tác phẩm đã góp phần đưa nhà văn Nhật hiện đại bậc nhất này lên hàng tác gia thế giới. Cuốn tiểu thuyết viết về người đàn ông loay hoay với sự “biến dạng” cùng những triết lý về ý nghĩ khuôn mặt mình trong cuộc sống, trong tình yêu. Điều này cũng nằm trong chuỗi suy tưởng mà nhà thơ Hoàng Hưng muốn gửi gắm ở tập thơ *Người đi tìm mặt*:

Đêm xuống rồi

Ta lên

Đi tìm mặt mình

Đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình

(...)

Mặt tôi trong gió cuốn

Mặt tôi trong nắng đốt

Mặt tôi trong lá ngón

Mặt tôi còi vọng cô liêu

Mặt tôi bàn tay ôm ấp

Mặt tôi đá núi im lìm

Mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm (...)

(Người đi tìm mặt)

Ngoại trừ bài thơ rất rõ tứ này, tôi có cảm giác tập thơ “tìm mặt” dường như dừng lại ở ý thơ, ở niềm hưng phấn và phát hiện một chiều sâu nào đó; nó chưa được khai triển thành tứ, hay đúng hơn chưa phải là nòng cốt tư tưởng của tập thơ mà nó mang tên.

Chất thơ Hoàng Hưng dường như vẫn phải gắn với sự sắc sảo hồn nhiên và ấm nóng, hơn là sự sắc bén lạnh lùng theo kiểu những nhà tư tưởng hiện sinh hay “phá phách”. Trong tâm thế này, tôi rất chú ý đến hai bài thơ *Cửa sông* và *Tuyết sơn* của Hoàng Hưng trong tập *Hành trình*.

Và tôi phát hiện cái “không thể” trong thơ Hoàng Hưng như một tiếng khóc sâu. Mong ngắm Bắc cực quang mà không thể. Chờ ngắm núi tuyết mà không thể. Muốn lên đỉnh Bài thơ mà không thể. Pháp phòng chờ đợi đường đôi ngày trên máy bay cũng không thể... Tôi đã hiểu vì sao trong đêm trở về sau chuyến phiêu bạt bất ngờ, bên người bạn đời, nhà thơ đã viết: “*Ước nằm nghe mưa ròi chết*” (Mùi mưa hay bài thơ của M.). Không còn thay đổi được. Không còn biết làm thế nào. Không biết phải chịu đựng điều gì. Không biết vì sao đã phải chịu đựng. Và cái cùn cát nơi cửa sông lại trào lên một ám ảnh ma rợn:

Ta bước lên một chợ cá sắp tàn

Còn cát trắng lửng lơ giữa biển

Đến hết cồn này mình sẽ thành con trẻ

Cởi ba lô vứt lại giữa những mảnh ván thuyền

Đến hết cồn này mình sẽ sang kiếp khác.

*Em ngấp ngừng một giọt lệ trên mi
Đời sống này buồn mà đẹp quá (...)*

*Ta cứ đứng phân vân trên cồn cát
Các bạn chài đã đi hết rồi
Những chiếc thúng rập rờn ngoài cửa biển
Còn hai chúng mình
Đi thôi
Về thôi.*

“Nỗi quẩn quại của đời anh, ngòi bút anh đang nói với chúng ta đôi điều mới lạ về số phận con người” (Hoàng Cầm). Bài thơ *Cửa sông* lặng lẽ trôi qua tay tôi, nhưng giờ đã ở lại trong lòng tôi với một nỗi buồn “tiền kiếp”, một đam mê “tiền kiếp”. Buồn và đam mê cuộc đời này. Cửa sông cửa biển ấy là cửa ngõ của rất nhiều đôi lứa, nhiều định mệnh, đưa đẩy và úa tàn, chắm dứt và mệnh mang. Tôi nhớ Herman Hess với *Shiddhartha* (được dịch ra tiếng Việt là *Câu chuyện dòng sông*). Thái tử Tất Đạt, người thành Phật dưới cội bồ đề hơn hai ngàn năm trước, được Herman Hess mô tả trong những biến cố tan tành của đục lặc. Và con đường tâm linh của Người vang trong tiếng nói sâu thẳm nơi dòng sông nhân loại. Câu chuyện dòng sông là câu chuyện của đau khổ được giải thoát. Còn “Cửa sông” của Hoàng Hưng là giải thoát hay chắm hết, là “đi” hay “về”, là “sống” hay “chết”?... Có nhiều người đọc thơ đã yêu cái “bồi rồi” vô bờ ấy.

* * *

Về cuối đời, nhà thơ Chế Lan Viên viết:

*Nửa thế kỷ tôi loay hoay kê miệng vực
Leo lên những đỉnh tinh thần chát ngát...*

Tôi có niềm tin rằng những người sống còn với thơ ca trước sau vẫn là kẻ hành hương lên các đỉnh tinh thần. Cõi sáng tạo bắt họ hiển tế chính niềm vui nỗi buồn của mình, gửi đi biệt những thao thức xa xôi về bao nhiêu phi lý. “Cuốn sổ đoạn trường” ấy chắc là đã có tên nhà thơ Hoàng Hưng. Hành trình đời, hành trình suy tư gân guốc và tha thiết là tiếng nói thầm thì trong thơ ông. Tôi tin đó là sức mạnh bền bỉ hồn thơ Hoàng Hưng. Tận tụy và liêu lĩnh, ông đã phó thác mình cho những chuyến đi vô tận của thơ ca và cuộc đời – những chuyến đi quá nhiều sóng gió rủi may, nhưng cũng không ít vầng rờng sáng tạo!

TP. Hồ Chí Minh, đầu xuân 2008-2010

(Talawas.org 2010)

THƠ HOÀNG HUNG – MỘT VUÔNG TƯỜNG, MỘT THẾ GIỚI...

Lê Hồ Quang

1. Khi nói về thơ Hoàng Hưng, nhiều người thường sử dụng ngay những biểu tượng quen thuộc trong thơ ông để khái quát hóa cảm nhận của riêng mình, chẳng hạn *Hoàng Hưng đi tìm mặt* (Hoàng Cầm); *Người chỉ đếm đến một* (Thanh Thảo); *Người đi tìm mặt, người đi tìm ...thơ* (Nguyễn Thị Minh Thái); *Hành trình Hoàng Hưng* (Vân Long), “*Hành trình*” đến giấc mơ “*tràn ánh sáng*” (Nhật Lệ), v.v. Điều đó không phải ngẫu nhiên. Quả thực, nhà thơ này đã tạo nên trong các sáng tác của mình một hệ biểu tượng khá đặc biệt, vừa giàu cảm giác trực tiếp vừa giàu khả năng kêu gọi liên tưởng, tưởng tượng. Được cấu trúc như một thứ “ngôn ngữ”, ý nghĩa và giá trị của những biểu tượng ấy, nói theo ý của Gilbert Durand, không phải nằm ở chỗ “những sao chép thực dụng do tri giác cung cấp” mà là khả năng làm “biến dạng” chúng, nhằm đánh thức xúc cảm và trí tưởng tượng, và làm lộ ra, theo một cách thức bí ẩn nào đó, một thực tại khác, ẩn tàng sau cái hiện thực bề mặt.

Nếu tập thơ đầu tay của Hoàng Hưng – *Đất nắng* (1970, in chung với Trang Nghi) vẫn nghiêng về một lối diễn tả trực tiếp, mộc mạc, như phần lớn thơ cùng thời, thì từ *Ngựa biển* (1988), cách “nói” bằng những hình ảnh giàu tính biểu trưng trở nên nổi bật trong thơ ông. Đó là kết quả của một quá trình tìm tòi và thử nghiệm nghệ thuật, sự trâm tích vốn sống, vốn đọc, đồng thời là sự tích chứa và bùng vỡ của những dồn nén, ẩn ức thông qua sáng tạo. Như một dấu hiệu đã được mã hóa bằng ngôn từ, ngay trong tên của các tập như *Ngựa biển*, *Người đi tìm mặt*, *Hành trình* đã báo trước cái thông điệp thâm mỹ mà rồi sẽ được biểu lộ một cách khá đậm nét trong những hình ảnh và câu chữ phía sau. Bản thân mỗi tiêu đề ấy cũng chính là một biểu tượng, chúng “tiết lộ mà che giấu, che giấu mà tiết lộ” một ý nghĩa nào đó rộng lớn hơn chính bản thân chúng. Những biểu tượng này tồn tại trong sự liên kết với vô số hình

tượng, hình ảnh khác, tạo nên một ấn tượng đa dạng nhưng khá thống nhất của bầu sinh quyển thơ Hoàng Hưng.

2. Trước hết, hãy nói về *Ngựa biển* (1988). Cái tên tập thơ là một kết hợp ngôn từ độc đáo, giàu tính ám gợi. Từ góc nhìn của văn hóa học, *Ngựa* là tượng trưng cho sức mạnh của núi thẳm, non cao hoang vu, thuần phác (dương) và *Biển* tượng trưng cho biển cả, sóng nước (âm), những sức mạnh tự nhiên mạnh mẽ, dữ dội. Dầu vậy, tôi nghĩ *ngựa biển* không đơn thuần là kết quả của trò chơi ghép chữ. Đây là một hình ảnh mang đậm tính siêu thực, kết quả của trí tưởng tượng mãnh liệt, một hình ảnh như “vụt hiện” nhưng không thể đúng hơn, diễn tả những “cường liệt dục vọng, của tuổi trẻ con người, với tất cả tính bùng nổ, năng lực sản sinh và tính hào phóng của nó” [1; 660]. Đó cũng là biểu tượng của năng lực sáng tạo và những khát vọng tinh thần mạnh mẽ, bay bổng. Sự kết hợp những sự vật và tính chất vốn đối nghịch, xa lạ ấy tạo nên một ấn tượng tập trung và chói gắt về một sức mạnh hoang dại, bí ẩn, khó kiểm soát, như chính đời sống tâm linh của con người (ấn tượng này càng được tô đậm khi ta xem những bức tranh phụ bản trong tập thơ, nét vẽ phóng túng, với hình ảnh đầu ngựa ngẩng cao và những lớp bờm rũ tung như sóng).

Đi sâu hơn vào thế giới thơ tác giả này, sẽ thấy *Biển* - như một biểu tượng độc lập, không phải được “đóng khung” bởi những ý nghĩa có tính tiên nghiệm. Ngược lại, hình tượng này được xây dựng trên những cảm giác trực tiếp, tươi tắn và bởi vậy, ý nghĩa của nó được bổ sung, “nới rộng” một cách tự nhiên. Với nhà thơ, *Biển* là kí ức gắn liền với mảnh đất Hải Phòng, thành phố cảng biển với một không khí phóng khoáng, mạnh mẽ, mà ông “rất mê”. Do vậy, *Biển* hiện lên trong nhiều cảm giác sống động: thị giác (*vàng rực bờ biển nắng*), thính giác (*sóng thẳm reo*); xúc giác (*những bắp thịt săn của sóng/ đánh vào ta nồng nàn*); vị giác (*muối mặn ngấm vào rục máu*)... Trong tất cả

sự nồng nàn và mãnh liệt, *Biển* chính là hiện thân của Em, và ngược lại: *Rồi một ngày anh gặp em/ Vàng rực bờ biển nắng/ Em mới hiểu chính em là biển/ Bao nhiêu năm sóng thềm reo trong mình/ Anh mới hiểu chính em là biển/ Bao nhiêu năm anh tìm...* Cảm giác về *Biển* hòa lẫn trong cảm giác về Em, về Tình yêu, một giấc mơ trong thực tại. Tình yêu được “định nghĩa” bằng một trạng thái cảm xúc bất ngờ và đầy đối nghịch: *Anh sặc nước rồi em sặc nước/ Tình dậy một mình đầm nước mắt/ Thôi chúng mình đã yêu...* Sau này, *Biển* của ông trầm tư và thương cảm hơn, với những hình ảnh chấm phá giàu ấn tượng, kết đọng trải nghiệm đời người: *Sáng mùa đông/ Trắng đồng/ Cò dạt bão/ Tháng ba Đồ Sơn biển không người tắm/ Xe đạp Tàu con cón lưng ong...*

Song cũng từ những hình ảnh cụ thể, một cách tự nhiên, niềm say mê đã dẫn nhà thơ đến một hình tượng *Biển* đậm chất siêu thực:

*Ngoài thẳm biển
Có cây nghìn lá
Nghìn lá reo nghìn xanh
Nghìn lá reo góc gió
Ngoài thẳm biển
Gió làm đứt chân trời
Ùa bão sóng
(Góc gió)*

Hình tượng *Biển* được mô tả với sắc xanh bất tận, như một loài cây hồng hoang (*cây nghìn lá/ Nghìn lá reo nghìn xanh/ Nghìn lá reo góc gió*), là cội nguồn của sự sống, sự tái sinh; nhưng mặt khác, nó cũng được hình dung như cái rốn thẳm của vũ trụ, cội nguồn của gió bão, của tai ương, sự đe dọa nguyên thủy, không thể chế ngự (*Ngoài thẳm biển/ Gió làm đứt chân trời/ Ùa bão sóng*). Đây là một sức mạnh uyên nguyên có tính hai mặt, vừa kiến tạo, vừa phá hủy. Đó là biểu tượng của Sự Sống - *Tất cả từ biển mà ra và tất cả*

trở về biển. Nhưng đồng thời, nó còn tượng trưng cho một nguồn năng lượng nguyên thủy trong vô thức con người, bởi “những quái vật cũng nổi lên từ chốn sâu thẳm của biển” [1; 81].

Với tư cách là một biểu tượng độc lập, trong *Ngựa biển*, hình ảnh *Ngựa* chỉ xuất hiện chính thức hai lần, một trong câu đề từ cho phần *Thơ tình* và một trong bài *Không đề*, (phần *Thơ cho bạn bè*). Cũng như *Biển*, *Ngựa* là một biểu tượng có tính lưỡng trị. Đó là hình ảnh tượng trưng cho khát vọng tự do, tiếng nói của bản năng tự nhiên phóng túng, đối lập với một đời sống nhân tạo, nô lệ của thói quen và sự sợ hãi. Và bởi vậy, tiếng ngựa hí thức dậy những giấc mơ hoang dã: “*chập chờn nghe hí/ Xa xăm đỉnh mơ*”. Nhưng khi vào *thành phố*, đối mặt với một hiện thực khắc nghiệt, những giấc mơ bị đồng hóa, từ đây *Ngựa* trở thành biểu tượng của sự cô đơn, sự bất lực, cảm giác lạc loài. Lạc giữa “*quanh co phố dựng*”, những bi kịch loài ngựa đã kip bộc lộ trong giấc “*ngủ chìm đáy mộng, bọt mồ hôi*”. So với hình tượng con hổ “*gặm một khối căm hờn trong cũi sắt*” của Thế Lữ, hình tượng *Ngựa* của Hoàng Hưng đem lại một ám ảnh khác hẳn. Ở đây, *Ngựa* không nhằm diễn tả nỗi đau hay sự căm hận của kẻ bị động rơi vào cảnh ngục tù. Nó là một sự lựa chọn của chủ thể, nhưng là một sự lựa chọn không - thể - khác, bởi vậy, nó gợi nên một tình thế hiện sinh bi đát của kiếp ngựa/ người. Có thể nói, *Ngựa* của Hoàng Hưng là một biểu tượng đầy sáng tạo, tích chứa những năng lượng thẳm mĩ mới.

Ta hãy chuyển sang tập *Người đi tìm mặt* (1994). Cái tiêu đề *Người đi tìm mặt* trên thực tế đã “ám” vào tâm trí nhiều độc giả và điều này có lí do của nó: *Người đi tìm mặt* là cảm hứng chủ đạo trong tập thơ này. Bản thân tiêu đề ấy cũng mang chứa một hình ảnh biểu trưng: *Mặt - đó là cái “Tôi” sâu kín đã bóc trần ra một phần*. Ý định của tác giả lộ rõ khi ứng với cái tên của tập thơ *Người đi tìm mặt* là phần *Người đi tìm mặt* và bài thơ duy nhất của

phần này cũng có tên *Người đi tìm mặt*. Bài thơ khá dài, được chia làm nhiều đoạn nhỏ, và xen kẽ giữa những đoạn thơ dài ngắn không đều là âm vọng liên tục, dai dẳng, không dứt của điệp khúc *Đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình* (cũng có khi xáo trộn một chút về trật tự từ ngữ, chẳng hạn: *Tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi* hoặc *Mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm...*); Xen kẽ vào đó là những hình ảnh đời sống vụt hiện qua một cái nhìn thoáng thốt; những câu hỏi đan chéo hoang hoải, những lời than, tiếng gọi như buột ra từ tiềm thức, trong những cơn mê sáng: *Đi thôi đi thôi/ Đi tạc mặt vào đêm/ Hút hút...*

Thật ra, dù *Người đi tìm mặt* được tác giả “giao phó” cho cái trọng trách là thể hiện tập trung cái tứ chủ đạo của toàn tập, nhưng sức ám ảnh sâu hơn có khi lại nằm ở một số bài thơ khác, chẳng hạn *Người về*, *Mưa đêm*, *Người điên*, *Mùi mưa hay bài thơ của M.*, *Định mệnh*, *Sốt...* Nếu hình dung mỗi bài thơ là một mảnh vỡ nội tâm thì hiện lên trong tập thơ này là một diện mạo nội tâm đầy những cảm giác *nát tan*, *đơn độc*, *âm thầm*, *bồn chồn*... Đó là gương mặt của con người “*đã mất những tháng năm đẹp nhất*”, là “*kẻ biết mình vô tích sự*”; là kẻ “*tha hương nửa đời vật lộn/ Sống chỉ còn như một thói quen*”... *Người về* đã phục nguyên trạng thái chấn thương kinh hoàng của cái tôi rời rã tự bên trong ấy:

Người về từ cõi ấy

Vợ khóc một đêm con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy

Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy

Giữa phố đông nhôn nhột sau gáy

*Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối*

*Một hôm có kẻ nhìn trên trời
Một đêm có tiếng băng quơ hỏi*

Giật mình

Một cái vỗ vai.

Bài thơ sử dụng thủ pháp giản lược tối đa. Văn bản không cho ta biết gì về “*người về*” cũng như “*cõi ấy*” trước cái thời điểm được kể. Đó là một khoảng trống. Nhưng nó chi phối tuyệt đối đến đời sống và *cảm giác sống* của con người sau đó: có một cuộc đời bị cắt đôi vĩnh viễn sau thời điểm ấy. Bản thân *người về* là một nỗi ám ảnh tàn khốc, với người khác (*vợ khóc, con lạ, người quen tái mặt*), với chính anh ta (*giữa phố đông nhòn nhột sau gáy, nghẹn giữa cuộc vui, nhớ một con thạch thùng, quen ngồi một mình trong tối..*). Nỗi ám ảnh thường trực về sự bất trắc và phi lí của đời sống biến con người thành địa ngục của chính mình. Điệp khúc *người về từ cõi ấy* lặp lại đến ba lần, đóng đinh vĩnh viễn anh ta trong cảm thức thân phận “*kẻ xa lạ*”. Nhịp điệu chậm rãi mà dồn nén của những con số thời gian: *một năm/ hai năm/ ba năm/ mười năm* chỉ làm nhọn sắc thêm tính chất bi kịch của chi tiết kết thúc: *Giật mình/ Một cái vỗ vai*. Tính chất phiếm chỉ của hình tượng *người về* và *cõi ấy*, sự giản lược và sắc gọn của những chi tiết, sự đối lập giữa giọng điệu trần thuật trầm tĩnh, rành rọt và trạng thái đời sống bi đát được diễn tả... tất cả đã đưa *Người về* giã từ việc tả thực để trở thành một biểu tượng.

Những đau đớn cùng cực của con người còn được tác giả tượng hình hóa bằng *người điên*. Nếu Hàn Mặc Tử trực tiếp bộc bạch: *Bây giờ tôi dại tôi điên/ Chắp tay tôi lay cả miền không gian...*, thì trong thơ Hoàng Hưng, *nỗi điên* đại được khách thể hóa: *Anh cứ đi chăm chăm giữa đường/ Cái mặt không tuổi/ Tắm thân không thời tiết/ Hai mắt để ngỏ một căn phòng trống không...(Người điên 1)...* Thanh Thảo đã chỉ ra sự tương đồng đặc biệt giữa “*người điên hiền lành*” này với nhà thơ, người nghệ sĩ đích thực, luôn là “*người chỉ đếm đến một*” trong hành trình sáng tạo [4; 53-57]. Quả thực đây là một hình tượng gợi nhiều suy ngẫm. Cái cô độc của người điên giữa phố xá và cái cô độc của con người trong cuộc tìm kiếm mình, ai cô độc hơn? Sự điên rồ của một người điên và sự “*điên rồ*” của nhà thơ, rốt cục kẻ nào điên rồ hơn? Hay chính trong sự “*điên rồ*” ấy đã hé lộ một sự hiền minh mà người đời xô bồ không thể nhận thấy? Chi tiết nhà thơ “*bắt gặp*” chính mình “*lắm bắm giữa đông người*” ở phần kết thúc bài thơ tự nó nói lên nhiều điều. Không chỉ là cảm giác bất ngờ (và bất thường) bởi sự tương đồng, sâu xa hơn, nó là một thức nhận thân phận. Nó ám gợi “*một trạng thái bi kịch*” của đời sống, của con người - bi kịch điên, điên dại, lạc loài...

Khao khát khẳng định tiếng nói cá nhân trong những biểu hiện chân thực và sâu kín nhất của nó đã sớm trở thành cái đích tìm kiếm của Hoàng Hưng trên hành trình sáng tạo. Bên cạnh những lí do khách quan, *đi tìm mặt mình*, với ông, còn là để truy tìm ý nghĩa của đời sống cá nhân mà trong một nghịch cảnh số phận, đã cho nhà thơ trải nghiệm đến đáy sự bi đát của nó. Đồng thời, như một nghịch lí dễ hiểu, *đi tìm mặt mình* cũng là để ông tìm kiếm câu trả lời cho những băn khoăn nhân sinh, thế sự, mà càng gặp ghềnh trắc trở, càng trở nên quyết liệt, bền bỉ.

Bây giờ là lúc ta bàn đến tập thơ *Hành trình* và biểu tượng nổi bật nhất của nó - *hành trình*. Tập thơ bao gồm những bài thơ được viết trong giai đoạn

từ 1995 – 2005. Nó đánh dấu một trạng thái tinh thần mới của nhà thơ, với một cái nhìn đời sống trầm tĩnh, khoan hòa, gần hơn với minh triết, dù vẫn không nguôi những “*thao thức hồ nghi*”.

Nhìn từ một góc độ nào đó, có thể thấy *Hành trình* rất giàu tính “kí sự”, “thuật sự”. Những chuyến đi giúp nhà thơ mở rộng tri thức, thu nạp những cảm giác, ấn tượng hết sức tươi tắn, mới mẻ và hiện đại về con người và thế giới. Như một sự sắp xếp có chủ ý, *Hành trình* đi từ *Ngày lạ* đến *Made in USA*, đến *Sống & Chết*, và cuối cùng là *Đường lên núi tuyết*. Cách sắp xếp này dễ gợi cho người đọc hình dung về tính chất của *một hành trình*: từ gần đến xa, trong không gian lẫn thời gian, với những trải nghiệm vật chất đến tinh thần... Tuy nhiên, những miền đất, những thành phố, những quốc gia nhà thơ đặt chân đến đánh thức trong ông không phải cái háo hức hiếu kì của một du khách trước vùng đất lạ, mà là những ngồn ngang suy tư thể sự và cao hơn là những câu hỏi về nhân sinh, những bi kịch của đời sống, những băn khoăn muôn thuở về kiếp người, về sự sống và cái chết, đi và ở, danh và thực, vĩnh cửu và phù du... Đó là cuộc viễn du của con người “*một đời mờ hôi một đời bụi bặm*”, hướng về “*phương Bắc tuyết trắng*”, “*triền hoa xanh mong manh*”, để tìm kiếm “*giấc mơ anh tràn ánh sáng*”... Có thể nói đó cũng là sự chuyển dịch nội tâm. Đi từ những kích tác giới hạn để đến những kích tác Vô cùng. Từ sự đo đếm của lí tính đến những cảm giác của tâm linh. Gạt bỏ những ảo tưởng sân si để đạt tới tuệ giác. Chính vì vậy, những địa danh như *America* hay *Himalaya* và *Manhattan*, *sông Hằng*, *Calcutta* hay *Hymalaya*, *Tuyết sơn*, *phương Bắc*... đã vượt ra khỏi ý nghĩa tả thực để mang chứa những ý nghĩa tượng trưng mới.

Có người đã nói đến chất Thiên hiện đại trong *Hành trình* của Hoàng Hưng. Quả có vậy. Nhưng theo tôi nghĩ, trong tập thơ này vẫn thể hiện cái nhìn phân tích sắc sảo, luôn muốn truy sát gốc rễ của vấn đề, vốn là một phẩm

tính nổi bật của con người hiện đại, (cái vừa là động lực, vừa là lực cản khiến con người khó đạt đến trạng thái an bằng tuyệt đối của tâm hồn, phải chăng đây là điều nhà thơ muốn nói khi ông viết trong *Mưa Bangkok: Mình hành khát gì đây hành khát một niềm tin bên trên lý lẽ?* Có thể thấy điều đó qua những tự vấn đầy day dứt về cuộc đời, về đi và ở, sống và chết..., như những ám ảnh thường trực: *Chúng mình đi đâu, đâu những con cá lạ?/ Những ngày sắp tới có gì mới hơn? (Cửa sông); Ta không lên được đỉnh Bài Thơ/ Dù bậc xi măng đã xây đến đỉnh/ Hay chính vì bậc xi măng đã xây? (Bài thơ trên núi); Suốt đêm thao thức hồ nghi/ Tiếng chó rùng có thật không có thật? (Chó rùng)*... Một mặt, cái tôi nhà thơ luôn khát khao cái đích đến cuối cùng - cái trạng thái tự do tuyệt đối trong tinh thần. Nhưng đồng thời anh ta cũng ý thức sâu sắc về sự thật là con người không bao giờ tồn tại như một ý niệm siêu hình, sống và bị vây khốn giữa bao “*mò hôi*” và “*bụi bặm*” nhân sinh, anh ta khó lòng “*chạy đâu cho thoát*”. Là một đầu óc tinh táo, Hoàng Hưng hiểu rõ cái giới hạn ngặt nghèo của những cuộc vượt thoát tinh thần ngay trong chính ông. Nhưng là một nghệ sĩ, ông biết rằng chính cái khao khát chân lí ấy đem lại cho đời sống cá nhân một ý nghĩa cao quý nào đó, và bởi vậy, bất chấp những đốn đau và bi kịch, “*giấc mơ tuyết trắng*” vẫn luôn là vĩnh cửu.

Có thể nói, dẫu chưa hoàn toàn hết “*ngập ngừng*”, “*phân vân*”, song trong *Hành trình*, nhà thơ dường như đã nhìn thấy đích cuối của cuộc hành trình trong một cảm giác khá thấu suốt và an tĩnh. Gạt bỏ dần những linh kinh, vướng víu trong hành trang tinh thần, ông nhìn đời sống và chính mình với tâm thế nhẹ nhõm của một kẻ tự biết “*Tự do ngay phút này - hoặc không bao giờ nữa*” (*Bậc thầy*).

3. Bây giờ ta phải trả lời cho câu hỏi: hệ biểu tượng trong thơ Hoàng Hưng đã được kiến tạo bằng những thao tác nghệ thuật như thế nào? Một cách tương đối, có thể hình dung nếu nhà thơ, trong một *quy trình xuôi* (sáng tác),

bằng những thao tác nghệ thuật nhất định, đã *mã hóa* nội tâm mình bằng các biểu tượng thơ trên văn bản thì đến lượt mình, trong một *quy trình ngược* (tiếp nhận), độc giả có thể “tháo dỡ” cấu trúc ngôn từ văn bản để phát hiện ra những thao tác nghệ thuật đó. Dĩ nhiên, thế giới hình tượng không đơn thuần chỉ được tạo tác bởi những thao tác thuần lí mà còn có thể được kiến tạo bởi vô số những “thao tác” của vô thức nghệ sĩ. Nhưng văn bản vẫn hiện diện như một tiếng nói khách quan và với tư cách là một “kết cấu mở”, nó luôn “vẫy gọi” những *cách đọc* khác nhau của độc giả.

Một trong những điểm gây chú ý trước hết trong thơ Hoàng Hưng là cách đặt tiêu đề. Đó có thể là những hình ảnh vốn có hoặc dễ gợi ý nghĩa tượng trưng (ví dụ *Hành trình*, *Người điên*, *Cửa sông*, *Bài thơ trên núi*, *Tuyết sơn...*), hoặc những biểu tượng được xây dựng mới theo hướng *lạ hóa* (chẳng hạn *Người đi tìm mặt*, *Ngựa biển*, *Góc gió*, *Trưa Chàm...*). Có thể xem những cái tên này như những “ẩn ngữ”, chúng kích thích và kêu gọi sự liên tưởng, tưởng tượng, “xúi bẩy” độc giả tham dự sâu hơn vào cuộc tiếp nhận văn bản. Nhiều khi, nó còn là một sự chỉ dẫn cần thiết cho người đọc giải mã tác phẩm (*Trưa Chàm* là một ví dụ cho điều này). Nhưng tiêu đề, dù khá quan trọng, vẫn mới chỉ là bước đầu tiên trên hành trình *đọc thơ*. Quan trọng hơn là cách tổ chức ngôn từ và hình tượng. Trong một số bài thơ, tác giả không ngại triển khai theo hướng luận đề trực tiếp, tác phẩm thường bám rất sát vào “cái xương sườn ý” [5] bất chấp việc này có thể gây ra tình trạng lộ ý, chẳng hạn *Tiếng đập của không gian*, *Xa lộ thông tin*, *Made in USA*, *América...* Song thường gặp hơn trong thơ ông là lối luận đề gián tiếp, thông qua những hình ảnh – biểu tượng. Trong các bài thơ, có khi tác giả chú trọng biện pháp mô tả, dùng nhiều hình ảnh, chi tiết mô tả để chạm khắc biểu tượng (chẳng hạn *Người yêu miệt biển*, *Góc gió*, *Trưa Chàm*, *Chậu cây trong nhà*, *Biển*, *hai câu một...*); có khi ông sử dụng hình thức kể chuyện (*Cửa sông*, *Bài thơ trên núi*, *Bạn thơ*,

Đường đổi ngày, Phương Bắc...); cũng có khi, các biểu tượng được xây dựng trên những tương quan đối nghịch, tạo nên một ý nghĩa tượng trưng rất sâu, chẳng hạn:

Đêm bập bùng ghi ta Granada

Bom nổ sáng mai quảng trường tan tác

(Lorca)

Đường lên núi súng nổ

Xe cháy

Sáng nay đôi chim hạc bay về

Mang trên cánh

Tuyết núi xa

(Tuyết sơn)

Cũng cần nói thêm, nhiều bài thơ mang dáng dấp “kí sự” của Hoàng Hưng có kiểu kết thúc chắc gọn, đầy bất ngờ, có khả năng làm bật ra những tư tưởng và xúc cảm đa chiều, chẳng hạn: *Đường đổi ngày, Ngoai ô Paris, Trước mộ Apollinaire, Bài thơ trên núi, Nghe tiếng quạ kêu ở Calcutta, Tuyết sơn, Ở phương Bắc...*

Đề tô đậm tư tưởng/ hình tượng trung tâm và hơn thế, tạo nên một sự ám ảnh cao độ, phép lặp cũng là thủ pháp được sử dụng khá thường xuyên, trên nhiều cấp độ: từ ngữ, hình ảnh, ý thơ... Chẳng hạn, trong tập *Người đi tìm mặt*, cụm từ *người đi tìm mặt* được sử dụng làm tiêu đề của toàn tập, được dùng làm tên của phần 6, được dùng làm tên bài thơ duy nhất trong phần này, cũng là cụm từ được lặp đi lặp lại (5 lần, với một số biến thể) trong bài thơ. Không nghi ngờ gì nữa, *Người đi tìm mặt* là một biểu tượng thơ độc đáo, thể hiện một cuộc truy tìm nội tâm đầy dằn vặt, nhức nhối, chủ đề trọng tâm của thi phẩm. Một ví dụ khác – *Người về*. Bài thơ là nổi kinh hoàng được hình tượng hóa. Nó trở thành nổi ám ảnh dày vò bởi sự trùng điệp cú pháp, bởi sự

điệp lại của cụm từ *ngươi về từ cõi ấy*, bởi sự lặp lại của những con số *một năm/ hai năm/ ba năm/ mười năm; một hôm/ một đêm...*

Trong thơ Hoàng Hưng, ta cũng thường bắt gặp hiện tượng gián đoạn, đứt mạch giữa các hình ảnh, từ ngữ, tạo nên những khoảng trống liên tưởng rộng rãi. Theo tác giả này, “hình ảnh trong thơ hiện đại bất ngờ, sừng sốt, nhiều khi kết hợp hai sự vật rất xa nhau, tạo thành sự nhảy vọt về trí tưởng” [2]. Tất nhiên, sức mạnh mẽ cảm của chúng không nằm trong những thao tác “lắp ghép” thuần túy kỹ thuật – nó nằm trong sự dồn nén và “nhảy vọt” của tiếng nói nội tâm, của vô thức, trực giác. Trong thơ Hoàng Hưng, có khá nhiều hình ảnh “vọt hiện” bất ngờ, như được nảy sinh trong “những phút xuất thần”: *Em bỗng chín đỏ như trái cây chạm mặt trời mùa hạ/ Trái cây hoang dã/ Vùng biển nâu; Em chín đỏ/ Mà không sao hái được/ Rồi em sẽ rụng nằm trong cát/ Bỗng rẫy mặt trời hoang...* Nếu chỉ dừng lại ở đây, cái mới của Hoàng Hưng vẫn chưa vượt quá ngưỡng *lạ*. Nhưng không dừng ở đó, ông tiếp tục đẩy tới những tìm tòi xa hơn, với những thử nghiệm theo lối “viết tự động” trong *Thơ vọt hiện (Ngựa biển)*, *Nhập môn*, *Đường phố 1, 2, 3 (Người đi tìm mặt)*... Những sáng tác này, như ta đã biết, đã “châm ngòi” cho cuộc xung đột gay gắt giữa nhiều cách đánh giá trái ngược. Tạm đặt sang bên vấn đề thành công/ thất bại, hay/ dở cụ thể, theo tôi nghĩ, cái đáng nói nhất ở những sáng tác này chính là ở chỗ, bằng việc đẩy tới cùng sự thử nghiệm, bất chấp những “dở dang”, “chông chênh” thường gặp ở những sản phẩm tiên phong, chúng kêu gọi những nỗ lực cách tân và “làm mới” thơ không ngừng trên cơ sở hướng tới xây dựng những hệ chuẩn mực mới, đa dạng trong cách viết cũng như cách đọc văn chương hiện đại. Đó là những thử nghiệm có tính mở. Quả thực là cùng với xu hướng phát triển và hội nhập với thế giới hôm nay, ta thấy nỗ lực sáng tạo nhằm vượt qua “cái computer chương trình hóa có tên là lí trí”, để

“ghi hình trực tiếp diễn biến vật lộn, sinh thành trong bóng tối của bản năng” [3] cũng là nỗ lực của rất nhiều tác giả Việt Nam đương đại.

Tuy nhiên, bên cạnh xu hướng tìm kiếm những hình ảnh lạ, đậm tính tượng trưng, siêu thực, Hoàng Hưng còn hướng đến một cách diễn đạt trực tiếp, giản dị, với những hình ảnh mộc mạc (đôi khi thô mộc một cách cố ý), những câu thơ mang âm hưởng của lời nói thường v.v. Tước bỏ những lối diễn đạt hoa mỹ, cầu kì, không ngại dung nạp những chất liệu đời sống vốn bị xem là “bất nhã”, “phi thơ”, nhằm tiếp cận trực diện cái lõi cảm giác của đời sống và nói rộng những đường biên trong quan niệm về thơ, đó dường như là cái đích hướng tới của Hoàng Hưng khi trong *Ngựa biển*, ông viết: *Nhớ điên cuồng mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác (Mùi mưa hay bài thơ của M)* và trong *Hành trình*, ông viết: *Trên những dấu chân bờ sông Seine/ Tôi nhảm từng câu thơ anh/ Trên từng dấu chân anh/ Xác lá ngô đồng lẫn cùng/ Phân chó (Trước mộ Appollinaire)*... Nếu như những hình ảnh “vật hiện” làm người đọc bất ngờ vì sự lạ lùng của chúng thì những hình ảnh miêu tả trên lại làm người đọc sững sốt vì tính chất táo tợn và suồng sã – đây là những hình ảnh mà trước đó, rất hiếm gặp trong thơ. Chúng gây “sốc” mạnh với độc giả, nhất là những ai vốn quen nghĩ về thơ như một thế giới ngôn từ trau chuốt, đẹp đẽ. Song, nếu đặt chúng vào ngữ cảnh cụ thể, chẳng hạn với bài thơ *Mùi mưa hay bài thơ của M* nói trên, sẽ thấy ở những hình ảnh như là “bất nhã” ấy một khả năng diễn tả cảm giác chân thực cao độ mà nếu thay bằng một cách viết “nhã” hơn, “thơ” hơn khó lòng đạt đến (dĩ nhiên không phải trường hợp nào trong thơ Hoàng Hưng cũng gây được hiệu ứng như vậy, đôi khi những hình ảnh được sử dụng mới chỉ thể hiện được cái vỏ “trần trụi” của đời sống chứ chưa chạm được vào cái “hồn vía” thật sự của nó).

Có người nhận xét, sau rất nhiều những bút phá, tìm tòi theo hướng hiện đại chủ nghĩa, giờ đây dường như Hoàng Hưng đang trở về với những

giá trị, chuẩn mực có tính “cổ điển”. Đúng là lối viết *mộc* ngày càng rõ hơn trong các sáng tác của ông, nhất là trong tập *Hành trình*. Tuy nhiên, bút pháp giản dị này đã đạt đến trình độ nghệ thuật khác hẳn sự “giản dị”, “trong sáng” của những sáng tác đầu tay. Đó vừa là kết quả tất yếu và tự nhiên của quy luật “lượng đổi thành chất” [6], song đồng thời, nó còn là kết quả của một sự tự ý thức cao độ của người cầm bút – *luôn phải viết khác*, trước hết là *khác với chính mình*.

4. Có thể nói, với Hoàng Hưng, sáng tạo chính là *hành trình đi tìm mặt mình*. Đây là hành trình tìm kiếm cái diện mạo đích thực của con người cá nhân. Nhìn rộng ra, đó cũng là hành trình tìm kiếm Thơ, tìm kiếm những giá trị Lí tưởng. Ý thức tìm kiếm ấy sớm hình thành bởi tác động của một hoàn cảnh có tính biệt lệ, song nó cũng nhanh chóng trở thành một sự lựa chọn mang tính tự giác của tác giả. Đi sâu vào đời sống cá nhân, cá thể, cố gắng lắng nghe và diễn tả những tiếng nói sâu kín, bí ẩn bên trong đời sống tâm linh, vô thức, trực giác..., điều này khiến thơ Hoàng Hưng, nhìn từ một góc độ nào đó, có vẻ khép kín và tách rời khỏi những biến động sử thi của thời đại. Tuy nhiên, lời trong thơ, nói như M. Bakhtin, không thuần túy là lời cá nhân, lời của nhà thơ bao giờ cũng mang âm vang của “dàn đồng ca”. Bởi vậy, từ góc nhìn thân phận cá nhân, người ta vẫn có thể nhận thức một cách sâu sắc nhiều vấn đề của dân tộc, của lịch sử. Mặt khác, một nền thơ tiến bộ và phát triển luôn tìm được sức mạnh trong sự chấp nhận và dung dưỡng nhiều hướng tìm tòi, sáng tạo đa dạng của cá nhân nghệ sĩ. Lựa chọn một hướng đi và đi đến cùng hướng đã chọn, đó là đóng góp của Hoàng Hưng, bên cạnh nhiều hướng tìm tòi của các tác giả cùng thời nổi bật như Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo, Thu Bồn, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Khoa Điềm, Hữu Thịnh, Ý Nhi...

Tích hợp tri thức từ nhiều nguồn văn hóa và thi ca, với một bản lĩnh sáng tạo, một ý thức cách tân bền bỉ, Hoàng Hưng đã tạo nên một cách nói nghệ thuật riêng, độc đáo. Hiện diện trong thơ ông là một hệ biểu tượng phong phú. Đó là sự kết hợp nhuần nhị giữa tư duy lí tính và trực giác nhạy bén; giữa thói quen ngẫm nghĩ, tìm kiếm những ý nghĩa sâu xa của đời sống và năng lực diễn tả bằng những hình ảnh giàu sức gợi; giữa kĩ thuật viết hiện đại và độ chín đằm của tư tưởng, xúc cảm... Có thể nói, biểu tượng trong thơ Hoàng Hưng, ấy là một cách nhìn, một lối tư duy độc đáo về thế giới, đồng thời, cũng là một trải nghiệm tinh thần đầy chất thơ. Như chính nhà thơ đã viết trong *Người đi tìm mặt: Một vương tường một thế giới/ Một giấc ngủ một đời người...*

Vinh, ngày 6/5/2012

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Chevalier - Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
2. Hoàng Hưng (1992), “Bạn đọc Việt Nam và thơ hiện đại”, *Thế giới mới*, <http://www.vanchuongviet.org>
3. Hoàng Hưng (1994), “Về bản sắc dân tộc và thơ hôm nay”, (tham luận tại Hội thảo “Bản sắc dân tộc của thơ Việt Nam”, trường Viết văn Nguyễn Du), <http://www.vanchuongviet.org>
4. Thanh Thảo (1993), “Người chỉ đếm đến một”, in trong tập *Người đi tìm mặt*, Nxb Văn hóa – thông tin.
5. Nhật Lệ, “Hành trình” đến giấc mơ “trần ánh sáng”, <http://www1.laodong.com.vn>
6. Vân Long, “Hành trình Hoàng Hưng”, <http://www.tienphong.vn>

(Bài đã in trên *Tạp chí Thơ* 2012)

HOÀNG HUNG, NGƯỜI VỀ

Nguyễn Đức Tùng

Hoàng Hưng là người của mơ mộng và tình thức.
Trong cùng một bài thơ, anh có thể đi xuyên qua cả hai thứ ấy.
Tất cả nước mắt loài người bao vây nhà ta
Nằm bên anh em kể câu chuyện buồn
Chôn sâu trong lòng giờ mới nói ra
Gợi ý của trận mưa chưa từng thấy

Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm
Diên cuồng nhớ mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác
Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ

Lịch sử phải trả giá bao nhiêu cho một bài thơ nhân chứng?
Quá nhiều. Những tổn thương. Lầm đường. Cái chết. Sự làm chứng dối.
Tính lao nhao bầy đàn từ nhiều phía. Hư vô. Sự giả dối của văn học. Sự đầu hàng.

Khả năng làm chứng vốn thuộc về thơ tự sự và trường ca cổ điển. Ngày nay thơ trữ tình phát triển, dần thay thế các thể loại vừa nói. Nhưng đối tượng của thơ trữ tình là đời sống nội tâm, vì vậy vai trò nhân chứng trở thành nỗi phân vân của tác giả. Thơ trữ tình ghi lại lịch sử một cá nhân, các chấn thương mà bạo lực, chiến tranh, tù đầy mang đến cho họ như những nạn nhân. Nhiều người không biết rằng nếu văn học có thể xuất hiện như chứng cứ thì nó cũng có khả năng xóa lịch sử, thay đổi diện mạo quá khứ, nói dối về một xã hội trong chiến tranh hay hòa bình.

Đứa giết người mắt trắng dã
Ca một khúc vọng cổ nào nề
Lão làm thuốc tây giả
Run run nhặt từng hạt cơm thiu
Thằng nhóc “cắt bom” ga Hàng Cỏ
Sắng sặc bóp cổ tên hiệp trẻ con
Ba thằng buôn cơm đen
Ngồi nhìn ông cụ bí thư nhảy múa

Dù mô tả trực tiếp những con người có thể có thật ngoài đời, bài thơ bao giờ cũng là phép ẩn dụ, được sắp xếp sao cho không có một sắp xếp thứ hai nào có thể mang lại cùng ý nghĩa. Đọc bài thơ, không phải chúng ta chỉ được sống kinh nghiệm của nhân vật kể chuyện. Chúng ta trở thành nhân vật ấy. Mục đích của tưởng tượng sáng tạo là giúp người đọc nhận ra những khả

năng khác nhau của tồn tại, chuỗi nhân quả, khả năng sống sót, chiều sâu của ý nghĩa. Trong một thời kỳ hỗn mang như hôm nay, lòng tin là chỗ dựa cuối cùng của người viết. Lòng tin ấy có thể bị thách thức.

Đồng cối đầy trăng em ơi

đồng cối

Nhưng em đã bay đi như cánh vạc

Để rợn vàng đồng cối trăng rơi

Thơ ca yêu mến những điều không thể hiểu được. Ngôn ngữ thơ lắng nghe tiếng nói của chính nó và lắng nghe thế giới xung quanh. Mặc dù hầu như lúc nào cũng xoay quanh một ý tưởng, bài thơ của Hoàng Hưng không phải là sự chống lại cảm quan. Người đọc có thể tìm thấy ở đó hoàn cảnh thực, sự thất vọng, sự nghèo nàn của một xã hội thiếu tự do, hay sự giàu có của cuộc đời giữa ánh sáng của tình yêu, sự va chạm, mùi vị, tiếng động. Và bạn tin tưởng vào anh, hay vào nhân vật của anh. Tham gia nhiều hoạt động xã hội, Hoàng Hưng vẫn giữ cho thơ mình một khoảng cách. Như một nhà thơ đương đại, anh được gọi tới bởi chính cuộc đời, kẻ bị ruồng bỏ, bên lề, những lịch sử bị vùi lấp, sự im lặng của bất công, kẻ bị thương tổn. Vì thế, tất cả ký ức của anh, không chỉ dừng lại trong ngày tù tội, mà trước và sau đó, đặc biệt sau đó, liên đới với kinh nghiệm của người khác, làm cho kinh nghiệm cá nhân trở thành *kinh nghiệm văn hóa*.

Bãi dài ngập nắng em ơi

bãi nắng

Nhưng thịt da em rắng chiều vụt tắt

Cát không màu khếp dưới bàn chân.

Triều dâng sóng trắng em ơi

sóng nở

Nhưng đến trước ngực ta sóng vỡ

Bọt tan sôi réo lòng chiều

Lưới thu đóng bạc mình thu em ơi

Mắt em nhìn ta qua lưới thưa

Xa lạ như là con mắt cá

Sấp quẫy vào lòng biển sâu

Âm điệu tạo nên bài hát. Sự im lặng tạo nên bài thơ trữ tình.

Hoàng Hưng cố gắng chống lại thói sáo cũ, quy ước. Cố gắng ấy chỉ trở thành thực tế bằng chính thử nghiệm bạo liệt về ngôn ngữ, điều mà anh hướng tới một cách ý thức, nhưng tất nhiên không phải khi nào anh cũng nắm giữ. Tôi tin rằng những nhà thơ sống trong hoàn cảnh nhiều như ông, tù đầy, đều phân vân giữa hai ngã đường: ghi lại các sự kiện, bày tỏ tình yêu và phần nộ như thông điệp, và một bên là theo đuổi giấc mơ sáng tạo riêng, đặc trưng cho các tài năng, không mấy ai hiểu. Câu chuyện thay đổi, thời đại

thay đổi, người làm chứng sẽ chết. Hoặc bị bắn từ phía sau trên đường về nhà. Hoặc chết già trong nhà dưỡng lão. Bạn chỉ còn lại lời kể, ngày xưa, nơi xa lạ. Và bạn bắt đầu nhớ lại tên người, địa danh, cơn đói, sự hoảng sợ, nhục nhã, căm hận. Khi cố gắng của bạn không thành công, chuyện kể đứt đoạn, bài thơ dang dở, người ngồi nghe tản mát, nghi ngờ. Những kẻ nghi ngờ sẵn sàng tin theo tất cả cảm giỗ khác, mê tín khác, tuân lệnh những dối trá khác: sự ngu ngốc xuất hiện từ cả hai ba phía, khi văn học đánh mất khả năng bảo vệ con người. Nhưng nghệ sĩ là người sáng tạo trong những hoàn cảnh như vậy, khó khăn nghiệt ngã.

Đêm xuống rồi

Ta lên

Đi tìm mặt mình

Đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình đi tìm mặt mình

Em mặt trẻ thơ mình thiếu phụ

Em cử động giữa tiếng va cốc thìa

Cà phê và sữa.

Công viên chiều đẹp quá và lịch sự đến thành xa lạ

Tường vi nở mưa trên gạch đỏ

Mặt họ no đủ quá

Họ vui dễ thế kia

(Người đi tìm mặt)

Xét về cấu trúc, thơ Hoàng Hưng là thơ mô tả. Trong một bài thơ của anh ít có tâm tình, bày tỏ, biểu hiện. Nhân vật tôi dù xuất hiện một cách rõ ràng, ít khi là người phát ngôn trực tiếp. Nhà thơ mô tả hoàn cảnh, diễn tiến câu chuyện, thỉnh thoảng mới xen vào những ý kiến riêng, thậm chí cũng không phải là những ý kiến mà chỉ là những kinh nghiệm riêng.

Giật mình một cái võ vai

Bài thơ của anh thường xoay vòng lại ở những câu kết, và mở ra, như trong cấu trúc vòng xoắn, tâm hiểu biết cao hơn hoặc nhận thức thâm mỹ sâu hơn. Cấu trúc kiểu mô tả trong thơ Hoàng Hưng còn được phối hợp với cấu trúc kiểu suy tư. Dựa vào những kinh nghiệm cụ thể của đời sống cá nhân, những ký ức đôi khi sắc bén đôi khi rời rạc, khả năng tưởng tượng dồi dào, niềm vui thú đối với ngôn ngữ, anh có khả năng triển khai nhiều đề tài, trong một bài thơ có kích thước vừa phải. Trong khi đó ở những bài thơ ngắn hơn, sự kết hợp hai thức điệu mô tả và suy tư có phần thiếu nhịp nhàng. Thơ anh không ngừng nhắc chúng ta về tha hóa của ngôn ngữ, sự nô lệ của trí thức và mặt khác, sự vô trách nhiệm hóa của nghệ thuật. Vì ngôn ngữ là chìa khóa của một nền văn hóa, đọc thơ đương đại là tìm đến cánh cửa mở vào xã hội

đương thời, hạnh phúc và bi kịch của nó, sự tường minh và sự bơ vơ của nó, sự chói sáng và sụp đổ.

Mặt tôi trong gió cuốn

Mặt tôi trong nắng đốt

Mặt tôi trong lá ngón

Mặt tôi còi vọng cô liêu

Mặt tôi bàn tay ôm ấp

Mặt tôi đá núi im lìm

Sự lặp lại, thủ pháp trùng điệp, tất nhiên thường được dùng trong thơ, thực ra là biểu hiện của chuyển hóa nội tâm của nhân vật. Bài thơ anh viết những năm bảy mươi thế kỷ trước. Trong trường hợp này, thơ gần như tiên tri, mặc dù không phải đức tin tôn giáo. Nhưng niềm cảm hứng cho thơ Hoàng Hưng thường là sự kiện có tính xúc động, những hoàn cảnh đặc biệt, bi phần, xã hội hoặc cá nhân. Phản ứng đối với các sự kiện: ưu điểm và khuyết điểm của thơ Hoàng Hưng sẽ tập trung ở đó. Lúc ở Mỹ, trong ồn ào, anh nghe được tiếng nói an bình, khi ở trong nước, trong im lặng, anh nghe tiếng gào thét phần nộ, sự trỗi dậy của tương lai. Sự gắn bó của Hoàng Hưng đối với thế giới này là mạnh mẽ, và không thay đổi. Những bài thơ thành công nhất của anh, khi đã xuất hiện tựa như những bức ảnh ghi lại thất bại và chiến thắng của cái đẹp. Nhiều bài thơ như được viết trong tâm trí, không phải trên giấy, xuất hiện như những sản phẩm của giấc mơ.

Kiếp tha hương nửa đời vật lộn

Sống chỉ còn như một thói quen

Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc

Cho ta thêm một ly đen

Rủ rê ta những giọt mưa đêm

Nhưng xe máy lang thang thì thua xe đạp

Ta năm mươi rồi đâu thể cùng em...

Đạo ấy ba mươi ta là thi sĩ

Bây giờ thêm khát một câu thơ

Khi đời sống làm mình hoá đá

Bỗng rùng mình vì một hạt mưa

(Mưa đêm)

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện truyền tải kinh nghiệm, nó chính là kinh nghiệm. Có hai khuynh hướng trong thơ đương đại: bài thơ đầy những sự vật và bài thơ đầy những ngôn ngữ. Khuynh hướng thứ nhất, thơ chứa nhiều hình ảnh, cảm giác, rung động đơn lẻ, khuynh hướng thứ hai giàu chất suy tưởng, ít những gợi ý rõ ràng về không gian, tính chất hiện thực suy giảm. Thời kỳ đầu, Hoàng Hưng thuộc khuynh hướng thứ nhất, càng về sau anh

càng có khuynh hướng thứ hai, mặc dù, sự chuyển động này không đều đặn, chúng tỏ có thể người viết không tự ý thức về điều ấy. Không phải là một nhà thơ siêu thực, Hoàng Hưng có những hình ảnh vượt ra ngoài ranh giới của cảm quan thông thường, chúng như là kết quả của hội tụ giữa tương tượng và chuyên hóa - thăng hoa. Thơ anh là sự thăm dò các bi kịch, hành hạ, bạo động, tình yêu, tha thứ. Và sự làm mới lại đời sống hôm nay.

*Em bỗng chín đỏ như trái cây chạm mặt trời
mùa hạ*

*Trái cây hoang dã
Vùng biển nâu*

*En chín đỏ
Mà sao không hái được*

*Rời em sẽ rụng nằm trong cát
Bóng rầy mặt trời hoang*

Bài thơ là sự tập trung trong bối cảnh của rời rạc, hỗn loạn, mông muội. Thể là cấu trúc. Hoàng Hưng nhiều năm sống gần biển, nên hay nhắc đến biển, sóng, cát, mặt trời. Đó là vật liệu của anh. Nhưng biển là tự do, sóng là hoang dại, cát là vỡ về ngôi ngoai. Ca tụng cái hàng ngày, cái không hoàn hảo, sự kết thúc một bài thơ không có kết luận không phải là truyền thống của nhiều nhà thơ Việt nam. Hình như càng về sau trong Hoàng Hưng càng xuất hiện khuynh hướng thẩm mỹ ở đó cái đẹp không phải là sự hoàn thiện mà là sự khiêm tốn, giản dị, mất cân bằng, sự tạm thời. Ở đó, sự vô thường. Những mảnh vỡ, kẽ nứt, sự khiếm khuyết của con người và tạo vật. Sự nhầm lẫn. Nhầm lẫn của tạo hóa và của tình yêu. Anh có những hình ảnh thoát nhìn khá quen thuộc, gần sáo cũ, nhưng chúng đột nhiên sáng lên, gần như mới lạ. Cái mới lạ ấy trước hết là từ cảm xúc chân thực. Cảm xúc được nhào nặn nhiều lần, thể nghiệm nhiều lần bởi một cá nhân, mở đường cho các ý tưởng mới, nhiều người gọi là tứ thơ.

*Thạch sùng tặc lưỡi trên cao
Phòng giam lạnh lẽo chìm vào cõi đêm
Nhà ta giờ đã lên đèn*

Bữa cơm giờ chắc đã quen thiếu người

Tôi nghĩ đến một số bài thơ trong dòng thơ vụn hiện, chính là giây phút được nén lại. Kết quả là, một thứ thơ vừa được chuẩn bị kỹ, vừa ngẫu hứng, vừa phóng đại, vừa thanh bạch. Tính chất hàng ngày được soi rõ trong thơ anh, ở đó sự đơn giản và phức tạp gặp gỡ nhau, nhịp điệu không phải của ngôn ngữ mà của tâm trí. Tôi không biết anh làm thơ dễ hay khó, nhưng hầu hết các câu thơ viết gọn ghẽ, ý tứ, cân nhắc, khá hiếm những câu viết vụng. Nhưng

điều ấy cũng có hạn chế: một vài bài thơ ngắn có thể viết dài hơn, phóng
túng hơn. Dàn trải mà không thừa:

*Hắn đập vào mặt tất cả chúng ta
nếu chúng ta chỉ biết khoanh tay
đứng nhìn CÁI ÁC
đang lên ngôi trên đất nước này!*

*Ôi nỗi nhục ngậm mồm chịu đập
Ôi nỗi đau cốt nhục tương tàn
chịu đến bao giờ? bao giờ? bao giờ?
Bàn phím ta rỏ máu
ghi mấy lời bất lực gửi anh em!*

Các câu thơ xếp liên tiếp nhau máy móc, là sự đơn tuyến hóa các hình ảnh,
làm cho toàn bộ một đoạn thơ thật ra chỉ là một câu. Trong những bài thơ
chưa thành công, anh nặng về bộc lộ tư tưởng và tình cảm, sự mô tả trở lên
sơ lược, khái quát. Tôi nghĩ các nhà thơ cần chú ý rằng khi chúng ta hồi
tưởng, suy tư, thơ trở nên chậm lại, khi chúng ta đối diện với ngày hôm nay,
thơ trở nên nhanh hơn. Có lần đã lâu trên chuyến bay rời quê cũ, sau khi mở
khóa dây an toàn, kéo mặt bàn nhận khay thức ăn với tách cà phê, tôi bỗng
nhớ đến mấy câu loáng thoáng của Hoàng Hưng.

*Mẹ không còn để gói cho anh nắm cơm nếp đỗ
Vụng về em già tạm cõi vừng*

Anh đi rồi mùi thơm mãi bàng khuâng

Thời gian trôi chậm lại. Có một liên kết bí ẩn, riêng tư mà tôi không biết rõ.
Sự mất mát, tuy vậy, không hề là một truyền thống lớn của thơ Việt Nam,
như nhiều người vẫn tưởng.

Thôi thế từ nay đọa kiếp rồi

Tin dữ bây giờ chắc tới nơi

Nhà ta đau đớn chừng nào nhỉ

Tối sẫm trước mặt bát cơm rơi

Tâm trạng song sinh của mất mát là thương tiếc. Nhưng chúng là hai tình
trạng khác nhau. Nhân vật không những chỉ muốn biểu hiện cảm xúc về sự
mất tự do, bị tước đoạt, bị làm nhục, mà còn muốn mọi người chia sẻ điều
ấy. Sự mất mát, thương tiếc dẫn đến một trong hai khuynh hướng: im lặng,
chấp nhận, tê liệt, như một nạn nhân. Hoặc tố cáo, thách thức, tin tưởng,
vượt lên, trưởng thành.

Cầu vòng chắn cơn mưa

Cầu vòng chắn cơn mơ

Cầu vòng mở

Vùng trời mù mờ

Ở người chiến thắng và may mắn, lòng hoài niệm là không đáng kể. Ở người thua trận và bất hạnh, nó sâu sắc.

Về tâm lý học, hoài niệm là phản ứng đối với mất mát và cách ứng xử đối với quá khứ. Đôi khi, có thể tìm thấy giữa những câu thơ Hoàng Hưng nụ cười nhẹ nhõm, châm biếm, nhưng hiền lành. Sự lặp đi lặp lại một số chữ trong vài bài thơ của anh làm chúng trở nên nhàm chán, nhưng nhiều trường hợp khác, đó là các giai điệu dễ nhớ, thú vị. Bạn có thể nhận ra thơ Hoàng Hưng: tương đối ngắn, câu thơ gọn, ý tưởng sáng sủa, điệp ngữ vừa phải, không bất ngờ, chói tai, nhưng vẫn tạo ra biến chuyển về nhận thức hay cảm xúc.

*Chiếc lá bàng
Những đôi mắt âm thầm
Rơi qua khe cửa
Bao giờ rụng chiếc lá bàng cuối cùng?*

*Sẽ rụng đêm nay
Khi gió bắc nổi
Không. Nó sẽ còn đeo đẳng mãi trên cây
Dai như kiếp sống đọa đầy*

*Trong giấc ngủ màu máu
Chiếc lá bàng mênh mênh
Thức dậy không còn lá
Bầu trời tím thâm*

*Bỗng rùng mình kiệt quệ
Như vừa ra đi giọt máu cuối cùng*

Kể chuyện trong thơ trữ tình là nghệ thuật khó. Các hình ảnh thường chen vai thích cánh vượt lên, giành chỗ nhau, chúng muốn chiếm lĩnh trung tâm bài thơ. Cấu trúc của một bài thơ đang viết như một căn nhà chưa xây xong, với một thứ trật tự không hoàn toàn xác định, sự mất cân bằng ở phút chót. Người làm thơ tự do không thể nào không giải quyết bài toán của cấu trúc, giữa một bên là cân bằng, một bên là động lực mà nó mang chứa. Không phải khi nào Hoàng Hưng cũng bắt đầu bài thơ dễ dàng, không phải bao giờ những câu mở đầu của anh cũng đầy năng lượng. Có lúc anh hơi lúng túng, và vào giây phút ấy bị chinh phục bởi quán tính.

*Đường phố hôm nay mùa đông
Sao áo em mùa hạ?*

Rõ ràng là hai câu khá tầm thường. Nhưng có lẽ sự hứng khởi của tình yêu, sức hút của suy nghĩ, đã kéo anh đi, nâng lên.

*Những sọc áo xanh cuộn sóng
Em mang trên ngực biển đầy
Do đó anh tiếp tục để sóng tung cao.
Biển những ngày hè đẹp lắm
Ngày nào tìm biển ta say*

*Nhưng mùa hạ đã ra đi
Chân trời xa không ngăn nắng
Chuyến tiếp này hợp lý, đẹp, mở ra.
Sao em còn mang áo mỏng
Có còn mùa hạ nữa đâu*

*Sao em làm lòng ta đau
Nhớ ngọn lửa hè đã tắt
Sự hồi tưởng, tuy cảm thương, vẫn không bi lụy, mặc dù câu thứ ba cũ, vẫn
được chấp nhận. Sau đó, anh lập tức lấy được động năng.
Chắc biển ngoài kia cũng xám
Lạnh co những sóng rộng dài
Và đầy xa suy tưởng thâm mỹ, chạm sải tay được vào bờ, như tình yêu của
anh chạm tới ngực người đàn bà.
Ngực em cao làm tức ngực
Hãy chôn dưới lớp áo dày*

*Đường phố hôm nay mùa đông
Hãy để mùa hè yên nghỉ
(Hãy để mùa hè yên nghỉ)*

Câu trúc càng chặt chẽ, người đọc càng tham dự nhiều: đọc như một quá trình sáng tạo. Bài thơ đầy khúc quanh, hình ảnh và ảo ảnh, gọi tên và ẩn ý, sự khéo léo và vụng về, sự đọc bằng mắt và sự đọc lớn lên, cái chuẩn bị và cái không chuẩn bị.

*Trời không đứng không đi
Chén vàng Lệ Mật*

*Người về đóm râu
Chùm si nỡn*

Bạn không hiểu gì cả. Bạn đứng lại và nhìn nó. Nhìn bài thơ. Như một cái cây, như căn nhà, một sự vật. Có lúc cánh cửa mở ra.

*Lợn thở bình yên quán rượu
Ta hát như diên bài hát rẻ tiền*

Rồi cánh cửa khác. Bạn đi tới góc tối khuất trong nhà, bật đèn, nhưng đèn không sáng, bạn vấp phải tấm mạng nhện, và bước qua nó, đến trước:

Cong tàn nhang miếu đổ

Cha đi Hà Nội ngàn năm

Chỉ là một trong những cách đi vào một bài thơ.

Có cách khác, tất nhiên, như trong tình yêu. Tình yêu nam nữ giống và khác với những thứ tình khác ở nhiều điểm: tổ quốc, mẫu tử, tình bạn, gia đình. Điểm quan trọng nhất của tình nam nữ có lẽ là chất *riêng tư*, sự thèm khắt được *đồng nhất* và ý chí *chiếm hữu*. Sự phảng phất tình dục trong một số bài thơ của Hoàng Hưng có nét xao xuyên nửa nguyên thủy nửa nhu cầu được vỗ về trước tổn thương. Nhưng đôi khi anh cũng sử dụng những chữ quá trừu tượng và tổng quát.

Biển những ngày hè đẹp lắm

Ngày nào tìm biển ta say

Trong nhiều trường hợp khác, anh vượt qua chúng với kỹ thuật mô tả sống động, chi tiết, như kỹ thuật truyện ngắn. Lịch sử được viết bởi kẻ mạnh. Thơ trữ tình được viết bởi nạn nhân. Có một lòng tin vào lương tri phổ biến, sự chuẩn tắc luân lý và văn hóa, chảy ngầm bên dưới những nổi loạn nghệ sĩ. Kierkegaard cho rằng lòng tin là bước nhảy vọt, vượt qua tầm thường. Thơ anh là phản kháng trí thức, chính là khuôn mặt của sự thật. Anh phản kháng điều gì? Sự nói dối, thói dung tục, sự xúc phạm nhân phẩm. Tuy vậy thơ Hoàng Hưng không phải là tiếng hét, lời kêu gọi. Thơ anh là một thay thế nhiều hơn là một chống đối, sự không khuất phục nhiều hơn là sự nổi loạn, cái cao quý nhiều hơn cái căm phẫn, chất hiện thực đầy thuyết phục nhiều hơn tính tranh cãi hùng biện. Vì tính nhân chứng, thơ anh gần với ngoại biên, vì thiếu tính gây tranh cãi, thơ anh không thuộc về khuynh hướng hậu hiện đại.

Người về từ cõi ấy

Vợ khóc một đêm con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy

Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy

Giữa phố đông nhòn nhột sau gáy

Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui

Hai năm còn mộng toát mồ hôi

Ba năm còn nhớ một con thạch thùng

Mười năm còn quen ngòi một mình trong tối

*Một hôm có kẻ nhìn trôn trời
Một đêm có tiếng bâng quơ hỏi*

Giật mình

một cái vỗ vai.

(Người về)

Thơ Hoàng Hưng thật ra khó đọc hơn thế, kén độc giả, đòi hỏi nhiều công sức để thưởng thức. Nói cách khác, anh bỏ ra nhiều năng lượng hơn chúng ta tưởng. Cần có lòng tự tin, đôi khi gần như bất cần, để một nhà thơ hôm nay viết một loại thơ ít được hiểu. Anh chọn kể lại sự thật bằng phương cách riêng biệt, kể lại bi kịch cá nhân giữa những khung cảnh mơ hồ, mờ ảo, phần nào gây ra bởi giọng điệu.

Mặt ga đêm

Miệng mở ngủ

Giật thức

Mắt kính hoàng

Người bốn phương chạy đôi chỗ.

Em đi về đâu em có đi cùng anh

Em có một cái mặt không ?

Ta soi nhau mà tìm.

Đêm bốn bề người chen đêm chặt

(Người đi tìm mặt) (*)

Thơ Hoàng Hưng bắt rễ sâu vào đời sống nhưng trừu tượng và siêu hình. Mọi quan hệ của anh với cuộc đời là mật thiết nhưng phức tạp, dù ngôn ngữ trong trẻo. Tôi chú ý đến bài thơ Cửa Sông sau đây vì giọng thơ quen thuộc, chất phác, mà gây bất ngờ. Đó là thứ thơ trầm tĩnh, bất hạnh, được nén lại, ập ụp qua mùa, ý thức lấp lánh. Bài thơ như cái nhìn không chớp mắt vào lịch sử dân tộc.

Con đò nhỏ đưa ta ra cửa sông

Anh với em ngồi giữa những bạn chài

Mắt cười hiền

Họ không hỏi chúng mình đi đâu

Ra cửa sông họ sẽ lên những con thuyền thúng

Buông câu chờ bữa ăn hôm nay

Còn chúng mình đi đâu, đâu những con cá lạ ?

Những ngày sắp tới có gì mới hơn ?

Ta bước lên một chợ cá sắp tàn

*Còn cát trắng lửng lơ giữa biển.
Đến hết còn này mình sẽ thành con trẻ
Cởi ba lô vứt lại giữa những mảnh ván thuyền,
Đến hết còn này mình sẽ sang kiếp khác...*

*Em ngáp ngừng một giọt lệ trên mi
Đời sống này buồn mà đẹp quá.
Em ngáp ngừng giữa phiên chợ nắng
Đò nhô neo, nổ máy gọi về*

*Ta cứ đứng phân vân trên cồn cát
Các bạn chài đã đi hết rồi
Những chiếc thúng rập rờn ngoài cửa biển
Còn hai chúng mình
Đi thôi
Về thôi.*

(Cửa Sông)

Không khí huyền ảo. Có linh cảm, gần như tiên đoán. Không khí này dẫn đến cảm giác phân vân ở cuối bài. Khái niệm phân vân được sử dụng như sự đa nghĩa. Đây là sự đa nghĩa chủ quan, người đọc có thể dự đoán nhưng không thể nào biết nhân vật của bài thơ nghĩ gì và hành động ra sao. Đối với bài thơ có tính chủ quan như trong thơ trữ tình, việc tiếp nhận của người đọc đối với tác phẩm là đề tài lý thú. Trong lý thuyết tiếp nhận của Wolfgang Iser, người đọc càng có quan điểm thâm mỹ và xã hội rõ ràng, càng khó tiếp nhận những khả năng khác nhau của việc diễn dịch. Chỉ những người cởi mở, mới có thể thưởng thức vẻ đẹp của đa nghĩa. Ta bước lên, là ba chữ mở đầu phần hai, gây ấn tượng bước từ thấp lên cao, như khi ta bước lên một con dốc, nhưng cũng là khái niệm trừu tượng, cái bước tinh thần, đời sống tâm linh. *Ta bước chân lên, đồng dục, đường hoàng* (Thế Lữ). Là làm chủ số phận.

Đến hết còn này mình sẽ thành con trẻ

Là câu thơ bí mật. Sự vang dội của nó tương phản với bầu trời gay gắt hoang tàn mà câu trước vẽ lên. Sự cô độc mong manh không phải dễ nhận ra. Thế giới đầy nghi ngờ. Thế giới là bình minh nhưng cũng là hoàng hôn. Đất nước tàn úa. Cảnh chợ cá ban chiều có lẽ là hình ảnh chính xác nhất để mô tả thời chúng ta. Hoàng Hưng là tiếng thơ lạ, không phải chỉ vì hoàn cảnh tù đày mà anh trải qua, nhiều người biết, mà vì anh chọn lựa cho mình tiếng nói riêng giữa hai khuynh hướng, xã hội và ngôn ngữ. Vì khuynh hướng thứ hai này, thơ anh gần như bắt buộc phải là thơ cá nhân và trữ tình. Vượt ra ngoài truyền thống trữ tình Việt Nam, anh đi những bước xa hơn, khá sớm.

Không phải chỉ là tâm trạng của một thời buổi, thơ anh còn tìm sự kết hợp giữa mát mát và tình yêu, giữa sở hữu và lưu vong, những hình thức kết hợp trong một dạng thức trầm tư lặng lẽ, đôi khi buồn rầu nhưng không tuyệt vọng, của nghệ thuật yêu mến cái không toàn hảo. Trong khi ngữ cảnh là cụ thể, thì ngôn ngữ của anh có phần trừu tượng trí thức. Tất nhiên đó vừa là điểm mạnh vừa là điểm yếu của một bút pháp. Để đi đến chọn lựa cuối cùng, khó khăn, Hoàng Hưng mô tả chi tiết cảnh trên bờ biển, cồn cát, bãi chài, cảnh trời chiều, cảnh chợ cá. Sự mô tả ngắn gọn, khách quan, có chút lạnh lẽo, với kỹ thuật gắn phim ảnh, mở ra khung cảnh rộng lớn hơn của đất nước. Rồi nhà thơ thu lại ở hai người, vợ, sự đơn độc trong chọn lựa của họ.

Đời sống này buồn mà đẹp quá

Tiếng thở dài, không phải của bi quan chán nản, mà ngược lại, như lời nhắn gửi sự trở lại, hồi phục. Bạn nhắm mắt, hình dung một người, bước vào bóng tối, bước ra ánh sáng, đi giữa những người tù, nằm trên sàn đá lạnh, trần trỗng trước người khác. Bạn hình dung sóng biển, mùa hè. Bạn nhắm mắt lại và thấy một cơn mưa. Bài thơ là vở kịch, người đọc, người viết, nhân vật, đi lại trên sân khấu. Để làm gì? Để cảm thấy quyền năng của ngôn ngữ, của câu thơ, của tín hiệu. Để hiểu rằng chúng ta không cô độc, trong cuộc chiến đấu chống lại ngu tối, tội ác.

Cả em nữa em ơi

Như thuộc về cõi khác

Hụt hẫng phút hàn huyên

Anh ôm em ngơ ngác.

Và xin em chớ giận

Khi nhìn thấy gói quà

Anh muốn ngay lập tức

Quay lại chỗ vừa ra

Để run run mở gói

Hau hấu mắt bạn tù

Nếu văn học có thể trở thành phương tiện của chân lý thì nó cũng có thừa khả năng biện hộ cho sự chống lại con người. Lý thuyết rối loạn hậu chấn thương (post traumatic stress disorder) chỉ ra rằng ở người trải qua hoàn cảnh khắc nghiệt như tra tấn, thiên tai, bệnh tật, có thể có ba loại biểu hiện: biểu hiện sớm, trong vòng sáu tháng đầu tiên; trở nên mãn tính; hoặc có thể không có biểu hiện nào cho đến nhiều năm sau.

Thôi em về đi nhé

May em không khóc òa

Quay lưng con bống thét

Giờ mới nhận ra cha.

*Anh cúi đầu bước vội
Thầm nói em đừng chờ*

*Tôi lại quay trở lại
Thế giới của tôi đây
Em chỉ là giấc mộng
Bên trên khối mộ đây.*

Triệu chứng chính là sự sống lại các kinh nghiệm chấn thương hoặc bằng những hồi tưởng hoặc ác mộng, có khả năng làm tê liệt một số đáp ứng tinh thần hay khả năng giao tiếp ngoại giới, những rối loạn về thần kinh thực vật hoặc về tâm trạng như trầm cảm. Nạn nhân của các chấn thương có thể hoàn toàn bị đánh ngã bởi hội chứng sau chấn thương, nhưng cũng có thể hồi phục nếu biết cách vượt lên bằng những phương cách khác nhau.

Thơ là một phương cách. Có lẽ vì thế mà anh có nhu cầu về những kinh nghiệm tâm linh, đôi khi cũng có ý vị thiền, hướng tới an tĩnh, hướng tới bậc tuệ giác.

*Bây giờ - ở đây
Tự do ngay phút này - hoặc không bao giờ nữa
(Bậc thầy)*

Khi người công dân lương thiện chết đi, lịch sử không tàn héo, mà sống lại mạnh mẽ hơn, từ trong trần áp, cơ cực. Cảm giác đau buồn có thể làm mờ tâm trí bạn trong một lúc. Có thể bạn nghĩ thế giới đã kết thúc. Như khi cuộc chiến tranh mà bạn tin tưởng vào tính chính nghĩa của nó bị đánh bại. Có thể bạn nghĩ tất cả luật lệ sụp đổ. Như khi bạn lọt vào thuyền của bọn cướp biển. Có thể bạn nghĩ bạn hoàn toàn tự do, không ước thúc bởi bất kỳ một chuẩn tắc đạo đức nào. Chúng ta hãy đứng tách ra, ra khỏi bạn, như những khán giả, và nhìn xem bạn hành xử thế nào.

*Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm*

*Em còn yêu anh không yêu đến đâu giận ghét đến đâu
Mười lăm năm lòng mình chưa hiểu hết*

*Mưa mưa ngập tầng trệt
Đưa nhau lên gác xếp nằm nghe mưa sập mái tôn*

*Ước nằm nghe mưa rồi chết.
(Mùi mưa hay bài thơ của M.)*

Giọng điệu trong một bài thơ là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, và là ngôn ngữ thân xác. Thơ Hoàng Hưng có

những mẩu như đối thoại, như tâm tình giữa hai người, hay như tranh luận. Như thế gọi là phong cách (gesture), một nghệ thuật biểu hiện. Bối cảnh là căn phòng, căn nhà riêng tư của hai người, một đêm mưa như trút. Bối cảnh là chia tay và đoàn tụ. Động lực của nó là sợ hãi, lo âu, vui mừng đoàn tụ, tình yêu, và cả tình dục, niềm vui tinh thần và niềm vui thể xác. Dụng cụ. Người nam, người nữ.

Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm

Đêm đây thì rõ là mưa không chỉ ngoài trời. *Mưa rơi ngoài phố. Mưa rơi trong lòng ta.* Như trong một bài thơ tiếng Pháp. Nhưng tác giả lại đưa ta đến với khung cảnh này:

Mưa mưa ngập tầng trệt

Đưa nhau lên gác xép nằm nghe mưa sập mái tôn

Thì là mưa thật. Có hai cơn mưa, của thời tiết và của tâm hồn, của bây giờ và của nghìn đêm. Một nghìn đêm, ba năm. Câu cuối là đặc trưng của Hoàng Hưng, lối kết thúc đặc biệt, ít người kịp chú ý.

Ước nằm nghe mưa rồi chết

Con đường dài, sự mỏi mệt. Sự vừa đủ. Hạnh phúc. Nỗi bi quan. Sự đề kháng bay bổng. Thơ không làm con người trở nên tốt đẹp hơn; thơ chỉ dạy họ mơ ước trở nên tốt đẹp hơn. Hoàng Hưng là người của công việc; và sự cần mẫn của anh đến từ tình yêu.

Giấc ngủ đêm đông

chặt làm bốn khúc,

mỗi khúc cập giờ cập phút

tin tức quê nhà.

Quê hương giờ giữa ban ngày

mà sao như giữa đêm dày hơi quê!

Đêm ở đây tuyết trắng bốn bề

trắng như dao cắt

ngày về

còn

xa.

(Đêm cuối năm xa nhà, bốn lần thức giấc mở mạng đọc tin Ba Sàm)

Thực ra, Hoàng Hưng ở gần đất nước hơn nhiều người khác. Là nhà thơ của ý thức xã hội, anh giao tiếp, vận động, tạo ra trường tương tác quanh mình. Một cách lặng lẽ. Thơ anh nói về người khác, đập nhịp cùng người khác, nhưng không phải anh viết cho người khác: thơ trữ tình viết cho chính mình, bao giờ cũng vậy. Quan điểm vừa cứng rắn vừa khoan hòa giúp anh nhìn ra nhiều vấn đề hôm nay, vừa không ngăn cản anh đi xuyên qua, dễ dàng hoặc

khó khăn, các biên giới giữa chính trị và nghệ thuật, giữa trong và ngoài, giữa Nam và Bắc, giữa tả và hữu, chẳng hạn. Sự đồng thời vừa là người sáng tác vừa là người của báo chí không tạo ra các xung đột ở anh. Hoặc chúng không lớn. Có thể trong những năm sau này, anh đã có nhiều cơ hội hơn để điều chỉnh tầm nhìn lịch sử, đặc biệt về cuộc chiến tranh hai mươi năm nội chiến, nhưng tôi tin rằng nguyên nhân sâu xa nằm ở cội rễ của mọi thứ: một tâm hồn biết rung động trước cái đẹp, những phẩm chất có tính nhân loại, sự đề kháng đối với cái ác, giả dối.

*Cách bảy lần tường
Tiếng cười vụt qua
Một trưa rất ròn*

*Sau bảy lần tường
Có người đêm đêm
Mắt mở trừng
Nghe sấm chạy*

*Một hôm
Có cánh hoa xoan
Vào thăm người ấy
Bàng hoàng người ấy
Nhặt cánh hoa xoan*

*Chuyện chỉ có vậy
Sau bảy lần tường.*

Nhu cầu đối với sự thật có tính phổ biến ở con người, tuy vậy lại không đồng nhất ở những người khác nhau. Có người xem sự thật cần thiết như ăn và thở. Có người sợ hãi, xa lánh nó. Những người nhiều định kiến và ít bao dung, nặng nề phái và kém trí phán xét, hay tin theo một học thuyết tiền chế, biết rõ điều này. Thơ trữ tình nhân chứng thường xuyên hướng tới sự thật nhưng không mang lại các giải pháp. Một bài thơ hay, điều ấy rất hiếm, là một bài thơ đến đúng lúc, gọi đúng tên bạn từ ngoài cửa, lúc bạn vừa tỉnh giấc, và bạn liền đi theo nó, không hỏi một lời, đến tận bìa rừng kia, cái giêng gạch đầu làng, chiếc xe hơi cũ với băng ghế sau bọc da đã mòn. Ở đó, bạn nhìn thấy cội rễ của ao ước thầm kín, nghe được tiếng nói bị khuất lấp sau đám cỏ cao, và bạn tin. Bạn trở nên can đảm.

*Buổi trưa
Sau một cơn động đất xa*

*Chói chang ngực rộng mây bay về khát khát
Cây đá đỏ vách trần xiêu lao đao bốn mặt
Ai gọi rất xa*

Chờ ta!

Chờ ta bùng nổ!

Sự kết thúc một bài thơ ở Hoàng Hưng cũng có chỗ đặc biệt. Anh không vương vào lối kết thúc cổ điển, hay gặp ở các nhà thơ cùng thời, trường lớp, kiểu như nâng cao, mở rộng. Anh kết thúc thản nhiên, điềm tĩnh, không kèm nhận xét, để mặc câu chuyện trôi đi, đôi khi bi quan, đôi khi tàn nhẫn. Vì tự nhiên, sự thực của tự nhiên, bao giờ cũng tàn nhẫn. Sự chọn lựa giữa hai thứ ấy, sự thật của nghệ thuật và sự thật của tự nhiên, thể hiện khuynh hướng của nhà thơ, đôi khi thể hiện lựa chọn có tính văn hóa. Thơ Hoàng Hưng là thơ thành thị, ít yếu tố thôn dã, vì thế anh nghiêng về phía hiện đại, đứng xa các truyền thống ủy mị đầy rẫy trong thơ Việt mấy chục năm nay, Bắc lẫn Nam, trong nước lẫn hải ngoại. Giai đoạn đau khổ nhất, Hoàng Hưng vẫn không dành nhiều thì giờ cho than vãn, mà hào hứng hơn với tốc độ của đời sống, cái sắp xảy ra, lập tức. Cái bây giờ, lập tức, mới là yếu tính của tồn tại. Một tâm hồn đi tìm cứu chuộc, vượt thắng, không phải là tâm hồn buồn rầu. Có một niềm tin, gần như thiêng liêng, không thể chứng minh được, vào sự tốt đẹp, vào chiến thắng sau cùng của cái tốt và cái đẹp, một thứ khả năng hình dung, viễn kiến, nhìn thấy được đằng sau giới hạn của kiếp người, sau sự đau khổ của nó, một thế giới khác, sự nguyên vẹn khác, cõi rung động khác. Điều ấy an ủi chúng ta biết bao. Thật ra Hoàng Hưng cũng có thể biểu hiện nhiều hơn nữa khuynh hướng châm biếm và hài hước, phê phán và tranh luận, khuynh hướng mô tả tỉ mỉ các chi tiết, không phải chỉ để mô tả, tất nhiên, hoặc anh có thể kể lại câu chuyện một cách bình tĩnh, nhẹ nhàng như không, rồi đột ngột chuyển hướng, tạo ra cú va chạm thâm mỹ. Nhưng những thứ ấy anh ít làm, hay làm mà chưa trọn vẹn. Ngôn ngữ của anh là của ao ước, chờ đợi, không phải im lặng tuyệt đối. Thơ anh có nhiều bài viết về sự kiện, nhân dịp, như vào tù, ra tù, trên đường, nhưng đó chỉ là cơ hội để vô thức cất tiếng nói. Thơ làm sống lại, giữ thật lâu những hiện hữu thoáng qua, những số phận ngăn ngui. Sự chuyển hướng, thay đổi từ nhân vật này đến nhân vật khác, từ hoàn cảnh này đến hoàn cảnh khác, làm thay đổi không những tâm trạng chung mà còn tạo ra động lực để bài thơ đi tiếp, đôi khi với tiến độ nhanh hơn. Nếu nghi ngờ là một phẩm chất của khoa học, nó cũng là phẩm chất của văn chương. Tác phẩm văn chương trong khi có thể mang lại hiểu biết, lòng tin, thì có thể phơi bày những lưỡng lự, tính đáng ngờ của sự vật. Hiểu biết trong thơ chính là hiểu biết về giới hạn của nhân quan, chật hẹp của chân lý. Trong khi Hoàng Hưng có những bài thơ đã xác

định xong vị trí vững vàng của chúng trong văn học, thì ngôn ngữ của anh cần phá vỡ và nổi loạn hơn nữa. Những tìm tòi nghệ thuật vẫn chờ anh. Bởi vì:

Không. Cái chết ấy tôi không chịu nổi

Cuộc sống đi từ cái không biết đến cái biết. Thơ đi từ cái biết đến cái không biết. Bài thơ trữ tình của anh, đi tới cái lớn lao, toàn thể, nguyên vẹn, nhưng không tìm cách giải quyết những mối phân vân.

Đi thôi

Về thôi

Công việc của thơ là tạo ra liên kết giữa người và người trong không gian tối, nhọc nhằn và hy vọng, của tình yêu và rời bỏ, của xúc động và an tĩnh. Sự giao tiếp với cái không biết, trong khi gợi lên cảm giác lạc đường thì cũng mang lại cảm hứng dồi dào, vô hạn. Những cuộc ra đi và trở về, trở về và ra đi, do đó không còn là một ghi chép về chuyến đi có lẽ là có thật của Hoàng Hưng, mà còn là, và thực ra là, một ẩn dụ trung tâm của sự tìm kiếm, đuổi theo cái đẹp, toàn hảo hay không toàn hảo, cuộc lên đường với tất cả nguy nan. Không phải trạng thái sáng rõ, sự cân bằng, sự ổn định, niềm hài lòng, mà chính cái mờ ảo, những cơn mộng, nửa tỉnh thức, trạng thái mất cân bằng tạm thời, sự chấn thương, sự lảo đảo, sự ngờ vực, những thách thức nghiệt ngã, lòng can đảm, khát vọng và vô vọng, mới là những trung tâm động lực của thơ hôm nay.

Nguyễn Đức Tùng

9/ 2017

(vanviet.info 2017)

TRÍCH TRONG THƯ TỪ

Nguyễn Hữu Đang

... Chính tập *Người đi tìm mặt* của anh cũng đã xa lánh những đao to búa lớn, xa lánh những Don Quichote... Phùng Quán phải đi mua với giá 7.000đ. Tôi mượn đọc. Đọc chưa kỹ, chưa hiểu lắm nhưng đã thấy có cái gì như những cảm giác siêu thực: “Đường phố 1”, “Đường phố 2”, “Đường phố 3” rồi “Sốt”:

“Tôi bỗng bệnh tôi nở chật không gian
Tôi nhìn tôi bay khỏi đất”

Chương “Nhập môn” sẽ làm cho tôi tự ty là người ngoại đạo. Tôi tạm coi những bài trong đó là thần chú hay mật mã.

Trái lại, bài “Định mệnh” đã giúp tôi nhích lại gần thơ anh, nhất là hai câu:

“Em bi phần ở hiền sao gặp ác
Ác ở trong hiền chứ ác ở đâu”

thì tôi lấy làm tâm đắc lắm. Nếu có dịp bình luận hai câu đó, tôi sẽ viết một trăm trang sách. Càng thấm thía hơn đôi với tôi là bài “Người về” mà tôi thấy đề tài và chủ đề trùng hợp – song mở rộng hơn, khơi sâu hơn – với một bức danh họa của Repine (Nga). Có thể nói câu:

“Bước vào cửa người quen tái mặt”

của anh đã được Repine minh họa chính xác, đầy đủ. (Anh có thể tìm xem bức tranh này trong tuyển tập tranh Repine do Liên Xô xuất bản, chú thích bằng Pháp văn, đã bán ở Hà Nội, hiện tôi đang có). Tên bức tranh là:

"Những người không ai chờ đợi" nói tình huống bi thảm của những người tù đày chính trị từ Siberie trở về gia đình, bị xa lánh.

(Thư viết tay gửi HH, Hà Nội 6/6/1994)

Allen Ginsberg

Tất cả các bài thơ (của ông) đều rất có cá tính

(Thư viết tay gửi HH 18/2/1997)

Robert Creeley

Đọc bản dịch các bài thơ của ông, tôi rất xúc động vì những xúc cảm về sự lạc lõng và mất mát trong đó. Chắc là cả thế giới chúng ta đã đi đến cùng một chỗ đắng cay như thế.

(email 12/7/2001)

Marie Étienne

Điều mà tôi yêu trong các bài thơ của Hoàng Hưng, đó là ông đã phục dựng cái thực tại khách quan, bên ngoài thông qua lăng kính của tinh thần, của cái thực tại bên trong, chủ quan, mộng mị và nhạy cảm. Cho nên trong thơ ông có những ghi nhận chính xác về các sự vật, nơi chốn hay biến cố, nhưng những cái đó truyền đạt tới chúng ta đã được phóng đại, biến dạng, sửa đổi bởi những gì mà tác giả nhìn thấy và bởi những gì rung lên trong ông.

(email từ Paris 15/6/2002)

BÌNH THƠ

NGƯỜI YÊU MIỆT BIỂN

Vân Long

Người yêu miệt biển của Hoàng Hưng có cái duyên riêng! Tác giả đã tạo một giọng điệu da diết của người muốn níu giữ cái đẹp mà không bao giờ giữ được trong tầm tay!

Nhưng em đã bay đi như cánh vạc

.....

Nhưng da thịt em – ráng chiều vụt tắt

.....

Nhưng đến trước ngực ta sóng vỡ...

Em như cánh chim, như cá, như sóng biển... cái đẹp cứ chập chờn trước mắt rồi xa hút, khiến ta chỉ còn biết ngẩn ngơ nuối tiếc. Đó cũng là “nghịch chương” của nhà thơ, luôn khao khát, săn tìm và...hụt hẫng. Chính sự khao khát không đạt được của người nghệ sĩ đã góp phần tạo ra bao tác phẩm cho

loài người! Con người soi vào đó thấy mình và cuộc trường chinh đi tìm cái đẹp!

Bài thơ tha thiết từ những câu láy lại như điệp khúc:

Đồng cối đầy trắng em ơi đồng cối

....

Bãi dài ngập nắng em ơi bãi nắng

....

Triều dâng sóng trắng em ơi sóng nở

....

Lưới thu đóng bạc mình thu em ơi!

Vì gọi vào vu vơ không có hồi âm nên tiếng gọi càng thiết tha, vô vọng... Bị bài thơ chinh phục rồi ta mới nhớ ra bài thơ không vần. Thế mới biết cái nhịp điệu nội tại, cái điệu tâm hồn tác giả quan trọng hơn vần rất nhiều.

Hoàng Hưng là nhà thơ chủ trương thơ hiện đại, nhưng ở bài thơ này anh chỉ đưa vào một phần yếu tố hiện đại: ngoài việc bỏ vần, anh đã đưa vào thơ những hình ảnh và chữ nghĩa mới mẻ: *rợn vàng đồng cối, cát không màu khấp dưới bàn chân, bọt tan sôi réo lòng chiều...* Và hình tượng in đậm vào tâm trí ta: nhà thơ đã dùng bút pháp của hội họa ấn tượng để gói lại (và mở ra) cái chủ đề hun hút của bài thơ:

Mắt em nhìn ta qua lưới thưa

Xa lạ như là con mắt cá

Sắp quẫy vào lòng biển sâu...

Tôi nói nhà thơ chỉ đưa vào một phần yếu tố hiện đại, bởi phần còn lại là tâm hồn của nhà thơ mà dù trí tuệ trác việt, tay nghề bậc thầy cũng không thay thế được!

(Báo *Quân đội Nhân dân*...)

GIÁC MƠ ANH NGẬP BIỂN

Tặng Mười

Rồi một ngày anh gặp em
Vàng rục bờ biển nắng
Em mới hiểu rằng em là biển
Bao nhiêu năm sóng thầm réo trong mình
Anh mới hiểu chính em là biển
Bao nhiêu năm anh tìm
Những bắp thịt săn của sóng
Đánh vào ta nông nản,
Muối mặn ngấm vào rục máu
Trái tim bắt đầu hoang mang
Rồi giấc mơ anh ngập biển
Vụt kinh hoàng bóng em tan biến,
Và giấc mơ em ngập biển
Ngượng ngùng để anh nắm tay.
Nắm tay nhau nhảy tung ngọn sóng,
Nắm tay nhau ngụp lặn thủy triều,
Em sặc nước rồi anh sặc nước.
Tĩnh dậy một mình đầm nước mắt
Thôi chúng mình đã yêu!

Lời bình của BÙI KIM ANH

Anh và em và biển – không, đúng hơn trong giấc mơ anh có anh và em và biển – đúng hơn nữa, thực rõ ràng trong mơ "Tĩnh dậy một mình đầm nước mắt/ Thôi chúng mình đã yêu!" Bài thơ có nhan đề TẶNG MUỖI. Một bài thơ tình của Hoàng Hưng viết tặng Mười - người vợ yêu quý của mình. Xin phép nhà thơ, xin phép Mười và được anh đồng ý – sửa lại nhan đề bài thơ cho lần này là "Giấc mơ anh ngập biển". Vẫn biết rằng việc xin phép thay cái tên bài thơ thì vừa sai, vừa đúng. Sai, vì đây là thơ tặng Mười, duy nhất, độc nhất, làm riêng cho Mười của Hưng. Nhưng đúng, là ở chỗ nhiều người có thể chia sẻ hay ít nhất, người bình cũng muốn chia sẻ. Bởi lẽ tác giả đã biểu hiện được rất tài tình cái thời khắc "trở thành" của tình yêu. Bởi lẽ cả bài thơ, cảm xúc thơ ngập trong biển, ngập trong một tình yêu vàng rục, nồng

nàn, có sóng thềm réo, có muối mặn ngấm vào rục máu và có cả "hoang mang", "kinh hoàng", "ngượng ngùng", cả "sặc nước". Có bao nhiêu là bao nhiêu sắc độ của tình yêu đến với anh. Em trong thơ là người con gái một ngày anh gặp sau bao nhiêu năm anh tìm. Em trong thơ là biển, trong "giấc mơ anh ngập biển". Hoàng Hưng không một lời, một chữ tả về người con gái ấy, nhưng bao nhiêu cảm xúc ngập đến. Có một cô gái tuyệt đẹp trong tâm hồn, tuyệt vời trong tình cảm yêu thương dành cho nhà thơ. Thời gian là ngọn sóng, thời gian là thủy triều và tình yêu em mang đến cho anh là mãi mãi. Có những bài thơ lượm ra được những đoạn thơ, câu thơ hay để bình. Có những câu thơ nhặt ra được những hình ảnh, từ ngữ hay để khen. Bài thơ tình của Hoàng Hưng đọc lên thấy hơi thơ, tình thơ cứ say sưa, cứ si mê, cứ cuốn hút. Không phải là ngày anh gặp em mà là "Rồi một ngày anh gặp em". Chữ rồi đứng đầu câu, mở đầu bài thơ như nói với những ngày trước đó, những gì trước đó khi anh chưa gặp em. Trước đó có thể là những gì vui – buồn, có thể là những ai gặp gỡ - chia xa, có khi là ở phố - ở làng, ở rừng - ở biển có thể quên – nhớ, ... nhưng chắc chắn không thể như lần gặp này "Vàng rục bờ biển nắng". Cũng biết là tình yêu đến khi nào cũng đẹp. Cũng biết là nắng nơi biển thường chói chang. Nhưng đây đâu tả nắng. Đẹp hơn nắng. Vàng rục hơn nắng. Mênh mang hơn bờ biển nắng. Câu thơ tả thực mà không dụng ý tả thực. Là em khiến cho bờ biển rục nắng. Là anh mắt nhìn rục nắng. Rục trong rạo rục, rục với nghĩa đắm thắm, đậm đà. Thế đấy nên "em mới hiểu rằng em là biển", "anh mới hiểu chính em là biển". Kỳ diệu đến mênh mông – sâu lắng, đến choáng ngợp – dạt dào. Gặp nhau đây mới hiểu chính mình. Rồi một ngày và bao nhiêu năm đã là quá khứ. Câu thơ tự nhiên mà dẫn dụ khéo léo, hợp tình. Người con gái được tặng bài thơ thật hạnh phúc

Bài thơ như chia hai phần lớn – giấc mơ và tỉnh dậy. Phần giấc mơ cũng như chia hai đạo khúc – vàng rục, nồng nàn và ngập biển, tan biến, sặc nước. Hoàng Hưng yêu đến mê, đến say, yêu đến trái tim bắt đầu hoang mang, đến kinh hoàng. Nhà thơ là vậy, người con trai thi sĩ Hoàng Hưng vậy đó. Anh có được em sau bao kiếm tìm. Anh có được em như có một quý báu khiến anh không dám tin, khiến anh lo sợ. Phải là người đã yêu, đã mất mát trong tình yêu mới có được cảm xúc đến nhiều như vậy, trái chiều như vậy. Mới gặp nhau đây mà yêu, mà lo, mà sợ đến "sặc nước". Tình yêu đẹp như giấc mộng đến và có thể mất. Những câu thơ tình có thể bốc lên, có thể ngào ngạt say giống như khi yêu người ta yêu nói toàn lời tốt đẹp. Ở đây Hoàng Hưng khác, anh giải bày lòng mình theo lối riêng. Và cái cuối cùng đến với anh là cái thực

Tỉnh dậy một mình đầm nước mắt
Thôi chúng mình đã yêu!

Đầm nước mắt hình như chỉ có ở thi sĩ và thơ thôi. Tìm được khó đấy trong tình yêu thời @ này. Thế mà nó làm cho ta run rẩy trong xúc cảm, làm cho ta

mong ước có một tình yêu như vậy. Câu kết buông ra "Thôi chúng mình đã yêu!" Bình thường như thế là chấp nhận, là buông xuôi. Ở đây câu nói giản đơn lại là khẳng định. Câu nói giản đơn như lau khô nước mắt, như thở phào nhẹ nhõm, như mừng rỡ. Cái lo sợ có thể mất, em có thể không là của anh, bây giờ đã yêu chắc chắn, an toàn. Không là hiện thực thô thiển mà hiện thực tuyệt vời.

Bài thơ dẫn người đọc theo sự tiến triển của cảm xúc - từ anh, tới em , rồi kết ở chúng mình. Một nhục cảm trong tình yêu mà nếu thiếu thì tình khó thực, thơ không rung nhưng lại không đi quá qua nhục dục - như thế sẽ tầm thường...Thơ Hoàng Hưng hàm súc, càng đọc càng thấy hay, cho nên có cái duyên bền như chính anh vậy.

FB Bùi Kim Anh

NGƯỜI VỀ & MÙI MƯA

Paul Hoover

Hai bài thơ của Hưng thể hiện một phong cách và đề tài nhất quán của một con người ở đầu chót của sợi thừng hay ở tột đỉnh của một kinh nghiệm đau

khổ hay giải thoát khỏi đau khổ. Cả hai bài thơ đều liên quan đến việc sử dụng thời gian như một phần của tấn kịch ấy. Trong bài “Mùi mưa hay bài thơ của M.” hai người yêu đã chia lìa trong 15 năm rồi lại gặp lại nhau. Tình yêu của họ bền bỉ như mưa đang rơi, nhưng xa cách một nghìn đêm đã là nỗi đau khổ cực độ, và bây giờ họ ước mong được chết cùng nhau dưới mái nhà mưa rơi (để mà giữ cho tình yêu của họ được vĩnh cửu). Trong bài “Người về”, một người trở về sau một thời gian vắng mặt không rõ lý do từ một “cõi ấy”, để khám phá ra rằng vợ, con, và bạn bè không còn biết, không còn hiểu được mình nữa. Người ấy đã là một hồn ma đối với họ. Và sự vắng mặt đối với ông đã một vết thương nặng nề đến mức ông ghen giữa bữa tiệc vui, tới hai năm sau ông còn sực tỉnh vì cơn ác mộng và tới tận mười năm sau khi trở về, ông còn ngồi một mình trong bóng tối. Ông là một người xa lạ trong cuộc sống của chính mình. Nhưng rồi ông cũng có sự giải thoát khỏi đau khổ. Có một ngày ông mệt mỏi chán chường vì ánh mắt nhìn chằm chằm, và có một đêm một tiếng nói, có thể là của một người đàn bà, cất lên hỏi ông. Cái vở vai làm ông giật mình dường như đưa ông trở lại thế giới. Ông sực tỉnh lại, hoặc là trở về cuộc sống đã từng tiện nghi với ông, hoặc là trở về sự hiện diện mới được chào đón trong lòng cái thế giới cũ kia. Tính cách bị che mờ của câu chuyện (ai vở vai? ai là người bây giờ đánh thức ông?) là phần có chủ đích của câu chuyện. Thơ của Hung làm tôi nhớ đến những tiểu thuyết hư cấu mang tính hiện sinh. Chúng xảy ra trong một thời gian rất rõ nhưng cũng có một tính cách vô thời gian. Nhiều năm tháng được nén lại trong một bài thơ trữ tình ngắn nói về mất mát và đau khổ. Con người đau khổ có thân xác và kinh nghiệm cụ thể, nhưng theo một nghĩa khác, cũng là một gương mặt tiêu biểu. Tôi nghĩ đến cuốn tiểu thuyết “Người đàn bà trong cồn cát” của tác giả Nhật Bản Kobo Abe. Một ngày nọ có một người đàn ông trượt chân thụt xuống một vực cát trong khi đang bước đi giữa sương mù ở một nơi xa xôi. Thế rồi ông ta trở thành chồng của một trong số nhiều người đàn bà của cồn cát mà nghề nghiệp là xúc cát suốt đời. Thực vậy, ông ta đã tìm ra số phận của chính mình, không lay chuyển được, không thể nào thoát khỏi (và cuối cùng thì có lẽ ông không muốn thoát khỏi). Chúng ta được ban cho phải sống trong những thế giới đầy đau khổ. Nhưng con tim vẫn có khả năng trỗi dậy, mặc dù đã bị chôn vùi nhiều năm tháng (“Mùi

mưa”); một cái vớ vai có thể thành linh thức tỉnh chúng ta trở về với đời sống từng đã quay mặt với chúng ta.

Tôi không biết có bài thơ nào khác để so sánh với thơ Hung. Bên dưới cái bề mặt bình thản, kể chuyện, thơ (Hung) rất phức tạp và xúc động. Có lẽ trong đời thực, Hung đã cảm thấy bị lưu đày giữa ngay xứ sở của mình và bị dời khỏi những hoàn cảnh sống và làm việc của chính mình.

San Francisco, tháng 1/2003
(Tập chí Gravity, Columbia College Chicago)

NGƯỜI VỀ

Nguyễn Quốc Trụ

Gấu nhớ, trong Gulag, có một đoạn Solz tả, về cái cảm giác giữa những người đã từng ở Gulag, và sau đó, được trả về đời. Họ nhận ra nhau ngay,

giữa phố đông người. Chỉ ánh mắt gặp nhau, là biết liền đằng ấy và tớ đã từng ở trong đó.

Gấu mê nhất, câu "Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui".

Nhưng cũng lạ nhất, tò mò nhất, là cái thời gian "một năm sau".

*

Bài thơ của Hoàng Hưng, như được biết, là một trong 100 bài thơ hay.

Không hiểu thi sĩ có tiên tri ra được cái sự bí nhiệm của con số hay không, nhưng có vẻ như ông rất quan tâm đến nó, chỉ để "đếm" thời gian: vợ khóc 'một' đêm. con lạ 'một' ngày. Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui, hai năm sau còn toát mồ hôi. Năm năm, mười năm... một hôm, một đêm...

Liệu tất cả những cân đo đong đếm đó, là để qui chiếu về câu: Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại?

Câu này, lại trở thành một ẩn dụ, nếu so cảnh tại ngoại của ông, như được miêu tả trong bài thơ:

Có vẻ như cái cảnh trở về đời kia, vẫn chỉ là, tù trong tù.

Tuy nhiên, khi đọc như thế, có vẻ như hạ thấp bài thơ.

Bài thơ Hoàng Hưng bảnh hơn cách đọc đó nhiều. Có cái vẻ thanh thoát, vượt lên trên tất cả của nhà thơ. Đây cũng là điều nhân loại tìm đọc Gulag của Solz: Cái thái độ đạo đức, nhân bản của tác phẩm và của tác giả, mới bảnh làm sao.

Câu thơ "Mười năm còn quen ngồi một mình trong bóng tối" làm nhớ một chi tiết về một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn, [không nhớ là ai, NMG có nhắc tới trong một số Văn Học], ông quen ngồi một mình đến nỗi bóng in lên tường, thành một cái vệt, thời gian không làm sao xóa mờ.

Nếu như thế, một người quen ngồi một mình trong bóng tối, cái bóng của người đó in lên tường mới khủng khiếp làm sao. Không ai có thể nhìn thấy nó, để mà hỏi thử, thời gian, khi nào xóa mờ!

(Tin Văn Blog)

NGƯỜI VỀ

Vũ Quân Phương

Câu đầu của bài thơ: *Người về từ cõi ấy*. Cõi ấy là đâu mà nhắc lại tới ba lần. Tự nhiên, trong tâm trí, người đọc cứ phải lần mò mà đoán lấy. Mới đầu đã ngờ ngờ, rồi mơ hồ nhận ra. Mỗi chi tiết một rõ. Đến ý thơ cuối thì khẳng định. Không những khẳng định được *cõi ấy* là đâu, mà còn cho thấy cái tính chất ghê gớm kinh hoàng của *cõi ấy*. Nói mà như không nói, tả mà như không tả. Tất cả hiện ra từ tâm trạng *người về*. Người ấy không giải bày, mà tâm trạng tự hiện lên dần qua từng chi tiết. Chi tiết đặc địa. Diễn đạt gọn súc. Ngôn ngữ cô đúc, đôi chọi. Rất hàm súc

Người về từ cõi ấy

Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày

Vợ thì khóc, con thì lạ. Sao thế ? Thì thử đoán xem *cõi ấy* phải là cõi nào. Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày. Chi tiết *đêm, ngày* và đều chỉ là *một*. Thêm *một* nữa thôi để tiện biệt vĩnh viễn cái chặng vừa đi qua. Ngày mai sang chặng khác.. Câu thơ tám chữ, tách đôi thành bốn chữ cặp díp, chứa ba cặp ý sóng đôi nhau: *vợ-con, khóc-lạ, một đêm-một ngày* đủ cho thấy tâm trạng mọi thành viên một gia đình. Ngôn ngữ không thể gọn hơn mà diễn tả đúng nỗi lòng vợ con đến thế quả là một quan sát già dặn. Nhưng kinh ngạc hơn là từ nỗi thông hiểu lòng vợ con ấy cho ta thấy sự sâu sắc trong cõi lòng *người về*. Anh hiểu nỗi chịu đựng của vợ và sự ngây thơ đến cay đắng của con không chỉ ở khoảnh khắc gặp mặt ấy mà còn ở cả những tháng ngày đằng đằng khi anh vắng mặt. Thơ hiện đại mà hàm súc như cổ thi.

Ba lần nhắc *Người về từ cõi ấy* là ba lần quan sát phản ứng người mình gặp. Vợ con rồi, bây giờ đến người quen:

Bước vào cửa người quen tái mặt.

Sao mà phải tái mặt. Chắc bạn đọc thêm căn cứ để đoán ra cái *cõi ấy* của một thời hoặc một sách vở nào.

Sau người quen, đến người không quen:

Giữa phố đông người nhón nhột sau gáy

Hình như có cặp mắt nào đang kín đáo dõi theo mình từ phía sau. Không dám quay lại nhưng linh cảm thấy rõ lắm nên mới nhón nhột. Cảm giác *nhón nhột sau gáy* là một phản xạ có điều kiện. Kiểu như người đã một lần ăn khế chua, sau chỉ nghe nói tiếng *khế* đã thấy tứa nước miếng. Kỳ thức đâu có khế, cũng như chẳng có ai dõi nhìn anh cả. Nhân vật nhằm nhưng tác giả không nhằm, ông đã tả thành công nỗi ám ảnh sợ hãi của *người về*

Ba điệp khúc, sáu câu ấy là một mảng ý. Mảng ý thứ hai là bốn nỗi ám ảnh trải theo thời gian, *một năm, hai năm, ba năm, mười năm* với bốn chi tiết, tinh vi đến lạnh người:

Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui

Hai năm còn mộng toát mồ hôi

Ba năm còn nhớ một con thạch thùng

Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối

Một, hai, ba rồi nhảy vọt lên mười mà cái chữ *còn* vẫn những nhặng theo sau. Cái ám ảnh của *cõi ấy* khéo phủ lên cả đời người. Những chi tiết : *nghẹn giữa cuộc vui, mộng toát mồ hôi, nhớ một con thạch thùng, quen ngồi một mình trong tối* là những chi tiết nội tâm, cho thấy một thân phận, một nỗi khủng khiếp, một sự cô đơn.

Bốn câu thơ cuối thuộc mảng ý thứ ba: nỗi sợ. Bất cứ lúc nào cũng nơm nớp. Một hôm nào đấy thấy có ai nhìn, một đêm nào đấy thấy có ai hỏi. Nhìn thì *trên trời*. Hỏi thì *bâng quơ* nên mới làm anh chột dạ. Bạn đọc ngờ rằng cái nhìn, cái hỏi này vốn tự nhiên bình thường, nhưng với *người về*, có lẽ thần hồn nát thần tính, nên mới thấy nó trên trời và có vẻ bâng quơ như cạm bẫy. Ý thơ cuối cùng khẳng định nỗi ngờ ngợ của người đọc là có lý. Chỉ một cái vỗ vai vu vơ mà anh chàng giật thót người.

Tội nghiệp quá. Kinh sợ quá. Bút pháp tả tâm trạng ở bài thơ này thật tài. Nói bóng mà ra hình, tả tình mà ra việc. Không chất chứa trong lòng không hiện ra ngoài bút được như thế.

6/2007
(email gửi HH)

VỀ BÀI “A MAN RETURNING HOME”⁵⁵

⁵⁵ Bản tiếng Anh do Nguyễn Đỗ & Paul Hoover dịch (Black Dog & Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry, Milkweed Editions 2008)

Camille Dungy

Tôi xếp bài thơ này vào Hồ sơ “Những bài thơ âm mộ” vì tôi mê cái cách sử dụng trạng thái nghiêng của nó. Tôi yêu lối bất an của cuộc sống người đàn ông này dường như đồng thời tăng tiến và giảm đi với cường độ lớn. Cái “tiếng bâng quơ hỏi” có thể sẽ dường như bớt đe dọa hơn nếu như nó đến sớm hơn trong bài thơ, như sau câu thơ nói về các con ông ta chẳng hạn. Nhưng ở đây, đến cuối bài thơ, khi chúng ta thấy được những sự bất an về thể xác như “một cái vồ vai” khiến ông hoảng hốt đến thế, thì tiếng nói kia trở nên đáng lo ngại không thể tin nổi. Tiếng nói ấy đòi ông làm gì vậy? Dòng thơ ngắt sau cái giật mình đặc biệt có hiệu quả ở chỗ sự “giật mình” đến liền sau sự đe dọa của những câu hỏi. Bây giờ cái ý người đàn ông giật mình dường như báo động một cách khủng khiếp, và mặc dù chúng ta lẽ ra được trấn an vì thật ra ông ta giật mình chỉ vì một sự nhỏ nhặt như thế, thì cuối cùng sự đe dọa của “một cái vồ vai” lại tăng lên chứ không mất đi. Tôi cũng yêu cái từ không xác định “cõi ấy” và việc từ này được viết hoa và in nghiêng trong bản dịch (*That*). Hoàng Hưng đã cho người đọc quyết định người đàn ông này trở về từ chỗ nào. Tôi có những phỏng đoán của mình, nhưng câu trả lời chính xác cho “cõi ấy” có thể ít ý nghĩa hơn nhiều so với



câu trả lời mà chúng ta có được về những gì “cõi ấy” đã gây ra cho người đàn ông. Và với những chi tiết dồn dập trong bài thơ, nỗi khiếp hãi cái “cõi ấy” có thể ngày càng dồn sức nặng theo sự tiến triển của bài thơ.

Hãy xem xét cái cách những sự lựa chọn phản ánh những âu lo. Hay là hãy xem cái cách những âu lo phản ánh những lựa chọn. Có gì khác nhau giữa hai cái?

(poetryfoundation.org/harriet/2009/07)

PHỤ LỤC



SANTACRUZ 2012 HOANG HUNG

INNOVENT
TRAFALGAR PRODUCTIONS

ELLEN BASS

HOANG HUNG



POETRY & MEMOIRS 2012

Leading Vietnamese poet, Hoang Hung, made his name among the generation of anti-America war poets in the 1960's and became one of the key figures of the poetry renovation after the war. He has written many books, including *Nightmares*, a collection about his time in prison that was refused by publishers and eventually published online. His poems have been translated and published in literary magazines and anthologies internationally. Hoang Hung is also known for his translations of modern and contemporary poets including Apollinaire, Federico Garcia Lorca, Boris Pasternak, and Allen Ginsberg. As a journalist, he has worked for free speech and press. Hoang Hung has won literary awards in Vietnam and fellowships from France and the US. He now lives in Ho Chi Minh City.

HOANG HUNG
POETRY & MEMOIR

How My “Nightmares” Were Created

Until now, when several of my poems have been translated and published in France and in the USA, when I have got the right to go out of Vietnam reading my poems, memories of those bad days still haunted my hours in the form of sweating nightmares. In fact, thirty nine months in jails and a “re-education camp” (August 1982 – October 1985) * were unbearable if there was no Poetry in this world. Yes, Poetry was my Guardian Angel in that “Season of Hell”.

In the cell, without pen and paper, I had written down diaries in my mind, diaries in the form of verse lines. Several short poems had been created completely in a flashing time, later I called them “fulguration poems”. Others were only drafts that would be finished some years after I was released. I had been back home a short time before the realization of the “doi moi” (change and make it new) policy of the Vietnamese authorities.

In a new situation, I had a chance to publish some of those poems in my two poetry books “Sea Horse” (1988) and “The Man Searching His Own Face” (1994). They were warmly welcome by readers and the literature milieu, but brought a lot of trouble to myself as well as to my publisher, and the authorities henceforth paid a sharp vigilance to prevent the publication of the rest of my poetry.

In 2002, to commemorate my 60th birthday, my 40 years of devoting to Poetry and the 20th anniversary of my imprisonment, I selected 108 poems of mine (the number 108 is meaningful to Vietnamese: it is the number of the major stars that show the

fate of every human being, the number of the most worshipped Buddhas as well as of the rebels-heroes in a novel that is very popular to Chinese and Vietnamese). I submitted them to two publishers at the same time. Both refused to publish them, it is mainly due to "Nightmares" - 30 prison poems included.

The French poet Paul Eluard wrote: "Any poem is poem of circumstance". It is truly my case.

HOANG HUNG

* The cause of my imprisonment can be found in my essay entitled "The Modernization of Vietnamese Poetry: A History from a Poet's Perspective" that was published in *New American Writing* No 22 (2004)

Contents

Entering	15
Blank Night	16
Calling Out	17
The Last Day of the Year's Evening	18
Untitled 1	19
Untitled 2	19
At Noon	20
Thach Thung (White Lizards)	21
Midnight	22
The Death	23
The Indian Almond Leaf	24
Dispirited	25
An Ordinary Day	26
Questioning the Stone House	28
In a Wink	28
Crossing a Mountain Pass at Night	29
The Man Who Came Back	30
A Man Returning Home	31
The Smell of Rain or A Poem Belonging to M.	32
The Smell of Rain or A Poem Belonging to M.	33
Children and the Shower	36
Untitled 3	37

The Root of the Wind	38
Untitled 4	38
Untitled 5	40
The Gentle Madman	41
A Peaceful Madman	42
The Mad Woman	43
Awakened in Hongai	44
Waking in Hongai	44
The Man Who is Looking for His Own Face	45
Untitled Poem	47
City Street 1	47
Untitled 6	48
Untitled 7	48
Stone Dog	49
A Dog of Stone	50
Black Dog And the Night	51
Black Dog, Black Night	52
Tourist Night	53
A Rainy Night	54
Fever	55
America (Excerpt)	56
A Poet Friend	57
The River Mouth	59

The Snowy Mountains	60
Beside the Pagoda	60
A Plant in My Room	61
Sunset	61
The Dry Season	61
Listening	62
Awakening on the Himalaya	63
Wildflowers	63
Master	64

Nightmares & Other Poems

By Hoang Hung

**Translations by Hoang Hung, Joseph Duemer,
Nguyen Do, Paul Hoover, Duong Tuong,
Linh Dinh, The Hung, and Ellen Bass**

ENTERING

The tar-blackened door
Slams behind me
A tumultuous blustering noise bursts out
Like a cauldron of boiling oil.
Hairless heads
Rise up and lean toward me following my steps
Black skeletons
Give off the smell of corpses
Ah! Here is the Hell itself
And I begin to live my devil existence.
How easy!
It takes only one minute even one second
Of trespassing this doorstep
To be far away from human life

– Take off all your clothes!
The shouting makes me jump.

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

BLANK NIGHT

The murderer with savage white eyes
is singing a plaintive *vong co'* song.
With trembling hands
The fraudulent doctor picks up every stale rice grain
The thief kid at Hang Co railway station**
Strangles the rapist of children, making choking sounds
Three opium traffickers
Sit down to watch the former Party secretary dance

Go into the restroom
To watch
The wedding of the lame one with the man with a crooked leg
Come in to see
Two robbers
Catching each other's lice

Horrifying night
Where am I now?
Not a wink of sleep all night I wait for the dawn

The cement floor is paved with scabies scales

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

* A traditional folk music air

** Central railway station in Hanoi

CALLING OUT

I call out in the heart of the night. Call the traffic noise outside
call the wind call all kind of scents call the two-meter long spread
wings of a wandering bird beaten repeatedly smartly by the
wind under a collapsing sky. I call out in the heart of the night.
Ragged hair tense forehead I call out. Aha! Jumping grinding
teeth masturbating blowing out the hundred-watt lamp. Close
your eyes and dream away! A piece of courtyard the sound of a
woman pouring down water and a green onion bulb. That's all.
No no no I've had quite enough of it! Enough of being called in
the roll enough of catching lice enough of mouthing my prisoner
number. At midnight I call out and the grave resounds. Freedom!
Where are you?

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

THE LAST DAY OF THE YEAR'S EVENING

Twilight invades my soul, gloominess overwhelms the grave's interior. All around me steel teeth, stone teeth. I am declining, tottering. Ah! So heavy the ceiling, so thick the wall. What else? Lice are biting, mosquitoes are flying, the lizard thrusts out its tongue. Birds don't alight on the barbed wire net, leaving me here hopelessly investigating the height of the sky. I throw my head against the steel door I shove my feet into the cement floor I am here for a century to eat to piss to shit to lie to sit on a winter evening that sticks in the sky making choking sounds. Ah! My hand is completely smashed by its own fortune lines!

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

UNTITLED 1

In a hamlet of cells with tenebrous and impenetrable human faces, I sputter my calls and cries, I scratch the wall of immense night to look thoroughly at the guts of humanity, finding them pitch-black. On my knees I burst out crying but my eyes are all dried up.

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

UNTITLED 2

Oh the love of my dream, you were lying nude in a dark corner
How high was the tower, and fastically blue the distant moon!
The seashore was writhing, the female dancer whirling.
You didn't say a word, just locked the deserted house from the
inside and hand in hand towards the infinite we were making
During a solar eclipse, sevens suns were rotating
No refuge was to be found, since over the fields the wind was
rising!

Trans. by The Hung

AT NOON

After an earthquake from far

The clouds are flying to assemble over my large blazing breast,
making me very thirsty

Trees and rocks are falling, walls on four sides staggering and
sinking

Who is calling me from so far away?

– Wait for me! Wait for me! I am going to explode!

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

THACH THUNG (WHITE LIZARDS)

I watch a couple of *thach- thungs* on the cell's ceiling, near the warming lamp that turns them white-pink, almost transparent. They can't know they are inside a jail. They don't care at all for a man who lies day and night on his back to watch them naked, loving each other. They can't know that tonight is a winter cutting night. White-pink, almost transparent, they silently love each other beside the lamp that radiates with the warmth of spring. The jail's lamp.

As if humans could be nude in no shame. As if humans could love each other under the sun without feeling. Like *thach- thungs*. Maybe jails don't exist at all. Is that true, *thach thung*?

– *Thak. Thoong*

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

(Published in *Hayden's Ferry Review* Spring 2006, Tempe, USA)

Onomatopoea

MIDNIGHT

Every midnight I am startled awake
By a harsh voice that sings
Always just one line:
– *My God, please save me!*

Does it spurt from the earth's womb?
Does it pour from the sky?
Passing through seven walls
Which world does it come from?

Everyone is startled awake
Then lie down one at a time
Some continue to snore
Some are tossing about
Some are weeping softly

I still sit here, my arms clasping my knees
The singing echoes from my breast to my feet
From my feet to my head
Resounding dully within my hair.
One line only:
– *My God, please save me!*

Just one line
At midnight
When the earth turns over in the middle of the pitch-dark sky

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

THE DEATH

Lice have abandoned you

You died last night

Mouth whitened by toothpaste

Oh man, you were constantly warned:

Do not eat toothpaste even when starving to death

On your five foot six inch body

There were only fetid rags left

Well! Done anyway!

Finish all your old scores

Let the flies come in now

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

(Published in *Hayden's Ferry Review* Spring 2006, Tempe, USA)

THE INDIAN ALMOND LEAF

Somber eyes were silently
Watching through a crack in the door
When will the last Indian almond leaf fall?

– It will fall this night
When the north-east wind rises
– No. It will keep hanging on the tree
As long as our damned existence on earth

In our bloody nightmare
The Indian almond leaf was lying there immensely
But when we woke up it existed no more
Under a black and blue sky

Suddenly I feel creepy and exhausted
As if my last drop of blood had just drained away

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

DISPIRITED

As if I had just one dissatisfaction left:

Being unable to analyze the smell of the musty and endless
corridor

As if I had just this adventure left:

Looking over the barbed-wired roof

As if I had just this game left:

Recalling bizarre patched-up nightmares

As if I had just this wish left:

To see the face of the person who speaks next-door

As if I had just this wish left:

To have no concept of freedom in the next body I take

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

(Published in *Hayden's Ferry Review*, Spring 2006, Tempe, USA)

AN ORDINARY DAY

Two prisoners coupled at T.L.:

In the clanking morning
You bustle about with glass and jar
Then one day next door to you
Hello, my invisible neighbor girl!

And the door opened
The chamber-pot is changed
The door closed
And the door opened
I'm going for interrogation.
During the time of Q & A
Of the I-Spy game
The cat & mouse game
I am haunted by an invisible shadow
And I'm coming back to the cell
Door opened
Door closed
And door opened
Meal arrived
Door closed
We clank bowls to call each other to

Take our prison lunch.

After the noise of dish-washing now comes the quiet, sacred
moment before your bath
Then water gurgles and I imagine you are rubbing yourself
prudently managing to do it softly as you are so shy and my
breath held my body on fire and in turn frozen

A bird flies off saying that you start hanging your clothes to
dry them

Then the door opened.
Time for writing self-declarations.
In the paper-desert
Loiters the haunting invisible shadow
While my letters drag like loaded camels.
And I am coming back to the cell
The door opened
The meal arrived
The door closed
We clank bowls to call each other to
Take our prison dinner

Then comes the suspense of waiting for darkness
It's the hour of holy communion it's our hour
Let me knock first, cack cack, and you cack cack, I cack cack cak
you cack cack cack I cack cack/cack cack cack you cack cack/cack
cack cack then I rub saat saat you saat saat I saat saat saat you saat
saat saat wordless signs twitter hurriedly accelerating intertwining
The wall burns up
The night burns up
Night fragments fall down
Scattering
Crumbling

The cry at midnight
Is your identity mark

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

(Published in *Hayden's Ferry Review* Spring 2006, Tempe, USA)

The Central Interrogation Center

QUESTIONING THE STONE HOUSE

Swallowing so many moans and cries
Why are you so mute?

Absorbing so many panting breaths
Why are you so icy?

Containing so many lives
Why are you so hard?

Brooding so much on hope
Why do you look so gloomy?

This sphinx of the XXth Century
Never gives an answer

(Published in *Hayden's Ferry Review* Spring 2006, Tempe, USA)

IN A WINK

A square of wall a whole world
A moment of sleep a whole life

Trans by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

(Published in *Hayden's Ferry Review*, Spring 2006, Tempe, USA)

CROSSING A MOUNTAIN PASS AT NIGHT

I close my eyes so that darkness is absolute
Crossing the mountain pass, the van's voice grows hoarse
The sound of prayer and a wooden bell is entangled with the
smell of incense and smoke
A coffin travels high and riskily
My God! The way lost is in the fog
I don't know where my soul is straying
Only lamplight for a guide
The one you light every night for a séance of prayer

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

THE NIGHT OF CROSSING THE PASS

I close my eyes to complete the darkness.
The voice of the bus rages as it crawls over the pass.
With the sound of a wooden fish and the smell of sticks,
the coffin runs precariously.
My God, it's foggy—all direction is lost.
Where does the spirit go,
leaving a light in eternity
where every night you have prayed?

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *Parthenon West*, San Francisco No 3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008. A French version of this poem published in Europe, Paris, No 875, Avril 2002)

THE MAN WHO CAME BACK

He came back from that far country
to find his wife in tears all night and his children bewildered all day

He came back from that far country
to see his friends turn pale at his apparition

He came back from that far country
And in the crowded street he feels shivers at the back of his neck

After a year he will still choke in the midst of a party
After two years he still wakes in a sweat from nightmares
After three years a white lizard remains in his memory
After ten years he continues the habit of sitting alone in darkness

A day comes when he is tired of their staring
A night comes when a soft voice will question him

A tap on the shoulder
Startles him

Trans. by Hoang Hung & Joseph Duemer

(Published in *Seattle Review* No1, 2002; in *Poetry International V*, San Diego 2002; in *New American Writing*, Cali, No 22, 2004. A French version of this poem published in Europe, Paris, No 875, Avril 2002)

A MAN RETURNING HOME

He is home from *That*
His wife cries all night, his kids are confused all day
Home from *That*
when he walks through the door, his friends' faces are ashen
Home from *That*
he feels an itch on the back of his head
in the midst of a crowd
as if someone is watching

One year later, he suddenly chokes during a party
Two years later, he still sweats from his nightmares
Three years later, he still feels pity for a lizard
Years later, he still has the habit of sitting alone in darkness

Some days, he feels a stranger's penetrating stare
Some nights, an aimless voice asks questions
He jumps
at a touch to his shoulder

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *New American Writing*, Cali, No 23, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

SMELL OF RAIN OR THE POEM OF M.

All the tears of the world that surround our house.
You lie against me and because the rain is falling
Like nothing we have ever seen, you tell me the sad stories
You have buried in your heart for years:

*It rained for thousands of nights turning the darkness white.
Like the cow remembering dung I went crazy remembering your
smell,
Which you lost lying on anonymous tile floors
leaving me only nights of rain and the odor of tears.*

Do you still love me? How far does your love go?
How far resentment and anger?
Fifteen years are hardly enough to understand our hearts.

The constant rain has flooded the ground floor.
Upstairs we lie under the eaves listening to rain beating on the
metal roof.
May death come while we lie here together listening to this rain.

Night of 6/25/92

Trans. by Hoang Hung & Joseph Duemer

(Published in *Poetry International*, San Diego, No V 2002 ; in *Gravity*, Chicago 2003. A French version of this poem published in Europe, Paris, No 875, *Avril* 2002)

THE SMELL OF RAIN OR A POEM BELONGING TO M.

A tear from all of humankind surrounds our house.
Lying down beside me, you tell a sad story
That lies deep in your heart, only now disclosed
like a suggestion from this amazing rain that has never been seen.

For thousands of nights, rain makes the darkness white.
You passionately miss my scent as a cow misses its excrement
and the garbage,
but I lost my scent from lying on strange floors.
All that remains is the smell of the rain, like the smell of fear at night.

Do you still love me, and how long will it last?
If you get angry and hate me, how long will last?
For fifteen years, we haven't completely understood our own hearts.

Rain overflows the first floor.
We climb to the top floor to listen to the rain
Pouring ironically on the roof
and wish, while listening, that we might die.

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in Parthenon West, SF No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

OTHER POEMS BY HOANG HUNG

CHILDREN AND THE SHOWER

To Van Cao, composer and poet

Instantly the pavement is cleaned by rainwater
And occupied by children.
The children rush out from houses and alleys.
Like another shower
They freshen the streets.

Nude, greasedly black
They run, jump, roll and crawl.

No more shade of any grown-up.
No more trace of dusty wheels and jostled steps.

Let water pour down from the sky and wash your wild hairs,
Let your screams and the shower sound make drums and bells.

The shower ends suddenly, as it came,
And the children vanish
Rendering the pavement to jostling, busy people.
And now in some discrete corners
Their tiny bodies are silently evaporating.

1969

Trans. by Hoang Hung

UNTITLED 3

Today the street is in winter,
Why is your skirt summer?

The waves of blue stripes are swirling
As you carry the full sea on your breast

The sea was very beautiful in summer,
I was crazy looking for it one day.

But the summer has gone
There is no trace of sunlight at the horizon,

Why do you still wear the thin skirt
When we have no more summer?

Why do you make me suffer
Remembering the summer flame that was extinguished?

Off-shore the sea is grey, I guess.
The cold makes large waves shrink.

Your breast is so high that it makes me choke.
Please burrow it under a thick coat.

Today the street is in winter,
Please let the summer lay down in peace.

1970

Trans. by Hoang Hung

THE ROOT OF THE WIND

At the farthest high sea
There is a tree with thousands of leaves.
Thousands of leaves are rustling thousands of greens.
Thousands of leaves are rustling in the root of the wind.
At the farthest high sea
The wind breaks the horizon
And the tempest of waves rushes in

1973

Trans. by Hoang Hung

UNTITLED 4

Where do the stairs lead us up to?
The *bim* is purple; part of the brick wall shows through the stucco.
Where do the stairs lead us up to?
The coffee's smoke and a run-down shop.

The house fell down long ago,
leaving only its stairs,
regretting the footsteps that had stepped up
and up.

Going up to catch trails of white smoke,
Going up to catch flocks of wild birds,
catching bewitchment, catching dizziness,

catching the rustling sound of the city's life.
The house fell down long ago,
leaving only its stairs.

Where do the stairs lead us up to?
The foggy sky has no wings in flight.
The stairs suddenly come to a stop; the only way is back.

From the center of the street, a lonely kid is looking up.

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

Bim is a Vietnamese flower.

(Published in *Parthenon West*, SF No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

UNTITLED 5

The faint, dark hallways where you can only step by touching.
The roads on which *co may* stitch themselves to your pant legs.
The distances of water echoing the sound of the screw-propeller
The H'mong sky in which the leaves sing their nightly love songs.

Excited and anxious, your body is like a dancing flame.
Gently and silently, you're a small town girl with whispering eyesight.
You appear quickly, in sunlight from the sea, as the factory
whistles a change of shift.

You are thirsty for love, your chest thin and eyelids dark blue.
Why do you rouge your lips too soon for your age?
Why do you look like the sun at sunset?
Why is your skin so sweaty and pale?
Your chest completely exhibits a lonely space.

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

Co may is a grass that grows in Vietnam

(Published in "*Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry*" –
Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

THE GENTLE MADMAN

He keeps walking right in the street, determinedly
An ageless face
Body beyond weather
His eyes: opened windows of an empty room

He keeps walking at a steady pace
Each step forgotten as soon as it's taken
He doesn't know where his next step goes.

He keeps walking, counting his steps on his fingertips
Never exceeding One

As children, we used to run giggling after him
As we grew up
The sight of him extinguished the flames of our joy

In the long run, he became familiar
One day, I found myself amidst the crowd, mumbling.

Hai Phong, 1960s

Trans. by Duong Tuong

(Published in *Poetry International*, San Diego, No V, 2002. A French version of this poem has been published in Europe, Paris, No 875, *Avril* 2002)

A PEACEFUL MADMAN

As he walks on the road
he stares with an ageless face
and unweathered body
Two eyes open two empty rooms

For a thousand steps he walks the same way
forgetting each step as he takes it
losing it behind him
He doesn't know where to take his next step

He walks and counts his steps on his fingers
counting to only one

In childhood we followed him laughing
As we grew
the sight of his shadow would interrupt our fun
but encouraged us in despair
Then he became more familiar
One day I happened to see myself
grumbling in a crowd

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in Parthenon West, SF No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

THE MADWOMAN

Carrying a broken brick on her head
she walks and sings
Evening comes gradually at the end of the street

She walks and sings
Fragments of a tranquil song
break in my heart

Alas, the madness of tile and brick
Please sing and sing again
of all the destruction
you carry in your head

Hai Phong, during the war

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *New American Writing*, Cali No23, 2005; in *Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008. A French version of this poem has been published in Europe, Paris, No 875, *Avril* 2002)

AWAKENED IN HONGAI

Suddenly awake. What night time is now
Suffocating. Waves are sleepy and lazy
The mountain peak hangs right over my head
And unhealthy white is the tiring color of the cloud
Suddenly standing up. Anxious suspenseful and frightened
Light, oh light !
Soon the collapsing

1969

Trans. by Pham Toan-Hoang Hung

(Published in *New American Writing*, Cali, No 22, 2004)

WAKING IN HONGAI

I suddenly wake at night, what time is it?
It's so sultry. Waves have no measure,
and the mountain leans too closely to my head.
Clouds like faces are pale and exhausted.
Frightened and nervous, I leap to my feet.
Hurry, dawn, bring the shining morning
before the rock comes down!.

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Publised in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* –
Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

THE MAN WHO IS LOOKING FOR HIS OWN FACE

The night is falling
I take up furtively
To look for my face

Look for my face look for my face look for my face

The face of the railway station by night
Mouth opened sleepers
Startled to wake
Terrified eyes
People from all directions are hustling to replace each other.
Where do you go do you go with me
Do you have a face?
We look at one another as at a mirror.
The night all around us is growing small because of the jostling crowd
You enjoy furtively my passionate caress
I know in the morning your face would return to stone-deafness
Enduring insults to earn a living.
The train whistles, what does it look for?
Look for its face look for its face look for its face

My face is in the wind blowing off
My face is in the sun burning up
My face is in the poisoning leaf
My face is in the lonely echo of the whistle
My face is in the hands incubating
My face is in the silent mountain rock
My face I look for my face I look for my face I look for

Set fire to the torch

For me to go to look for
Set fire to the torch of vagabondage
For the dusty feet
Set fire to the torch of speed
Burning the wheels
Set fire to the torch of love with passionate or indifferent kisses
Set fire to the torch of rhythm
Clanking the world with dissonant sounds
Set fire to the torch of colors
Squirming Van Gogh's sun
Set fire to the torch of words
O poetry, help me to look for my face!

I look for my face I look for my face I look for my face
I am hungry for a human face I am thirsty of my own face
I long for your face where is your face?

All but desert
All but nonchalance
All is passing
Upon the glass of the wagon's window
Go
Train
Wind and sand running after to make drawings on my face
Go, go
Inlay your face in the night
Far far away

1973

Trans. by Hoang Hung, revised by Paul Hoover

UNTITLED POEM

For Hoàng Cam

Rain makes dreams
A barrel full of the bad old days
I'm leaving
Wind, oh the wind!

A silent wall
A slit
Hair

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* –
Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

CITY STREET 1

Mad storm. Umbrella tornado. Blue lid. Screaming glass. Sidewalk
skirt. Junk amenities. Piled ogled. Cross lips. Soul-less. A split
second. Mini hair ass vague. Take pants off, curse. A roasted chicken
a roasted chicken.

Mad storm. Yellow dance. Trashed. Conked out.

Mad storm. Flowing mob. Water gagged. Hair tossed. Forever
darkened earth. Find, die, go.

Mad storm. Yanking hand away. Brain pang. Wide eyed inmate
returns to wrong century. Dripping dew wets eternally skinny form.

1980

Trans. by Linh Dinh

(Published in *Filling Station*, Canada, 2001; in *Seattle Review*, USA No1, 2002)

UNTITLED 6

Going with mad hair that bursts out, pitch black hair that waves,
under the flamed sky that is changing when the evening is
darkened by the tornado. Going with ten fingers that are twisting
to open the night, eyes drinking, trousers flying, heels swaying,
ears smoking, she is laughing at nobody.

1980

Trans. by Hoàng Hưng

UNTITLED 7

Hush! Listen! I am totally lost in a dreamlike vision. The sorrow
tears cigarettes apart. Fingers, hair, eyes, bottom of the cup,
clock's hands, night, sea-storms, pirates, a beauty mark. Who was
singing in the other world? A male? Or a female? The city hung
upside down. Black, ice, black, ice, black, ice... Set free? Drowned?

1981

Trans. The Hung – Hoàng Hưng

STONE DOG

I have come back to my village to meet you
Stone dog

The stone dog sits with the river swirling around him
When will the stone dog cross the river?

The stone dog has worn out his eyes
Sadness has worn away the stone dog's face—

He is returning to an existence of stone
Set up a mountain in the fields

When the beggar boy reaches to pet the stone dog
The stone dog bursts out laughing and collapses as baked lime

1992

Trans. by Joseph Duemer & Hoang Hung

(Published in *Poetry International*, San Diego, No V, 2002. A French version of this poem published in Europe, Paris, No 875, Avril 2002)

A DOG OF STONE

Arriving at a village
I see a dog of stone

The stone dog sits in the river's stream incessantly
When will it cross over?

The stone dog wears out its eyes
The stone dog loses its face under cover of sadness

Returning to a previous life of stone
it stands like a small hill in the middle of a field

A boy raises his hand to ask it something
The stone dog laughs as it turns to powdered lime

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *Parthenon West*, SF, No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

THE BLACK DOG AND THE NIGHT

For Nguyen Do

1.
The dog
A black dog
Rushes into the darkness
And the night snarls, growing warm.
2.
The black dog barks at the blood-colored flower.
3.
The black dog turns her face upward, looking at the moon.
4.
The black dog hisses incomprehensible syllables—
Who are you, wandering spirit in the night?
5.
How sad, mongrel!
Everybody has forsaken me—
Sniffing, lean your mouth on my lips.
6.
The black dog throws herself about all night long
The itch of previous lives
Driving her crazy, deprived of speech.

1992

Trans. by Duong Tuong

(Published in *Poetry International*, San Diego, No V, 2002)

BLACK DOG, BLACK NIGHT

1

A dog
The black dog
The black dog runs into the night
warms the night with his snarling

2

The black dog barks at a blood-red jasmine

3

The black dog faces up, looking at the moon

4

The black dog hisses in a complex code
Whose spirit is moving in the darkness tonight?

5

Oh, I am so sad
Everyone forsakes me
Sniffing , he lays his mouth on my lips

6

The black dog passionately searches all night long
An itch from his previous life
drives him crazy because he has no way to express it

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *New American Writing*, Cali, No23, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

TOURIST NIGHT

The sheet is soaked with sugary sweat
An old whore in an airless room

Can you get to heaven riding a professional's belly?

The desire to go down
To the deep heart of the night

In a city without moonlight
Echoing karaoke

1992

Trans. by Joseph Duemer

(Published in *Poetry International*, San Diego, No V, 2002)

A RAINY NIGHT

For Thanh Thao

For a long time I haven't had a night like tonight
A random raindrop landing on my shoulder and neck
makes me remember roaming at night from Bac Qua flea market
to Hang Co train station
For one cent of Ruou I was able to fly to heaven
For the first time I secretly sold rice coupons
to buy loneliness on a street
Although thirty, I was still boyish
but became a man with a street prostitute
that nobody else desired

I looked for my fate in every distant place
in every kind of trouble
Being alive became just a habit
Tonight I'm in the South but feel the North's coldness
which makes me want a cup of black coffee
and draws me into the rainy night
on a motorcycle not a bicycle like those days
But I'm already fifty. How can I be with you again, old girl?

At thirty, I was a poet
Now I thirst for the lines of a poem
when this life turns me to stone
Suddenly I'm surprised by a single drop of rain

Ho Chi Minh City 6/6/1993

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *Parthenon West*, SF, No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

FEVER

I flow, I swell to fill the space entirely.
I see myself flying up from the ground.
What is this fever that shocks the body, buzzing dizzily in my ears?

Your hands are like a cool creek
when I feel unsafe.

Quiet and distant as you read the sutra, your voice
comes from previous life when we weren't yet devoted.
Your eyes are on the treetop
as you watch the train of life passing.
In this life I'm a clumsy devotee.
Have we had any other life, my dear?

It's shocking when the pillow gets wet
and my hands reach out for you.
The lonely days gnaws its way toward night.
You sit like a mountain, in silent seclusion.
I'm still swaying, impermanent
because of the furious quakes under my skin.
When the fever releases,
I can be quiet, disperse into my words.

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in Parthenon West, SF, No3, 2005; in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* – Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

AMERICA (Excerpt)

For Paul Hoover

The LAX was dark gray
The security man was not as huge as I imagined
My luggage wasn't opened because a custom officer preferred to
ask me about Vietnamese history
Sweaty, looking for the way to another departure gate,
I was surprised to see Japanese plums blooming over the street

The Golden Gate stands up to the sky and turns a shade of red
The poet is peaceful and tall as a redwood tree

Waking in a glass-enclosed room
I lie there watching birds pick seeds from the garden
and a flock of wild ducks swim freely on the pool
I miss so much my childhood which I'll never see again

At night losing our direction in the puzzling darkness of a
mountain road
I suddenly see the Ram moon rising on San Francisco Bay

Where are the skyscrapers with colorful spinning lights and
where is the concrete, steely and ironic
Only nature is forever secret
The deer shadows are stupefied behind branches and leaves
and the redwood forest has fallen and grown silent for
thousands of years

Ram: The 15th night of each month in lunar calendar when the moon is perfectly round and bright

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* –
Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

A POET FRIEND

After four years without a trace
the moment we met it seemed like science fiction
One of us has a sidewalk fate, the other is an escapee from his
home country
Both put their heads together in Heaven
and laugh for a hundred miles as they speed on the freeways

The fiction becomes the truth
because of Poetry

Me listening to you brag
superciliously
and become aggressive
at a party
but
caring
persistent
When just you and me
run half of the earth's circle
you are still you

Four years in the 'new economy' of America
You show your chapped and scarred hands
Never been refused any job that an immigrant has done

How mournful but determined you are
me knowing that only poetry keeps you alive

Three days later
in that speeding car

both of these guys have red faces and pink ears as they argue
about a poem
ready to say goodbye on the spot
Oh, Poetry
What are you, Poetry?

Translated by Nguyen Do and Paul Hoover

(Published in *"Black Dog, Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry"* –
Milweed Editions, Minneapolis, Minnesota 2008)

THE RIVER MOUTH

For my wife

A small boat carries us to the mouth of the river.
We sit among the fishermen who don't ask where we are going.
They will take coracles to the deep sea.
As for us, what strange fish will we find?

On a white dune that seems to drift on the sea
there is a market to sell the fish.
At the end of this dune we will return to childhood,
slipping off our packs, tossing them among the splintered
planks.
At the end of this dune we will pass
to another life.

You are smiling, a tear caught in your lashes.
How sad is this life, but how beautiful.
You are smiling, the market is sunlit.
The boat starts its engine, calling us back.

All the fishermen are casting their nets,
their coracles floating in the river mouth.
But we stand on the dune, watching them.
Should we go toward the mystery
or return?

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

THE SNOWY MOUNTAINS

One should wait for clear days
to see the snowy mountains
hundreds of miles away

I had been waiting all season
the sky was always foggy, gloomy;
on the road that leads to the mountains
guns were firing,
cars burnt.

This morning, a pair of cranes fly back,
bringing on their wings
snow from the faraway mountains.

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

BESIDE THE PAGODA

An empty space amidst the green
Once a pine, uprooted by lightning

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

A PLANT IN MY ROOM

Rises toward the sun
on green wings

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

SUNSET

The gate of night
echoing old bricks

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

THE DRY SEASON

Wind chases the sand in the bed of the Niranjana River,
starving dogs run after men who go to relieve themselves.
A woman in a sari bends to a smoky mass of shit from the bony cow.
Once He bid farewell to the cave in the hill
and in this village He found the Way, here under a bodhi-tree.

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

LISTENING

Be silent to hear the snow
melting on the summit of the mountain

To listen to the children singing on the hill path
I think I am on the way home

Listen to the call of a crane
through the fog
I tramp the muddy soil to find it
but catch only a glimpse of white stupa

Hear the sunlight
that breaks on a branch
the wood's voice resounding
like a bell underground

Listen to the forest burgeoning
upon the deer's horns

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

AWAKENING ON THE HIMALAYA

When I opened my eyes, I saw snowy mountains soaring
this dream came true in my life.
From the doorway, I looked toward the horizon
A fantastic black cone glistened
on the peak of the white kingdom

Snow can not cling
to the summit of Samargantha
exposed to the wind.

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

WILD FLOWERS

The slope of delicate blue flowers
stretches out at the foot of the snowy mountain.
The whispering flowers tempt me to lie down

Lie down and close your eyes
forget all the things of the world

never get up again.

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

THE MASTER

For the Ven. Zen Master Thich Nhat Hanh

The master moves in lightly as a breath
and the zen students are illuminated by Wisdom.
You are peaceful, you are smiling
you are home, you arrive
now and here.
Only this minute, this second to be free.

Co-trans. by Ellen Bass and Hoang Hung

BIOGRAPHY OF HOÀNG HUNG

Hoàng Hung was born in 1942 into one of the notable intellectual families of North Vietnam. His grandfather was the governor of Bac Giang, a large province. His father, Hoàng Thuy Ba, whose medical degree was from Academy of Paris, was one of the first doctors of medicine in Indochina to be trained in the West. Also educated in Paris, his uncle, Hoàng Tich Chu, was one of the founders of Vietnamese journalism.

Hoàng Hung's propensity for poetry was revealed at age ten, when his own poems and those he had translated from French were published in the literature for children's page of a famous newspaper in Hanoi. After finishing high school, he served as a teacher in the impoverished northwest highlands of Vietnam. Two years later, he was admitted as a student to the Literature Department of Hanoi Teacher's College and won an important poetry prize sponsored by *Van Nghe* (Literature & Arts), the country's most prestigious literary magazine. In 1970, when he was a high school teacher, his first poetry collection was published, the two-author volume *Dat Nang* (The Sunlit Land). The poems of patriotic romanticism were loved by young people, and he became one of the most valued poets of the "anti-American-War" generation.

After the failure of the North Vietnam army in the *Tet Mau Than* general assault of 1969, Hoàng Hung experienced dramatic disillusionment with the Communist Party's leadership and what

he had come to see as the false “socialist ideal” it was promoting. At the same time, he was eager to study modernist literature and art. As a result, he stopped writing poems for publication and began to create an individualistic, dissident poetry that he kept out of the public eye.

In 1973, Hoàng Hung left teaching for a career in journalism. After the reunification of the country in 1975, he moved to Saigon. There he became increasingly influenced by modern literature of the West, especially American literature, which had been imported in great quantity during the U. S. occupation. It was at this time that he entered into a major renewal of his poetics.

In August, 1982, Hoàng Hung was arrested by the Hanoi police for possession of a Hoàng Cam poetry manuscript that the famous dissident poet had given him. As a result of this and the discovery of his own dissident poetry in his Saigon home, he was accused of “reactionary” activities and imprisoned for 39 months without trial. It was a very hard time for his family. His wife, who was unemployed at that time, had to move heaven and earth to provide food for her two little children, her mother-in-law, and herself.

In November, 1985, shortly before the institution of “Renewal Policies” by the Vietnam Communist Party, Hoàng Hung was released from prison. He returned to Saigon, renamed as Ho Chi Minh City, and, with the English language he had acquired in prison with the use of a dictionary and copies of *Moscow News*, began to make a living by translating works of literature and journalism. His first published translation was *The Jungle Book*

by Rudyard Kipling. In 1988, he regained his job as a journalist. After working briefly for a variety of magazines, he became one of the founders of the weekly *Lao Dong Chu Nhat* (*Sunday Labor*) newspaper which soon became popular for its radical spirit. He was also editor and chief of the Culture Department of the daily newspaper *Lao Dong* (*Labor News*) that developed out of *Lao Dong Chu Nhat*.

Thanks to the open-mindedness of the “Renewal Policies” in their first phase, in 1988 and 1994 Hoàng Hưng was allowed to publish two books, *Ngua Bien* (*Sea Horse*) and *Nguoi Di Tim Mat* (*The Man In Search of His Face*). Both volumes contained old and new works. He also published essays on the modernization of Vietnamese poetry. The poems and essays were harshly criticized by the official press, but welcomed by young poets. Hoàng Hưng became a symbol of the spirit of renewal in Vietnamese poetry. Nevertheless, his poetry so vexed cultural officials that he soon resigned his editorial post at *Lao Dong* in order to insure his poetry’s freedom of expression.

In 2006, even though his book of poetry, *Hanh Trinh* (*My Journey*), won the prestigious Poetry Award given by the Hanoi Writer’s Association, his poems of imprisonment, *Ac Mong* (*Nightmares*), could be published only on the Internet after being refused three times by the official publishing houses of Vietnam. Based in Berlin, *Talawas.org*, a famous website of Vietnamese intellectuals, was the first to publish *Ac Mong* in its entirety. Immediately thereafter, it appeared on Vietnamese language websites all over the world.

In 2007, one of his poems, *Nguoi Ve* ("A Man Returning Home"), was selected for inclusion in the anthology, *100 Great Vietnamese Poems of the XXth Century* (Hanoi: Education Publishing House)

Several of his poems have been published in translation in France (*Europe* magazine), the United States (*Poetry International*, *Seattle Review*, *New American Writing*, *Parthenon West*, and *Hayden Ferry Review*), and in other countries. Fifteen of his poems have been included in the anthology *Black Dog, Black Night: Contemporary Vietnamese Poetry*, published by Milkweed Editions of St. Paul, Minnesota, in January, 2008. The anthology's title is taken from a Hoàng Hưng poem. Two of his poems included in the anthology of world literature LitFinder by Macmillan Reference USA™ that is to be published soon.

In addition to writing his own poems, Hoàng Hưng has translated many works of modern poetry from other languages into Vietnamese. Authors translated include Arthur Rimbaud, Guillaume Apollinaire (France), Federico García Lorca (Spain), Boris Pasternak (Russia), Wallace Stevens, Allen Ginsberg, Robert Creeley, Charles Simic and Louise Glück (USA), Margaret Atwood (Canada), Harry Martinson, Nelly Sachs (Sweden). He has been widely recognized as a poetry translator of significance. He is also known for acquainting Vietnamese readers with international developments in modern and post-modern poetry. In 1987, he won the Translation Award from the Vietnam Writer's Association for his book *Poems by Apollinaire*. In 2006 he won the Poetry Award from the Hanoi Writer's Association. He received grants from France's Ministry of Culture & Communication that provided him with translation residencies in Paris in 2000, 2009;

a grant from Poetry Foundation USA in 2005 for reading poetry in San Francisco; a grant from OMI and Ford Foundation in 2008 for a translation residency in New York. He had published books of translation with funds from the French Embassy (*Poems by Apollinaire, Les Choses* by Georges Perec, *Poems* by Andre Velter) and the U. S. Embassy (*15 American Poets of the XXth Century*). Presently he is working on the translation of the modern epic *Aniara* by Harry Martinson that is sponsored by the Ministry of Culture of Sweden.

He has been invited by Vietnamese and international cultural institutions to read his poems and to lecture on poetry & translation; they include Hanoi Teachers College, Hanoi Cultural College, Goethe Institute in Hanoi, the British Council in Hanoi, l'Espace (French Cultural Center in Hanoi), Paris 7 University in Paris, House of World Culture and Volsbuhne in Berlin, University of Washington in Seattle, Columbia College Chicago, San Francisco State University, UCLA, University of California Berkeley, the Pen International Asia-Pacific Conference, OMI International Writing Residency (New York).

Retired since 2002 from his career as a journalist, Hoàng Hung works as a free-lance writer, an advisor to the editor-in-chief of *Nguoi Do Thi* (The Urban) magazine in Hanoi, an important contributor to prestigious Vietnamese independent websites *Talawas.org* (Berlin-based) and *Bauxite Vietnam* (Hanoi-based) that challenge the totalitarian regime. His writing focuses on innovative poetics on the one hand and on the other with freedom of expression and of the press in Vietnam.

Hoàng Hưng now lives in Ho Chi Minh City with his wife Nguyen Thi Muoi, a brave heart, who sacrifices her whole life for supporting her man and taking care of her two children. She has a contribution to the success of her daughter Hoàng Ly, a well-known poet and contemporary visual artist.

Email: ndtm42@gmail.com

Tel: 084.919941390

HOANG HUNG - POETRY & MEMOIR

Cover's painting: Trinh Cung
Design : INNOVENT

Published by INTERNATIONAL POETRY LIBRARY SF, INNOVENT, ELLEN BASS...
SF USA March 2012

HHEBOOKS 2012

Trình bày: HOT Design

date

3/21/12

location

RESOURCE CENTER FOR
NON-VIOLENCE
617 OCEAN STREET SANTA CRUZ

time

7PM

\$5-10 SUGGESTED DONATION
\$25-40 READING & RECEPTION
FOR MORE INFO SCAN THE QR CODECONTACT: KIM MAHLER
KIM.MAHLER@PLSF.ORG
TEL: 808.880.1828

ECHOES OF VIETNAM:



HOANG HUNG

Leading Vietnamese poet, Hoang Hung, made his name among the generation of anti-America war poets in the 1960's and became one of the key figures of the poetry renaissance after the war. He has written many books, including Nightmares, a collection about his time in prison that was refused by publishers and eventually published online. His poems have been translated and published in literary magazines and anthologies internationally. Hoang Hung is also known for his translations of modern and contemporary poets including Apollinaire, Federico Garcia Lorca, Boris Pasternak, and Allen Ginsberg. As a journalist, he has worked for free speech and press. Hoang Hung has won literary awards in Vietnam and fellowships from France and the US. He now lives in Ho Chi Minh City.

POETRY &
MEMOIRS7PM
RESOURCE CENTER
FOR NON-VIOLENCE
3/21/12

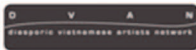
ANDREW PHAM

Andrew Pham is the author of *Catfish and Mandala: A Two-Wheeled Voyage Through the Landscape and Memory of Vietnam* (1999) and *The Eaves of Heaven: A Life in Three Wars* (2009). He is also the translator of *Last Night I dreamed of Peace* (2008). *Catfish and Mandala* won the 1999 Kiriama Pacific Rim Book Prize, QPB Nonfiction Prize, and the Oregon Literature Prize. It was also a Guardian Shortlist Finalist, a New York Times Notable Book of the Year, a Barnes & Noble Discovery Book, a Border's Original Voices Selection, *The Eaves of Heaven* was a National Book Critic Circle Finalist and a Asian Pacific American Librarian Association Honorary Book of the Year. It was also the Honor Book of the Asian Pacific American Librarians Association and named as One of the Ten Best Books of the Year by Washington Post Book World, One of the Ten Best Books of the Year by Portland Oregonian, and One of the Los Angeles Times' Favorite Books of the Year, One of the Best Books of the Year, Bookmarks Magazine. Andrew X. Pham also won a Writing Writer Award, a Montalvo-Lucas Fellowship, and a John Simon Guggenheim Fellowship.

ELLEN BASS

Ellen Bass's poetry books include *The Human Line*, named a Notable Book of 2007 by the San Francisco Chronicle and *Mules of Love*, which won the Lambda Literary Award. In 1973 she co-edited the first major anthology of poetry by women, *No More Masks!* and co-authored *The Courage to Heal* which has been translated into 12 languages. Among her awards for poetry are a Pushcart Prize, New Letters Prize, Larry Lewis Prize from Missouri Review, and the Pablo Neruda Prize. She teaches in the MFA program at Pacific University.

& MORE.....

Resources Center
For Non ViolenceInternational
Poetry Library
San FranciscoAnnual events appear in
International Poetry Library

PRESENTED BY



COMMENTS ON HOANG HUNG'S POEMS

...They (your poems) are all...individualistic

Allen Ginsberg (Academy of Literature and Arts of America)

Hand-written letter to Hoang Hung, Feb 18th 1997

Reading the translations of your own work, I am very moved by the insistent feelings of displacement and loss -- it must be our whole world has come to that same bitterplace

Robert Creeley (Chancellor of the Academy of American Poets 1999)

Message emailed to Hoang Hung, 1997, July 12th

“Hung's poems remind me of existential fictions. They happen strongly in time but there is also a timeless quality to them. Many years are compacted within a single lyric poem of loss and suffering. The man who suffers has body and experiences, but he is, in another sense, a representative figure. I'm thinking of the novel *The Women in the Dunes* by the Japanese author Kobe Abe, in which a man slides down a cliff of sand one day while walking in a fog in a distant place. He now becomes the husband of one of many women of the dunes, whose job is eternally to sift the sands. In effect, he has found his own inexorable fate, from which no escape is possible (and finally perhaps not desirable). We are given painful worlds to live in. The heart's emergence is possible, despite having been buried for years ("Smell of rain"); a touch on the shoulder may suddenly awaken us to the life that has been staring past us.

I know of no other poetry with which to compare Hung's. Under its cool, narrative surface, the poetry is very complex and emotional. Perhaps on the autobiographical level, Hung has felt exiled in his own country and removed from the circumstances of his own life and work”

Paul Hoover (Poet in residence, Columbia College Chicago – Editor in Chief of *New American Writing*)

Letter to Prof. Tom Nawrocki, English Department, CCC, Jan 2003

Ce que j'aime, dans les textes de Hoang Hung, c'est qu'il restitue le réel objectif, extérieur, à travers le prisme de l'esprit, du réel intérieur, subjectif, onirique et sensible. Il y a donc dans ses poèmes des notations précises sur les objets, les lieux ou les événements mais elles nous sont transmises amplifiées, déformées, corrigées par ce que vit l'auteur et ce qui vibre en lui

Marie Etienne (French Poet, Editor of *Aujourd'hui Poème*):

Message emailed to Hoang Hung on June 15, 2002

A Man Returning Home

He is home from *That*
His wife cries all night, his kids are confused all day

Home from *That*
when he walks through the door, his friends' faces are ashen

Home from *That*
he feels an itch on the back of his head
in the midst of a crowd
as if someone is watching

One year later, he suddenly chokes during a party
Two years later, he sweats from his nightmares
Three years later, he feels pity for a lizard
Years later, he has the habit of sitting alone in darkness
Some days he feels a stranger's penetrating stare
Some nights, an aimless voice asks questions
He jumps
 at a touch to his shoulder

(Hoàng Hưng, from *Black Dog, Black Night: Contemporary Vietnamese Poetry*)

I placed this poem in my Admired Poems file because I was enamored of its use of the list. I love the way the discomforts of this man's life seem to simultaneously increase and decrease in magnitude. The "aimless voice ask[ing] questions" might have seemed less daunting had it come earlier in the poem, next to the mention of his kids for instance. But here at the end of the poem, when we find that physical comforts like "a touch to his shoulder" frighten him so, this voice becomes incredibly worrisome. What is the voice asking him to do? The line break after jumps is particularly effective given that the line "He jumps" comes in such proximity to the menace of those questions. Now the idea of the man jumping seems terribly alarming, and though we ought to be calmed by the fact that he's jumped at such a little thing, in the end the menace of the "touch to his shoulder" increases rather than dissipates. I also love the nonspecific word "*That*," and how, in this version of the poem, the word is presented capitalized and in italics. Hoàng Hưng allows the reader to decide what it is this man has returned from. I have conjectures, but the specific answer to what "*That*" might be is significantly less interesting than the answers we get to what "*That*" has done to the man. As with the details accumulated in the poem, the horror of what "*That*" might be accrues weight as the poem progresses.

Consider the way choices reflect anxieties. Or, consider the way anxieties reflect choices. Is there any difference between the two? Now write a poem.

(Camille Dungy, *A Few Prompts Drawn From Wandering/Home*)

<http://www.poetryfoundation.org/harriet/2009/07/a-few-prompts-drawn-from-wanderinghome/>

LỜI NGỎ (cho lần công bố đầu tiên tập *Ác mộng*)

Thấm thoát đã hai mươi năm kể từ cái ngày⁵⁶ tôi ngỡ ngác xách gói “nội vụ”⁵⁷ khắp khởi bước ra khỏi công trại Thanh Cẩm⁵⁸ mà lòng còn chưa tin hẳn đó là sự thật. Cho đến khi, theo lời dặn của người quản giáo tốt bụng, rẽ vào nhà anh để ăn bữa cơm tự do đầu tiên sau hơn 39 tháng cơm tù⁵⁹. Và được anh chỉ lối ra bến xe khách về ga Thanh Hoá. (Tôi xin ghi ơn anh cũng như một vài quản giáo ở Thanh Cẩm, biết tôi bị tù vô lý, đã đối xử một cách có tình người, xin lỗi là tôi không nhớ chính xác tên của những người ấy để nêu lên ở đây).

Đêm đợi tàu ở ga Thanh Hoá để về đoàn tụ với đại gia đình ở Hà Nội, giữa đám trẻ bụi đời mà tôi tự nhiên sáp vào theo một lựa chọn bản năng cho sự an toàn của mình, sự lựa chọn không thể giải thích bằng lý trí, có lẽ là đêm đầu tiên tôi không ác mộng. Có thể nói hơn một nghìn đêm sống trong các chỗ giam cầm khác nhau, từ trại tạm giam Hoà Lò, đến Trung tâm Thảm vấn Quốc gia ở ngoại thành Hà Nội, sau cùng là trại cải tạo Thanh Cẩm ở miền núi Thanh Hoá, hầu như không đêm nào tôi không gặp ít hay nhiều ác mộng, những ác mộng ngắn hoặc dài, là những mảnh vụn hay cả một câu chuyện. Phần lớn những ác mộng ấy, nếu không là lạc vào những cảnh giới hãi hùng thì cũng bao gồm cảnh mình bị rượt đuổi, bị bắt, hay bị giam cầm, hoặc vượt ngục mà không thoát... Có điều tôi có thể khẳng định là tôi chưa bao giờ mơ thấy mình bị đánh đập hay bị tra tấn!

Đêm tự do đầu tiên hình như tôi ngủ rất sâu, và tỉnh dậy không nhớ là mình có mơ thấy gì trong lúc ngủ hay không. Nhưng rồi về sau, cứ lâu lâu, tôi lại có những ác mộng, mà phần lớn cũng lại vẫn là những cảnh như thế. Tình trạng cứ kéo dài cho đến tận bây giờ. Tôi hằng mong chúng đừng trở lại, đừng làm tôi thảng thốt tỉnh dậy giữa đêm, đừng ám ảnh những ngày tôi đang mong muốn tĩnh tâm để hoà nhập lại với xã hội và tự tu chỉnh con người mình. Nhưng vô ích. Chúng cứ trở lại, lúc thưa lúc mau, không bao giờ báo trước. Trong lúc tôi ở tù, vợ tôi có lần đi xem bói, một cô bói rất trẻ và xinh ở gầm cầu Trương Minh Giảng (Sài Gòn). Không cần khai cô ấy

⁵⁶ Nếu tôi nhớ không lầm thì đó là ngày 29 tháng 10 năm 1985

⁵⁷ Danh từ của nhà tù miền Bắc Việt Nam, chỉ toàn bộ quần áo và đồ dùng tùy thân của người tù

⁵⁸ Thuộc huyện Cẩm Thủy, Thanh Hoá. Vào trại này ít lâu tôi được biết nhà báo – nhà thơ Tuấn Nguyễn cũng từng bị cải tạo ở đây vào những năm 1960 sau vụ án “Xét lại”.

⁵⁹ Tôi bị bắt đưa về Hoà Lò vào chiều ngày 17 tháng 8 năm 1982 vì tội “tuyên truyền văn hoá phẩm phản động” (tức bản thảo tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm), và sau đó bị thêm tội tàng trữ “những bài thơ phản động gấp trăm lần” (tức những ghi chép bằng thơ trong nhật ký của chính tôi)

cũng biết là “chồng của chị đang bị tù. Rồi sẽ được ra, nhưng nếu ông ấy không biết tu thì rất có thể sẽ vào tù lần nữa”. Khi tôi về thì cô ấy đã đi đâu không tìm lại được nữa, nhiều khả năng cô đã vượt biên, và đã hoặc bỏ xác trên biển cả hoặc thành một Việt kiều ở đâu đó.

Vợ tôi rất lo cho tôi, luôn khuyên tôi phải tu. Tu có nghĩa là phải kiềm chế dục vọng, phải kiềm chế “cái Tôi”, và phải nhẫn nhịn, đừng chấp trước, đừng oán hờn. Than ôi chẳng làm văn nghệ thường rất khó tu, nhất là tu hai cái đầu tiên, nhưng cái sau cùng thì tôi tự xét mình phần nào tu được. Chúng có là tôi chẳng bao giờ oán hận những người đã tham gia việc bắt bớ giam cầm mình, làm cho vợ con mình khổ cực suốt mấy năm trời mà những di chứng đến bây giờ chưa hết. Vì thực tâm tôi hiểu họ cũng chỉ là công cụ của một bộ máy, một bộ máy nhiều khi tàn bạo nhân danh cái tốt đẹp.

Cố gắng “tu” theo lời vợ khuyên, liệu tôi có thoát khỏi tù đây lần nữa hay không chưa biết, nhưng những cơn ác mộng thì vẫn không buông tha cho tôi.

Đọc sách phân tâm học, tôi được thuyết phục rằng muốn chữa bệnh tâm lý thì phải tự gọi lại những chấn thương từ thuở xa xưa mình đã gặp phải. Nhớ lại được rõ ràng thì sẽ có cơ may khỏi bệnh. Kinh nghiệm thông thường cũng cho rằng những nỗi thương đau một khi kể ra được thì sẽ vơi đi. Vậy thì, muốn tự giải thoát khỏi những cơn ác mộng, một lần cho xong, tôi thấy mình phải kêu lên một tiếng, kêu thật to, cho tỉnh hẳn.

Đó là lý do năm 2002, vào dịp kỷ niệm 60 năm chào đời, 40 năm chào thi đàn, cũng là dịp 20 năm đời mình có một bước ngoặt lớn là sa chân vào ngục tù, tôi quyết định đưa 30 bài thơ hợp thành phần *Ác mộng* vào trong *Tuyển Thơ 40 năm* của mình.

Đây là những bài thơ tôi làm trong và sau khi ra tù. Có những bài “vụt hiện” trong óc, tôi cố nhớ và sau khi ra tù thì ghi lại, chỉ sửa đôi từ hoặc không sửa; có những bài hình thành một phần trong tù, hoặc một đoạn, hoặc cái tứ, hoặc một câu chủ, sau này tôi dựa vào đấy mà hoàn thành; có những bài, trong những lúc bị ám ảnh kéo dài của ác mộng, tôi lại như sống trở lại cảnh sống trong tù trước đây, và bài thơ hiện ra.

Mặc dù thân tình, cả hai vị giám đốc xuất bản mà tôi đưa bản thảo tập thơ (NXB Hội Nhà văn và NXB Hải Phòng) đều bảo: “Hay nhưng không in được”. Lý do chính là vì 30 “ác mộng” kia. Ngay sau khi về hưu, nhà thơ Ngô

Văn Phú, nguyên giám đốc NXB Hội Nhà văn, đã vì đọc bản thảo thơ tù của tôi mà cảm hứng viết cả một chân dung tôi, trong đó ông công khai trích dẫn và bình luận những bài thơ ông đã không dám cho in.

Nhân đây, tôi xin có lời ca ngợi và cảm ơn nhà thơ Quang Huy, nguyên giám đốc NXB Văn hoá Thông tin, là người đầu tiên dũng cảm cho in vài bài thơ tù của tôi trong tập *Người đi tìm mặt* vào năm 1994. Việc này khiến ông gặp khá nhiều rắc rối, nhưng ông đã khéo léo vượt qua, cũng như đã vượt qua những rắc rối khác vì sự táo bạo của mình trong lúc duyệt in sách. Cũng việc này lại dẫn tới cái may là tôi có lý do chính đáng để xin từ bỏ chức trách quyền rom và đá là Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ báo Lao Động.

Bài rắc rối nhất trong mấy bài thơ tù ấy, bài “Người về” (cùng với bài “Mùi mưa hay bài thơ của M.”) sau này đã được tuyển vào những tuyển thơ quan trọng như *Thơ Việt Nam 1975–2000* của NXB Hội Nhà văn (2000, 2001), *Thơ Việt Nam thế kỷ XX* của NXB Giáo dục (2004), và cùng với nhiều bài khác trong *Ác mộng* đã được dịch và in ở không ít tạp chí văn chương Pháp, Mỹ (*Europe, Seattle Review, Poetry International, Gravity, New American Writing, Parthenon West, Hayden's Ferry Review...*)

Về việc tuyển chọn hai bài thơ nói trên vào các tuyển tập Thơ Việt Nam, tôi phải cảm ơn trước hết nhà thơ Vân Long, biên tập viên NXB Hội Nhà văn và nhà thơ Quang Huy là những người nhiệt tình ủng hộ nó nhất, cùng những nhà thơ khác là thành viên các ban tuyển chọn⁶⁰

⁶⁰ Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi, chủ biên tuyển *Thơ Việt Nam Thế kỷ XX* khi trả lời phỏng vấn của đài BBC đã tự hào dẫn chứng bài này để chứng minh cho tinh thần rộng mở của tuyển thơ. Bài này cũng được nhà thơ Nguyễn Cảnh Tuấn tuyển vào sách *100 bài thơ hay thế kỷ XX* (NXB Hội Nhà Văn 2005)

Bổ sung 2017: *Người về* sau đó còn được đưa vào tuyển *100 bài thơ hay Thế kỷ XX*, NXB Giáo Dục, bản dịch tiếng Anh của nó (*A Man Returning Home*) và nhiều bài khác trong *Ác mộng* được đưa vào tuyển thơ VN đương đại *Black Dog, Black Night*, Mildweed Editions Hoa Kỳ 2008 (với tựa đề là bài thơ *Chó đen và đêm* của HH, bài này cũng được in toàn văn ở bìa lật của sách), *A Man Returning Home* và *Black Dog, Black Night* còn là 2/15 bài thơ VN đương đại vào tuyển chọn các tác phẩm văn học thế giới của tập đoàn xuất bản quốc tế Mc Millan...

Tháng 9. 2005, tôi lại gửi *Ác mộng* như một tập thơ độc lập cho NXB Hội Nhà văn và đề nghị trả lời trong một tháng. Câu trả lời cuối cùng vẫn là: "Chưa in được, phải đợi".

Đợi đến lúc nào nữa đây? Không thể chờ đợi lâu hơn, hôm nay tôi quyết định công bố ba mươi bài thơ ghi lại những ác mộng ấy. Để tống tiễn chúng như tống tiễn các vong hồn, để quên chúng đi mãi mãi, cho chúng đừng đè nặng hai vai mình trên con đường tương lai.

TRẢ LỜI PHÒNG VẤN

NHÀ THƠ HOÀNG HUNG VÀ CUỘC ĐI TÌM CHỮ

Nguyễn Hoàng Diệu Thủy (thực hiện)

Nhà thơ Hoàng Hưng được biết đến như một điển hình của ý thức cách tân rất ráo. Trên xa lộ chữ nghĩa, hành giả Hoàng Hưng mãi miết xây một lối riêng bằng những từ, ngữ vuông vức, gắn kết bền chặt, đầy sức mạnh của tư duy, chiêm nghiệm, suy tưởng... Tập thơ *Hoàng Hưng - 36 bài thơ* (do Nhà xuất bản Nghệ An và Trung Tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây ấn hành quý I năm 2007) với những bài thơ cũ và mới: *Người yêu miệt biển, Cửa sông, Người đi tìm mặt, Tuyết Sơn, Nghe...* đã làm sống lại từng chặng đường thơ đầy gai góc, va xiết của ông. Chúng tôi đã gặp nhà thơ Hoàng Hưng và nghe ông chia sẻ nhiều hơn về hành trình thơ.

Đọc thơ ông, người ta sẽ nghĩ ông có một vẻ bề ngoài dữ dội, một tính cách kì dị thế nào đấy...

Đúng đấy, nhiều người thất vọng khi gặp tôi. Đọc thơ thôi, nhất là tập *Ngựa biển*, họ nghĩ tôi trông phải hoành tráng, dữ dội, ngang tàng lắm. Không ai nghĩ trông tôi lại có vẻ cù lùn thế này. Tính cách thực của con người nhiều lúc không thể hiện ra bên ngoài để cho các nhà “tướng mạo học” bắt được đâu.

Ông đã đến với thơ như thế nào? Vì sao thơ ông lại có sự ảnh hưởng từ các trào lưu thơ phương Tây đậm nét như vậy?

Tôi học tiếng Pháp từ bé. Bố tôi là một trong số các bác sỹ y khoa đầu tiên đầu tiên học ở Pháp về nên nhà tôi rất nhiều sách Pháp. 10 tuổi tôi đã bắt đầu dịch thơ Pháp rồi. Học lớp nhất (lớp 4, lớp 5 bây giờ) ngồi trong lớp tôi dịch những bài thơ trong sách giáo khoa Pháp văn. Cũng làm mấy bài thơ đăng trên trang thơ “Thiếu nhi” của nhật báo Giang Sơn. Nhưng hồi đó tôi chỉ dịch và làm thơ một cách hồn nhiên, không nghĩ mình lại đeo đuổi thơ đến suốt cuộc đời.

Ý thức một cách nghiêm túc về thơ của tôi đến sau đó không lâu. Học cấp hai thì đã cảm thấy là mình phải đi theo con đường ấy. Đến cấp ba thì coi như đã xong xuôi, tôi đã quyết định học đại học ngành ngữ văn. Tôi vào khoa Văn trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, tuy nhiên chưa học ngày nào thì có lời kêu gọi học sinh đi Tây Bắc dạy học cho quân đội, máu giang hồ nổi lên, thế là tôi đi luôn. Đi để làm thơ đấy. Nhà thơ Phạm Hồ chính là người mang thơ của tôi về Hà Nội đăng báo Văn Nghệ. Hai năm sau tôi về Hà Nội, lại thi vào khoa Văn học tiếp, học vào loại xuất sắc đấy!

Bài thơ *Gửi anh* mà bây giờ nhiều người vẫn còn nhắc đoạt giải cuộc thi do Báo Văn Nghệ tổ chức năm 1965. Nói chung lúc đầu thơ tôi cũng chỉ theo tình cảm hồn nhiên. Nhưng như tôi đã nói, tôi ngày càng chịu ảnh hưởng sâu của văn hóa phương Tây, đặc biệt là tinh thần tự do cá nhân và thẩm mỹ hiện đại. Bước ngoặt là sau khi ra trường, từ năm 1965 đến năm 1973 tôi dạy học ở Hải Phòng lúc đó là thành phố công nghiệp, thành phố hải cảng, nó có một không khí phóng khoáng mạnh mẽ mà tôi rất mê. Tôi có một anh bạn họa sỹ

ở đó, anh có rất nhiều sách về hội họa hiện đại phương Tây. Tôi đọc và vỡ ra nhiều thứ. Tôi có thêm nhiều kiến thức và hơn hết là tinh thần khám phá, phiêu lưu về nghệ thuật!

Tuy nói là ảnh hưởng phương Tây nhưng ra tôi không ảnh hưởng cụ thể của ai, dù tôi rất thích và đã dịch thơ của Lorca, của Appolinaire. Tôi chỉ ảnh hưởng cái tinh thần thôi!

Chuyện “bếp núc” thơ của các nhà thơ luôn có nhiều điều thú vị, vì nó mang những quan niệm sáng tác riêng của mỗi người. Với ông, các “món” thơ được làm thế nào?

Cái gì sẽ thành thơ? Thật khó nói. Trời sinh ra anh nhà thơ có rung cảm thơ. Cùng một thực tế, người bình thường không để ý nhưng anh nhà thơ lại có rung cảm. Một làn gió, một trận mưa cũng đủ làm nhà thơ tuôn trào câu chữ. Tuy nhiên đó chỉ là cái cớ. Trong nhà thơ phải chất chứa đầy, phải có sẵn (tri thức, kinh nghiệm, suy ngẫm, câu chữ) rồi mới ra thơ được. Xúc cảm bất chợt giống như môi lửa bắt cháy những chất cháy có ở trong mình.

Có người cho rằng cứ chịu khó viết hàng ngày rồi thơ sẽ ra. Tôi không làm được thế nên làm không đều và không nhiều được, và tôi cũng không cho thế là hay. Theo tôi thơ phải là tinh chất, có người cả đời mới chắt ra được vài câu thơ hay, có người cả đời vẫn là nhà thơ của chỉ một bài thơ. Tôi cho rằng nhà thơ khi chết có khoảng 10 bài người ta nhớ đến là hạnh phúc lắm rồi. Xem ra quan niệm ấy lại khá cổ điển, so với quan niệm phổ biến ở phương Tây hiện đại coi thơ là một cách chế tạo, một “thuật giả kim” ngôn ngữ, việc làm thơ mang tính chuyên nghiệp cao. Nhưng tôi thú thực, nhiều nhà thơ thế giới có

thể cho ra đời mỗi năm 1 tập, tôi đọc cũng chỉ thấy ở mỗi tập vài bài có chất lượng.

Ông có những câu thơ trong tập thơ Hành trình mới đây rằng: Vào xa lộ/ta tìm ta/ Rừng chũ/ Ta thấy ta rồi/ sàng sặc cười/nước mắt một đời/ đổi một dòng hư ảo/ thế thôi? (Xa lộ thông tin). Phải chăng giữa xa lộ thông tin ngày hôm nay, cuộc đi tìm chữ khó khăn cho các nhà thơ hơn trước đây? Tìm chữ cũng là tìm mình, ông có tìm được mình không?

Xa lộ thông tin là một tình thế mới cho các nhà thơ của chúng ta. Trước đây họ đứng ở một góc rừng hẻo lánh, một cái ao con con, tưởng mình là nhất, nay họ bước ra ngoài gặp xa lộ thông tin mênh mông nên cảm thấy choáng ngợp. Rồi chợt nhận ra mình chỉ như một hạt bụi vô nghĩa, mất hay còn đều không quan trọng. Tôi đi tìm mình, cũng tìm được nhưng rồi cũng nhận ra mình bé nhỏ quá. Ví dụ nếu vào mạng gõ tên Hoàng Hưng để tìm kiếm, thì máy tính sẽ cho vài nghìn kết quả về nhà thơ Hoàng Hưng. Thế nhưng số lượng ấy vẫn là quá nhỏ trong hàng tỉ tỉ thông tin trên cái xa lộ rộng khủng khiếp này, và Hoàng Hưng chỉ là một hạt cát, biết có ai thèm để ý.

Câu thơ của ông: Mình hành khát gì đây hành khát một niềm tin bên trên lý lẽ là một câu thơ có nhiều suy ngẫm...

Niềm tin luôn là vấn đề lớn trong đời sống tâm linh con người. Thông thường người ta sống chỉ bằng lý lẽ, cái này đúng cái kia sai, dùng luận lý để nhận thức vấn đề và quyết định hành xử. Giờ thì thực tế chứng minh sự phân biệt trắng đen, đúng sai rạch ròi thật rất khó và xét đến cùng cũng là vô nghĩa. Niềm tin Phật giáo dựa trên nguyên lý: không phân biệt đúng sai, thiện ác,

được mất... Nếu đạt được một niềm tin bên trên tất cả những thứ đó, tức là con người đã ngộ. Song chúng ta sống quá nặng về lý trí, nô lệ cho lý lẽ, khó mà thoát được. Thế nên khi tôi cảm thấy mình sai, tôi muốn hành khát để có được sự thanh thản ở trên tất cả, đó là niềm tin vào ngộ, vào sự giải thoát tuyệt đối. Tất nhiên đó chỉ là một cách nói trong lúc vẫn còn “mê”, chứ niềm tin, sự giải thoát không thể cầu xin ở bên ngoài được, chỉ tự mình chứng nghiệm được thôi.

Vậy thơ ông chịu ảnh hưởng Phật giáo từ khi nào?

Sau năm 75, tôi đọc nhiều sách Phật. Mới đọc tôi choáng váng và sốc! Đầu óc tôi chứa đầy những triết lý phương Tây nhưng hoá ra mọi thứ không như tôi vẫn ảo tưởng. Chùm thơ *Nhập môn* trong tập *Người đi tìm mặt* mà nhiều người cho là tục tĩu với các từ như đờm, dãi, tinh khí... thực ra đều lấy chất liệu từ kinh Phật cả đấy. Lúc đó tôi rất hoang mang, chưa tìm được cảm giác bình yên bởi những thành lũy kiến thức, lối tư duy trong tôi đảo điên, đổ vỡ. Sau rồi tinh thần Thiền thấm dần vào thơ tôi và đến tập *Hành trình* có lẽ tôi đã đạt được độ bình an nhất định, tôi thấy được những lẽ giản dị của cuộc đời. Cả tập thơ đó cũng được sắp xếp theo mức độ phát triển nhận thức. Ví dụ *Mưa Bangkok* còn lẩn bấn, trần trở, đến *Chó rừng* vẫn còn nổi bất an, bấn khoăn. *Tuyết sơn*, *Bên mái chùa* thì đã bình an trong bất an của thế sự, có trong cái không, còn trong cái mất.

Trong các tập thơ trước của Hoàng Hưng còn thấy nhiều bóng dáng phụ nữ, đến tập thơ Hành trình mới nhất của ông thì thấy đi đâu hết cả...

Tôi không còn trẻ nữa. Hồi trẻ thơ tôi cũng thấp thoáng hình bóng những người con gái, nhưng gần đây thơ tôi chỉ nói về người vợ của mình. Đời tôi

có nhiều bi kịch và vợ tôi chính là người sẻ chia, luôn ở bên tôi, là chỗ dựa của tôi. Tôi thấy nhiều người dễ yêu và dễ làm thơ tình, tôi không tin lắm vào tình ấy và thơ ấy. Tình yêu cũng như thơ không dễ dàng như vậy. Và thơ tình và thơ tán gái là hoàn toàn khác nhau.

Trong thơ tôi, số lượng thơ tình chiếm không nhiều. Ngay cả khi còn trẻ tôi cũng không được coi là người nặng về thơ tình. Thơ tôi có những khát khao truru tượng, những chuyện nhân gian thế sự rộng hơn... Nhiều bài thơ của tôi thoáng nhìn cứ tưởng thơ tình nhưng thực ra không hẳn thế. Ví dụ bài thơ *Người yêu miệt biển*, có bóng hình phụ nữ và tình yêu đầy nhưng sâu xa còn là những chiêm nghiệm về đời sống, là nỗi thất vọng lớn, là sự đổ vỡ... Tôi hay băn khoăn về lý tưởng sống. Lý tưởng sống là khát vọng tìm được chân lý, tìm được ý nghĩa thật sự của đời sống, sống thế nào để có một đời sống đẹp. Đó cũng là tôn giáo. Tìm tôn giáo là tìm lý tưởng sống thế nào cho có ý nghĩa, cho sự bất tử để chống lại sự hữu hạn của đời người.

Thi ca, văn chương không có lý tưởng, không có niềm tin, không có tín ngưỡng thì nông choèn. Các tác phẩm lớn của phương Tây rất hướng thượng, bao giờ cũng có một cái gì menh mông, cao lớn đằng sau câu chữ. Không giống như văn học Trung Quốc hoặc Việt Nam bây giờ, chỉ bày tất cả ra đó, trần trụi, sống sượng, kể cũng đã nhưng lắm lúc phát mệt. Cả *Báu vật của đời* của Mạc Ngôn mà nhiều người khen rớt lại cũng vậy, tôi không thấy gì sâu sa, cao thượng toát lên từ tác phẩm đó.

Ông Chu Văn Sơn trên báo Công an nhân dân (đăng lại trên Phongdiep.net) nhận định: “Nhiều người cứ mãi tìm kiếm ngoài mình, vì thế mà chưa đi vào được cái lõi của sự cách tân. Nhìn từ trường hợp nhà thơ Hoàng Hưng. Trước

đây, anh là người say mê cách tân khá triệt để theo phương Tây. Nhưng đến tập Hành trình thì dù vẫn đầy yếu tố siêu thực nhưng lại rất gần gũi với truyền thống phương Đông. Đó là sự trở về chín chắn, cũng là tới bến của một hành trình sáng tạo”.

Nghĩa là ông Chu Văn Sơn đánh giá rất cao tập Hành trình và tập thơ cũng đạt giải thưởng Văn học năm 2006. Nhưng nhiều người lại cho rằng Hành trình không còn hấp dẫn như các tập trước đây, không bằng Người đi tìm mặt. Ông nghĩ như thế nào? Phải chăng “chín chắn” và “tới bến” thì không hấp dẫn nữa?

Tôi cũng không rõ lắm, nhưng những người trẻ có thể không thích *Hành trình* của tôi vì nó trầm đi nhiều. Họ thích những tập có sự cuồng nhiệt hay khắc khoải như *Ngựa biển* hay là *Người đi tìm mặt*. Song cũng có rất nhiều bạn bè tôi cho biết họ rất thích tập thơ này, rằng tập thơ này mới là đạt. Vậy là tôi may mắn. Thời kỳ nào cũng có một lượng độc giả nhất định. Còn độc giả thay đổi là điều hoàn toàn tất nhiên và hợp lẽ. Tôi cũng thay đổi chứ có đứng yên một chỗ đâu. Nhưng mà “tới bến” như ông Chu Văn Sơn nói thì còn lâu. Tuy rằng ông ấy có ý đánh giá cao thơ tôi thật nhưng mà tới bến, giác ngộ rồi thì tôi còn làm thơ làm gì nữa. Làm thơ là chưa ngộ phải đi tìm cái ngộ. Tôi vẫn đang làm thơ, đang đi tìm, mà ông ấy nói tôi tới bến rồi thì có khác gì... khai tử nhà thơ Hoàng Hưng!

Nói chuyện với nhiều người ngoại đạo văn chương, họ biểu lộ thái độ không hề thiện cảm với thơ và danh hiệu nhà thơ. Nhạc sỹ: rất hay, nhà văn: cũng tạm được, nhưng nhà thơ... Với họ thơ thì phù phiếm, các nhà thơ bị coi là hoang tưởng, thường xuyên không có tiền. Và họ không hiểu vì sao có một số người cứ đi làm thơ. Ông nghĩ thế nào?

Thời đại này vị trí của thơ đã giảm đi. Trước đây sinh hoạt tinh thần không nhiều nên thơ mới có vị trí gần như độc tôn. Nhất là trong xã hội thực dụng bây giờ thì thơ lại càng mất giá. Nhà thơ sống bằng gì? Thơ là một hoạt động tinh thần thuần túy, người ta làm nhiều việc khác nhau để sống, còn làm thơ chỉ là thú vui, niềm đam mê riêng.

Thẳng thắn mà nói, thơ đúng nghĩa bây giờ chỉ dành cho một số người tinh hoa, chứ không phải cho đại chúng. Thứ thơ được phổ biến rộng rãi thì chỉ làm cho người đời rẻ rúng nhà thơ, có lẽ họ cho rằng làm thơ dễ lắm! Chỉ những người trong đạo mới hiểu giá trị của hai chữ “nhà thơ” (đúng nghĩa). Bởi vì làm thơ khó lắm. Nhà thơ phải có một bản năng thơ, do thiên phú, đầy bí ẩn, mà trường hợp Trần Đăng Khoa là tiêu biểu, chứ không phải học mà làm thơ được (hoặc những người có thiên phú thực ra đã học qua nhiều kiếp trước rồi chăng?). Không có cử nhân thơ hay tiến sỹ thơ. Vậy nên trong bảng xếp hạng của xã hội, người ta không biết xếp nhà thơ vào vị trí nào. Chỉ những người trong giới sáng tạo mới biết nhà thơ là danh hiệu quý vào loại nhất. Những người đã từng làm thơ rồi bỏ thơ chuyển sang viết lách nhiều thể loại khác, cuối cùng vẫn mong được gọi là nhà thơ.

Trong các nhà thơ trẻ hiện nay, ông thích ai?

Tôi đang cảm thấy hoang mang trước thơ trẻ. Tôi cảm giác không còn bắt được vào cái nhìn của họ nữa nên tôi không dám phán bừa. Lớp Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, nhóm Mở Miệng, Lynh Bacardi... tôi thấy vẫn còn theo được, chứ bây giờ bảo tôi nói về thơ lớp trẻ hơn tôi cảm thấy không tự tin nữa. Cần có một lớp nhà phê bình trẻ hơn, ở gần họ hơn.

Ông có khi nào thấy mệt mỏi trên hành trình thơ?

Làm thơ là sướng nhất, là hạnh phúc, sao lại nói là mệt. Mệt nhất chính là những lúc không làm được thơ. Đau khổ nhất là khi mình làm được mọi thứ nhưng không làm được thơ. Tôi cũng có nhiều khi như vậy, tôi nghi ngờ mình: hết thơ rồi chẳng, không còn rung cảm, không còn hướng tới cái gì nữa chẳng... Với người mê thơ thì chẳng có gì quan trọng hơn là làm thơ, không làm được thơ là đời mình coi như thất bại.

Thơ với người này là một cuộc chơi, cuộc thử nghiệm, với người khác là tôn giáo, nhưng dù là gì thì người ta cũng có được và có mất. Vậy khi chơi với thơ, ông được gì và mất gì?

Với thơ, nói được mất là vô cùng. Nếu nhìn từ góc độ của người đời, họ sẽ cho là với năng lực và nỗ lực làm việc như tôi, tôi có thể đạt được nhiều thứ, vật chất, quyền lực, danh tiếng... Vào thơ là danh lợi đời thường mất rất nhiều. Nhưng tôi không coi đó là mất. Được làm việc mình thích thì là được chứ, hạnh phúc chứ. Nên tôi cho là tôi được nhiều hơn. Sau rất nhiều gian lao, cuối cùng tôi vẫn có cuộc sống vật chất đầy đủ, lại có cơ hội đi nhiều nơi trên thế giới mà đều là nhờ thơ. Tôi tự hào mình là một trong những nhà thơ tự do nhất, chưa bao giờ vì cái gì mà phải uốn bút. Tôi được quá nhiều.

Xin cảm ơn ông!

Báo Phụ Nữ Thủ đô 2008

BA CÂU HỎI CHO HOÀNG HƯNG

Phùng Nguyễn



LTS: Cuộc trao đổi này giữa nhà văn Phùng Nguyễn và nhà thơ Hoàng Hưng diễn ra trong hai tháng 9-10/2015, được hai bên quyết định công bố vào cuối tháng 11/2015. Không may, nhà văn Phùng Nguyễn đột ngột từ trần ngày 17/11/2015. Nay nhà thơ Hoàng Hưng xin công bố văn bản này như một nén nhang thấp trước di ảnh nhà văn Phùng Nguyễn nhân dịp 49 ngày mất của ông, cũng là dịp năm mới 2016.

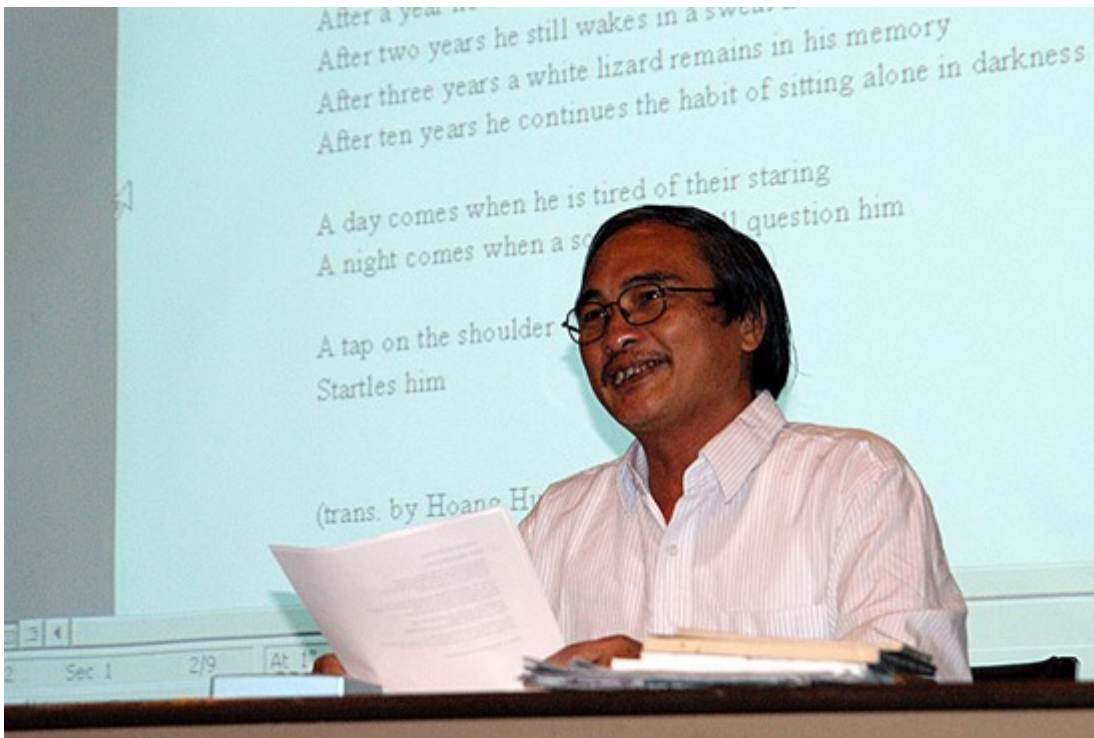
*Chị-Chỉ ba ~~em~~-năm em tìm thấy Lá
Xòe tay phủ mặt Chị không nhìn! **

Phùng Nguyễn:

Tim đủ ba câu để hỏi nhà thơ Hoàng Hưng mà không phải lập lại của người khác cũng đủ gây nhiều phiền hà cho người viết. Bởi vì ai cũng biết là, ít nhất, một trong số những câu hỏi chém chết cũng liên quan đến vụ án Về Kinh Bắc (VKB), bắt nguồn từ tập thơ nổi tiếng của nhà thơ Hoàng Cầm.

Năm năm về trước, nhà thơ Hoàng Hưng cho công bố trên mạng *talawas* một bài viết trong đó ông kể lại diễn tiến của vụ án Về Kinh Bắc một cách khá chi tiết. Sau đó, thỉnh thoảng ông cũng có trở lại với đề tài này trong một số bài viết khác. Sẽ là bất công nếu buộc ông phải lập lại những điều đã nói, cho nên, chọn lựa còn lại của người phỏng vấn là đề nghị nhà thơ Hoàng Hưng chia sẻ với bạn đọc những điều chưa nói hoặc/và những điều còn chưa nói hết trong vụ án Về Kinh Bắc.

Thưa anh Hoàng Hưng, là “một trong số những nhà thơ trẻ nổi bật của ‘thế hệ chống Mỹ’”, và mặc dù “tư tưởng ngày càng ‘diễn biến hòa bình’ do tác động của cuộc sống và sách vở tàn dư của chế độ Sài Gòn,” vào năm 1982 anh không phải là người bị chế độ chú ý cho đến khi anh, con cá hầm hiu, vô tình chui đầu vào lưới. Đã ba mươi năm trôi qua kể từ ngày anh ra tù (31/10/1985) sau khi nhà cầm quyền “cắt vó” Về Kinh Bắc và trao tặng anh 39 tháng tù giam. Nhìn lại, vụ án Về Kinh Bắc đã đóng vai trò gì trong đời sống, trong tư duy, và trong hành động của Hoàng Hưng suốt ba thập kỷ qua?



HH đọc Thơ Tù ở

Chicago (2003)

Hoàng Hưng:

Ở tù, nhất là tù Cộng sản, dĩ nhiên là khổ. Không ít người đã chịu nhiều đau thương, bị tra tấn, hành hạ dã man, thậm chí bị giết dần trong lao tù và các trại cải tạo. Riêng chế độ lao tù của tôi thì không đến nỗi quá khắc nghiệt, có lẽ do hoàn cảnh chung của Việt Nam lúc đó kiệt sức sau khi bị Tàu Cộng đánh phá nên buộc phải “mở trại” cho các gia đình tù nhân thả sức tiếp tế. Với tôi, đáng lên án nhất là việc bắt tôi đi tù 39 tháng đã gây cho gia đình vợ đại con thơ của tôi rất nhiều khổ sở.

Sau 30 năm, giờ nhìn lại, tôi hơi thấy buồn cười là có khi mình phải cảm ơn thời kỳ ấy!

Đầu tiên là nhờ nó mà tôi học được tiếng Anh. Sau thời gian đi “cung” liên tục căng thẳng đầu óc, thì tôi giành toàn bộ thời gian từ lúc mở mắt đến khi nằm lăn ra ngủ để... tự học. Vì ở ngoài lo chạy ăn tối ngày không bụng dạ nào mà học. Trong xà lim tôi tự học qua sách Ngữ pháp tiếng Anh (của VN), từ điển Anh-Pháp bỏ túi (của Pháp), và báo Moscow News (của Liên Xô)! (Lần đầu sang Mỹ năm 2003, phải “lecture” về Thơ VN hiện đại ở Đại học Washington, khi tôi xin “excuse my English...” vì lý do tự học như trên, nói không chuẩn nghe không rành, cả phòng vỗ tay hồi lâu!). Ra tù một cái là kiếm sống bằng dịch các bài báo, và cuốn sách đầu tiên: “The Jungle Book” của R. Kipling. Với cái vốn khởi đầu ấy, tôi bắt đầu tìm hiểu thơ Mỹ, vừa dịch vừa học, đến nay cũng ra được vài tập. Cái này giống nhà thơ Tuân Nguyễn bị tù thời “Xét lại”, (tình cờ trước đây cũng ở trại Cẩm Thủy Thanh Hóa như tôi), trong tù anh tự học tiếng Nga và ra tù trở thành dịch giả, mở đầu là cuốn “Chó Bim trắng tai đen”.

Do tập trung học tiếng Anh suốt ngày, đêm đến tôi ngủ rất ngon. Một sáng sớm tỉnh dậy thấy “Ông quản giáo” đứng ngoài song sắt nhìn mình từ lúc nào, “ông” thốt lên: “Thằng này trông như đ. phải tù!”

Thứ hai: nhờ thời gian tù mà tôi có được 30 bài thơ, chủ yếu làm trong đầu, ra tù nhớ lại, rồi thêm bớt, thành tập “Ác mộng”, trong đó có những bài được nhiều người đọc tán thưởng, như “Một ngày”, “Người về”, “Mùi mưa hay bài thơ của M.” Cũng nhà tù đã tạo cho tôi một bước ngoặt về thi pháp, từ lãng mạn, ấn tượng, vụt hiện... qua một thứ “tân cổ điển” hay có nhà nghiên cứu gọi là “hiện đại Á châu”. Hình như... đau đời, tâm tư hơn?

Tóm lại, ở tù là mất tự do, nhưng trong hoàn cảnh ấy tôi vẫn cố giữ cho mình một “tự do nội tâm” không ai xâm phạm được. Và cũng như thế, khi ra sống ngoài “nhà tù lớn”, tôi vẫn cố giữ lấy tự do cá nhân của mình, mà “quản ngục” bây giờ, ngoài Ban Tuyên giáo của đảng Cộng sản, còn có anh chàng rất lợi hại mang tên “danh – lợi”.

Điều hết sức quan trọng nữa: Ở tù ra, tôi dứt điểm được cái tư cách “cán bộ báo chí hạng bét”, *chân trong-chân ngoài, chân ngoài dài hơn chân trong* hay *đồng sàng, dị mộng* mà trước đây dù sớm chán ghét nhưng mãi không đủ dũng cảm để từ bỏ; tự nhiên được đứng hẳn vào hàng ngũ “bên lề” cùng với các đàn anh Nhân Văn-Giai Phẩm, Xét lại..., để đến khi “Đổi mới” rồi khi phong trào Dân chủ nhóm lên, tôi thoải mái tham gia như cá gặp

nước, như hổ về rừng, chẳng vương bận chút quyền lợi gì do chế độ bô thí, kể cả các thứ “bánh vẽ”, nên không hề lâm cảnh ngộ “há miệng mắc quai” như một số người khác. Thử hình dung: Nếu không bị tù, thì giờ này tôi có thể vẫn chỉ là một chú bé nhiều tuổi viết báo “lè phai” lảng nhãng, viết theo chỉ đạo của “trên”, thỉnh thoảng “ghé gắm” vài chữ nói kháy, chọc ngoáy tí ti cho bõ tức là cùng chứ gì?

Ra tù, sau vài năm luyện “nghề báo thứ thiệt” tại vài tạp chí khoa học, kinh tế, với sự dẫn dắt của anh em họa sĩ-nhà báo Sài Gòn Hoàng Ngọc Biên-Hoàng Ngọc Nguyên (trước khi vào tù tôi chỉ quen làm báo “bao cấp”, tức “giả báo”), gặp lúc báo Lao Động làm cuộc “cách mạng” với tờ Lao Động Chủ nhật vào năm 1990, chính cái lý lịch “tà-ru” (“bộ lạc tà-ru” là sáng tạo của André Menras, cựu tù Côn Đảo dưới chế độ Sài Gòn) của tôi đã khiến Tổng biên tập “Đảng viên nhưng mà tốt” là Tổng Văn Công khoái chí mời về phụ trách trang Văn hóa-Văn nghệ cùng lúc với họa sĩ Chóe “cựu tù double”. Một thời gian ngắn ngủi nhưng hạnh phúc của tôi trong nghề báo chính là ở báo này, cùng làm việc với những nhà báo dày kinh nghiệm của Sài Gòn cũ: Lý Quý Chung, Trần Trọng Thức... và những cây bút cấp tiến tài hoa của miền Bắc như Lưu Trọng Văn. Tôi còn nhớ khi được mời làm Trưởng ban VH-VN, tôi từ chối, với lý do “quan điểm của tôi không giống quan điểm Ban Tư tưởng Văn hóa của Đảng” thì các vị lãnh đạo Báo lại bảo: “Thế mới cần đến anh chứ!” Tôi đã thể hiện rõ quan điểm của mình trong những bài giới thiệu các nhân vật Nhân Văn-Giai Phẩm như Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, bên vục tiểu thuyết “Miền hoang tưởng” của Nguyễn Xuân Khánh (bị báo Công an và Tuyên giáo đánh), quảng bá tranh trừu tượng, minh oan cho Alexandre de Rhodes... Còn Lưu Trọng Văn thì đã đăng bài phỏng vấn một nghệ sĩ danh tiếng về Đảng, với cái tít: “Đảng phải tự lột xác nếu không muốn bị lột xác!”. Tất nhiên làm báo kiểu chúng tôi thì chẳng mấy chốc bị tuyệt còi. Vì không muốn gây phiền cho tờ báo mà mình đang làm việc, tôi đã viết đơn “xin từ nhiệm trưởng ban” sau khi công bố tập thơ “Người đi tìm mặt” (1994) trong đó có mấy bài Thơ Tù (công an đã “hành” nhà thơ Quang Huy, Giám đốc NXB một thời gian khá dài, và “méc” ông Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động là chủ quản báo Lao Động của tôi).

Cũng thời gian này, tôi cùng với cố nhà văn Nhật Tuấn làm tập san văn chương *Văn học & Dư luận* (do nhà văn Nhật Tiến tài trợ), ra được mấy số thì... bị rút giấy phép, sau khi đăng bài thơ “Phận chó” của cố họa sĩ Tường Vân ở Hải Phòng (... *bảo ra đường/ ra đường/ bảo vào gắm giường/ vào gắm giường/ bảo sửa/ sửa/ bảo im/ im/ cứ thế triển miên/ một đời con chó*).

Báo Lao Động thời Đổi mới nhanh chóng tan đàn xẻ nghé vì nội bộ mất đoàn kết tạo cơ cho lãnh đạo cao cấp của Đảng và An ninh can thiệp. Không còn diễn đàn trong nước, thì gặp lúc nhà văn Phạm Thị Hoài mở trang mạng *talawas* ở Berlin, tôi đã sớm cộng tác với nó và trở thành biên tập viên công khai, chuyên về văn hóa văn nghệ quốc nội, rồi người viết mục bình luận. *Talawas* nghỉ, thì xuất hiện *Bauxite Vietnam*, tôi cũng vinh dự tham gia từ những ngày đầu rồi làm BTV cho nó cho đến khi *vanviet.info* ra đời.

Tóm lại, ra tù tôi mới được làm báo “thứ thiệt”, báo “lề giữa” và “lề trái”!

Cũng do thân phận công dân hạng hai của một kẻ có “tiền án tiền sự”, tôi biết mình phải tự lo lấy việc xuất bản thơ phú của bản thân, không hề mong được người ta đem tiền thuế của dân mà in sách cho mình. Sau “Đổi mới”, tôi là kẻ đầu tiên bỏ tiền tự in “Thơ ngoài luồng” với giấy phép mua của các nhà xuất bản (“Ngựa biển” 1988, sau đó là “Người đi tìm mặt”, “Hành trình”, “Thơ Federico Garcia Lorca”, mới nhất là “Bài hát chính tôi” của Walt Whitman). Đó là không kể mấy cuốn sách dịch được tài trợ của nước ngoài (Thơ Apollinaire, 15 nhà thơ Mỹ TK XX, Thơ André Velter, “Trường ca Aniara” của Harry Martinson, tiểu thuyết “Đồ vật” của Georges Perec). Đến những năm gần đây thì cái tên tôi rất khó qua nổi bàn duyệt của Cục Xuất bản, tôi bèn tự làm tủ sách HHEBOOK (vào năm 2012, dịp tôi tròn 70 tuổi) để tự quảng bá online.

Tôi có một nguyên tắc hoạt động, có lẽ cũng từ kinh nghiệm “làm việc với công an” những ngày ở tù: công khai danh tính và việc làm mọi lúc mọi nơi, không có gì là “bí mật”. Tôi cho đó là cách tự bảo vệ an toàn nhất, vì như thế tránh được mọi sự suy diễn, đơm đặt bất lợi cho mình. Tất nhiên mình phải tin ở chính nghĩa của những việc mình làm.

Trong tù, tôi có những giấc mơ lạ, đến nay cũng chưa lý giải nổi. Tôi thường mơ thấy mình ở trong một ngôi chùa, chơi với các sư và ni cô; có lúc sư dạy tôi nhảy cao lên tận xà ngang chánh điện, có lúc Phật Bà cho tôi một cái chiếu, tôi ngồi lên, chiếu bay ra ngoài cửa sổ đưa tôi đi một quãng rất xa, rồi... lại bay về; có lúc ngồi thuyền với các ni cô đi chơi Hồ Gươm...

Nhưng lạ nhất là một đêm, một ni cô nhìn thẳng vào tôi và đọc hai câu này: “Muốn giữ đầu lên cầu mà đứng/ Đi đến gần thì bung lấy đầu”. Tôi sực tỉnh, ghi nhớ mãi hai câu ấy. Phải chăng đó chính là nguyên tắc xử thế mà ni cô muốn dạy tôi? Chuyện có vẻ hoang đường, nhưng sau khi ra tù, tôi mới được biết nơi giam giữ tôi nguyên là đất của một ngôi chùa làng.

Phùng Nguyễn:

Một trong những chi tiết lý thú mà nhà thơ Hoàng Hưng nhắc đến trong bài viết đã dẫn là “Về Kinh Bắc bắt đầu thành vấn đề nghiêm trọng chính là vì mấy bài thơ này ** được in trên một tờ báo ở Pháp kèm theo lời bình mang tính chống đối chính trị.” Và “vấn đề nghiêm trọng” này đã dẫn đến việc nhà thơ Hoàng Hưng, cùng với tác giả Hoàng Cầm, vào mùa Thu năm 1982, phải đi tù 3 năm 3 tháng. Hơn 30 năm sau, nhà văn Trần Đĩnh, tác giả của Đền Cù, một hồi ký không những với nội dung không được hiện hành như Về Kinh Bắc mà còn được xuất bản và phát hành rộng rãi tại Hải ngoại vừa trở về Việt Nam sau một chuyến xuất ngoại mà không rụng bất cứ sợi lông chân nào. Như vậy, có thể kết luận là xã hội Việt Nam đã có những tiến bộ nhất định về các mặt tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Có nên ghi công đầu cho “nỗ lực dân chủ hóa đất nước” của nhà cầm quyền về tất cả những thay đổi khí hậu này hay không, thưa anh Hoàng Hưng?

Hoàng Hưng:

Tất nhiên, nếu là những năm 1980, thậm chí 1990, thì viết lách, hành động như tôi bây giờ chắc chắn phải “đi” lần hai rồi chứ, mà phải là “đi suốt”! (trong những ngày tôi ở tù, vợ tôi đi xem bói, một cô bói rất trẻ ở đường Trương Minh Giảng cũ – Lê Văn Sĩ hiện nay – nói ngay là tôi đang bị tù, và dọa: sau này nếu không chịu tu, sẽ tù lần nữa!). Vậy thì có thể nói như anh là “xã hội VN đã có những tiến bộ nhất định về các mặt tự do tư tưởng, tự do ngôn luận”. Song đó là do công của ai? Chắc chắn không hề là công của nhà cầm quyền! Tất cả những việc nhà cầm quyền làm có vẻ “xả” hơn trước về Dân chủ cho đến nay chỉ là “đổi phó tình thế” với diễn biến của tình hình chính trị xã hội trong nước và quốc tế. Tôi chưa hề thấy họ chủ động tiến bước trên con đường dân chủ hóa (hay nếu có thì chỉ là vài bước rụt rè, “bước đi một bước giầy giầy lại dừng”), mặc dù rất nhiều người tâm huyết, trí thức và cựu công thân của chế độ đã mỗi mồm vạch ra một lộ trình rất an toàn cho công cuộc dân chủ hóa, mặc dù đã có những tấm gương khá thuyết phục như Myanmar, mặc dù kẻ mà họ sợ nhất là chính quyền Mỹ đã thề thốt không tìm cách thay đổi chế độ của VN... Nói gọn, họ không hành xử như trước vì họ không còn khả năng hành xử như trước. Chúng tôi không bao giờ ngây thơ tin vào thiện chí của những người muốn bám víu quyền lực toàn trị đến phút cuối cùng và bằng mọi giá. Chúng tôi cứ làm những việc mà chúng tôi thấy là đúng đắn, có lợi cho đất nước, cụ thể là cho văn hóa giáo dục của người Việt, không *xin* và không đợi ai *cho*, như một bộ sách giáo khoa theo quan điểm hiện đại (của nhóm *Cánh Buồm* do nhà giáo dục Phạm Toàn chủ biên), như một diễn đàn tự do cho các nhà văn trong – ngoài nước (*vanviet*), như một *Quỹ quà Tết cho Tù nhân Lương tâm...*; còn nhà

cầm quyền xử sự thế nào *I don't care* (đó là câu trả lời ngắn gọn cho câu hỏi quan ngại của một giáo sư Mỹ sau khi tôi đọc Thơ Tù trên hội trường của trường Columbia College Chicago năm 2003).

Phùng Nguyễn:

Khi chuyển cho nhà thơ Hoàng Hưng bản thảo bài viết “Văn đoàn Độc lập Việt Nam, Sự kiện hay Cước chú?” để “tùy nghi,” người viết không chắc lắm về phản ứng của ông và của Ban Vận động Thành lập Văn đoàn Độc lập Việt Nam (BVĐ). Trong khi không giấu giếm cảm tình dành cho Văn đoàn Độc lập, bài viết phản ánh những quan ngại về đường đi nước bước của tổ chức này trong tương lai, đặc biệt về sự “hợp cách” (legitimacy) của một văn đoàn mà nhìn từ nhiều góc độ, không thể được xem là thực sự hiện hữu. Tuy nhiên, bài viết cũng không quên chỉ ra những vận động sáng tạo của BVĐ trong việc xây dựng mạng Văn Việt để ngòi vào chiếc ghế trống dành cho Văn đoàn Độc lập.

Chỉ trong một thời gian tương đối ngắn, Ban Vận động Thành lập Văn đoàn Độc lập Việt Nam, qua mạng Văn Việt, đã có những thành tựu đáng kể trong nỗ lực thực hiện các mục tiêu hướng tới một nền văn học đích thực. Nhà thơ Hoàng Hưng giữ một vai trò trọng yếu trong việc điều hành và phát triển mạng văn học này.

Một ngày của mạng Văn Việt?

Hoàng Hưng:

Trước hết, tôi xin phép cải chính: Hoàng Hưng không giữ “vai trò trọng yếu” ở trang mạng văn học này. Mạng Văn Việt có một nguyên tắc được đề ra ngay từ đầu và vẫn duy trì đến nay: việc điều hành mạng mang tính tập thể. Không có Tổng biên tập, mỗi biên tập viên (BTV) tự chịu trách nhiệm phần của mình, người điều phối chỉ tập họp bài vở và nhắc nhở, trao đổi nhận xét với từng BTV khi cần thiết. Ban biên tập (BBT) Văn Việt bao gồm những nhân vật rất uy tín như nhà ngữ học Hoàng Dũng, nhà văn Ngô Thị Kim Cúc, nhà thơ Ý Nhi, nhà thơ Bùi Chát, nhà thơ Lê Hoài Nguyên (tức cựu đại tá an ninh Thái Kế Toại), nhà văn Đặng Văn Sinh, nhà văn Nguyễn Quang Lập (trong gần 2 tháng đầu), nhà văn Dạ Ngân (trong gần một năm đầu), nhà thơ Giáng Vân (trong một thời gian)... Nếu có những ý kiến khác nhau, nhà văn Nguyễn Ngọc chủ nhiệm trang mạng sẽ là người có ý kiến quyết định, nhưng thực tế rất hiếm khi có sự khác biệt lớn giữa các BTV về quan điểm bài vở. Và lại, Văn Việt là một mạng văn chương “mở” trước các

quan điểm nghệ thuật, với tiêu chí chung là “tự do, nhân bản” nên chấp nhận được nhiều khác biệt. Ngoài BBT, có nhiều sáng kiến xuất phát từ các thành viên BVĐ và được BBT tiếp thu nhanh chóng. Ngay cả việc post bài lên mạng cũng không trao độc quyền cho một người. Tóm lại, bất cứ ai trong BBT bị sự cố phải ngưng hoạt động, sẽ lập tức có người khác thay thế.

Cho đến nay, Văn Việt đã tồn tại được gần 2 năm, và ngày càng phát triển (ít ra là về số mục và đề tài, về số tác giả...), bất chấp sự đánh phá không ngừng nghỉ của những thế lực không ưa nó, như: đặt tường lửa, gây sức ép với các thành viên BBT, cộng tác viên... Điều đáng vui nhất là ngày càng nhiều cây bút uy tín cùng những cây bút “tương đối trẻ” và rất trẻ trong nước góp mặt trên Văn Việt (xin chỉ nêu một số tên ở diện sau như: Lê Anh Hoài, Nhã Thuyên, Phạm Phương, Phùng Thị Hạ Nguyên, Đàm Thùy Dương, Di, Lynh Bacardi, Ly Hoàng Ly, Khiêm Nhu, Nguyễn Hoàng Anh Thư, Hà Thủy Nguyên, Lê Ngân Hằng, Lý Đợi, Lê Vĩnh Tài, Tuệ Nguyên, Hà Duy Phương, Huỳnh Lê Nhật Tấn, Lưu Mêlan, Đỗ Trí Vương, Nguyễn Đăng Khoa, Tuệ Anh, Trúc Ty, Đoàn Minh Châu, Thymianka Thảo Nguyên...) Các CTV ở nước ngoài cũng khá đông đảo và phong phú, từ Mỹ, Canada, Pháp, Anh, Úc, đến Nga, Đức. Trong tình hình ấy, có những ý kiến đề xuất đã đến lúc chính thức lập ra Văn đoàn Độc lập, nhưng Ban Đại diện của BVĐ đã trao đổi đi đến thống nhất: Vì mục tiêu của Văn đoàn Độc lập là “góp phần xây dựng một nền văn học VN đích thực”, trước mắt là một nền văn học Tự do, Nhân bản – mà đó là một quá trình lâu dài chứ không thể một sớm một chiều – cho nên cần kiềm chế những bức xúc nóng vội có thể biến nó thành “anh hùng liệt sĩ” quá sớm. Văn Việt nghĩ rằng người viết văn nên giành tâm sức nhiều nhất cho trang viết của mình chứ không phải cho việc đương đầu với công an và các lực lượng khủng bố của chế độ toàn trị. Vì thế Văn Việt chọn con đường đi ở biên giới của cái “legal” và cái “illegal”, với niềm tin sẽ đến lúc hoàn cảnh xã hội cho phép nhiều thứ hiện nay bị coi là “illegal” trở thành “legal”. Tất nhiên, tích cực “xé rào” luôn luôn là phương châm hành động của chúng tôi.

“Xé rào” cũng là việc chúng tôi làm “offline” như: xuất bản sách (2 tập truyện ngắn Văn Việt) và lập Giải thưởng Văn Việt (đang bước vào xét Giải lần thứ Nhất sẽ trao vào tháng 3/ 2016). Điều rất vui là Giải Văn Việt đã nhận được sự ủng hộ rất nhiệt tình về cả tinh thần lẫn vật chất của các văn nghệ sĩ, trí thức thân hữu trong-ngoài nước của Văn Việt. Nhiều tên tuổi ngoài Ban Vận động Văn đoàn Độc lập đã nhận lời tham gia ban giám khảo, như: nhà thơ Thanh Thảo (đương kim Chủ tịch Hội đồng Thơ Hội Nhà Văn

VN), nhà thơ Thi Hoàng, nhà thơ Nguyễn Đức Tùng ở Canada, nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân, nhà nghiên cứu-giảng dạy Nguyễn Thị Bình.

Và cũng tất nhiên, một nền văn học Tự do, Nhân bản đòi hỏi các tác giả phải là những con người Tự do, Nhân bản, sẵn sàng lên tiếng bảo vệ Tự do của bản thân và đồng nghiệp, Tự do của người đọc, Tự do của tất cả mọi người, phản kháng mọi hành vi phản nhân văn của bất kỳ ai, bất kỳ thế lực nào. Đó không chỉ là “thái độ chính trị” mà còn là “thái độ làm người” không nhà văn đích thực nào có thể né tránh dưới chiêu bài “nhà văn không làm chính trị”. Văn Việt là tổ chức đầu tiên lên tiếng lập tức (và sau đó cũng chỉ có 1,2 tổ chức nhà nước) khi Giàn khoan của Tàu kéo vào vùng biển Việt Nam, khi bọn khủng bố sát hại các nhà báo Charlie Hebdo của Pháp, và là tổ chức duy nhất lên tiếng khi các nhà văn-thơ Phạm Đình Trọng, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Quang Lập bị công an khủng bố, sách nhiễu, cũng như đã tham gia với những hội đoàn dân sự khác phản đối những chủ trương, việc làm sai trái của chính quyền, bênh vực dân oan...

Đề kết thúc, xin có một lời bình luận về câu hỏi này của người hỏi. Đọc bài viết mà nhà văn Phùng Nguyễn có dẫn ở trên, tôi hơi bất ngờ vì tác giả “hiểu chuyện” trong nước, chuyện Văn Việt, không như tôi chờ đợi ở một người xa VN và sống lâu năm ở một xứ “tự do” như anh. Trong khi đó, theo dõi những ý kiến trên mạng lâu lâu có liên quan đến Văn đoàn Độc lập và Văn Việt, post lên từ nước ngoài, tôi thấy cũng có những sự dị nghị, bắt bẻ, chê trách mà tôi chỉ có thể nhận xét là “thiếu thông cảm”, tuy vẫn coi đó là những yêu cầu chính đáng, “đúng như chân lý”, mà chúng tôi chưa thực hiện được.

Có một chuyện nhỏ tôi muốn kể: Năm 2000, lần đầu tiên tôi được phép ra khỏi nước, một dịch giả nổi tiếng bên Pháp đưa tôi đi chơi. Trên đường đi ông liên tục phê phán chuyện dịch thuật trong nước, nhất là của những tên tuổi đàn anh của tôi. Nghe mãi đâm “mệt”, tôi bèn ngắt lời ông: “Anh chê thì đúng rồi, và tôi thấy thế là đủ rồi. Nhưng nếu anh sống trong nước như chúng tôi bao nhiêu năm nay, liệu anh có làm được như chúng tôi không?” Ông im bặt, và từ đó... trở thành thân thiết với tôi, nhiệt tình góp ý sửa chữa tất cả những bản dịch mà tôi gửi cho ông. Hi hi...

Ghi chú:

* Nhại “Lá Diêu Bông,” một trong bộ ba Cây-Lá-Quả của nhà thơ Hoàng Cầm

** Trích Vụ án “Về Kinh Bắc”, một sự kiện “Hậu Nhân văn” của Hoàng Hưng:

Nhưng muốn hiểu vì sao có vụ án “Về Kinh Bắc”, phải ngược thời gian lên mười năm trước, khi một số bài trong bản thảo VKB bắt đầu được truyền tay hơi rộng trong giới yêu thơ, trong đó ba bài “Cây tam cúc”, “Lá diêu bông”, “Quả vườn ổi” (thường được gọi là bộ ba cây-lá-quả) được mếm mộ nhất – phần quan trọng vì chúng được xì xầm diễn giải như lời oán trách của “em” (văn nghệ sĩ) với “chị” (Đảng), đại khái “em” yêu “chị”, nhưng “chị” đã lừa “em”, cho “em” ăn toàn “quả rụng”, rồi bỏ mặc “em” bơ vơ để đi lấy chồng...

TIỂU SỬ HOÀNG HƯNG

Sinh năm 1942 tại Hưng Yên. Tên khai sinh Hoàng Thụy Hưng, con thứ 6 của ông Hoàng Thụy Ba, một trong những bác sĩ y khoa đầu tiên của Đông Dương tốt nghiệp tại Pháp. Tốt nghiệp Khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội. Dạy học rồi làm báo. Chuyển vào Sài Gòn sống từ 1977. Bị bắt và tập trung cải tạo (từ tháng 8/1982 đến hết tháng 10/1985) vì cầm tập bản thảo *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm và cất giữ những phác thảo thơ của mình trong nhật ký. Trở lại nghề báo năm 1987, về hưu năm 2003, viết bài và biên tập các trang mạng *talawas.org*, *Bauxite Vietnam*, đồng sáng lập Ban Vận động Văn đoàn Độc lập VN và trang mạng *vanviet.info*

Hiện sống tại Sài Gòn, Vũng Tàu.

Các tác phẩm Thơ đã công bố: *Đất nắng* (in chung với Trang Nghi) 1970, *Ngựa biển* 1988, *Người đi tìm mặt* 1994, *Hành trình* 2005, *Ác mộng* 2006 (online, *talawas.org*), *36 bài thơ* 2008, *Thơ và các bài viết về Thơ HH* 2012 (HHEBOOK), *Các bài viết về Thơ* 2012 (HHEBOOK), *Poetry & Memoirs* 2012 (International Poetry Library SF).

Thơ dịch: *100 bài thơ tình thế giới* (chủ biên và cùng dịch) 1988, *Thơ Federico Garcia Lorca* 1988, *Thơ Pasternak* (cùng dịch với Nguyễn Đức Dương) 1988, *Thơ Apollinaire* 1997, *Các nhà thơ Pháp cuối TK XX*, 2002; *15 nhà thơ Mỹ TK XX* (chủ xướng, tổ chức bản thảo và cùng dịch) 2004, *Thơ André Velter* 2006; *Thơ Thụy Điển* (cùng dịch) 2010, *Trường ca Aniara* 2012, *Thơ Allen Ginsberg* (chủ biên và cùng dịch) 2012 (HHEBOOK), *Bài hát chính tôi – Walt Whitman* 2015

Nguồn: <http://vanviet.info/so-dac-biet/ba-cu-hoi-cho-hong-hung/>,
<http://damau.org/archives/40576>

HOÀNG HƯNG TRONG MẮT BẠN BÈ

NGƯỜI ĐIÊN

Tặng Hoàng Hưng

Hoàng Vũ Thuật

Có thật ông đấy không
vừa đi vừa đếm bước
những bước trảm trên trắng cát
một bước lên lại một bước lùi về

sóng ôm từng dấu chân
từng dấu chân đứng yên
biển hoang dựng bốn bức tường
màu bò hóng

có thật ông đấy không
tóc san hô rờn rợn trắng
bao năm vùi thân nơi mặt sàn
cái mùi người không phai

trắng bò liều
trắng như cổ quan tài thủy táng
thả trôi một kiếp người
có thật là ông đấy không.

Đêm, 10/4/2001

HOÀNG HƯNG, “CHÀNG TUỔI TRẺ VỐN DÈNG HÀO KIỆT”
Lê Phú Khải (Hồi ký “Lời ai điếu, Nguoiviet Books, Cali 2016)

Năm 2010, kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, tôi có viết một bài trên các mạng Bauxite Vietnam, BBC tiếng Việt, nhan đề *Như thế nào là một người Hà Nội?* được nhiều comment đồng tình và cũng không ít người “ném đá”. Trong bài viết đó, tôi có nêu lên đặc điểm nổi bật của người Hà Nội là hào hoa phong nhã, thông minh, tư duy mạch lạc, lập luận chặt chẽ, có sức thu hút người khác... Về mặt đạo đức, người Hà Nội ưa thích sự liêm chính, trong sạch, trọng đạo lý, không hà hiếp kẻ yếu, bắt nạt kẻ dưới... Bên cạnh những ưu điểm đó, người Hà Nội có nhược điểm là sống khép kín, an phận, trong quan hệ thì có đi có lại, người Hà Nội không dám dấn thân, không dám làm việc lớn khai sơn phá thạch, lay thành nhổ núi. Người Hà Nội sợ biến động, sợ thay đổi, chậm tiếp thu cái mới...

Đó là những đặc điểm chung của người Hà Nội nhưng cũng có những người “phá cách”, ngoại lệ. Trong số đó, tôi dẫn chứng hai người, đó là nhà thơ Hoàng Hưng và Tướng Lê Hữu Qua.

Hoàng Hưng có năm cái “đồng” với tôi: sinh đồng năm (1942), đồng hương Hà Nội, đồng môn (trường Đại học Sư phạm), đồng nghiệp (dạy học, viết báo), đồng chính kiến dân chủ đa nguyên.

Ở phương diện nào ông cũng là người dấn thân, đi đầu, không hoảng hốt, khiếp sợ...

Ông đã bị tù từ 17/8/1982 đến 31/10/1985 vì một “tai nạn” văn chương, xét cho cùng thì ông chỉ tự cho mình cái quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tác... chứ không có tội gì cả. Vì thế, ông vẫn tuyên bố: Nhà nước độc tài CSVN còn “nợ” ông 39 tháng tù không xét xử, không án, không lý do.

Người đời thường nói, những người tuổi Ngọ hay xê dịch. Ông sinh năm Nhâm Ngọ thì đương nhiên là hay đi. Nhưng là một dân thường, không phải quan chức nhà nước đi bằng tiền thuế của dân, thì đi nhiều như ông quả là hiếm. Ông đã đi châu Âu bốn lần, đi Trung Quốc bốn lần, cạo trọc đầu đi hành hương đất Phật Ấn Độ Nepal ba lần, đi Mỹ cả chục lần. Ngay lúc này, khi tôi viết về ông thì ông đang ở Mỹ, vài hôm nữa về, rồi lại... có thể đi... rồi lại về... còn hơn tôi đi... Mỹ Tho thăm cháu nội (!) Ông nghiên khám phá những miền đất hoang vu, nhất là những vùng băng tuyết. Ba lần lên Himalaya bằng ba con đường khác nhau, rồi lên Vành đai Bắc cực, lên Alaska ngắm băng hà triệu năm, những nơi chắc rất hiếm người Việt Nam đặt chân tới.

Cái sự đi đã vậy, cái sự làm của ông cũng hơn người. Ông dạy học, làm thơ, viết văn, làm báo, dịch sách báo, có thời gian đi buôn, đi diễn thuyết ở các trường đại học Pháp, Mỹ, khi nói tiếng Pháp, khi nói tiếng Anh, để các giáo sư và sinh viên nước đó vỗ tay tán thưởng!

Thời bao cấp ông đi buôn thực sự, có lần gặp tôi ở sân bay Hà Nội, ông bảo tôi có bao nhiêu tiền đưa ông hết để ông mua phim Orwo vào Sài Gòn bán, chia lời cho... Tôi không dám vì sợ không có tiền dẫn túi! Có lúc ông ngồi vỉa hè chợ Huỳnh Thúc Kháng bán đồ điện. Kẻ giáo điều dè bủ là nhà giáo, nhà thơ mà buôn bán vỉa hè. Ông nói: Lương thiện gấp ngàn lần thằng buôn văn bán chữ, thằng ăn cắp đang ngồi ghế quan chức nói chuyện đạo đức giả!

Thầy Hoàng Hưng, con nhà Hoàng Thụy Ba, bác sĩ học ở Pháp về, nhà giàu nhất nhì ở cái phố Đường Thành Hà Nội nay lại đi buôn giấy ảnh, thuốc lá sợi... Phạm Tiến Duật vịnh:

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

Xếp bút nghiên theo nghiệp đi buôn!

Ấy vậy mà đến kỳ “mở cửa”, người ta mời ông đi các nước giao lưu văn hoá mà A25 không cho đi, mãi năm 2000 ông phải lên tận Bộ Công an lấy giấy xuất cảnh từ tay Tướng Nguyễn Văn Hưởng. Tướng Hưởng phải thú nhận: Giao lưu với thế giới không để các anh đi thì còn ai nữa! Tôi nghĩ phút ấy ông tướng này nói thật lòng!

Theo tôi, điều đáng nói nhất về Hoàng Hưng là: Sau các vị tiền bối Nhân Văn-Giai Phẩm, Hoàng Hưng là người đi hàng đầu trong những người cầm bút thế hệ mình tự cho mình cái quyền tự do sáng tác, tự do tư tưởng trong một xã hội chính trị lãnh đạo văn nghệ. Thập niên 1980, ông xuất bản tập thơ *Ngựa biển* bị ném đá túi bụi. Khi hai anh em đi dạo bờ biển Nha Trang, ông trách tôi: Là nhà báo tên tuổi mà không bênh vực bạn! Tôi bảo: Tôi không thích cái thứ thơ “siêu thực”, “vụt hiện” của anh, nhưng anh làm thơ siêu thực hay tuyệt thực là quyền con người của anh. Những người định xây dựng một xã hội “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” trên đời này còn siêu thực gấp một ngàn lần anh, nhưng người ta có súng nên bắt người khác không được thế này, không được thế kia... Tập thơ *Ngựa biển* của anh là tập thơ điên. Nhưng điên là quyền con người của anh. “Đi tắt đón đầu và đuổi kịp các nước phương Tây trong vòng mười mười lăm năm hai mươi năm...” như ông Phạm Văn Đồng tuyên bố tại một hội nghị lớn ở Hà Nội mà tôi được nghe năm 1978 thì còn điên hơn nhiều. Nhưng biết là điên mà người ta

vấn vổ tay rào rào. Nếu anh là Thủ tướng, chắc tập *Ngựa biển* của anh được ca ngợi là kiệt tác bất hủ... Nếu tôi viết bênh anh thì tôi sẽ viết như thế, liệu có báo nào dám đăng không?

Hoàng Hưng không nói gì cả. Anh chậm chậm bước và đọc câu thơ của nhà thơ Pháp Paul Valéry:

La mer, la mer toujours recommencée... (Biển, biển bao giờ cũng bắt đầu trở lại)

Từ chỗ đòi tự do sáng tác, Hoàng Hưng đã trở thành nhà đấu tranh dân chủ với những bài viết sắc sảo trên các mạng Internet, tố cáo những vi phạm quyền công dân và quyền con người, phản đối các cuộc bắt bớ đánh đập người biểu tình chống Trung Quốc xâm lược biển Đông của Việt Nam. Bài viết gần đây của ông từ Mỹ về vụ xử án ô nhục đối với nữ sinh viên 20 tuổi Phương Uyên và sinh viên Nguyễn Kha 24 tuổi về “tội” yêu nước chống TQ xâm lược đã gây xúc động cho hàng triệu cư dân mạng trên toàn thế giới. Ông cũng là một trong số người đầu tiên thảo và tung lên mạng các kiến nghị, tuyên bố, từ vụ Thơ Trần Dần bị thu hồi năm 2008, tu viện Bát Nhã bị giải tán năm 2009 đến vụ Cù Huy Hà Vũ bị xử tội oan, vụ nông dân Văn Giang bị cướp đất...

Điều thứ hai cần nói về Hoàng Hưng là: Ngoài những tập thơ có tiếng vang, thường gây tranh cãi của ông như *Đất nắng* (1970), *Ngựa biển* (1988), *Người đi tìm mặt* (1994), *Hành trình* (2005) và *Ác mộng*, một tập thơ độc đáo không bao giờ có giấy phép xuất bản, cuối cùng được phổ biến trên mạng (mở đầu là mạng *Talawas* ở Berlin), viết về trải nghiệm tù đầy, có những bài ông viết trong đầu khi ở tù rồi chép lại sau khi ra tù, một bài trong đó là *Người về* đã được tuyển vào *Tổng tập văn chương thế giới* của tập đoàn xuất bản Mc Millan... Hoàng Hưng còn là một dịch giả thơ lớn của VN trong ba thập kỷ qua. Ông đã chủ biên và dịch *100 bài thơ tình thế giới* (1987), *Thơ Federico Garcia Lorca* (1988), *Thơ Pasternak* (1988), *Thơ Apollinaire* (1997), *Các nhà thơ Pháp cuối TK 20* (2002), *15 nhà thơ Mỹ TK 20* (2004), *Trường ca Aniara* của Harry Martinson, giải Nobel 1974 (2012). Ông còn dịch tiểu thuyết của Rudyard Kipling, Françoise Sagan, Georges Pérec... Hoàng Hưng trở thành một trong những cây cầu để người đọc VN đến với thơ phương Tây hiện đại, rất cần thiết cho một đất nước bị đóng cửa nhiều năm.

Tài hoa như vậy nhưng ông sống giản dị, khiêm nhường, có thể ngồi ngay xuống vỉa hè ăn một búp ngô nướng, uống một chén trà giữa phố phường

đồng người qua lại. Có thể ăn một củ khoai luộc qua bữa, nhưng ông sẵn sàng bỏ ra hàng triệu đồng giúp một “tù nhân lương tâm” vừa thoát khỏi “nhà tù nhỏ”, giúp một nhóm thiện nguyện hàng chục triệu đồng để hoạt động vì lợi ích của trẻ em... Ông là một người Hà Nội hào phóng mà tôi ít gặp trên đời này.

Ấn tượng nhất với tôi là những chuyện ông kể về những ngày ở tù.

Nhờ ở tù mà ông học thêm được một ngoại ngữ là tiếng Anh. Sau khi ra tù, tiếng Anh giúp ông nhiều trong lúc tiếng Pháp ít người sử dụng. Ông kể cho tôi một chuyện vui: Tôi tự học một mình bằng sách báo, nên nói và nghe rất dở. Vậy mà lần đầu qua Mỹ (2003), họ đòi tôi thuyết trình về Thơ VN trong thời gian một tiết học. Thế là trước khi đi hai tháng, tôi phải kiếm một anh người Mỹ đến nhà nói chuyện mỗi ngày một giờ để tập nói-nghe. Khi đăng đàn, mở đầu tôi xin lỗi ngay về cái sự phát âm của tiếng Mỹ mình, vì tôi học trong tù là chủ yếu, học bằng từ điển Pháp-Anh và báo *Moscow News (Tin Mạc Tư Khoa)* của Liên Xô! Mọi người khoái chí cười và vỗ tay rầm rĩ!

Trong tù, giữa đêm khuya, thấy chấy rận từ người bạn tù bên cạnh bò ra thì biết là người ấy đã chết! Vì người chết thì lạnh, chấy rận thấy lạnh là bỏ đi...

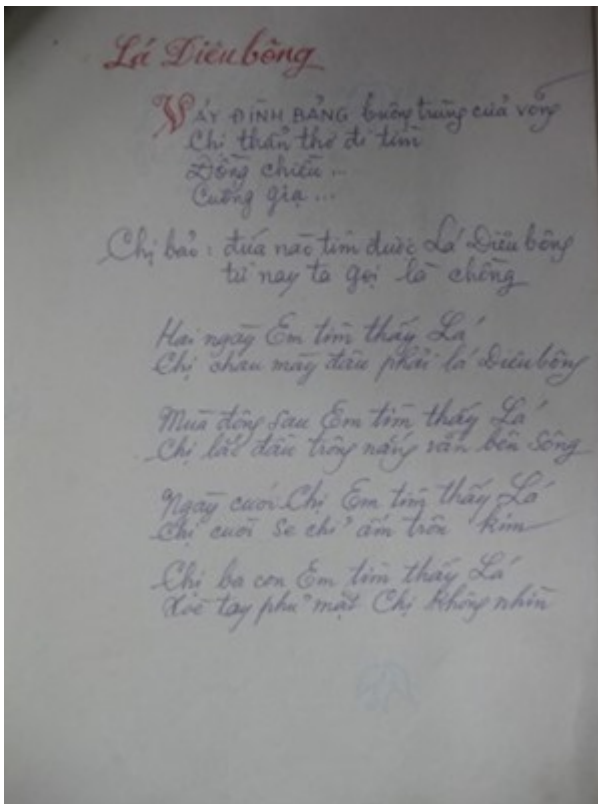
Kể những chuyện đó cho tôi nghe bình thản như chuyện ông dịch thơ...

Hoàng Hưng là một con người có cuộc sống thật phong phú. “Cái phong phú được gọi là Cái Đẹp” (Mạnh Tử).

“VỀ KINH BẮC”, MỘT VỤ ÁN HẬU NHÂN VĂN

Hoàng Hưng

Gần đây trên mạng xuất hiện một số tư liệu mới về phong trào Nhân văn – Giai phẩm. Tiểu luận mang tên **“Vụ Nhân văn – Giai phẩm từ góc nhìn một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành”** của nhà văn Lê Hoài Nguyên, nguyên đại tá Cục An ninh Tư tưởng Văn hóa Bộ Công an (A 25), là một tư liệu quan trọng góp phần vào lịch sử đấu tranh dân chủ của nước Việt Nam hiện đại. Trong tiểu luận trên, tác giả xếp vụ án “Về Kinh Bắc” 1982[1] vào mục “Hậu Nhân văn”. Chính điều này đã gợi hứng cho tôi quyết định viết về vụ “Về Kinh Bắc” với tư cách người trong cuộc, mong góp thêm phần hoàn chỉnh tư liệu về phong trào lịch sử này.



Một trang trong tập bản thảo “Về Kinh Bắc”

Vụ án “Về Kinh Bắc” chắc đã được khởi động từ quãng giữa năm 1982, khi anh Nguyễn Mạnh Hùng, TS Kinh tế, GS đại học ở Canada, cũng là nhà văn Việt Nam hải ngoại có bút hiệu Nam Dao, đang làm việc/thăm chơi ở Hà Nội, xin nhà thơ Hoàng Cầm một bản chép tay tập thơ *Về Kinh Bắc* (VKB) để đem về Canada. Nguyễn Mạnh Hùng được chính quyền Việt Nam coi là “Việt kiều yêu nước”, đã đóng góp tích cực cho phong trào ủng hộ miền Bắc, chống Mỹ và chính quyền miền Nam từ khi còn là sinh viên ở Canada. Sau khi đất nước thống nhất, anh đã nhiều lần về nước, có tham gia

tư vấn cho chính phủ về kinh tế. Mặt khác, anh lại quan hệ thân thiết với các nhà văn trong nhóm Nhân văn – Giai phẩm, đặc biệt với nhà thơ Hoàng Cầm mà anh yêu mến.

Việc Hoàng Cầm cho Nguyễn Mạnh Hùng một bản chép tay *VKB* chẳng có gì cần bí mật, khi chưa hề có văn bản hay chỉ thị miệng của cấp thẩm quyền nói rằng tập thơ bị cấm lưu hành. Và lại, ở cái quán rượu 43 Lý Quốc Sư mà Hoàng Cầm sống nhờ vào đó từ nhiều năm, lúc nào cũng chật khách trầm ngâm say và âm u khói thuốc, trong đó hầu hết là những người yêu văn nghệ “ngoài luồng”, và không ít “đặc tình” (cộng tác viên, nói nôm na là chỉ điểm của CA), “cá chìm” (tiếng lóng để chỉ trình sát công an thường phục), thì có gì liên quan đến ông Hoàng “thơ chui” này mà giữ kín được! Nhưng muốn hiểu vì sao có vụ án “Về Kinh Bắc”, phải ngược thời gian lên mười năm trước, khi một số bài trong bản thảo *VKB* bắt đầu được truyền tay hơi rộng trong giới yêu thơ, trong đó ba bài “Cây tam cúc”, “Lá diêu bông”, “Quả vườn ổi” (thường được gọi là bộ ba *cây-lá-quả*) được mến mộ nhất – phần quan trọng vì chúng được xì xầm diễn giải như lời oán trách của “em” (văn nghệ sĩ) với “chị” (Đảng), đại khái “em” yêu “chị”, nhưng “chị” đã lừa “em”, cho “em” ăn toàn “quả rụng”, rồi bỏ mặc “em” bơ vơ để đi lấy chồng... Theo Hoàng Cầm kể, thì năm 1974, CA Hà Nội có kêu tác giả lên răn đe về việc lưu truyền những bài thơ “có nội dung xấu” ấy. Hoàng Cầm phải ngung, nhưng sau 1975, với không khí hào hứng của những ngày “miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng”, *VKB* lại có thêm độc giả ở miền Nam, và đến 1979, sự giao lưu với nước ngoài bắt đầu được cởi mở hơn, một số Việt kiều đã có được một số bài thơ chép tay của nhà thơ, trong đó dĩ nhiên “bộ ba *cây-lá-quả*” vẫn đứng đầu bảng. Hoàng Cầm có kể đích danh một nữ bác sĩ xưng tên là Cần Thơ ở Pháp đã xin ông gửi cho một số bài thơ, sau này bà cho biết bà là đệ tử của thiền sư Thích Nhất Hạnh ở Làng Mai. Trong khi xét hỏi bản thân tôi, một sĩ quan CA cho biết: *VKB* bắt đầu thành vấn đề nghiêm trọng chính là vì mấy bài thơ này được in trên một tờ báo ở Pháp kèm theo lời bình mang tính chống đối chính trị. Theo Hoàng Cầm thì CA có đọc cho ông nghe bài viết ấy trên báo *Đất Mẹ (Quê Mẹ?)* [li](#)

Tóm lại, chậm nhất là vào mùa thu 1982, một chuyên án *VKB* đã được mở ra, với mục đích ngăn chặn việc đưa bản thảo này ra nước ngoài và bắt tội tác giả của nó, hoặc đơn giản chỉ là mượn cớ việc chuyển bản thảo này ra nước ngoài để trừng trị tác giả cho bõ ghét. Theo Hoàng Cầm thì khả năng 2 là chính, ông nhất định cho rằng chính Tô Hữu là người chủ trương, vì căm ghét Hoàng Cầm đã dám chê thơ ông ta (vụ phê bình tập *Việt Bắc* năm 1956), chưa kể đã “dám nổi tiếng” hơn ông ta trong kháng chiến! Và cũng

theo Hoàng Cầm, để làm việc này, Tố Hữu đã sử dụng một số “CA riêng” của mình.

Thế là trong lúc một cái lưới đang giăng ra xung quanh quán rượu Hoàng Cầm ở 43 Lý Quốc Sư, thì tôi ở Sài Gòn ra, vô tình chui vào đó, trở thành con cá to (?) cuối cùng để CA cắt vó!

Vì sao định mệnh lại chọn tôi làm con cá oan nghiệt kia? Suốt mấy năm trời trong trại giam tôi vẫn tự hỏi, vì xét theo logique, tôi chẳng thể nào hình dung mình có ngày “ách giữa đàng đăm quàng vào cổ” như thế.

Bởi lẽ thứ nhất: từ khi Hoàng Cầm hoàn thành *VKB* (mùa Xuân 1960) cho đến tháng 8 năm 1982, đã có hàng trăm bản chép tay của nó được lưu truyền, mà không thấy ai làm sao, cũng không ai phổ biến lệnh cấm dù chỉ là lệnh miệng. Lý lẽ này tôi lặp đi lặp lại trong các buổi hỏi cung, tôi còn vặn lại người cán bộ xét hỏi: “Để một tài liệu ‘phản động’ tự do lưu truyền trong 20 năm như thế thì trách nhiệm của cơ quan an ninh ra sao?”. Tất nhiên họ không trả lời được. Và hậu quả của sự “cứng đầu” cộng với ngây ngô của một anh nhà-giáo-nhà thơ-đi-làm-báo tưởng rằng trên đời có thứ gọi là công lý, là tôi phải nhận đến 39 tháng tù trong khi “đầu vụ” chỉ có 16 tháng!

Lẽ thứ hai là quan hệ của tôi với tác giả *VKB* vốn không có gì mật thiết. Là một trong số những nhà thơ trẻ nổi bật của “thế hệ chống Mỹ”, nhưng vì “trót” đọc được tiếng Pháp, tôi sớm giác ngộ về “Chủ nghĩa xã hội với bộ mặt người” qua những sách báo tiếng Pháp ở ngay trong Thư viện Quốc gia (Nhà nước cho rằng rất ít người biết tiếng Pháp nên không kiểm duyệt bỏ những ấn phẩm tiếng Pháp “nhạy cảm” được nhập vào đó theo con đường viện trợ, trao đổi). Đó là thuyết “chủ nghĩa hiện thực không bờ bến” của Roger Garaudy, một nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp, những tư tưởng “xét lại” của George Lukács, nhà lãnh đạo cộng sản Hungary, tiểu thuyết *Docteur Jivago* của B. Pasternak, các tài liệu về Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX, về những biến động ở Hungary, Tiệp Khắc... Những sách vở ấy cộng với thực tế nhiều phũ phàng mà tôi va chạm trong mấy năm dạy học và “đi thực tế sáng tác” ở vùng công nghiệp Hải Phòng, Quảng Ninh, cộng với sự đổ vỡ niềm tin chiến thắng sau Tết Mậu Thân và cái chết của “Bác”, khiến tôi ngày càng hoài nghi sự đúng đắn của chế độ. Tất nhiên tôi cũng nhìn lại phong trào Nhân văn – Giai phẩm bằng con mắt hoàn toàn khác những gì Đảng dạy. Vì thế, cuối năm 1969, khi đã viết một số bài thơ “ngoài luồng” không thể công bố, tôi tìm đến làm quen với anh Văn Cao qua dịch giả Dương Tường. Chính Văn Cao là người đã khuyến khích tôi tiếp tục lối

thơ “bàng thống” mà tôi đang bước vào. Anh trở nên thân thiết với tôi, và đã đứng chủ trì buổi tiếp bạn bè văn nghệ trong ngày cưới của vợ chồng tôi đầu năm 1975. Với Hoàng Cầm thì khác. Không chỉ “có vấn đề” về tư tưởng, ông còn tai tiếng là con nghiện (thuốc phiện) và chủ quán rượu chui. Tôi – một nhà thơ trẻ đang được ưu ái, lại là nhà giáo và nhà báo của ngành giáo dục (*Báo Người Giáo viên Nhân dân*), cũng thấy ngại dây dưa! Mãi sau khi đã chuyển vào Sài Gòn công tác, tư tưởng ngày càng “diễn biến hòa bình” do tác động của cuộc sống và sách vở tàn dư của chế độ Sài Gòn, trong một lần ra Hà Nội vào cuối những năm 1970 hay đầu 1980, tôi mới tìm đến Hoàng Cầm, cũng do Dương Tường đưa dắt. Chính lần ấy, tôi được nhà thơ khoe một bản thảo *VKB* do ông chép tay chữ rất đẹp, bay bướm uyển chuyển, có mấy phụ bản tranh của Bùi Xuân Phái vẽ các cô gái quan họ. Đó là tập bản thảo mà ông đã bán cho ông Lâm chủ quán cà phê chuyên sưu tầm tranh của các họa sĩ nổi tiếng ở Hà Nội, nay ông mượn lại, có lẽ để khoe với những người bạn mới, có thể là Việt kiều chăng? Nhân dịp, tôi đã xin nhà thơ chép cho ba bài *Cây – Lá - Quả* đem về Sài Gòn khoe vài người bạn văn nghệ “chui” vốn là dân Sài Gòn cũ (trong đó có anh Phương Kiến Khánh, sau trở thành nhà thơ Chân Phương ở Mỹ).

Trong chuyến ra Hà Nội tháng 8 năm 1982, định mệnh xui khiến tôi lại đến với Hoàng Cầm ngoài chủ ý. Một bữa tôi gặp Dương Tường trên phố, anh sốt sắng bảo tôi đến an ủi Hoàng Cầm vì nhà thơ vừa trải qua một bi kịch: con gái yêu của ông là nữ diễn viên kịch Hoàng Yến chết đột ngột – nghe đâu là tự tử. Tôi đến chơi, lại nghe ông than là vừa bị mất tập bản thảo *VKB* mượn lại của Lâm cà phê (chắc hẳn CA đã lấy đi làm hồ sơ cho vụ án *VKB* đang chuẩn bị). Ông tỏ ra rất tiếc xót, vì khó có cơ hội làm lại một tập đẹp như thế. Tôi hứng lên, nói sẽ làm lại cho ông một tập đẹp hơn thế. Ông bảo tôi đến gặp Trần Thiếu Bảo ở phố Bát Đàn, nhờ ông này mua giấy và bút bi loại tốt để ông chép. Trần Thiếu Bảo nhận lời ngay. (Chỗ này, nhân thể nói bài nghiên cứu của tác giả người Đức Heinz Schütte [công bố trên talawas 31/7/2010](#) có chỗ lầm: ông cựu giám đốc NXB Minh Đức sau khi ra tù không bị chỉ định cư trú ở Nam Định cho đến chết, ông đã được về lại Hà Nội từ lúc nào đấy, và vào năm 1982, ông đang chuẩn bị mở quán ăn để sinh sống tại số 5 (?) Bát Đàn. Thế là việc chép tay *VKB* tiến hành. Tôi đồng thời đến xin Văn Cao một phác họa làm bìa tập thơ *VKB*, và xin Bùi Xuân Phái mấy phụ bản. Ít ngày sau, tôi vui sướng có trong tay một bức họa mấy cái lá bay (chắc là “lá diêu bông”) của Văn Cao và 4 phụ bản màu nước của Bùi Xuân Phái vẽ những cô gái quan họ nón quai thao áo tứ thân. Có một chi tiết mà những ngày đó tôi đã bỏ qua. Trong thời gian này, tôi hầu như ngày nào cũng đến quán rượu Hoàng Cầm để giục nhà thơ chép cho xong tập thơ. Một

tôi, tôi trông thấy trong quán có một người quen, anh nguyên là giáo viên cùng dạy học với tôi ở Hải Phòng, nhưng đã chuyển về Hà Nội, nghe đâu làm ở Bộ Công an, vì anh là cháu ruột ông tướng CA nổi tiếng Nguyễn Công Tài. Thấy tôi, anh cất giọng lè nhè như của người say rượu bảo: “Cái ông Hưng này đến là rách việc”. Tôi hồn nhiên không để ý, chỉ cười rồi đi ra. Sau khi bị bắt tôi mới đoán rằng anh bạn đồng nghiệp cũ có lòng tốt cảnh báo để tôi khỏi sa bẫy. Nhưng lúc đó tôi hoàn toàn ngây thơ và tự tin việc xin thơ Hoàng Cầm chẳng có vấn đề gì mà phải đề phòng!



Bìa tập thơ “Về Kinh Bắc” do Trần Thiếu Bảo vẽ

Ngày Hoàng Cầm hoàn thành việc chép *VKB*, tôi muốn nhân đó có một cuộc liên hoan nhỏ với các bậc đàn anh để ăn mừng và cũng là để chia tay lên đường vào lại Sài Gòn. Ông Trần Thiếu Bảo đề nghị làm ngay tại nhà ông ấy, như cũng để khai trương quán của ông. Đầu bếp là Phan Tại, nhà viết kịch và cũng là đồng phạm của ông trong vụ xử án “gián điệp phản động Nhân văn – Giai phẩm” năm 1960. Trong bữa ăn vui vẻ tình cảm dạt dào giữa những người cùng tâm sự (có Hoàng Cầm, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại; tôi tuy vọng niên nhưng được các đàn anh cư xử như kẻ ngang hàng), ông Bảo khoe mọi người hai cái “bia” cho tập *VKB* và tập thơ của tôi mà ông trình bày theo lối siêu thực (Trước đó ít lâu, tôi có

khoe một tập bản thảo thơ “chui” của mình cho một số bạn văn nghệ ở Hà Nội, trong đó có Nguyễn Thụy Kha, tập thơ gây ấn tượng khá mạnh vì sự phá cách của nó. Ông Bảo xin mượn ít hôm). Sau liên hoan, ông Bảo đề nghị tôi cho ông mượn tiếp tập ấy cùng với tập *VKB* vừa mới hoàn thành.



Bìa tập thơ Hoàng Hưng do Trần Thiếu Bảo vẽ

Những ngày sau đó, tôi lo chuẩn bị để lên đường, nên định bụng trước khi đi mới đến nhà ông Bảo lấy lại hai tập thơ. Không hiểu sao ông Bảo rất sốt ruột, ngày nào cũng đến nhà bà chị tôi (là nơi tôi ở nhờ trong thời gian lưu lại Hà Nội) thúc giục tôi tới lấy! (Sau mới ngã ngửa ra là Trần Thiếu Bảo bị CA khống chế, phải làm chỉ điểm cho họ, ít ra là trong vụ *VKB* này. Nếu vì lý do gì đó mà tôi không đến lấy hai tập bản thảo, thì vụ án bị hẫng to!)

Hoá ra họ đã sắp xếp rất chu đáo để “cát vó” *VKB* mà tôi là một con cá hằm hiu ở đâu đến chui đầu vào lưới. Sau này một anh CA quen thân với gia đình anh cả tôi còn cho biết họ đã bí mật theo dõi, quay phim tôi suốt nửa tháng trời mà tôi không hề để ý!



Hoàng Hưng trước ngày bị bắt tháng 8/1982

Chiều 17/8/1982, sau khi sắp xếp xong hành lý để đi chuyển tàu tới xuống Hải Phòng và sáng hôm sau đi tàu biển vào Sài Gòn, tôi đến nhà Trần Thiếu Bảo lấy lại 2 tập thơ. Vào trong quán, tôi thấy hai người đàn ông đang ngồi uống nước. Sau vào trại giam đi “cung” mới biết đó là ông Khổng Minh Dự ở A25, sau này sẽ là Thiếu tướng Cục trưởng và cũng là “nhà thơ”, và anh Thuận, trợ lý của ông, sau này sẽ là Cục phó Cục chống Bạo loạn. Tôi cứ hồn nhiên cầm tập thơ đi ra, lên xe đạp phóng. Được một đoạn, bỗng có hai anh thanh niên đèo nhau xe gắn máy ép tôi vào lề đường. Hai anh nhảy xuống, giữ tôi lại, bảo: “Cái xe đạp anh đang đi là xe của chúng tôi bị mất cắp”. Tôi kinh ngạc, vì tôi đang đi chiếc xe của bà chị ruột. Đang cãi qua cãi lại, thì một công an mặc sắc phục ở đâu tiến tới, nói: “Các anh lộn xộn gì thế, mời về đồn giải quyết”. Đồn CA gần đây là đồn Hàng Bạc. Vào trong đồn, anh CA xưng là đồn trưởng, yêu cầu tôi bỏ hết các thứ trong túi xách ra. Thấy tập bản thảo của Hoàng Cầm, anh ta hỏi: “Cái gì thế này? Thơ à? Thơ của ai đây?”. Tôi đáp: “Của Hoàng Cầm.” “Hoàng Cầm là ai? Anh ngồi đây đợi, cái này tôi phải xin ý kiến cấp trên”. Tôi ngu đến mức vẫn chưa biết đây chỉ là một màn bi hài kịch dàn dựng sẵn.

Sau khoảng 20 phút chờ đợi, anh đồn trưởng bước vào, bảo: “Đây là ý kiến cấp trên”. Anh giở ra một tờ giấy, đọc: “Lệnh bắt và khám xét khẩn cấp” vì tội “lưu truyền văn hoá phẩm phản động”. Thế là nhanh như cắt, hai anh thanh niên “mất xe đạp” lúc nãy hiện nguyên hình là CA, áp giải tôi lên xe bị bưng, đưa về... Hoả Lò!

1

VỀ KINH BẮC

Chữ

HOANG CÂM

1960



Chép gửi
Hoàng Hùng
cho mai sau của
chúng ta

Hà Nội, tháng Tám 1982

HBAM

Ngày 20/8/1982 thì đến lượt Hoàng Cầm bị bắt. Còn Nguyễn Mạnh Hùng, khi ấy đang ở Sài Gòn chuẩn bị bay về Canada. May được Dương Tường kịp báo hung tin, anh gửi ngay tập bản thảo *VKB* cho Cao Xuân Hạo giữ, ra sân bay vô tang. (Tuy nhiên, khi khám xét hành lý của tôi, CA thu được một bức thư Hoàng Cầm nhờ tôi đưa cho Nguyễn Mạnh Hùng khi vào Sài Gòn, thư dán kín nên tôi không biết nói gì trong đó). Hùng bị cấm cửa về Việt Nam trong suốt 20 năm. Chuyến anh trở lại Việt Nam sau 20 năm ấy, lần đầu tiên hai người “đồng phạm” bắt đắ dĩ chúng tôi mới gặp nhau.

Sau khi tôi và Hoàng Cầm bị bắt, tin đồn lung tung, có cả tin tôi bị bắt vì mang thuốc phiện lậu! Theo nhà báo Trần Đức Chính, TBT tờ báo của Hội Nhà báo VN, thì có tờ báo hồi ấy đăng tải cả một chuyện vụ án mang tên “Vụ án hai ông Hoàng” với nhiều tình tiết ly kỳ! Gần đây, một số sách báo ở nước ngoài và trên mạng vẫn viết là Hoàng Hùng bị bắt vì âm mưu chuyển tập thơ *VKB* vào sứ quán Pháp! Mới biết trí tưởng tượng của người ta phong phú thật!

Kết cục của vụ án tóm tắt như sau: Hoàng Cầm sau mấy tháng bị giam thì kiệt sức vì bị khủng bố tinh thần liên tục mà lại không có năng tiên nầu trợ lực, phải nhận tội phản động, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, chống chế độ, đề mong sớm được ra.

Tôi không thể nào quên cái buổi sáng ấy trong Hỏa Lò. Sau mấy tháng không thuyết phục được tôi thừa nhận *VKB* là “phản động”, CA để tôi nghỉ một hơi dài. Rồi bỗng một hôm tôi lại được gọi đi “làm việc”. Người CA đưa tôi vào một phòng hỏi cung, nhưng không có ai trong đó. Mà lại có một tập giấy thép viết sẵn để trên bàn. Tôi tò mò giở ra, thì... trời ơi, đó là bản tự khai của Hoàng Cầm, tôi nhận ra chữ viết rất nắn nót, đẹp, của ông. Tôi đọc lướt, càng đọc càng hoang mang vì ông nhận tuốt tuột các ý tưởng chống Đảng, đả kích chế độ... trong tập thơ. Để cho tôi một mình đọc xong, người ta mới đưa tôi trở lại phòng giam. Và họ bố trí rất khéo, để như tình cờ tôi gặp Hoàng Cầm đang ngồi ở cổng chờ (giữa khu trại giam và khu “làm việc” có một cái cổng lớn, sau khi “làm việc” xong phạm nhân ngồi đó chờ “quản giáo” ra nhận để đưa vào buồng giam). Tôi xông đến bên ông, hỏi gay gắt: “Anh nhận tội phản động thật à? Sao lại thế?” Hoàng Cầm cúi đầu xuống, không nói gì, từ khóe mắt ông lăn ra những giọt nước mắt. Đến tận hôm nay, nhớ lại những giọt lệ tủi nhục của nhà thơ đàn anh, lòng tôi vẫn còn đau. Với tôi, tự buộc mình phải hèn để có thể tồn tại là điều không gì đau hơn cho một kẻ sĩ.

Nhưng trong lúc Hoàng Cầm ngong ngóng CA thực hiện lời hứa (?) cho về vào dịp Tết, thì một số trí thức Pháp do Thiên sư Thích Nhất Hạnh vận động đã gửi thư cho Lê Đức Thọ đề nghị thả nhà thơ. Tin đến tai Tố Hữu, ông “bạn thơ” quý hoá phán một câu xanh rờn: “Nước ngoài can thiệp hả? Thế thì giam thêm 1 năm nữa cho biết!” (theo lời Hoàng Cầm kể, Hoàng Hưng ghi, đăng trên talawas mở đầu tập VKB 5/4/2007). Thế là Hoàng Cầm bị giam tổng cộng 16 tháng (20/8/1982 – trước Noel 1983).

Còn bản thân tôi, chỉ vì tội buống, mà bị CA lục tung nhà trong Sài Gòn suốt một ngày trời. Họ tìm ra một số trang nhật ký bằng văn vần làm từ đầu thập kỷ 1970 mà CA nhận định là “phản động gấp 100 lần thơ Hoàng Cầm” (lời ông Không Minh Dụ)[2]. Sau gần ba năm điều tra rất công phu mà không tìm thấy gì chứng tỏ tôi nằm trong đường dây liên lạc với bọn “văn nghệ sĩ phản động hải ngoại”, cuối cùng, nhờ là “cán bộ nhà nước phạm tội lần đầu”, tôi được đặc ân “chỉ xử lý hành chính nội bộ chứ không bị truy tố ra toà” (lời viên CA khi công bố lệnh “tập trung cải tạo” dành cho tôi). Mãi đến cuối năm 1985, nhờ không khí chính trị có phần nới lỏng trước Đổi mới, và nhờ người anh ruột là bác sĩ phục vụ các cán bộ cao cấp đứng ra bảo lãnh, tôi mới được về sau 39 tháng tù, với cái lệnh tha mang tội danh được cải thành “lưu truyền văn hoá phẩm đòi truy” (!) Không hiểu sao lại có sự cải đổi từ “văn hoá phẩm phản động” sang “đòi truy” như thế? Chắc là CA không muốn có bất cứ bằng chứng nào chứng tỏ có tội danh “phản động” trong luật pháp Việt Nam, cũng như họ không bao giờ thừa nhận có “tù chính trị” vậy. (Những người bạn vong niên của tôi bị tù đầy trong vụ án “xét lại” khi ra tù không ai được cầm lệnh tha hay giấy ra trại!)

Một điều an ủi lớn cho tôi: bị nhà nước bỏ tù, nhưng tôi được đồng nghiệp bạn bè cảm thông. Thời gian tôi bị bắt, có chuyện được coi là hy hữu: Báo *Người Giáo viên Nhân dân*, cơ quan tôi, hết sức bênh vực tôi. Báo còn trả lương đều đặn và gửi quà cho tôi, bất chấp CA phàn nàn; phải 2 năm sau, khi CA công bố lệnh tập trung cải tạo với tôi, báo mới đành ngưng việc ấy và Bộ Giáo dục mới ra quyết định “cho ông Hoàng Hưng thôi việc vì vi phạm pháp luật bị tập trung cải tạo” (chứ không “buộc thôi việc” như thường thấy trong các vụ tương tự). Người có vai trò lớn trong chuyện này là nhà báo Trường Giang, Bí thư Chi bộ Đảng, Thư ký Toà soạn báo NGVND. Ở Sài Gòn, gia đình tôi lâm vào cảnh “vợ dại con thơ” cực kỳ khốn đốn, có những bữa phải ăn chuối trừ bữa, nhưng bù lại đã nhận được sự thông cảm yêu thương của tất cả bà con khu phố, kể cả anh cảnh sát khu vực, của các thầy cô giáo dạy cháu Hoàng Ly.

Sau khi ra tù, Hoàng Cầm mất hằng năm trời sống trong trạng thái thường trực hoảng loạn, hậu quả của thời gian tù ngục. Nhờ sự động viên của bạn bè văn nghệ ông mới dần dần hồi phục. Sau Đổi mới, thơ Hoàng Cầm bắt đầu tái xuất, nhưng riêng *VKB* còn bị CA ngăn trở dài dài cho đến tận năm 1994 mới ra mắt được. Hoàng Cầm trở thành gương mặt của truyền thông không thua gì các “sao”, cuối cùng ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học (2007). Tuy nhiên, cho đến khi ông qua đời (tháng 5/2010), chính quyền không hề có một lời minh oan hay xin lỗi, đừng nói gì đến bồi thường cho những năm tù đầy oan ức của ông.



Gặp gỡ ở nhà Hoàng Hưng (Sài Gòn) sau Đổi Mới: từ trái sang: vợ chồng Hoàng Hưng, nhà điêu khắc Trương Đình Quế (?), vợ chồng Văn Cao, Hoàng Cầm, nhà điêu khắc Nguyễn Hải

Còn tôi, ngay sau khi tôi ra tù, GS Nguyễn Văn Hạnh, Thứ trưởng Bộ Giáo dục, thầy dạy cũ của tôi ở Khoa Văn Đại học Sư phạm, ngỏ ý sẵn sàng nhận tôi làm việc ở cơ quan Bộ. Nhưng tôi chọn tiếp tục nghề báo, và năm 1988, tập *Ngựa biển* bao gồm hầu hết những bài thơ trong tập bản thảo của tôi bị CA tịch thu năm 1982, là tập thơ “ngoài luồng” đầu tiên tự xuất bản ở nước ta sau Đổi mới, nhờ được anh Trương Văn Khuê, Giám đốc NXB Trẻ cương quyết bảo vệ. Từ đó tôi in thơ bình thường. Riêng tập thơ *Ác mộng* viết về những trải nghiệm tù đầy thì đến nay vẫn bị các nhà xuất bản từ chối. Tuy nhiên một số bài trong đó đã được công bố nhờ sự “chịu chơi” của nhà thơ Quang Huy, Giám đốc NXB Văn hoá – Thông tin, rồi sau đó bài “Người về” được đưa vào những tuyển thơ quan trọng nhất; bản tiếng Anh của nó (Nguyễn Đỗ và Paul Hoover dịch) được đưa vào dự án *Tổng tập văn học thế giới* của một tập đoàn xuất bản quốc tế danh tiếng. Riêng có chuyện xuất

cảnh thì tối kỵ. Chắc người ta ngại tôi ra ngoài sẽ trở thành nhân chứng sống cho “thành tích nhân quyền” của chế độ. Mãi đến năm 2000, do một đồng nghiệp bảo lãnh trực tiếp với ông Tổng cục trưởng An ninh, tôi mới được ông đích thân cho phép ra khỏi nước mà không kèm “điều kiện” nào.

Có hai chuyện thú vị về “hậu vụ án VKB”:

Năm 2002, khi tôi về hưu tại báo *Lao động*, do khiếu nại của tôi, báo *Lao động* và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã kiến nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trả lương hưu cho tôi theo cả thời gian làm việc trước khi bị bắt (quy định phi lý phi nhân của Bộ này là vứt bỏ hết thời gian làm việc của cán bộ công nhân viên trước khi họ bị kỷ luật hay bắt giam, như đã áp dụng với nhà văn Bùi Ngọc Tấn). Lý do được nêu rõ trong công văn: Ông Hoàng Hưng bị bắt giam vì cầm tập thơ *VKB* của Hoàng Cầm mà thời đó coi là phản động, nay xã hội đã có nhìn nhận khác, quyền lợi của ông Hoàng Hưng phải được trả lại. Kiến nghị bị từ chối. Nhà báo Nguyễn Thị Hằng Nga, đại biểu Quốc hội, bèn đưa thẳng hồ sơ cho bà Bộ trưởng Nguyễn Thị Hằng, thế là Bộ này quay 180 độ, đổi ngay quyết định, phá lệ!

Năm 2005, trên một chuyến bay từ TPHCM ra Hà Nội, tình cờ tôi ngồi ngay bên cạnh một viên CA trực tiếp hỏi cung tôi trong vụ VKB. Quả đáng tội, hồi đó ông và tôi đã từng khá căng thẳng với nhau. Nay ông giữ một chức vụ quan trọng trong ngành an ninh. Ông vui vẻ chủ động bắt chuyện. Ông nói nhiều chuyện về văn nghệ, rồi bỗng bảo tôi thế này: “Tập thơ *VKB* hay thật! Anh phải viết một kịch bản phim về nó đi! Tôi biết chỉ có anh là viết được thôi!”

Lạy Trời! So với bao nhiêu người chịu oan khiên cho đến lúc chết mà chẳng ai biết đến, như ông Lê Nguyên Chí trong vụ Nhân văn – Giai phẩm chẳng hạn, thì Hoàng Cầm và tôi thế là còn có phúc lắm! Nhớ lại lời ông CA họ Khổng phán khi tôi cãi rằng nhật ký của tôi để trong nhà, có lưu truyền đâu mà các ông bắt tội? Ông nói ngay: “May cho anh đây! Anh mà lưu truyền thì đi tù không có ngày về”.

Kỷ niệm 25 năm ngày ra tù (30/10/1985 – 2010)

[1] Lê Hoài Nguyên nhớ nhầm là năm 1983

[2] Tôi chỉ còn nhớ vài đoạn, đại khái như sau:

... Các anh bảo chúng tôi

Đi chiến đấu cho ngày mai tươi đẹp

Chúng tôi đi

Vì không sợ chết

Chúng tôi chết

Vì sợ sống hèn

Nhưng sẽ ra sao cái ngày mai ấy?

... Chúng tôi đây

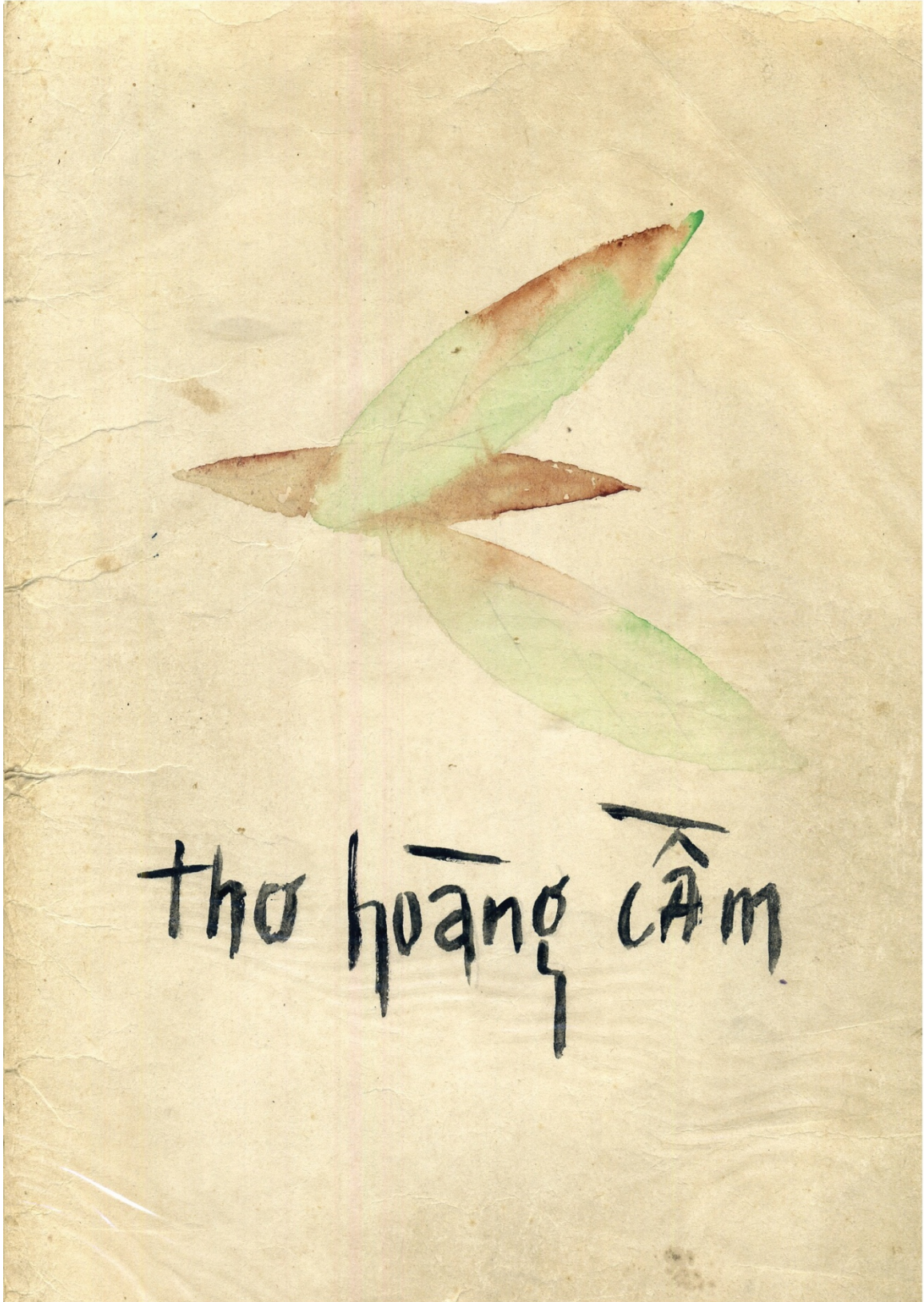
Đều ngoan ngoãn cả

Anh vừa lòng chứ ạ?

Vâng, chúng tôi cứ khoanh tay ngoan ngoãn ngồi nhìn

Sự nặng nề ngu độn của các anh

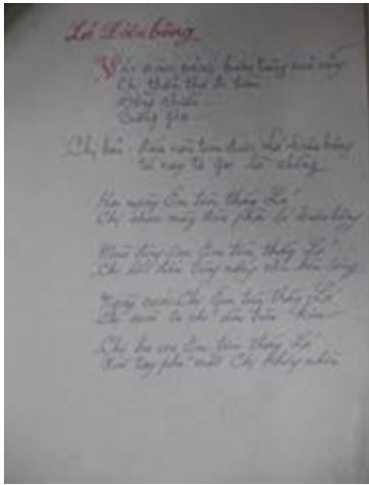
Cứ chậm chậm dìm con tàu xuống biển



Phác thảo bìa thơ Hoàng Cầm do Văn Cao vẽ cho HH

Cước chú cho Vụ án ‘ Về Kinh Bắc’, một sự kiện ‘ hậu Nhân Văn’

Nam Dao Nguyễn Mạnh Hùng



Nhân đọc bài viết của Hoàng Hưng, xin chỉnh cho thật chính xác dăm điều riêng tư: từ vụ án VKB tôi phải đợi 6 năm, đến 1988, mới được về Việt Nam trong một phái đoàn GS Đại Học Canada được Bộ Ngoại Giao tiếp đón. Đến năm 1990, mặc dầu có giấy mời của Viện Nghiên cứu Kinh tế Quản lý Trung ương, về đến Nội Bài thì tôi được lịch sự mời ra... với lý do gì đến nay tôi cũng chưa biết, nhưng đoán là sau khi bức tường Berlin sụp đổ thì phải cấp tốc xây hàng rào bảo vệ Hà Nội. Xin Visa vài lần sau đó mà không được, tôi biết thân mình, nhưng khi Trịnh Công Sơn viết thư nói: "... mình hết thời gian rồi", tôi có gặp bà Đại Sứ Việt Nam thuở đó, xin và được phép về năm 1998. Như vậy, thời gian tôi bị cấm cửa không đến 20 năm như Hoàng Hưng viết: chúng tôi chưa bao giờ kể lể những chuyện này. Nhưng thôi, 20 hay 14, 15 năm thì cũng thế, vù đi một cái là hết kiếp phù sinh.

Cái oái oăm là có những nghịch lý khó chấp nhận: khi Sơn đến Quebec thăm tôi năm 1992, anh biết tôi âm ức, bảo: "... cứ coi họ là những đứa bé nghịch ngợm lấy chân di một đàn kiến...". Ngẫm nghĩ, anh an ủi cả anh lẫn tôi, tiếp: "... nhưng rồi đứa bé ấy cũng phải lớn lên chứ". Lớn lên thế nào không biết, nhưng lớn đủ để chính thức nói một lời xin lỗi những con kiến cày cờ Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm... thì chưa!

Hoàng Hưng nhắc tập VKB có tranh minh họa của Bùi Xuân Phái khiến tôi nhớ đêm Giáng Sinh năm 81. Cùng Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, và Văn Cao đến cà phê Lâm (toét), tôi đã giờ từng tờ, lắng mình trong ánh đèn dầu một tối Hà Nội mất điện. Tập thơ thật đẹp, và Thơ thật hay. Bây giờ, nó lưu

lạc đâu rồi? Sau khi được “phục hồi”, Hoàng Cầm in VKB, giấy đen, mực lem nhem, gửi cho tôi, đề “Gửi em để nhớ một năm đầy oan nghiệt nhưng cũng đầy hạnh phúc”. Kèm VKB, anh cũng gửi tôi tập *Ngựa Biển* của Hoàng Hưng, dặn thơ hay phải đọc. Đấy, cái tội độc nhất của chúng tôi là yêu Thơ. Nhưng có tội, bỏ tù hay bắt lưu đày, cho chúng mày biết tội! Tội của những con kiến... Thế thôi, mà sao vẫn cứ chạnh lòng!

N. M. H.

<http://www.talawas.org/?p=24264>

[i] Chú thích 2015: Trong những dịp qua Pháp từ năm 2000, HH có tìm hiểu về việc ba bài thơ của Hoàng Cầm in ở Pháp trước khi ông bị bắt, thì tất cả các nhà văn, nhà báo người Việt quen biết ở Paris đều khẳng định không có chuyện ấy.

TIỂU SỬ HOÀNG HÙNG

Hoàng Hùng sinh ngày 24.11.1942 tại thị xã Hưng Yên. 1960-1961 tình nguyện lên Tây Bắc phục vụ quân đội (đạy học cho sĩ quan trình độ cấp 2). Tốt nghiệp Khoa văn, Đại học Sư phạm Hà Nội 1965. Dạy văn cấp 3 tại Hải Phòng 1965-1973. Tình nguyện vào Nam phục vụ trong "mặt trận văn nghệ", nhưng ngành giáo dục giữ lại vì là giáo viên giỏi lớp cuối cấp. Phóng viên, biên tập viên báo Người Giáo viên Nhân dân (Bộ Giáo dục) 1973-1982. Bị bắt giam và tập trung cải tạo từ 17.8.1982 đến 30.10.1985 vì tội "lưu truyền văn hoá phẩm phản động" (bản thảo tập thơ Về Kinh Bắc của Hoàng Cầm) và sáng tác, tàng trữ những trang nhật ký bằng văn vần để trong nhà). Sau khi ra tù sống bằng việc dịch sách báo. Từ năm 1987 tiếp tục làm ở nhiều báo khác nhau, cuối cùng là báo Lao động 1990-2003, sau đó về hưu. Đồng sáng lập và có thời gian tham gia BBT tạp chí *Người Đô Thị*. Cộng tác viên nòng cốt của các mạng *talawas.org* và *boxitvn.net*, có thời gian tham gia BBT *talawas* và BBT *boxitvn.net* Đồng sáng lập Ban Vận động Văn đoàn Độc lập Việt Nam và mạng *Văn Việt*, trong BBT *Văn Việt*. Tham gia nhóm Giáo dục Cánh Buồm, khởi xướng và đồng điều hành Tủ sách Tâm lý học Giáo dục Cánh Buồm. Hiện sống tại TPHCM.

TÁC PHẨM:

Thơ: *Đất nằng* (in chung với Trang Nghị, Văn học, Hà Nội 1970); *Ngựa biển* (Trẻ, TPHCM 1988); *Người đi tìm mặt* (Văn hoá Thông tin, Hà Nội 1994); *Ác mộng* (talawas.org 2005); *Hành trình* (Hội Nhà văn, Hà Nội 2005); *36 bài thơ* (Nghệ An 2008); *Tuyển Thơ HH 1961-2005 & Những bài viết về thơ HH* (HHEBOOKS 2012). Một số bài thơ đã được dịch và in tại Pháp, Mỹ, Canada, Đức, Hungary, Hà Lan. 15 bài được chọn vào tuyển *Black Dog, Black Night, Anthology of Contemporary Vietnamese Poetry* (Milkweed Editions, Hoa Kỳ 2008), 2 bài vào tuyển Văn học Thế giới *Litfinder* (tập đoàn xuất bản quốc tế Mc Millan...). Chapbook *Hoang Hung – Poetry & Memoir* 54 bài do Poetry International Poetry San Francisco và Innovent ... in năm 2012.

Văn xuôi: Nhiều bài viết, bài nói chuyện, tiểu luận, nghiên cứu về Thơ và về văn hóa nghệ thuật trên báo, tạp chí, đài phát thanh trong và ngoài nước. Tuyển tập *Những bài viết về thơ* (HHEBOOKS 2012), *Viết về Mỹ thuật* (HHEBOOKS 2012).

Dịch thuật:

Thơ: *100 bài thơ tình thế giới* (cùng dịch và chủ biên, Vũng Tàu-Côn Đảo, 1988); *Thơ Federico Garcia Lorca* (Lâm Đồng 1988); *Thơ Pasternak* (cùng dịch với Nguyễn Đức Dương, TPHCM, 1988); *Thơ Apollinaire* (Hội Nhà văn, Hà Nội 1997); *Các nhà thơ Pháp cuối TK XX* (Hội Nhà văn, Hà Nội 2002); *15 nhà thơ Mỹ TK XX* (cùng dịch, tổ chức bản thảo, Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004); *Lên đường rồi lại lên đường, thơ Andre Velter* (Hội Nhà Văn, Hà Nội 2008); *Aniara, trường ca Harry Martinson* (Lao Động, Hà Nội 2012); *Thơ Allen Ginsberg* (HHEBOOKS 2012), *Bài hát chính tôi – Walt Whitman* (Hội Nhà văn, Hà Nội 2015).

Văn xuôi: Dịch rất nhiều bài báo, tiểu luận, truyện ngắn... in trên các báo và tạp chí. Tiểu thuyết: *Mowgli Người-sói* (*The Jungle Book*, Rudyard Kipling, Trẻ, TPHCM 1988, 1989, 1999); *Người đàn bà lạ lùng* (*De guerre lasse*, Françoise Sagan, cùng dịch với Nguyễn Lâm, Văn học, Hà Nội 1990); *Đồ vật* (*Les choses*, Georges Perec, Hội Nhà văn, Hà Nội 1999).

Sách Tâm lý học, quan trọng nhất là 3 cuốn của Jean Piaget: *Sự ra đời trí khôn ở trẻ em*, *Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em*, *Sự xây dựng cái thực ở trẻ em* (NXB Tri thức, Hà Nội 2014, 2016, 2017)

HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC QUỐC TẾ:

1999: đọc thơ (tác giả vắng mặt vì không được phép xuất ngoại) tại Nhà Văn hoá Thế giới Berlin. 2000: lưu trú dịch thuật tại Paris (Bộ Văn hoá Pháp tài trợ); trao đổi về dịch thơ Apollinaire tại lớp Việt Nam học, Đại học Paris 7. 2002: tổ chức dịch 4 nhà thơ Việt Nam cho tạp chí *Europe* (Paris), và 12 nhà thơ Việt Nam cho tạp chí *Action Poétique* (Paris); đề cử các nhà thơ Việt Nam tham dự Liên hoan Thơ Quốc tế Val-de-Marne, Pháp, lần VII. 2003: nói chuyện về "Hiện đại hoá thơ Việt Nam" tại Trung tâm Đông Nam Á, Đại học Washington, Seattle, Hoa Kỳ; đọc thơ tại Chicago (chương trình "Đọc thơ mùa Xuân" của Columbia College Chicago); 2005: Đọc thơ tại Khoa Viết văn và Trung tâm Thơ, San Francisco State University (tài trợ của Poetry Foundation); trao đổi về tập thơ *Ác mộng* tại Lớp Nghiên cứu Văn học Việt Nam, Đại học Berkeley; đọc thơ tại „Vietnam Kongress 2005“, nhà hát Volksbühne, Berlin. 2006: Đêm thơ Hoàng Hưng tại Viện Goethe Hà

Nội. 2007: Tham luận và đọc thơ tại Hội nghị Pen Club International khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Hong kong. 2008: Đêm thơ “Cha và con và thơ” (Hoàng Hưng & Hoàng Ly) tại l’Espace Hà Nội; lưu trú dịch thuật tại New York (tài trợ của Ford Foundation và OMI). 2009: Lưu trú dịch thuật tại Paris (Bộ Văn hóa Pháp tài trợ). 2010: Đọc thơ với độc giả Thư viện Thụy Điển qua Internet. 2012: “Echoes of Vietnam” Đêm thơ Hoàng Hưng và các bạn tại Santa Cruz, Hoa Kỳ.

Liên lạc: email: ndtm42@gmail.com

CÁC TÁC GIẢ CÓ BÀI/TRANH TRONG SÁCH

Allen Ginsberg (1926-1997):

Nhà thơ Mỹ được coi như người phát ngôn của “Thế hệ Beat” những năm 1960. Nổi tiếng với trường ca “Hú” (Howl) năm 1955. Viện sĩ Viện Hàn lâm Văn chương & Nghệ thuật Hoa Kỳ. Nhạc sĩ rock và ca sĩ nổi tiếng Bob Dylan nói: “Ginsberg có thể là ảnh hưởng mạnh mẽ duy nhất đối với giọng thơ Mỹ kể từ sau Whitman”

Camille Dungy:

Nhà thơ (nữ) Mỹ, GS khoa Viết văn, San Francisco State University

Châu Diên:

Nhà văn, đồng thời là dịch giả và nhà giáo dục Phạm Toàn, Hà Nội, VN

Bùi Kim Anh:

Nhà thơ, Hà Nội, VN

Đặng Xuân Hòa:

Họa sĩ, Hà Nội, VN

Hoàng Cầm (1922-2010):

Nhà thơ, một trong những nhân vật chủ chốt của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm những năm 1950 ở Hà Nội, VN

Hoàng Ngọc Biên:

Họa sĩ, nhà thơ, dịch giả, hiện sống ở Hoa Kỳ

Hoàng Vũ Thuật:

Nhà thơ, Quảng Bình, VN

Lê Phú Khải:

Nhà báo, Saigon, VN

Lê Hồ Quang:

TS Văn học, Nữ giảng viên Đại học Vinh, VN

Lê Tâm:

TS Văn học, Nữ giảng viên ĐH KHXHNV TPHCM, VN

Lê Thiết Cương:

Họa sĩ, Hà Nội, VN

Marie Etienne:

Nhà thơ (nữ) Pháp, BTV báo *Aujourd'hui Poeme*, Paris

Ngân Xuyên (Phạm Xuân Nguyên):

Nhà phê bình văn học, dịch giả, Hà Nội, VN

Ngô Văn Phú:

Nhà thơ, nguyên Giám đốc NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, VN

Nguyễn Đức Tùng

Nhà thơ, phê bình thơ, dịch giả, Canada

Nguyễn Hữu Đang (1913-2007):

Nhà hoạt động chính trị xã hội, được coi là thủ lĩnh chính trị của báo *Nhân Văn*, Hà Nội, VN

Nguyễn Quốc Trụ:

Nhà văn hiện sống tại Hoa Kỳ

Nguyễn Thị Minh Thái:

PGS TS Văn hóa học, trường ĐH KHXHNV H Nội, VN

Nguyễn Thụy Kha:

Nhà thơ, nhạc sĩ, Hà Nội, VN

Nguyễn Việt Chiến:

Nhà thơ, nhà báo, Hà Nội, VN

Nhật Lệ:

Nhà thơ, nhà báo, TPHCM, VN

Paul Hoover:

Nhà thơ Mỹ, GS khoa Việt Văn, San Francisco State University, Đồng Chủ biên tạp chí *New American writing*

Phong Lê:

Nhà phê bình nghiên cứu văn học, Viện trưởng Viện Văn học, Hà Nội, VN

Robert Creeley (1926-2005):

Nhà thơ Mỹ. Người sáng lập tạp chí văn chương *Black Mountain Review* Mountain College (bang North Carolina). Đồng chủ tịch Hội Các Nhà Thơ Mỹ (Chancellor of the Academy of American Poets) năm 1990. Thi Khôi (Poet Laureate) 1999-2001 của bang New York.

Tam Lệ:

Nhà thơ, nhà báo VN

Thanh Thảo:

Nhà thơ, nhà phê bình thơ, Quảng Ngãi, VN

Thụy Khuê:

Nhà nghiên cứu phê bình văn học, BTV Đài phát thanh RFI tiếng Việt, Paris, Pháp

Trần Lương:

Họa sĩ, Hà Nội, VN

Trần Thiếu Bảo ():

Nguyên giám đốc NXB Minh Đức-Thời Đại, người xuất bản báo *Nhân Văn* và các tập san *Giai Phẩm* những năm 1950 ở Hà Nội

Vân Long:

Nhà thơ, Hà Nội, VN

Vũ Quần Phương:

Nhà thơ, nhà phê bình thơ, Hà Nội, VN

MỤC LỤC

Thư bạn đọc	tr. 4
Thơ 1961-2005	5
- Đất nấng	6
- Ngựa biển	27
- Người đi tìm mặt	70
- Ác mộng	93
- Hành trình	127
Viết về thơ HH	193
Phụ lục	303
- Thơ HH bản tiếng Anh	
- HH trong mắt bạn bè	
- Trả lời phỏng vấn	
- Vụ án « Về Kinh Bắc »	
- Tiểu sử	

Trình bày bìa: Phạm Ngọc Lan
Phụ bản: Hoàng Ngọc Biên, Đặng Xuân Hòa, Trần Lương, Lê Thiết Cương,
Trần Thiếu Bảo.

HHEBOOKS 2012
Bổ sung 2017

